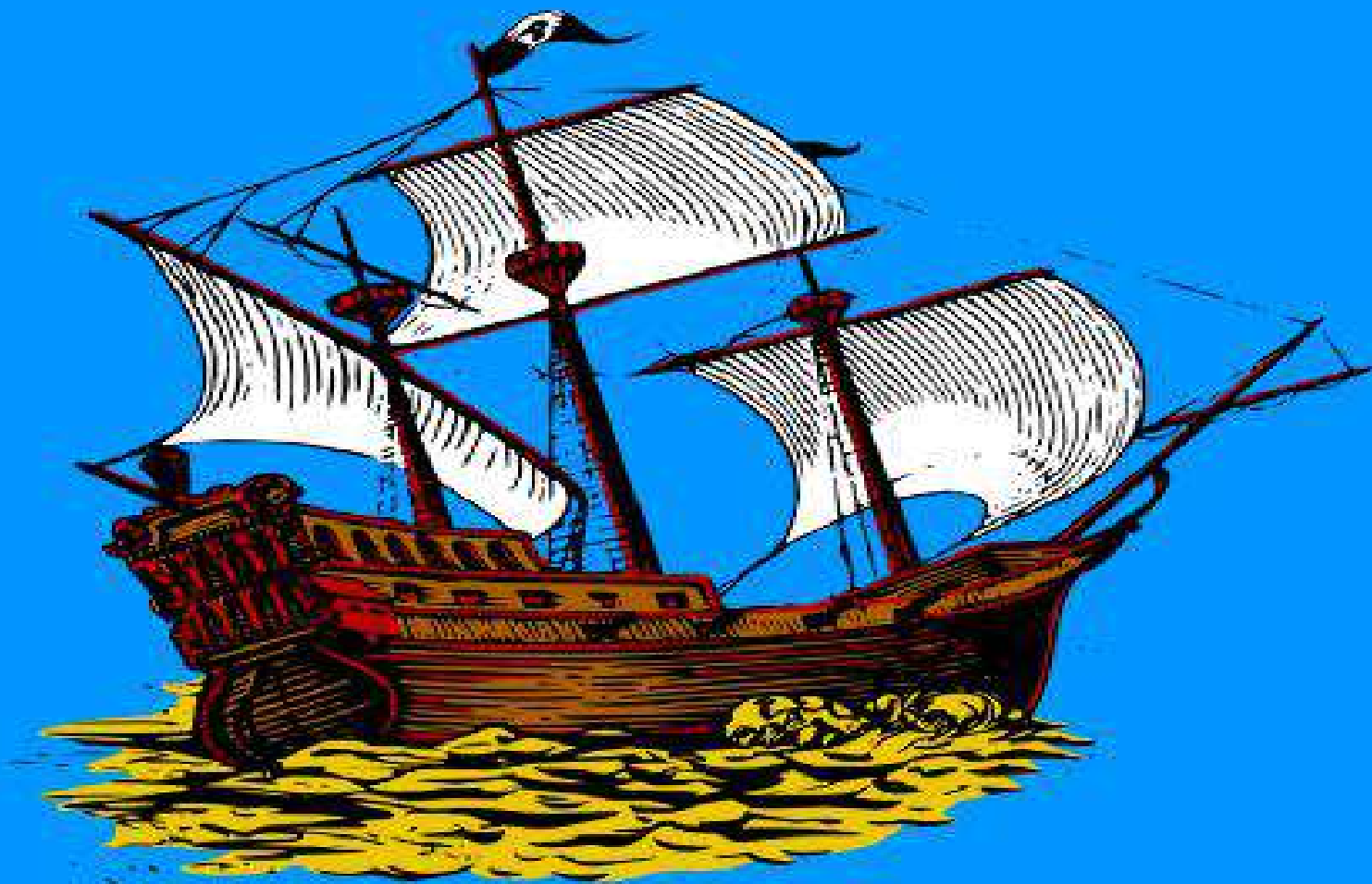


ROBERT LOUIS STEVENSON

BẮT CỐC

Ebofic



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TP.HCM

Tác phẩm: **Bắt cóc**
Nguyên tác: **Kidnapped**
Thể loại: **Tiểu thuyết**
Tác giả: **Robert Louis Stevenson**
Dịch giả: **Đỗ Minh Đạo**
dịch từ tiếng Đức *Entführt*
nhà xuất bản Neues Leben, Berlin, 1985
Nhà xuất bản: **Trẻ TP.HCM**
Năm xuất bản: **1992**



Dự án Ebolic #69

Chụp sách: **Thanhbt, Silence00**

Đánh máy: **Tornad**

Soát lỗi: **Tornad, Minh Trang**

Điều hành & xuất bản: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **11/9/2018**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: EbolicEbook@gmail.com

Group: Facebook.com/groups/ebolic

Fanpage: Facebook.com/EbolicEbook

MỤC LỤC

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Chương 1: CUỘC CHIA TAY

Chương 2: KẾT THÚC CUỘC HÀNH TRÌNH

Chương 3: TÔI LÀM QUEN VỚI BÁC TÔI

Chương 4: TÔI MẮC VÀO MỘT NGUY CƠ LỚN TRONG NGÔI NHÀ HỌ SHAWS

Chương 5: TÔI CÙNG ÔNG BÁC ĐI RA PHÀ

Chương 6: TÔI THẤY GÌ Ở TRONG VỊNH

Chương 7: TÀU COVENANT OF DYSART RA KHƠI – TÔI Ở TRÊN BOONG

Chương 8: TÔI CHUYỂN SANG PHÒNG NGỦ

Chương 9: NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÓ DÂY LƯNG BẰNG VÀNG

Chương 10: PHÒNG TRÊN TÀU BỊ BAO VÂY

Chương 11: VIÊN THUYỀN TRƯỞNG NHƯỢNG BỘ

Chương 12: ALAN KỂ VỀ CON CÁO ĐỎ

Chương 13: CHIẾC TÀU BUỒM MẮC CẠN

Chương 14: HÒN ĐẢO TRO TROI

Chương 15: TÔI ĐI QUA ĐẢO MULL VỚI CHIẾC KHUY BẠC CỦA ALAN

Chương 16: TÔI LỘI BỘ QUA VÙNG MORVEN VỚI CHIẾC KHUY BẠC CỦA ALAN

Chương 17: CÁO ĐỎ CHẾT

Chương 18: TRONG RỪNG LEHERMORE

Chương 19: NGÔI NHÀ CỦA NỖI SỢ HÃI

Chương 20: CHẠY TRỐN TRONG RỪNG GIỮA NHỮNG VÁCH ĐÁ

Chương 21: HANG ĐỘNG CORRYNAKIEGH

Chương 22: TRONG ĐÀM LẦY

Chương 23: LÒNG CỦA CLUNY

Chương 24: CHẠY TRỐN QUA RỪNG NÚI – CUỘC CẢI VÃ

Chương 25: Ở BALQUIDDER

Chương 26: CHẤM DỨT CUỘC CHẠY TRỐN – CHÚNG TÔI VƯỢT FORTH

Chương 27: TÔI TÌM ĐẾN NGÀI RANKEILLOR

Chương 28: TÔI GIÀNH QUYỀN THỪA KẾ CỦA MÌNH

Chương 29: TÔI VỀ VƯƠNG QUỐC CỦA MÌNH

Chương 30: CHIA TAY VỚI ALAN

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Robert Louis Balfour Stevenson là nhà văn – nhà thơ nổi tiếng của Scotland, ông chuyên viết tiểu thuyết về những cuộc phiêu lưu theo xu hướng hiện thực, cũng như những chuyện ngắn giàu tính nghệ thuật và trí tưởng tượng. Các tác phẩm của ông đã được dịch ra rất nhiều tiếng trên thế giới.

Các mốc chính trong tiểu sử của ông:

Sinh ngày 13-11-1850 ở Edinburgh, là con của một kỹ sư hàng hải.

Năm 1867: Bắt đầu học đại học kỹ thuật ở Edinburgh, nhưng sau đó phải bỏ học và chọn nghề khác vì bị bệnh lao.

Năm 1875: Làm nghề biện hộ, sau đó làm nhà văn. Để dưỡng bệnh, ông đã đi đến những vùng khí hậu ôn hòa.

Năm 1878: Viết *Cuộc hành trình qua đất nước* (ghi chép về chuyến đi thuyền qua Bỉ về Pháp).

Năm 1879: Viết *Hành trình đến Cevennen trên lưng lừa*.

Năm 1883: Viết *Đảo châu báu* (đã dịch ra tiếng Việt).

Năm 1884: Viết *Kẻ cướp xác chết*.

Năm 1886: Viết *Trường hợp hiểm có của tiến sĩ Jekyll và ngài Hyde* và *Cuộc phiêu lưu của David Balfour: Bắt cóc*.

Năm 1888: Dừng chân cho đến cuối đời trên đảo Samoa ở Biển Nam. Viết *Mũi tên đen*.

Năm 1888/89: Viết *Địa chủ Ballantrae*.

Năm 1891: Viết *Quý sứ chai lọ*.

Năm 1892: Viết *Một chú giải cho lịch sử: 8 năm hỗn loạn ở Samoa*.

Năm 1892/93: Viết *Cuộc phiêu lưu của David Balfour: Catriona*.

Năm 1893: Viết *Chiến tranh ở Samoa*.

Ngày 3-12-1894: Stevenson tử trần trên đảo Samoa.

Chương 1: **CUỘC CHIA TAY**

Tôi khóa cửa ngói nhà của bố mẹ và rút chìa khóa ra. Khi tôi đi dọc theo con đường làng thì những tia nắng đầu tiên bắt đầu chiếu lên đỉnh núi, và khi tôi đến nhà của mục sư, những con cuốc trong các bụi mộc đình hương bắt đầu kêu, sương mù buổi sớm trong thung lũng đang bốc lên cao và tan dần.

Ông Campbell, mục sư vùng Essendean, chờ tôi ở cổng vườn. Ông già vui tính hỏi tôi đã ăn sáng chưa và khi biết tôi đã no nê rồi, bằng một cử chỉ nhẹ nhàng, ông cầm tay tôi kéo đi và nói:

— Thế thì, Davie của Cha, Cha sẽ đưa con đến quãng suối ngầm để con khỏi lạc đường.

Chúng tôi đi yên lặng bên nhau. Một lúc sau ông hỏi:

— Con không muốn rời Essendean phải không?

— Ồ, thưa Cha – Tôi trả lời – Nếu con biết cái gì sẽ xảy ra với con, con sẽ có câu trả lời thành thật. Essendean không phải là nơi xấu và con đã sống rất hạnh phúc ở đây. Nhưng con không biết gì khác hơn. Vì cha mẹ con đã mất rồi, cho nên, với con Essendean cũng không gần gũi hơn, chẳng hạn như vương quốc Hungari. Vâng, thành thật mà nói, nếu con biết ở nơi con sẽ đến cuộc sống sẽ tốt hơn thì con rất sung sướng lên đường.

— Thế thì, Davie ạ, Cha rất vui mừng nói trước cho con biết tương lai sẽ đem lại gì cho con, ít nhất là những gì cha biết.

Khi mẹ con mất và cha con, một người công giáo gầy gò, bắt đầu ốm yếu và cảm thấy ngày tận thế của ông ấy đang đến gần, ông đã gửi cho Cha một bức thư tin cẩn, mong muốn trình bày việc thừa kế “khi tôi không còn nữa” – Cha con nói – “nếu ngôi nhà đã mua xong và đã có chủ quyền”, việc này con đã hoàn tất trong thời gian vừa qua, Davie ạ. “thì hãy đưa cho con trai tôi bức thư này và gửi nó về ngôi nhà của họ Shaws năm không xa

Cramond. Đó là quê hương tôi, và con trai tôi trở về đó là hoàn toàn chính đáng. Nó là một đứa bé ngoan”. – Cha con còn nói thêm “Nó sẽ làm tốt mọi việc và tôi tin rằng nó sẽ cảm thấy hạnh phúc ở đó và mọi người sẽ yêu quý nó”.

— Ngôi nhà của họ Shaws? – Tôi kêu lên – Cha con định làm gì với ngôi nhà này?

— Bây giờ, Davie ạ, không ai có thể nói chính xác điều này. Nhưng cái tên họ đó cũng là họ con đang mang – Baffour of Shaws – một dòng họ lâu đời, danh giá và vinh hiển, có lẽ những năm cuối hơi thất thế một chút – cha con cũng là người hiểu biết nhiều, xứng đáng với nguồn gốc của mình. Không giáo viên nào có thể dạy tốt như ông. Ngay cả phong cách và lối thể hiện của ông cũng không phải là của một giáo viên thông thường. Chắc con còn nhớ, Cha đã hài lòng như thế nào khi đưa ông tới gặp những tinh hoa của vùng này và những người thân thuộc của Cha như Campbell of Kidrennet, Campbell of Dunswire, Campbell of Minch... Toàn những người thông thái, đã sung sướng đón tiếp ông. Nhưng để hiểu biết mọi chi tiết, con hãy cầm lấy bức thư của người cha quá cố đã tự tay viết.

Ông đưa cho tôi bức thư, trên phong bì đề rõ: chuyển cho Ebenezer Balfour, chủ ngôi nhà họ Shaws qua con trai tôi là David¹ Balfour.

Tim tôi đập liên hồi khi triển vọng này mở ra trước mắt tôi – một cậu bé 17 tuổi, con của một giáo viên nghèo vùng rừng núi Ettrik.

— Thưa ngài Cambell. – Tôi ấp úng – Ở địa vị con, Cha có đi tới đó không?

— Tất nhiên là có. – Vị mục sư nói – Chắc chắn Cha sẽ làm điều đó và không chần chừ. Một chàng trai nhanh nhẹn như con cần nhiều lắm là hai ngày để đi đến Cramond, không xa Edinbourgh. Nếu xảy ra chuyện nghiêm trọng nhất trong những chuyện nghiêm trọng là họ hàng con, lại đẩy con ra ngoài trời thì con cũng chỉ cần hai ngày nữa để quay lại đây và gõ cửa nhà Cha. Nhưng Cha hy vọng là con sẽ được đón tiếp chu đáo vì như người cha yêu quý của con đã dự đoán và như Cha hiểu về con, con có cái để trở thành

người quan trọng. Và bây giờ, Davie của Cha. – Vị mục sư tiếp – Cha coi là nghĩa vụ của mình và ý thức thúc đẩy Cha làm việc này là trước lúc chia tay, phải nhắc nhở con về những mối hiểm nguy của thế giới này.

Hãy nhường nhịn trong những việc không quan trọng, Davie ạ. Con đừng quên là mặc dù sinh ra ở một gia đình quý phái nhưng con được nuôi dưỡng một cách đơn gian ở nông thôn. Đừng làm ta phải hổ thẹn, Davie ạ. Đúng, đừng làm ta phải hổ thẹn! Trong ngôi nhà lớn và đẹp đẽ với rất nhiều người hầu hạ, lớn hoặc nhỏ con phải luôn tử tế, trân trọng, nhanh nhẹn và yên lặng tới mức có thể. Còn cái gì liên quan đến chủ nhân – con phải nghĩ ông ấy là ông chủ – Cha không cần nói thêm gì với con. Nghe lời ông chủ là một niềm vui, ít ra thì cũng đối với những người trẻ tuổi.

— Vâng, thưa cha. Điều đó chắc là đúng và con hứa sẽ làm như vậy.

— Rất giỏi, cậu bé ạ – Ông Campbell sung sướng kêu lên.

Tất nhiên là tôi cười, nhưng không phải cười thoải mái mà tôi phải cười cố gắng ngăn nước mắt. Tôi cảm thấy sung sướng khi buộc gói đồ của mình vào gậy và vác lên vai bước qua chỗ suối cạn đối diện với một quả đồi. Khi tới con đường mọc đầy cỏ dại ở giữa đồng, tôi nhìn lại lần cuối nóc nhà thờ Essendean, nhìn lại lùm cây che lấp nhà tôi và nhìn lại những cột cao của nghĩa địa, nơi bố mẹ tôi đã nằm lại.

Chương 2: **KẾT THÚC CUỘC HÀNH TRÌNH**

Vào buổi sớm ngày thứ hai, khi tới một ngọn núi, tôi nhìn thấy bình nguyên thấp dần chạy dài tới bờ biển, ở khoảng giữa đường dốc núi là thành phố Edinburgh đang nhả khói như một lò than. Trên đỉnh tháp của lâu đài phấp phới một lá cờ và trong vịnh có nhiều tàu thủy đang bỏ neo hoặc chạy vào hoặc rời cảng. Mặc dù còn cách xa, tôi vẫn nhìn rõ tất cả điều đó và trái tim tôi, trái tim của một cậu bé đồng quê, đã đập nhanh hơn.

Mặt trời bắt đầu lặn, lúc đó tôi gặp một bà béo mập trông có vẻ phiền muộn, đang mệt mỏi xuống núi. Khi tôi hỏi thăm, bà quay gót kéo tôi lên đỉnh núi nơi bà vừa mới rời đi và ở đó chỉ cho tôi một công trình xây dựng đồ sộ nhô lên ở một vị trí không cây cối trong thung lũng. Vùng xung quanh có những đồi cây và suối trông khá đẹp. Tôi đánh giá vùng đất này phải cho ta mùa màng tươi tốt. Nhưng ngôi nhà thì trông như một đồng đồ nát, hình như chẳng có đường đi tới đó, không có chút khói nào trên ống khói. Không có gì trông có vẻ là vườn cả.

Tim tôi muốn ngừng đập.

— Đó là ngôi nhà họ Shaws à? – Tôi kêu lên.

Mặt người đàn bà trở nên giận dữ:

— Đúng, đó là ngôi nhà họ Shaws – Bà đáp lại – Nó được xây bằng máu. Máu làm gián đoạn việc xây dựng và máu sẽ phá hủy nó. Ta nhổ vào cái nhà đó, ta nguyện rửa nó. Nếu cậu gặp tay chủ nhà, hãy nhắc lại những điều ta nói với cậu: Jennet Clouston nguyện rửa một ngàn hai trăm mười chín lần hăn và ngôi nhà của hăn, chuồng trại, súc vật, vợ con hăn. Thật đáng sợ, tất cả phải chấm dứt thôi.

Và người đàn bà vừa ca bài hận ca đó bỗng nhiên quay gót và biến mất. Tôi đứng đó, tóc dựng đứng.

Thời đó con người còn tin có phù thủy và sợ nó. Những lời gớm ghiếc của bà già tác động vào tôi như một sự báo trước không hay ho gì. Tôi không biết làm gì và cảm thấy hai đầu gối muốn sụm xuống.

Sau cùng tôi ngồi xuống và nhìn xuống thung lũng vào ngôi nhà họ Shaws. Càng nhìn lâu tôi càng thấy xung quanh dễ chịu hơn. Khắp nơi trên mặt đất ánh lên những bông hoa trắng của các bụi gai, không biết bao nhiêu cừu đang chuyển động như những chấm trắng trên đồng cỏ. Một bầy quạ khoang bay ở bên trên. Tất cả cái đó là dấu hiệu của mảnh đất phì nhiêu ở một góc của thế giới. Chỉ có cảnh hoang tàn của ngôi nhà giữa phong cảnh đẹp này làm tôi khó chịu.

Trong khi tôi ngồi đó, ở bên rừng thì những người nông dân từ cánh đồng đi lên ngang qua nhưng tôi không còn dám chào họ nữa.

Cuối cùng mặt trời lặn hẵn và bây giờ tôi nhìn thấy trên bầu trời màu vàng cột khói bay lên từ ống khói của ngôi nhà, mỏng manh như khói một ngọn nến. Nhưng dấu sao điều đó cũng có nghĩa là có lửa, có nhiệt, một bữa ăn và một con người đang sống – con người đã châm lửa – đó là điều an ủi.

Tôi đứng lên và đi tiếp về phía ngôi nhà theo một con đường nhỏ rất khó nhận ra. Con đường khó đi, nhưng không có đường nào khác.

Cuối cùng tôi đến chỗ hai cái cột đá, bên cạnh là một chòi bảo vệ, một cái lều không mái, trên cửa có tấm huy hiệu. Chắc đây là cổng chính nhưng mới xây xong một nửa. Thay vào cái cổng sắt thông thường, tôi chỉ nhìn thấy một cánh cửa gỗ buộc lộn xộn bằng một sợi dây thừng. Cũng không có rào chắn, không có lối vào, không có gì ngoài một lối mòn mà tôi vừa đi qua nằm bên phải cột đá. Tôi tiếp tục đi về phía ngôi nhà.

Càng đến gần, ngôi nhà càng làm tôi hết hứng thú. Nó trông tựa đầu hồi của một ngôi nhà không bao giờ xây xong cả, với bậc thềm, cầu thang và những bức tường dở dang. Rất nhiều cửa sổ không có kính, những con dơi bay ra, bay vào như chim cu bay bầy.

Trời đã rất tối khi tôi đến sát ngôi nhà. Qua ba cửa sổ đặt khá cao, rất hẹp và có chấn song ở tầng dưới người ta có thể nhìn thấy một ngọn lửa cháy

bập bùng.

Chẳng lẽ đây là cái lâu đài mà tôi phải lặn lội từ rất xa mới tới được? Chẳng lẽ tôi cần tìm trong những bức tường tang thương này những người bạn mới, và sẽ tìm được hạnh phúc tương lai? Nếu là nhà cha mẹ tôi thì từ xa một dặm người ta đã thấy ánh bếp lửa và ánh sáng của nến rồi, còn cửa thì luôn luôn mở đón khách kể cả khi một người ăn xin tới.

Tôi tiếp tục lần mò thận trọng và lắng nghe căng thẳng trong bóng đêm. Tôi nhận ra thỉnh thoảng có người nào đó ho khan, có tiếng bát đĩa lách cách. Nhưng tôi không thấy tiếng ai nói cả. Không có cả tiếng chó sủa.

Tôi nhận ra trong bóng tối cửa ra vào bằng gỗ mộc và được đóng đinh khắp nơi. Tôi ngần ngại giơ tay và gõ một lần duy nhất vào cánh cửa. Sau đó tôi chờ. Trong nhà yên lặng như chết. Một phút trôi qua, không có động tĩnh gì, chỉ có lũ dơi vỗ cánh trên đầu. Tôi lại gõ cửa và lắng nghe. Dần dần tai tôi quen với yên lặng nên tôi nghe được tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ ở trong nhà. Giây phút trôi qua. Nhưng người nào đó trước đây ở trong nhà bây giờ câm lặng như hến, có lẽ anh ta còn nín thở nữa.

Tôi không biết có nên đi khỏi đây không nhưng sự giận dữ đã thắng và tôi dùng năm tay và chân đập vào cửa và gọi to tên ông Balfour.

Ngay khi tôi còn đang đập cửa thì nghe thấy ai đó ho ở trên lầu. Nhảy lùi lại, tôi nhìn thấy trên cửa sổ tầng một, đầu của một người đàn ông với chiếc khăn trùm lớn, bên cạnh đó là một họng súng chĩa vào tôi.

— Hãy coi chừng, súng đã nạp đạn đấy nhé – Một giọng hét lên ở phía trên.

— Tôi mang đến một bức thư – Tôi nói – cho ông Ebenezer Balfour of Shaws. Ông ấy có ở đây không?

— Thư của ai? – Người cầm súng hỏi.

— Điều đó không quan trọng – Tôi đáp lại, lúc đó tôi càng ngày càng cău giận.

— Được. Mà có thể để thư ở cạnh cửa và rút khỏi đây.

— Tôi không nghĩ vậy. Tôi phải đưa thư đến tận tay ngài Balfour, đó là yêu cầu của người viết. Đó là một bức thư giới thiệu.

— Cái gì? – Một giọng hỏi thô bạo.

Tôi nhắc lại:

— Thư giới thiệu.

— Còn mà, mà là ai? – Sau một lúc lâu, ông ta hỏi.

— Tôi không xấu hổ vì tên của mình đâu – Tôi đáp – Tôi là David Balfour.

Tôi có cảm giác khi nghe những từ ấy, người đàn ông trên cửa sổ giật thót mình, có tiếng khẩu súng va vào mái nhà. Sau một lúc yên lặng khá lâu nữa là câu hỏi tiếp, giọng đã thay đổi.

— Bố mà không còn nữa phải không?

Tôi bị hẫng vì sự thay đổi đột ngột đó nên một lúc lâu không trả lời được mà chỉ ngạc nhiên nhìn lên trên.

— Thế nào, làm sao vậy? Có lẽ ông ta đã chết vì vậy mà đứng đó đập cửa nhà tao!

Lại yên lặng. Và sau đó.

— Thôi được, thẳng bé. Tao cho mà vào.

Và cái đầu biến khỏi cửa sổ.

Chương 3: **TÔI LÀM QUEN VỚI BÁC TÔI**

Ngay sau đó có tiếng lạch cạch của xích sắt và chốt ở phía sau cửa. Cửa được mở ra rất thận trọng và ngay sau khi tôi vào nhà, nó được đóng lại liền.

— Đi vào bếp đi nhưng đừng mó vào nó – Một tiếng nói trong bóng tối. Trong lúc cửa đang được chốt lại và khóa an toàn bằng xích thì tôi lần mò trong bóng tối về phía bếp.

Lửa cháy trong bếp lò chiếu sáng căn phòng lạnh lẽo nhất mà tôi chưa từng thấy. Trên cái giá sát tường có độ nửa tá đĩa, trên bàn là một đĩa xúp lúa mạch của bữa tối, phía trước là một vai bia loãng đặt bên cạnh một cái thìa bằng sừng. Ngoài ra, dưới cái vòm to bằng đá này chỉ có một số hòm được khóa kín ở sát tường và một cái tủ góc với một ổ khóa lớn.

Khi người đàn ông vừa cho tôi vào nhà khóa xong cửa, ông ta cùng đi với tôi vào bếp. Thân thể nhỏ bé, vai hẹp của ông không có gì đáng chú ý, mặt ông ta có vết bần. Thật khó đoán tuổi ông ta, có thể từ năm mươi đến bảy mươi. Mũ cũng như áo khoác của ông ta bằng vải thô, trùm lên một cái áo sơ mi nhàu nát. Có lẽ lâu lắm rồi ông ta không cạo râu. Nhưng cái làm tôi bất cứ và ngại nhất là cái cách nhìn trân trân vào tôi, nhưng lại không nhìn trực tiếp vào mặt. Thật là khó nói về nghề nghiệp và xuất xứ của con người này. Điều tôi đoán đầu tiên chắc ông ta là một nô bộc già, kiệt sức, ở lại đây lúc già và trông coi ngôi nhà.

— Mà có đói không? – Ông ta hỏi và nhìn vào đầu gối tôi – Mà có thể ngốn cái món xúp lúa mạch này.

Tôi nói rằng đó đâu phải là bữa ăn tối.

— À, tao có thể nhịn món đó. Tao sẽ uống bia, nó sẽ làm tao hết khát và đỡ ho.

Ông ta uống hết một nửa vai bia và tiếp tục nhìn tôi từ phía bên. Bỗng nhiên ông ta đưa tay ra:

— Đưa xem bức thư nào! – Ông ta nói.

Tôi đáp lại rằng bức thư này không gửi cho ông mà gửi cho ngài Balfour.

— Thế mà nghĩ tao là ai? – Ông ta hỏi – Hãy đưa bức thư của Alexander đây!

— Ông cũng biết tên cha tôi à? – Tôi ngạc nhiên kêu lên.

— Thật là nực cười nếu tao không biết ông ấy. – Người đàn ông đáp – Vì ông ta là em ruột tao và dù mà có đánh giá thấp tao, ngôi nhà và món xúp lúa mạch của tao, thì tao cũng là bác ruột mà và mà là cháu ruột tao. Thôi, đưa bức thư đây, Davie. Rồi ngồi xuống và nhét cái gì vào bụng đi.

Nếu tôi trẻ hơn vài tuổi chắc tôi đã gào lên vì xấu hổ, mệt mỏi và thất vọng. Tôi không tìm được lời đáp lại, cả những lời tốt đẹp, lẫn những lời thô bạo mà chỉ đưa cho ông bác bức thư và ngồi xuống trước cái đĩa xúp lúa mạch một cách không hứng thú mà đúng ra một người trẻ tuổi sau một cuộc hành trình dài như vậy phải có.

Trong lúc đó, bác tôi ngồi bên lò sưởi, hơi cúi xuống và xoay đi xoay lại bức thư trên tay.

— Mà có biết trong thư viết gì không? – Bỗng nhiên ông ta hỏi.

— Ông tự thấy mà, thưa ngài. Dấu niêm phong còn nguyên.

— Đúng – Ông ta nói – nhưng cái gì dẫn mà tới đây?

— Nhiệm vụ giao bức thư đến tay ông.

— Không phải. – Ông ta sốt ruột nói – Chắc là mà hy vọng một cái gì đó.

— Tôi công nhận, thưa ngài. Khi tôi nghe thấy có họ hàng giàu có, tôi hy vọng có lẽ người ta sẽ giúp tôi chút ít trong cuộc sống. Nhưng tôi không phải kẻ ăn xin và không cần xin ngài lòng từ thiện. Tôi cũng không cần

những thứ không xuất phát từ lòng tốt, bởi vì tuy nghèo, tôi cũng có những bạn bè sẵn sàng giúp đỡ tôi.

—Ồ! chuyện nhảm nhí – Bác Ebenezer nói – Đừng có xúc động như vậy, cậu bé ạ. Chúng ta sẽ thỏa thuận được mà. Nếu mày no rồi, David ạ, tao sẽ tu nốt phần xúp còn lại.

Vừa đẩy tôi sang một bên, giật cái thìa khỏi tay tôi, ông ta nói tiếp:

— Xúp lúa mạch bổ và cũng ngon nữa.

Ông lăm bắm cái gì đó giống như lời cầu nguyện và cúi đầu trên đĩa xúp:

— Tao có thể hiểu ra là cha mày chưa bao giờ đủ ăn cả, đúng là một người luôn luôn không no. Còn tao, ngược lại, luôn luôn phải loanh quanh với thức ăn.

Ông ấy uống một ngụm bia loãng. Có lẽ lúc đó nghĩ đến nghĩa vụ là chủ nhà, nên ông ta nói:

— Nếu mày khát, có một ca nước ở ngay cửa đấy.

Tôi không trả lời. Tôi đứng trơ ở đó và đánh giá bác mình với lòng căm giận trong tim. Ngược lại, ông ta ngồi ăn như một người không có thời gian, thỉnh thoảng lại ngó một mắt vào đôi giày và đôi tất bẩn bằng sợi tự xe lấy của tôi. Chỉ một lần khi nhìn lên ánh mắt chúng tôi mới gặp nhau. Kể cả một tên ăn cắp bị bắt quả tang đang móc túi người ta trông cũng không có vẻ biết lỗi hơn là ông bác Ebenezer của tôi. Cái bản chất ghê sợ của ông ta có phải do cách biệt quá lâu với con người? Và ông sẽ cởi mở hơn, thành một con người hoàn toàn khác nếu tôi quan tâm đến ông? Giọng nói sắc bén của ông làm tôi giật mình trong khi đang nghĩ như trên.

— Cha mày chết lâu chưa?

— Ba tuần nay rồi, thưa ngài – Tôi trả lời.

— Ông ta là một người kín đáo, ông em Alexander của tao ấy, một con người yên lặng dễ sợ. Ngay từ khi còn là một đứa trẻ, nó đã không đòi hỏi gì. Cha mày không hay nói về tao à?

— Cho đến vừa rồi được nghe ông nói, tôi hoàn toàn không biết cha tôi có một người anh.

— Mà nói thế à? Và mà cũng không biết những người họ Shaws phải không?

— Ngay cả tên gọi cũng chưa biết, thưa Ngài.

— Như thế đấy – Ông ta nói – một con người kỳ quái, cha mà ấyl

Nói chung ông ta có vẻ hài lòng về những điều vừa nghe được. Tôi không biết ông ta chỉ hài lòng vì sự im lặng của cha tôi hay còn vì cái gì đằng sau đó nữa. Về ngoài, thái độ chống đối tôi của ông ta mất đi rất nhanh. Ông ta đứng dậy, đi đến chỗ tôi và thân mật đập vào vai tôi:

— Chúng ta sẽ sống tốt với nhau mà, David. Tao rất sung sướng là mà đã đến đây. Bây giờ đi theo, tao sẽ chỉ chỗ ngủ cho mà.

Tôi rất ngạc nhiên là ông ta không đốt đèn lẩn một ngọn nến mà đi trên một con đường tối mò. Ông ta thở nặng nề, đi về phía trước, bước lên một vài bậc rồi dừng lại trước một cánh cửa và mở khóa. Tôi bám gót ông ta. Ông ta để tôi bước vào và nói rằng đây là phòng của tôi. Tôi làm theo lời ông nhưng được vài bước tôi dừng lại và xin một cây nến.

— Ồ, chuyện nhảm nhí – Ông bác nói – mặt trăng chiếu sáng đủ rồi.

— Tôi không nhìn thấy cả trăng lẫn sao, trời tối như mực và tôi cũng chẳng nhận ra đâu là giường nữa. – Tôi phản đối.

— Chuyện nhảm nhí. – Ông ta nhắc lại – Tao không muốn đốt lửa trong nhà, có có thể gây cháy Davie ạ, về việc này tao rất sợ.

Và trước khi tôi kịp nhắc lại yêu cầu của mình, ông ta đã đóng sập cửa từ phía ngoài và tôi nghe thấy tiếng khóa cửa.

Tôi thực không hiểu mình nên cười hay nên khóc nữa. Căn phòng vừa tối vừa ẩm như một cái hầm. Và cái giường, cuối cùng thì tôi cũng tìm thấy nó, ướt át như một đầm lầy. Rất may là tôi đã mang theo gói quần áo của mình và bây giờ có thể quấn mình trong cái chăn len, tôi nằm xuống nền nhà và ngủ rất nhanh.

Trời vừa sáng, tôi mở mắt ra và phát hiện là mình đã ngủ trong một phòng rất rộng, tường được dán bằng da ép. Trong phòng có những đồ gỗ đẹp. Những tấm bọc được thêu cẩn thận. Ánh bình minh tràn vào phòng qua ba cửa sổ lớn. Cách đây mười hoặc hai mươi năm nếu được ngủ và thức dậy ở một phòng như thế này có lẽ dễ chịu lắm. Nhưng hơi ẩm, bụi, chuột và nhện cũng như sự thiếu chăm sóc thường xuyên đã phát huy hết tác dụng. Rất nhiều kính cửa sổ bị vỡ, cũng như sự đổ vỡ khắp nơi trong ngôi nhà. Có lẽ đã có lúc ông bác tôi bị những người hàng xóm giận dữ bao vây và tấn công.

Bên ngoài mặt trời đã lên và trong cái phòng không được chăm sóc này rất lạnh nên tôi đập vào cửa và hét lên đến lúc người gác ngục của tôi tới và cho tôi ra ngoài. Ông dẫn tôi ra cái giếng sau nhà và bảo rửa mặt nếu tôi có hứng. Sau khi rửa mặt, tôi tìm cách trở về căn bếp nơi ông chủ đã nhóm lửa và nấu xúp lúa mạch. Trên bàn đã có hai cái tô, hai cái thìa bằng sứ nhưng chỉ có một vại bia loãng. Có lẽ tôi đặc biệt nhìn vào đó hoặc bác tôi nhận ra điều này, bởi vì lời nói sau đó cho thấy ông đã đọc được ý nghĩ của tôi: ông hỏi tôi có muốn uống bia không.

Tôi nói rằng tôi đã quen uống bia nhưng ông cũng chẳng cần bày vẽ làm gì.

— Có chứ, có chứ! – ông ta nói – Tao chiều mày tất cả những gì hợp lý.

Ông ta lấy từ cái giá sát tường một cái vại nữa và, trước sự ngạc nhiên của tôi, đáng lẽ rót bia mới vào thì ông đã xẻ đúng nửa số bia của mình sang vại của tôi. Ông ta rót một cách trịnh trọng làm tôi nín thở. Rõ ràng ông bác tôi là người bần tiện nhưng thuộc loại đã coi cái tính đáng xấu hổ đó là phẩm hạnh của mình.

Khi chúng tôi vừa xong bữa sáng, ông Ebenezer mở ngăn bàn lấy ra cái tẩu bằng đất nung và một chút thuốc lá, cắt một núm nhỏ, đẩy phần còn lại vào ngăn bàn và khóa lại. Sau đó ông ta ngồi xuống bên một cửa sổ dưới nắng mặt trời và yên lặng hút thuốc. Thình thoảng ông ta nhìn tôi và đặt những câu hỏi ngắn. Một lần ông ta muốn biết:

— Mẹ mày hiện nay ra sao?

Và khi tôi trả lời mẹ tôi cũng đã mất rồi thì ông ta nói:

— Bà ta là loại người ngoan ngoãn – Sau một lúc nghĩ khá lâu, nói tiếp – Nhưng bạn bè mà mà nói tới là loại nào vậy?

Tôi kể rằng có hai người tên là Campbell, mặc dù chỉ có ông mục sư mang tên đó quan tâm đến tôi thôi. Nhưng mà tôi cho rằng ông bác tôi nghĩ tôi bị thế giới lừa bịp. Và bây giờ khi tôi một mình đến đây, không thể để ông ta cho rằng tôi hoàn toàn không có người giúp đỡ.

Hình như ông ta suy nghĩ về câu trả lời của tôi. Ông ta nói:

— Davie ạ, mi đã làm đúng khi tìm đến bác Ebenezer của mi. Gia đình là tất cả đối với ta và ta quyết tâm làm hết nghĩa vụ của mình. Nhưng để bây giờ ta suy nghĩ xem nghề gì thích hợp với mi: luật sư hay linh mục, cũng có thể là lính, một nghề đang được đám thanh niên yêu thích nhất, vì ta không muốn một người mang tên Balfour phải quy lụy một anh Campbell rừng núi. Vì vậy ta cần phải nói với mi là: hãy giữ mồm, giữ miệng, không thư từ, thông báo, không liên hệ với bất cứ ai, nếu không... thì đây là cánh cửa!

— Bác Ebenezer – Tôi nói – không có cơ sở để cho rằng ông không có ý định tốt với tôi, nhưng ông nên biết rằng tôi cũng có niềm tự hào của mình. Việc tìm đến ông không phải là ý muốn của tôi và nếu ông chỉ cái cửa, tốt thôi, tôi sẽ đi.

Bây giờ trông ông ta có vẻ rất giận dữ:

— Chuyện nhảm nhí, chuyện nhảm nhí! – Ông ta hét lên – Hãy cẩn thận, cậu bé ạ. Ta không phải là phù thủy và không thể tiên đoán tương lai của mi từ một đĩa cháo bột, cũng không thể dùng ảo thuật đem lại cho mi một kho báu. Hãy để cho ta hai ngày, không nói chuyện với một người nào, chắc chắn như ta đang ngồi trước mặt mày đây, ta sẽ tìm được việc đúng đắn.

— Được, nói thế đủ rồi. Nếu ông muốn giúp tôi, tôi rất sung sướng và cảm ơn.

Lúc đó tôi có vẻ như hoàn toàn tâm đắc với bác mình, điều này thật đáng tiếc như tôi đã lập tức nhận ra. Tiếp đó tôi nói với ông ấy là giường của tôi

cần được dọn dẹp, phơi khô ngoài nắng vì tôi không thể ngủ được trong một cái ổ như thế này.

— Đây là nhà ta hay nhà mi? – Ông ta hỏi thô bạo, nhưng dừng lại hoàn toàn đột ngột rồi nói tiếp – Không, không. Ta không muốn nói vậy đâu. Cái gì của ta cũng là của mi, Davie con của ta ạ, cái gì thuộc về ta cũng thuộc về mi. Một giọt máu đào hơn ao nước lã và dòng họ Balfour bây giờ chỉ trông vào bốn con mắt chúng ta.

Sau đó ông ta tiếp tục tán gẫu về gia đình chúng tôi và thời kỳ hoàng kim trước đây của nó. Ông ta kể ông nội tôi đã định mở rộng ngôi nhà ra sao và bản thân ông ta đã đình chỉ việc xây dựng và chấm dứt sự lãng phí vô tội vạ này như thế nào. Điều đó đã đưa tôi đến quyết định chuyển lời nhắn của Jennet Clouston cho ông ta.

— Con mẹ già đó – Ông ta hét lên – Nó nguyên rửa ta một ngàn hai trăm mười chín lần mỗi ngày từ hôm tao tịch biên và bán đấu giá gia sản của nó. Mà nghe chứ, David? Tao sẽ cho con mẹ đó lên chảo rán nếu nó không để tao yên. Đó là một mụ phù thủy, một mụ phù thủy hoàn hảo. Chờ đây, tao sẽ đến ngay tay thư ký tòa án.

Vừa nói xong, ông ta mở tủ lấy ra một cái áo khoác đã cũ nhưng được giữ rất cẩn thận, một áo gi-lê kèm theo và một cái mũ lông nghiêm chỉnh, tất cả trông đơn giản, không có vật trang sức nào. Ông ta mặc đồ rất nhanh, khóa tủ lại, đã định đi nhưng lại nảy ra một ý:

— Tao không thể để mày ở trong nhà một mình, – ông ta nói – tao phải nhốt mày lại và khóa cửa.

Máu dồn lên mặt tôi:

— Nếu ông đẩy tôi ra khỏi cửa thì chúng ta sẽ không gặp nhau nữa và chấm dứt sự quen biết.

Mặt ông ta tái đi, răng cắn chặt môi:

— Bằng cách đó. – Ông ta nói và nhìn trơ trơ xuống đất – Bằng cách đó mày sẽ không ở chỗ ta được, chỉ làm tiêu tan lòng tốt của ta, David ạ.

— Thưa ngài. – Tôi nói – Với tất cả sự kính trọng tuổi tác của ngài và sự lưu ý đến quan hệ họ hàng của chúng ta, còn thì, cái lòng tốt của ngài tôi xin khiêu. Tôi có lòng tự trọng và dù ngài có mười lần là ông bác độc nhất của tôi, là người máu mủ ruột thịt của tôi đi nữa, tôi cũng không mua lòng tốt của ngài với cái giá đó đâu.

Ông bác Ebenezer quay lại, đi tới cửa sổ và nhìn chăm chú ra ngoài, nhưng mà tôi nhận thấy toàn thân ông ta rung động tựa như vừa bị một đòn mạnh ấy. Khi quay lại phía tôi, ông ta mỉm cười gượng gạo:

— Thôi được, Davie, chúng ta cần chấm dứt cãi cọ, ta sẽ không đi nữa. Thôi, chấm dứt chuyện đó.

— Bác Ebenezer. – Tôi đáp lại – Tôi không hiểu tất cả chuyện này. Ngài đối xử với tôi như một kẻ ăn trộm. Cái ý nghĩa có tôi ở trong nhà làm ngài nổi giận, điều này tôi nhận ra qua mỗi lời nói và ánh mắt của ngài. Tôi cũng biết rằng ngài không chịu đựng được tôi, tôi đã nói với ngài không giống bất cứ ai. Nếu tình hình đã như vậy, tại sao ngài tìm cách giữ tôi lại? Hãy để tôi đi, hãy để tôi quay lại với bạn bè tôi, những người quý mến tôi.

— Không, không, không. – Ông ta nhấn mạnh – Ta cũng thích mi và dần dần chúng ta sẽ hiểu nhau. Cho mi quay về sẽ tổn hại đến danh dự của ngôi nhà này. Hãy yên tâm ở lại đây, hãy chờ đợi như một cậu bé ngoan ngoãn và sẽ thấy chúng ta sẽ hiểu nhau tuyệt vời.

Sau một lúc yên lặng suy nghĩ, tôi nói:

— Thôi được, thưa ngài. Tôi sẽ ở lại đây một thời gian ngắn nữa. Một người họ hàng ruột thịt chứ không phải người dưng nước lã quan tâm đến tôi, tất nhiên là đều hợp lẽ. Tôi sẽ làm tất cả để chúng ta sống tốt với nhau. Nếu việc đó đổ vỡ chắc không phai lỗi ở tôi.

Chương 4:

TÔI MẮC VÀO MỘT NGUY CƠ LỚN TRONG NGÔI NHÀ HỌ SHAWS

Một ngày bắt đầu xấu như vậy lại kết thúc khá tốt. Bữa trưa có cháo bột mạch nguội và bữa tối có xúp nóng. Rõ ràng ông bác tôi sống bằng bột lúa mạch và bia loăng. Ông ta rất ít khi nói với tôi, và cũng như trước đây, sau một hồi lâu im lặng, lại bật ra một câu hỏi gì đó như đạn bắn khỏi súng ấy. Nhưng nếu tôi muốn bàn về tương lai của mình thì ông ấy gạt phắt đi.

Trong căn phòng cạnh bếp mà ông ấy cho phép tôi ngủ tại đó, tôi tìm thấy rất nhiều sách tiếng La-tinh và tiếng Anh và tôi đã đọc suốt buổi chiều. Trong hoàn cảnh đó, thời gian trôi nhanh và thoải mái một cách đáng ngạc nhiên và tôi hầu như đã dàn xếp được việc ở lại trong ngôi nhà họ Shaws. Chỉ khi tôi nhìn vào ông bác và ánh mắt chúng tôi nhìn nhau ngượng ngùng, nổi e ngại mới trở dậy.

Một sự phát hiện khác của tôi làm tăng thêm sự nghi ngờ: đó là những chữ ghi ở tờ bìa một quyển sách của Patrik Walker. Không nghi ngờ gì đó là chữ của cha tôi. Câu ghi thế này: “Tặng Ebenezer của tôi nhân ngày sinh nhật lần thứ năm”. Điều làm tôi suy nghĩ là: vì cha tôi nhỏ tuổi hơn, hoặc cha tôi nhầm lẫn hoặc chưa đầy năm tuổi mà cha tôi đã viết được rõ ràng gần như người lớn vậy.

Tôi tìm cách không nghĩ đến điều đó. Nhưng mặc dù mở xem rất nhiều sách trên giá: sách lịch sử, thơ, truyện ngắn, những dòng chữ của cha tôi vẫn luôn hiện ra. Cuối cùng khi quay lại bếp nơi ông Ebenezer đẩy cho tôi một tô cháo bột lúa mạch và bia loăng, tôi hỏi ngay là có phải cha tôi biết đọc và viết rất sớm phải không.

— Alexander ấy à? – Không! – Câu trả lời lập tức là như vậy – Tao là đứa trẻ thông minh hơn ông ấy nhiều và cùng học với ông ấy.

Câu đó càng làm tôi rối trí. Tôi chợt nảy ra ý và hỏi có phải ông ta và cha tôi là anh em sinh đôi không.

Ông bác Ebenezer vụt đứng dậy, mạnh tới mức làm cái thìa bằng sừng rơi xuống đất:

— Tại sao mày nghĩ vậy? Mày hỏi vậy để làm gì? – Ông ta hét lên và nắm lấy cổ áo tôi, nhìn tôi chăm chăm, hai con mắt như mắt chim của ông ta ánh lên nét giận dữ.

— Ngài muốn nói gì vậy? – Tôi bình tĩnh hỏi, vì tôi to khỏe hơn ông ta nhiều và tôi cũng không dễ sợ hãi – Hãy bỏ áo tôi ra! Ông đối xử tốt quá nhỉ!

Rõ ràng ông bác tôi phải cố gắng hết sức để tự kiềm chế mình.

— Trời ơi, David! – Ông ta kêu lên – Mày không nên nói với tao về bố mày – Đó là một lỗi lầm. Ông ta là em độc nhất của tao.

Ông ta ngồi yên lặng một lúc lâu, nhìn trân trân vào cái đĩa và tôi thấy ông bác tôi đang run.

Việc ông ta nắm cổ áo tôi và bỗng nhiên lại nói là rất yêu người cha quá cố của tôi đã vượt quá khả năng tự chủ của tôi, nó làm tôi vừa sợ vừa tự tin. Một mặt tôi nghĩ có lẽ ông bác mình bị bệnh tâm thần và có thể rất nguy hiểm, mặt khác một câu chuyện hấp dẫn về một cậu bé nghèo bị người họ hàng quá độc ác cướp mất quyền thừa kế và của cải đã hình thành trong đầu tôi, mặc dù tôi không muốn và tìm cách gạt nó đi. Vì sao ông bác tôi lại diễn một vở bi hài kịch với một đứa cháu, được vào nhà gần như một kẻ ăn xin, nếu trong lòng ông không có nguyên do để sợ nó?

Với kết luận đó, tuy không muốn coi là thật nhưng lại luôn nghĩ trong đầu, tôi bắt đầu quan sát ông ta bằng đôi mắt bí hiểm. Chúng tôi như mèo và chuột, ngồi cùng bàn, kẻ nọ ngăm quan sát người kia. Ông ta hình như không có gì để nói nữa, cả điều tốt lẫn điều xấu, nhưng mà ông ta suy nghĩ ngăm và chúng tôi càng ngồi lâu, càng quan sát kỹ hơn, tôi càng thấy rõ là ông ta có cái gì đó chống lại tôi.

Sau khi dọn bát đĩa đi, cũng như buổi sáng, ông ta lấy tẩu, kéo ghế đến gần lò sưởi và ngồi quay lưng về phía tôi hút thuốc. Mãi một lúc lâu ông ta mới bắt đầu nói:

— Davie à, tao đã suy nghĩ. – Ông ta dừng lại một chút rồi nhắc lại câu vừa nói – Có một món tiền nhỏ tao hứa với bố mày là sẽ cho mày từ khi mày chưa sinh ra – Ông ta ngắt lời – Không có tính pháp lý, mày hiểu chứ? Mà chỉ là khi đàn ông ngồi uống rượu hứa với nhau. Và tao đã giữ số tiền đó cho mày. Với tao, việc này không dễ dàng gì nhưng đã hứa là phải làm. Trong những năm qua, lãi mẹ đẻ lãi con, bây giờ có tất cả là... – Ông ta dừng lại một chút rồi áp úng tiếp – đúng bốn mươi bảng.

Khi nói những lời cuối cùng này, ông ta nhìn nghiêng qua vai tôi và giải thích gần như hét lên:

— Tất nhiên là bảng Scot.

Vì một bảng Scot bằng một Si-linh Anh nên sự khác nhau được ông ta nhấn mạnh trong câu cuối là rất lớn. Tôi hiểu ngay là toàn bộ câu chuyện bịa đặt này được tạo ra nhằm một mục đích nào đó và tôi sốt ruột muốn tìm hiểu nó. Khi trả lời tôi cũng không muốn che dấu sự khô hài của mình.

— Ngài nghĩ lại đi, chắc đó là bảng Anh đấy.

— Tất nhiên, tao cũng nói vậy – Bác tôi tiếp – Bảng Anh, tất nhiên, và nếu mày ra ngoài cửa xem thời tiết một lát, tao sẽ tìm nó và gọi mày vào.

Trong khi nghe theo lời yêu cầu đó tôi cười mĩa mai trong đầu rằng ông ta nghĩ dễ đánh lừa tôi đến thế.

Đó là một đêm tối trời, chỉ có vài ngôi sao mãi dưới chân trời. Đứng ngoài cửa, tôi nghe ở xa gió thổi ù ù qua đồi, tương như một cơn giông đang tới. Lúc đó tôi vẫn hoàn toàn chưa biết tất cả những cái này có ý nghĩa như thế nào.

Khi ông bác Ebenezer gọi tôi vào, ông ấy đưa cho tôi ba mươi bảy đồng tiền vàng, số còn lại gồm những đồng xu vàng và bạc như hôm mà ông ta

giữ trong tay. Nhưng lúc này ông ta không có gan nữa và dứt rất nhanh số xu này vào túi.

— Mà thấy không – Ông ta nói – Đó là một bài học cho mày. Tao có những đặc tính riêng rất ngại ngùng trước người lạ, nhưng tao giữ lời hứa và tao đã chứng tỏ cho mày thấy.

Vì cho bác tôi là loại bần tiện nên trước sự rộng rãi không ngờ này, tôi đã không nói lên lời, không tìm thấy lời cảm ơn ông ta.

Ông ta nói bình tĩnh:

— Đừng nghĩ đến, tao không muốn được cảm ơn đâu. Tao chỉ thực hiện trách nhiệm của mình. Tất nhiên tao không cho rằng ai cũng làm được như vậy, nhưng tao làm vì bản thân tao. Mặc dù trong chuyện tiền bạc tao rất chặt chẽ, nhưng vẫn rất sung sướng vì đã trao cho con trai của em mình chút ít, và tao cũng rất mừng là bây giờ chúng ta đã hiểu nhau như người ruột thịt cần có.

Tôi trả lời ông với sự lễ độ hết sức mình nhưng lại suy nghĩ cái gì sẽ tới tiếp theo đây và làm sao ông ta có thể rời xa đồng tiền vàng này nhỉ? Cái nguyên cớ mà ông ta đưa ra thì ngay cả một đứa con nít cũng không tin được.

Bây giờ ông ta lại nhìn tôi từ phía bên và nói:

— Davie, mày cũng biết lá lành đùm lá rách mà.

Tôi sẵn sàng tuyên bố cảm ơn ông bằng mọi cách nhưng lại đang chờ đợi những phỏng đoán kỳ quái.

Cuối cùng khi ông ta bình tĩnh lại và bắt đầu nói – lúc đó tôi cảm thấy ông ta nói hoàn toàn đúng đắn, chỉ là để thông báo cho tôi biết ông đã già và lẩm cẩm, hy vọng tôi sẽ giúp ông ta trông coi nhà cửa ruộng vườn. Tôi nói tôi sẵn sàng giúp đỡ ông ta.

— Được rồi, mày có thể bắt đầu ngay bây giờ – Ông ta nói và lấy từ trong túi ra một chùm chìa khóa hoen rỉ.

— Đây là chìa khóa lên cầu thang của tháp bên kia ngôi nhà. Người ta chỉ vào được đó từ phía ngoài vì một phần ngôi nhà chưa xây xong. Hãy leo lên cầu thang và mang cái hòm ở trên đó về đây cho tao, trong đó có những tài liệu quan trọng.

— Thưa ngài, tôi có được đem theo nển không?

— Không, ông ta đáp một cách ranh mãnh – Mà đã biết tao không thắp sáng trong nhà.

— Được, thưa ngài – Tôi trả lời – Cầu thang tốt chứ?

— Cực tốt – Ông ta nói, và khi tôi định đi còn gọi theo – Đi sát vào tường vì không có lan can, còn bậc lên xuống thì chắc chắn.

Tôi đi ra ngoài đêm tối. Gió vẫn đập ở phía xa, mặc dù ở đây không có gió thổi. Hình như tôi thấy trời tối hơn trước đây. Tôi lần theo tường rào đi lối cổng lên tháp ở cánh phía bên kia ngôi nhà.

Khi tôi cho chìa khóa vào ổ và định vặn thì một tia chớp như tia lửa cháy rực làm sáng cả bầu trời mặc dù không có một cơn gió hoặc một tiếng sấm. Lần đó trời lại tối đen. Tôi phải dùng tay che mắt khi bước vào tháp vì vẫn còn bị chói bởi tia chớp. Bên trong tối đến mức phải nín thở. Tôi sờ mó bằng tay và chân, cuối cùng tìm thấy tường và bước lên bậc thang thứ nhất bằng đầu ngón chân. Tôi nhận ra tường bằng đá của tháp cũng như cầu thang khá nhỏ và dốc rất trơn và chắc chắn. Theo sự báo trước của ông bác, tôi nép sát tường và dò dẫm trong bóng tối lần lần lên phía trên trong lúc tìm muốn nhảy ra ngoài.

Ngôi nhà họ Shaws có năm lầu, không kể lầu mái. Khi leo lên cao, tôi cảm thấy không khí đỡ nặng nề hơn và trời sáng ra một chút. Tôi ngạc nhiên không biết sự thay đổi này do đâu, mãi đến khi một tia chớp thứ hai lóe lên rồi lại tắt ngay.

Nếu tôi không hét lên thì chỉ vì cổ họng tôi bị tắc vì sợ mà thôi. Còn tôi không bị rơi xuống thì công của tôi thì ít mà của trời thì nhiều. Ánh sáng chớp không chỉ xuyên qua bức tường tháp đầy lỗ thủng từ mọi phía, tựa như tôi đang trèo lên một giàn giáo, mà còn cho tôi nhận ra cái bậc thang không

dài như nhau và từ chỗ tôi đang đứng chỉ cách khoảng không chừng 2 zoll² nữa mà thôi.

Thế đấy cầu thang “cực tốt” là như vậy. Tôi nghĩ lại và trong tôi xuất hiện một cái gì như là lòng dửng cảm hoặc sự tuyệt vọng. Ông bác sai tôi lên đây chắc chắn để đẩy tôi vào chỗ chết. Tôi quyết định làm rõ ràng hoàn toàn ý đồ của ông ta và ngăn chặn nó. Vì vậy tôi quỳ xuống đầu gối mà bỏ thận trọng, xem xét kỹ từng bước như một con ốc. Sau tia chớp mọi vật hình như tối gấp đôi. Và đó chưa phải là tất cả. Trong tai tôi bây giờ vang lên tiếng vỗ cánh của đàn dơi trên đỉnh tháp. Đàn súc vật đáng sợ này vây quanh tôi, bay sát người làm tôi vô cùng sợ hãi.

Đáng lẽ trước đây tôi phải bổ sung là cái tháp này hình vuông, ở các góc, các bậc thang làm bằng những cục đá to hơn, hình dáng hơi khác để nối tiếp với bậc sau đó. Bây giờ tôi đến một góc ngoặt như vậy. Bỗng nhiên tay tôi quờ vào khoảng không. Cầu thang chấm dứt ở đây. Bất một người trèo lên cầu thang này trong đêm tối cũng có nghĩa là đưa anh ta đến cái chết chắc chắn. Và cả tôi nữa, may nhờ có tia chớp và sự thận trọng nên thoát chết. Nghĩ đến cái chiều cao đáng lẽ tôi đã rơi xuống, mồ hôi tôi đổ ra ướt đầm, chân tay tôi tê cứng. Nhưng bây giờ tôi đã biết điều cần biết. Ngay sau khi bớt xúc động, tôi thận trọng quay xuống, lòng đầy căm giận.

Khi tôi xuống được khoảng nửa đường, bỗng nhiên giông tố nổi lên, gió đập vào tường ào ào. Sau một lúc yên lặng, mưa bắt đầu rơi và khi tôi đến được những bậc cuối cùng, nước đã chảy thành dòng lớn. Tôi đi qua giông tố. Cánh cửa vào bếp trước đây ít lâu tôi đã đóng lại thì bây giờ đã mở ra và tôi tin là đã nhìn thấy một thân hình ở trong mưa, không động đậy và đang nghe ngóng gì đó.

Một tia chớp đã làm tôi nhận ra ông bác ở đúng chỗ tôi đoán. Ngay sau đó là một tiếng sấm vang trời. Liệu bấy giờ ông bác tôi có cho rằng tiếng ầm vừa rồi có liên quan đến cú té của tôi hay ông ta coi đó là tiếng thét của trời vạch mặt âm mưu giết người của ông ta. Muốn thế nào cũng được. Có điều chắc chắn là ông ta hoảng sợ quá, chạy vội vào trong nhà và để cửa mở.

Tôi bám theo ông ta, chạy thật nhẹ nhàng. Ông ta không nghe thấy, tôi vào bếp và bây giờ đang quan sát ông ta.

Thời gian đủ để ông ta đi tới tủ ở góc phòng và lấy ra một chai to. Bây giờ ông ta ngồi bên bàn, quay lưng lại phía tôi. Từng lúc, từng lúc ông ta bị một chứng như là co giật, thở dài rất to và đưa chai lên môi, đổ những ngụm lớn cồn tinh khiết vào miệng.

Tôi tiến đến sát lưng ông ta, dừng lại một chút và đột ngột dùng hai tay nắm chặt vai ông ta.

— Này, ông! – Tôi hét to.

Ông bác tôi hét lên một tiếng kêu nghẹt thở như tiếng kêu của con cừu. Ông ta chới với tay trong không khí và co người lại như một xác chết.

Lúc đó tôi rất sợ nhưng tôi phải tận dụng cơ hội này để khảo sát xung quanh, để mặc ông ta nằm dưới đất.

Tôi quan sát rất nhanh. Chùm chìa khóa treo ở cánh tủ. Và trước khi ông bác tôi tỉnh lại, có thể nghĩ đến những điều độc ác khác, trước hết tôi phải lấy ngay khẩu súng.

Trong tủ có một số chai, trong đó có một số chai thuốc. Hóa đơn hàng chồng và các loại giấy tờ khác nằm lộn xộn khắp nơi, nếu có thời gian chắc tôi sẽ muốn xem lắm, ngoài ra còn có một ít đồ vật cũ mà tôi không biết dùng để làm gì.

Tôi lục nhiều hòm khác nhau. Hòm thứ nhất là nơi chứa bột lúa mạch, hòm thứ hai có một số túi tiền và giấy tờ cuộn thành bó. Trong hòm thứ ba, giữa các đồ vật linh tinh, chủ yếu là quần áo, tôi tìm thấy một con dao găm hoen rỉ không rãnh trông khá nguy hiểm. Tôi giấu nó trong áo vét của mình và quay sang bác tôi.

Ông ta vẫn nằm nguyên chỗ đó, một đầu gối nhô lên, một tay duỗi ra. Mặt ông ta xanh kỳ lạ và hình như không thở nữa. Tôi tin ông ta đã chết và nỗi sợ hãi trào lên. Tôi đi lấy nước đổ vào mặt ông ta. Ông ta dần dần sống lại,

môi động đậy, mi mắt chớp chớp. Cuối cùng ông ta mở mắt nhìn, khi thấy tôi mắt ông ta ánh lên vẻ sợ hãi rõ rệt.

— Tỉnh lại đi. Và đứng dậy! – Tôi nói.

— Mà sống à? – Ông ta thì thào nghe như tiếng nấc.

— Đúng, tôi sống. Nhưng đó không phải là công của ngài đâu.

Ông ta hít mạnh không khí.

— Cái chai nhỏ màu xanh – Ông ta thở hỗn hển – Trong tủ... cái chai nhỏ màu xanh!

Hơi thở yếu dần.

Tôi chạy tới tủ và tìm được một chai thuốc màu xanh. Trên một băng giấy có thể đọc được cách hướng dẫn sử dụng. Nhanh đến mức có thể, tôi đã cho ông ta uống vài giọt trong đó.

— Do bị đau – Ông ta nói, đã tỉnh lại một chút – Tao bị đau tim, Davie ạ, tim mà.

Tôi dựng ông ta dậy và giúp ông ta ngồi vào một chiếc ghế. Điều kỳ lạ là tôi cảm thấy tội cho ông lão bệnh tật này, còn ngoài ra thì vô cùng căm giận ông ta.

Trước hết tôi soát lại những điểm sẽ tuyên bố.

Tại sao ông ta nói dối tôi mọi thứ? Tại sao ông ta sợ tôi đi khỏi? Tại sao câu hỏi có phải ông ta và cha tôi là anh em sinh đôi không lại làm ông ta nổi khùng như vậy? Có phải đại loại vì đó là sự thật? Tại sao ông ta trao tiền cho tôi, số tiền mà tôi hoàn toàn không đòi hỏi và cuối cùng tôi hỏi tại sao ông ta tìm cách giết tôi?

Ông ta yên lặng nghe tất cả. Nhưng bằng một giọng đứt quãng, yêu cầu cho ông được lên giường.

— Sáng sớm mai tao sẽ trả lời. Chắc chắn là như vậy.

Vì ông ta quá yếu nên tôi không còn cách gì khác hơn là đồng ý. Bây giờ tôi nhốt ông ta trong một buồng ngủ và cho chìa khóa cửa vào túi tôi. Sau đó

tôi trở lại bếp, nhóm lửa trong lò cháy sáng rực như chưa bao giờ có từ nhiều năm nay. Tôi quần vào người một vài cái chăn, nằm trên một cái rương và ngủ liền.

Chương 5:

TÔI CÙNG ÔNG BÁC ĐI RA PHÀ

Đêm hôm đó mưa to và sáng hôm sau một cơn giông kéo đến từ hướng tây bắc, đem những đám mây tới. Mặc dù vậy, trước khi tia nắng đầu tiên chiếu xuống, trước khi những ngôi sao cuối cùng lặn, tôi đi ra suối và nhảy xuống dòng nước đang chảy. Được tắm mát bằng dòng nước lạnh như băng đó và bây giờ sưởi ấm toàn thân bằng lửa nóng, tôi đốt lửa trong lò như đêm qua và suy nghĩ nghiêm túc về hoàn cảnh hiện tại của tôi.

Không còn nghi ngờ gì về sự thù hằn của bác tôi, cũng như mối đe dọa luôn luôn đối với cuộc sống của tôi ở đây, chắc chắn ông ta sẽ tìm cách loại bỏ tôi. Còn tôi, chẳng phải tôi còn trẻ và yêu đời sao? Ngoài ra, giống như những người trẻ tuổi lớn lên ở nông thôn, tôi tin tưởng nhiều ở sức mình.

Tôi đã gõ cửa nhà ông ta gần như một kẻ ăn xin, nhưng là một đứa trẻ ngây thơ và ông ta đáp lại sự tín nhiệm của tôi bằng sự phản bội và thô bạo. Thật là tuyệt vời nếu tôi giữ được quyền lực để dẫn ông ta đi bất cứ đâu như thợ săn lừa đàn cừu vậy.

Vừa suy nghĩ vừa xoa đầu gối, mỉm cười thỏa mãn với mình, tôi hình dung ra là tôi sẽ lần lượt lôi ra những bí mật của ông ta, lần lượt từng cái một và cuối cùng khống chế hoàn toàn ông ta.

Khi ở Essendean tôi được nghe câu chuyện: một nhà ảo thuật đã tạo ra được một cái gương mà người ta có thể nhìn thấy tương lai của mình trong đó. Nhưng nếu có, chắc tôi phải thật hơn cả ngọn lửa tôi đang nhìn trong lò, vì tung tất cả hình ảnh mà ngọn lửa đang tạo ra trước mắt, tôi không thấy một cái tàu thủy hoặc một thủy thủ hình nấm nào mà cũng chẳng thấy một cái gậy tìm nào có thể xấp xếp lại cái đầu lộn xộn của tôi. Không, tôi không nhìn thấy chút ánh sáng nào từ các đồ vật quanh tôi.

Thỏa mãn với ý nghĩ đó, tôi cho kẻ bị nhốt ra ngoài. Ông ta lịch sự chào tôi. Hơi có vẻ nhìn xuống từ bên trên và mỉm cười hài lòng, tôi chào lại. Liền đó chúng tôi ngồi vào bàn ăn sáng, không khác gì hôm qua.

— Bây giờ, thưa ngài – Tôi hỏi bằng một giọng thách thức – Ngài còn có gì để nói với tôi nữa không?

Vì ông ta chỉ lăm bắm một cái gì đó không hiểu nổi nên tôi nói tiếp:

— Tôi cho rằng bây giờ là lúc chúng ta hiểu nhau khá tốt. Ngài đã coi tôi là một thằng nhóc nhà quê, không có chút hiểu biết và sự hóm hỉnh hơn là cái thìa bằng sành của ngài chẳng hạn. Tôi đã tin ngài là một người tốt, hoặc ít ra, không xấu hơn những người khác. Cả hai chúng ta đều nhầm. Nguyên cớ gì làm ngài sợ tôi, tìm cách cướp cuộc đời tôi?

Ông ta ập úng cái gì đó của một câu nói đùa, ông ta thích đùa thô bỉ. Nhưng khi nhận ra nụ cười châm biếm của tôi, ông ta đổi giọng và hứa khi nào ăn sáng xong sẽ nói tất cả.

Tôi đọc thấy trên mặt ông ta là hiện tại ông ta chưa tìm được câu nói dối nào cho tôi cả và đang cố tạo một chút gì đó. Tôi vừa định nói điều đó thì có tiếng gõ cửa làm ngắt quãng câu chuyện.

Tôi lệnh cho ông bác rời chỗ, ra mở cửa. Trên thềm nhà là một chàng trai mới lớn mặc đồ thủy thủ. Vừa nhìn thấy tôi cậu ta bắt đầu trình diễn ngay điệu múa tù và mà tôi chưa thấy và cũng chưa nghe nói đến. Cậu ta bật tách tách ngón tay và thực hiện vài bước nhảy thành thạo. Trông cậu ta xanh ngắt, mặt giật giật giữa khóc và cười, gây nên ấn tượng và không hợp với sự trình diễn vui vẻ của cậu chút nào.

Và giọng ngắt quãng, cậu ta nói với tôi:

— Bạn ơi, hãy luôn vui vẻ.

Tôi hỏi cậu ta muốn gì.

— Ồ, mong muốn của tôi – Cậu ta kêu lên và bắt đầu hát:

Trong đêm sáng

Vào mùa mát mẻ này

Làm tôi vui...

— Nghe đây! – Tôi nói – Nếu mày vẫn tiếp tục không trả lời, tao sẽ đóng cửa trước mũi mày đó.

— Đứng lại, người anh em – Nó kêu lên – Cậu có hiểu câu nói đùa không? Cậu muốn tớ ăn đòn à? Tớ mang một bức thư của ông già Heasyoasy cho Ngài Balfour – Vừa nói cậu vừa chỉ cho tôi cái bì thư.

— Bạn ơi – Cậu ta nói thêm – Tôi đói như điên ấy.

— Được, vào nhà đi, cậu có thể được nhận một đĩa xúp.

Tôi kéo cậu ta vào chỗ của mình. Nó ăn ngấu nghiến hết chỗ xúp còn lại của tôi, nháy mắt vui vẻ, tạo ra tất cả vẻ mặt nhăn nhó, cái mà cậu bé đáng thương này cho là biểu hiện trưởng thành của mình.

Trong lúc đó ông bác Ebenezer đã đọc xong bức thư cậu bé đem lại và nhìn suy tư về phía trước. Rồi đột nhiên ông ta nhảy lên, kéo tôi ra một góc xa của phòng.

— Đọc đi – Ông ta nói và đưa bức thư cho tôi.

Nhà trọ bến phà Queensferry

Thưa Ngài, chúng tôi đang nhảy múa ở đây, trên bãi thả neo. Tôi cử cậu bé học việc trên tàu tới để ngài biết chắc chắn. Nếu ngài còn có ủy thác ở hải ngoại thì hôm nay là cơ hội cuối cùng, bởi vì hiện nay gió thuận để ra vịnh. Rất tiếc là tôi phải nói là tôi bực mình với ông Ranlcaillo, người đại diện của ngài. Nếu ngài không hành động nhanh sẽ có một số mất mát. Tôi gửi kèm theo cho ngài một giấy thanh toán. Chào ngài.

Người phục vụ ngoan ngoãn và tận tâm của Ngài.

Elias Hoseason

— Mày xem đấy – Ông bác nói khi thấy tôi đã đọc xong – Tao có một hợp đồng làm ăn với Hoseason, thuyền trưởng tàu *Covenant of Dysart*. Nếu bây giờ hai chúng ta, tao và mày, cùng thắng học việc trên tàu đến đó, có thể

tao sẽ nói chuyện với thuyền trưởng trong nhà trọ hoặc trên tàu *Covenant*. Chắc chắn phải ký các văn bản. Để không mất thời gian, chúng ta sẽ tìm ngay luật sư Rankeillor. Ông ta có uy tín trong đại bộ phận quý tộc vùng này, ngoài ra, ông ta là một người lớn tuổi đáng kính. Ông ta còn nhớ cha mày.

Tôi đứng đó, lòng còn đang băn khoăn, suy nghĩ, cuối cùng thì ông bác Ebenezer và tôi sẽ tới một bến cảng, chắc chắn ở đó sẽ nhận nhip, ở đó ông ta khó mà gây áp lực với tôi. Vả lại, sự có mặt của cậu học việc cũng là một sự bảo vệ nào đó cho tôi. Nếu ông bác không nói thật, khi đến đó tôi sẽ ép phải tới nhà luật sư. Cũng có thể lúc đó trong thâm tâm tôi chỉ muốn được quan sát biển và tàu thủy gần hơn. Bạn đọc nên biết là toàn bộ cuộc đời tôi tới nay chỉ sống ở đất liền và chỉ hai ngày trước đây mới nhìn thấy vịnh mà thôi. Nó hiện lên trước mắt tôi như một tấm gương màu xanh lấp lánh, trên đó có những con tàu không lớn hơn những đồ chơi đang trượt đi trượt lại. Tất cả những cái đó thôi thúc tôi thỏa hiệp với ông bác.

— Được — Tôi nói — chúng ta đi tới cảng.

Ông bác tôi mặc áo khoác, đội mũ và đeo một thanh gươm cũ, hoen rỉ. Chúng tôi tắt lửa trong lò, khóa cửa và đi ra. Gió tây bắc thổi lạnh buốt, làm tôi cóng mặt mũi. Lúc đó là tháng sáu, trên bãi cỏ ánh lên màu trắng của những bông hoa dại và hoa của cây ăn quả đang nở rộ. Nhưng nếu đánh giá theo móng tay bị thâm tím và khớp tay đau nhói vì lạnh thì đã là mùa đông rồi và theo biển hoa trắng thì đã là cuối năm.

Ông Ebenezer đi dọc theo rìa đường và lắc lư như một ông già nông dân cày ruộng mệt mỏi trở về. Dọc đường ông ta không nói một lời nào. Khi muốn nói chuyện tôi phải gọi cậu học nghề trên tàu. Cậu ta kể cho tôi tên cậu ta là Ransome và đã đi biển từ năm lên chín, nhưng bây giờ không biết mình bao nhiêu tuổi và đã mất cảm giác về thời gian. Sau đó, mặc dù tôi phản đối, cậu đã phanh bộ ngực trần, hóng gió lạnh như cắt để chỉ cho tôi những hình xăm, tôi lo cậu ta sẽ hứng lấy cái chết. Trong khi đánh vật với những ký ức, thỉnh thoảng cậu ta nguyền rủa một cách nực cười, nhưng mà giống một đứa trẻ vô giáo dục hơn là một người lớn. Nó cũng tự hào là đã

trải qua nhiều cuộc phiêu lưu điên rồ và xấu xa: ăn trộm, lừa đảo, thậm chí giết người. Tất cả những điều cậu ta nói về các chi tiết thật khó tin và được diễn tả ngây thơ đến mức cảm thấy thương hại hơn là tin cậu ta.

Tôi hỏi về chiếc tàu buồm mà cậu coi là đẹp nhất trên biển và sau đó về thuyền trưởng Hoseason, người mà cậu ta cũng khen ngợi nhiều; cậu ta luôn luôn gọi người chỉ huy tàu bằng tên Heasyoasy. Theo diễn tả của cậu thì thuyền trưởng là một người đàn ông không biết sợ một cái gì trong thế giới bao la của Thượng đế hoặc trong bầu trời, một con người mà dân chúng nói rằng anh ta sẽ đến vào ngày phán quyết của cánh buồm lộng gió, một con người thô tục, tàn bạo, không biết thương xót. Nhưng cậu bé đã quen nhìn những tính cách này như là luật biển, là tính cách của đàn ông. Nó chỉ thừa nhận một lỗi lầm ở thần tượng mình “Ông ta không phải là thủy thủ thật sự. Còn ông Shuan, người lái tàu trong thực tế, là thủy thủ cự kỳ nhất của toàn bộ hạm đội thương mại. Chỉ có điều ông ta uống quá nhiều. Tôi nói cho anh biết rằng tôi biết hát một bài trong đó”. Ransome kéo tất xuống và cho tôi xem một vết thương mở miệng, trông dễ sợ đến mức máu tôi muốn ngừng chảy trong huyết quản: “Của ông Shuan đó” – nó bổ sung có pha chút tự hào.

— Cái gì vậy? Cậu vừa lòng với sự đối xử tàn bạo như vậy à? Cậu đâu phải là nô lệ để người ta đánh đập vô nhân đạo vậy?

— Không! – Con bê con đáng thương đáp lại và bỗng chốc trở nên dữ tợn – Hẳn sẽ thấy hẳn được gì trong chuyện này. Hãy nhìn đây!... – Và cậu chỉ cho tôi một con dao găm dài đã lấy trộm được ở đâu đó.

—Ồ la, – cậu nói tiếp – chỉ cần hẳn định làm một lần nữa! Hẳn phải cân nhắc điều này, nếu không hẳn sẽ nhận một cái gì đó. Tôi sẽ giết hẳn, tôi sẽ làm hẳn nguội lạnh và hẳn không phải là kẻ đầu tiên đâu – Cậu ta nhấn mạnh bằng một lời nguyện rửa tội nghiệp và hèn hạ.

Chưa bao giờ trong đời tôi thấy tội nghiệp với cậu bé khốn khổ, yếu thần kinh này. Tôi thấy tàu buồm dù có cái tên rất đẹp vẫn chỉ là một địa ngục biết bơi.

— Cậu không có bạn bè à? – Tôi hỏi.

Cậu ta kể là cha cậu sống ở đâu đó trong một thành phố cảng mà tôi quên mất tên. Sau đó cậu bổ sung:

— Ông ta là một người đàn ông tuyệt vời, đã chết rồi...

— Cậu không tìm được một nghề tử tế hơn trên đất liền sao? – Tôi hỏi.

— Ồ, không, – cậu ta vừa nháy mắt hài hước với tôi, làm ra vẻ láu cá lắm – lúc đó tôi sẽ phải đi học mà tôi lại biết những mưu kế có thể thu nhập gấp đôi như vậy. Đúng, cái đó tôi biết.

Tôi hỏi cậu còn có nghề nào đáng sợ hơn cuộc sống hiện tại của cậu ta, luôn luôn đặt sinh mạng vào mỗi hiểm nguy, không chỉ có sóng gió, thời tiết mà cả sự tàn bạo của những con người mà cậu ta phải phục tùng. Cậu thừa nhận đó là sự thật nhưng rồi lại bắt đầu ca ngợi cuộc sống trên biển của mình. Chẳng hạn cậu ta kể đã sung sướng như thế nào khi có đầy túi tiền, lang thang trên bờ đóng vai người đàn ông phong lưu, có thể mua táo ăn, gây gỗ, đánh nhau và chế giễu những người mà cậu ta gọi là cái mũ đang ngủ.

— Tôi sống cũng không tồi – Cậu ta tiếp – Rất nhiều người còn khổ hơn tôi. Vâng, nếu nghĩ đến những đứa tuổi hai mươi, các anh cần phải nhìn thấy chúng xếp hàng như thế nào! Một lần tôi làm quen một người tuổi có lẽ lớn hơn anh, tôi có vẻ già dặn hơn mặc dù anh ta đã có râu. Khi chúng tôi vừa ra khỏi cửa sông đi vào biển thì, trời ạ, anh ta đã than khóc, kêu gào. Tôi cười anh ta đến tức bụng, anh biết không? Ngoài ra còn có tụi trẻ con, so với tôi thì chúng còn nhỏ. Tôi thích giữ tụi này, anh hiểu chứ? Nếu có chúng ở trên tàu tôi sẽ có quyền riêng của mình để đánh đập chúng.

Cứ như thế, cậu ta tiếp tục ba hoa cho đến cuối cùng tôi hiểu ra cậu ta nói những đứa tuổi hai mươi kia là gì. Đó là những kẻ phạm pháp bị đày đi làm nô lệ ở Bắc Mỹ và “tuổi trẻ” đó là những con người bất hạnh hơn nhiều, hoàn toàn vô tội, bị cướp đi theo đúng nghĩa đen và đưa đi đày vì lợi nhuận hoặc thù hằn cá nhân.

Chính lúc đó chúng tôi lên đến đỉnh núi, nhìn thấy vịnh Firth-Forth và hải cảng ở phía dưới chân mình.

Ở chỗ này, vịnh thu nhỏ lại bằng chiều rộng của một con sông, tạo thành một con đường thẳng lên phía Bắc, rất thích hợp cho giao thông bằng thuyền buồm.

Phía trên vịnh là một hải cảng được đất liền bao bọc ba phía, là nơi đậu cho thuyền bè các loại, các cỡ. Ở chính giữa eo biển là một hòn đảo, có thể nhìn thấy một số thành quách đổ nát trên đó. Ở bờ Nam, người ta đã xây một bến phà. Phía cuối bến phà là nhà trọ Hawes, phía sau có một mảnh vườn xinh xắn, những cây duối và những bụi táo gai.

Thị trấn Queenferry nằm ở phía Tây cũng như quanh nhà trọ lúc này trông buồn tẻ vì phà chở khách vừa tới bến chạy lên phía Bắc. Bên cạnh cầu phà có một chiếc thuyền đung đưa, một vài thủy thủ đang ngủ trên ghế băng. Theo lời Ransome, đó là thuyền kèm của tàu đang chờ thuyền trưởng, ở khoảng cách chừng nửa dặm chỉ độc nhất có chiếc tàu *Covenant* đang thả neo.

Trên boong, chiếc tàu buồm đã sẵn sàng ra khơi, cuộc sống đang nhộn nhịp. Các trục căng buồm đã được kéo lên cao đang đong đưa trong gió. Vì gió thổi từ phía đó lại, nên tôi có thể nghe thấy tiếng hát của thủy thủ trong sương mù đang kéo tới. Do những chuyện Ransome kể dọc đường, tôi nhìn chiếc tàu với lòng căm ghét. Từ trong tim, tôi thấy tội nghiệp cho những con người nghèo khổ phải đi như vậy.

Ba người bộ hành chúng tôi dừng lại trên đỉnh đồi. Tôi đi tới chỗ ông bác và nói:

— Tôi cho là đúng đắn nếu bây giờ tuyên bố rằng không có tiền của nào có thể đưa tôi lên con tàu *Covenant* cả.

Ông ta trông như vừa tỉnh giấc mơ:

— Hê, cái gì vậy?

Tôi nhắc lại điều vừa nói.

— Được thôi – Ông ta đáp lại – Mà cần có sở thích của mày. Nhưng tại sao chúng ta lại đứng ở đây? Trời lạnh như điên và nếu tao không nhầm thì họ đã sẵn sàng nhổ neo.

Chương 6: **TÔI THẤY GÌ Ở TRONG VỊNH**

Ngay khi tới nhà trọ, Ransome dẫn chúng tôi lên cầu thang, vào một phòng nhỏ có một cái giường và được sưởi ấm bằng một lò than nóng như trong buồng tắm hơi.

Bên một chiếc bàn sát lò sưởi là một người đàn ông to lớn, tóc đen, ăn vận lịch sự. Ông ta có một đồng giấy tờ trước mặt và đang viết gì đó. Mặc dù trong phòng nóng kinh khủng, ông ta vẫn mặc một chiếc áo vét thủy thủ dày, cài cúc đến tận cổ, mũ lông che kín tai.

Tôi chưa thấy một người nào, kể cả chánh án giữa phiên tòa lại gây một ấn tượng học giả hơn, lạnh lùng và tự chu hơn người thuyền trưởng này.

Khi chúng tôi bước vào, ông ta lập tức đứng dậy đi tới chỗ chúng tôi và chìa cho Ebenezer bàn tay to lớn của ông ta.

— Tôi rất sung sướng và tự hào được đón ngài, thưa ông Balfour – Ông ta nói bằng một giọng trầm rất êm. – Tôi cũng rất phấn khởi và ngài đến đúng lúc gió thuận và chính là lúc đổi mùa. Nhờ vậy ngay tối hôm nay chúng tôi sẽ nhìn thấy hải đăng trên đảo May.

— Thuyền trưởng Hoseason. – Bác tôi đáp – Ở đây, trong phòng Ngài rất ấm cúng.

— Tôi quen như vậy, thưa ngài balfour – Người thuyền trưởng nói – Có lẽ tôi có loại máu lạnh vì tôi rất dễ rét run. Không có áo lông nào, không có len dạ nào, không có giọt rượu mạnh và nóng nào có thể làm nóng máu tôi lên được, như người ta thường nói, cái này thường xảy ra với những người đã được rón kỹ ở vùng nhiệt đới.

— Vâng, thưa thuyền trưởng. Không ai trong chúng ta có thể ra khỏi lớp da bọc mình, điều này không thể thay đổi. – Ông bác tôi đáp lại.

Điều tình cờ là cái tập quán này của thuyền trưởng đóng một vai trò cơ bản cho cái số phận hẩm hiu của tôi sau này, bởi vì mặc dù tôi đã thề sẽ không được rời mắt khỏi người họ hàng của mình, tôi đã sốt ruột được ngắm biển gần hơn và cái không khí nóng trong phòng làm tôi khó chịu đến người.

Khi ông bác bảo tôi ra ngoài “thường thức”, tôi đã điên rồ nghe theo.

Tôi để lại hai người với nhau. Khi tôi đi ra, họ đang uống với nhau một chai rượu nho và cúi xuống đóng hồ sơ.

Ra đến ngoài trời, tôi vượt qua đường cái và đi xuống bãi biển. Khi gió nhẹ, trong vịnh chỉ có sóng nhỏ đập vào bờ, sóng không lớn hơn trong biển hồ mà tôi đã biết. Nhưng rong biển thì mới lạ với tôi, thỉnh thoảng trông nó màu lục, thỉnh thoảng màu xanh nâu. Nó kéo thành dải dài với rất nhiều bọt khí nhỏ, dầm nhẹ vào cũng vỡ tan. Mùi nước biển bay sâu vào vịnh, không khí đầy vị muối.

Tôi quan sát thấy những cánh buồm trên tàu *Covenant*, trước đó còn cuộn thành từng bó, bây giờ treo rủ xuống từ những thanh căng buồm đang từ từ căng lên.

Tất cả những ấn tượng mới đó đánh thức trong lòng tôi sự tưởng tượng về những chuyến đi biển đến những miền xa xôi, lang thang ở những đất nước và thành phố xa lạ.

Tôi cũng nhìn chăm chú chiếc thuyền kèm của *Covenant*. Đó là những người to lớn, da cháy nâu, một số mặc sơ mi, một số mặc áo thủy thủ, một số khác quấn quanh cổ những khăn sặc sỡ. Một khẩu súng lục nhô ra khỏi túi một thủy thủ, hai hoặc ba người có dùi cui và tất cả đã được trang bị dao găm.

Một phần lớn thời gian hôm đó tôi ngồi nói chuyện với một người trong số họ, một người trông không lạnh lùng như các chiến hữu của anh ta. Anh ta nói cho tôi biết khi nào tàu ra biển và cho rằng khi thủy triều vừa lên thì họ đi. Anh ta rất sung sướng được thoát khỏi cái hải cảng không có quán nhậu, không có âm nhạc này. Anh ta chửi rủa nặng tới mức tôi phải biến đi.

Bây giờ tôi được chỉ đến chỗ Ransome. Ít ra, trong đám thủy thủ, cậu ta có vẻ là người dễ chịu nhất. Cậu ta vừa từ nhà trọ về, chạy đến tôi và yêu cầu một vai rượu pân³. Tôi nói tôi không muốn gọi rượu pân và cả cậu ta lẫn tôi đều chưa đến tuổi làm quen với thứ đó. Tôi nói thêm là cậu ta có thể nhận được một cốc bia. Cậu ta há mồm, nhăn mặt và nói với tôi bằng những câu chửi thậm tệ, nhưng sau đó lại sẵn sàng uống bia. Vài phút sau, chúng tôi ngồi bên một chiếc bàn trong phòng khách, ăn và uống ngon miệng.

Tôi chợt nghĩ ông chủ quán chắc là người địa phương và làm quen với ông ta chẳng có hại gì. Tôi mời ông ăn điểm tâm với chúng tôi, đó cũng là thói quen thông thường. Nhưng mà ông ta làm như mình cao sang lắm, không thể ngồi cùng bàn với loại khách thường như Ransome và tôi. Đúng lúc ông ta định rời phòng khách thì tôi gọi giật lại và hỏi ông ta có quen ông Rankeillor không.

— Tất nhiên là có – Ông ta nói. – Đó là một người rất đúng mực. Ngoài ra, – Ông ta tiếp – vừa rồi anh cùng tới với Ebenezer phải không?

Khi tôi xác nhận, ông ta nói chắc tôi không phải bạn bè với ngài Balfour, dân Scot nói vậy là muốn nói về quan hệ họ hàng đó.

Tôi nói:

— Không, không chút nào.

— Tôi cũng nghĩ vậy. – Ông chủ nhà trọ nói. – Mặc dù anh làm tôi nhớ đến ngài Alexander.

Tôi nói rằng ông Ebenezer không được đánh giá tốt lắm ở vùng này.

— Điều đó đúng – Ông chủ nhà trọ tiếp – Ông ta là một lão độc ác. – Và bằng lối diễn tả của dân Scot ông ta nói thêm – Có một số, thí dụ như Jennet Clouston và nhiều người khác đã bị ông ta tống ra khỏi nhà, rất muốn nhìn thấy ông ta bị treo cổ ở đây. Tuy thế, khi còn trẻ ông ta cũng là một người tử tế, đúng vậy, ông ta đã như vậy cho đến khi có tin đồn về ngài Alexander. Điều này đối với Ebenezer còn nghiêm trọng hơn là chết.

— Nhưng tin đồn gì thế? – Tôi hỏi.

— Hình như ông ta giết ngài Alexander – Anh không nghe thấy bao giờ à?

— Nhưng tại sao ông ta lại làm điều đó?

Tôi hỏi sâu hơn.

— Tại sao ấy à? Để chiếm ngôi nhà! Đó là câu trả lời.

— Ngôi nhà họ Shaws?

— Chứ còn gì nữa. – Ông chủ quán đáp.

— Điều ngài chưa nói, có phải bố... à ông Alexander là con cả không?

— Đúng như vậy. Nếu không làm sao Ebenezer lại muốn giết ông ta?

Sau những lời đó, ông chủ quán rời chỗ. Trước đó ông ta đã nhấp nhúm muốn đi.

Tất nhiên với tôi, tất cả những điều đó đã rõ ràng từ lâu. Nhưng sự phỏng đoán đơn thuần và sự thật là hai vấn đề khác nhau cơ bản. Tôi ngồi đó và như bị choáng váng về viễn cảnh tốt đẹp của mình. Không thể tưởng tượng được là vẫn cậu bé nghèo vừa lang thang qua rừng Ettrick hai ngày trước đây, bỗng nhiên thành một trong những người giàu có trên trái đất này, cậu ta có một ngôi nhà và những điền trang rộng lớn và ngày mai, nếu muốn, sẽ cưỡi trên một con ngựa đua...

Những ý nghĩ như vậy đã xâm lấn tôi trong lúc tôi ngồi đó và nhìn trần trần qua cửa sổ, không chú ý đến gì xảy ra bên ngoài.

Tôi nhớ lại là tôi nhìn thấy thuyền trưởng Hoseason đang đứng ở bờ cảng ra nghiêm lệnh cho lính tráng của mình. Đột nhiên ông ta quay lại và đi vào nhà. Ông ta không có những bước chân nặng nề của thủy thủ.

Người thuyền trưởng cao lớn, ăn mặc lịch sự này trông rất đàn ông và tự chủ. Mặt ông ta vẫn còn những nét nghiêm nghị trước đó. “Liệu những chuyện của Ransome về con người này có đúng không?” – Tôi ngạc nhiên nghĩ.

Đối với tôi những câu chuyện đó có vẻ khó tin vì chúng không hợp với bề ngoài của ông ta. Trong thực tế, Hoseason không phải con người tốt như tôi nghĩ, cũng không phải hoàn toàn xấu như Ransome mô tả, bởi vì trong ông ta có hai con người và ông ta sẽ rời bỏ con người tốt, đứng đắn ngay khi ông ta chạm vào sàn tàu của mình.

Sau đó tôi nghe thấy bác tôi gọi. Tôi gặp hai người trên con đường phía trước nhà trọ. Ông ta cư xử với một sự tin cậy đặc biệt, an ủi và gây lòng tin với tôi – một con người còn trẻ tuổi.

— Thưa ngài, – ông ta nói – Ngài Balfour đã kể cho tôi rất nhiều điều tốt đẹp về ngài và tôi rất thích diện mạo của ngài. Tôi mong sẽ ở đây lâu hơn để làm quen với ngài. Tuy thế chúng ta hãy tận dụng cơ hội hôm nay. Nửa giờ nữa, ngài hãy lên tàu buồm của tôi, đến lúc thủy triều lên chúng ta có thể uống với nhau một ly rượu.

Từ lâu, một mong muốn cháy bỏng trong lòng tôi, mạnh hơn những điều tôi có thể nói ra thành lời là được xem phía trong một con tàu thủy. Nhưng tôi không muốn chuốc lấy hiểm nguy nên đáp lại là tôi và bác tôi đã hẹn đến chỗ luật sư của ông ấy.

— Đúng, đúng. Tôi có nghe. – Ông Hoseason đáp – Nhưng sau đó chiếc thuyền kèm sẽ đưa ngài vào bờ, quan sát thành phố! Từ đó đến nhà ông Rankeillor chỉ còn một bước nháy như con mèo.

Bỗng nhiên ông ta cúi xuống tôi và thầm thì:

— Anh hãy chú ý đến con cáo già. Hắn sẽ làm một cái gì đó với anh đấy. Hãy lên tàu để tôi có thể nói cho anh nghe.

Sau đó ông luồn tay vào tay tôi dẫn đến chiếc thuyền kèm, nói thêm với giọng thật to:

— Bây giờ nói cho tôi biết, tôi có thể đem từ Carolina cho anh cái gì? Bọn bè của ngài Balfour chỉ cần phát biểu ý muốn của mình và sẽ được thỏa mãn. Anh cần gì? Một cuộn thuốc lá? Đồ trang sức bằng lông chim của người da đỏ? Một cái tẩu bằng đá? Một con chim nhại có thể kêu “meo

meo”? Bộ lông của một con thú dữ hoặc một con chim giáo chủ trong bộ lông màu đỏ máu? Hãy nói nhanh lên, anh thích cái gì nhất!

Một lát sau chúng tôi đi tới thuyền và ông giúp tôi bước lên. Như trong mơ, tôi không còn nghĩ đến chuyện khước từ. Đúng tôi là một kẻ ngu muội đáng buồn. Tôi đã tin là mình tìm thấy một người bạn, một người đỡ đầu và sung sướng ngắm con tàu.

Khi tất cả đã ngồi yên chỗ, con thuyền rời bến và bơi nhanh. Niềm vui của tôi, sự ngạc nhiên về khoảng cách xa bờ cũng như sự lớn dần của con tàu lớn tới mức tôi không biết người thuyền trưởng nói gì với tôi nữa mà tôi lại trả lời thế nào đó. Khi tới ngang con tàu tôi ngạc nhiên về chiều cao của nó và tiếng rì rào của nước đang vỗ sủi bọt bên dưới. Tôi ngạc nhiên nghe những tiếng gọi của thủy thủ.

Hoseason giảng giải cho tôi là tôi và ông ta phải lên tàu đầu tiên. Ông ta ra lệnh cho một thủy thủ thả xuống một sợi dây cột từ cột buồm chính. Tôi được kéo lên sàn tàu nơi thuyền trưởng đang chờ, ông ta lập tức kéo lấy tay tôi.

Trong một khoảnh khắc tôi như bị thôi miên, tất cả đung đưa và quay quanh tôi. Tôi hơi sợ, đồng thời cũng thấy sung sướng về tất cả những gì đang nhìn thấy. Thuyền trưởng dùng ngón tay chỉ cho tôi những vật lạ và nói tên chúng là gì, dùng để làm gì.

— Bác tôi đâu rồi? – Đột nhiên tôi hỏi.

Hoseason nhăn mặt rồi đáp:

— Sẽ thấy ngay thôi.

Tôi lập tức hiểu ra rằng mình đã mất hết. Dùng hết sức, tôi giật tay khỏi người thuyền trưởng và chạy ra mạn tàu. Nhưng chiếc thuyền kèm đã bơi về thành phố và bác tôi ngồi trên mạn.

Tôi gào lên như điên dại:

— Cứu tôi với, cứu tôi với! Kẻ giết người! Cứu tôi với!

Hai bờ vịnh vọng lại tiếng kêu điên dại của tôi. Bác tôi quay về phía tàu và hướng bộ mặt dã thú đáng sợ vào tôi.

Đó là cảnh cuối cùng tôi còn nhìn thấy. Những cú đấm mạnh làm tôi bắn khỏi mạn tàu, sau đó thêm một cú tựa như sấm vậ. Đom đóm nổ trên mặt và tôi ngất đi.

Chương 7:

TÀU COVENANT OF DYSART RA KHỎI – TÔI Ở TRÊN BOONG

Bị trói chân tay, người đau ê ẩm, xung quanh tối om và đầy tiếng động lạ... tôi dần dần tỉnh lại. Tôi nghe tiếng sóng vỗ như từ một máy nghiền lớn, nghe thấy biển động đập vào thành tàu, nghe thấy tiếng kêu kèn kẹt của buồm và những tiếng thét chói tai của thủy thủ. Tôi bị dâng lên cao rồi tụt xuống dưới. Tôi cảm thấy ốm yếu, cạn sức, tất cả xương cốt đau như làm cho trí óc tê liệt và mãi một lúc sau, luôn bị nỗi đau đốn dày vò, tôi mới lại suy nghĩ được đôi chút. Mãi lúc đó tôi mới dần dần thấy mình bị trói ở đâu đó trong hầm con tàu bất hạnh và chắc là từ ngọn gió mới ở trong vịnh, một cơn bão đã hình thành. Hoàn cảnh hiện nay làm tôi thấy mình vô vọng và dao động sâu sắc, đồng thời hối hận về sự ngây thơ của mình và căm giận vô bờ bác tôi. Tôi lại ngất đi.

Khi tỉnh lại vẫn trong những tiếng ồn ào đó ở xung quanh, tôi vẫn luôn bị chao đảo, lúc lên, lúc xuống. Ngoài sự đau đốn và say sóng làm tôi nửa tỉnh nửa mê bây giờ lại thêm sự khó chịu mà nói chung người mới đi biển luôn có.

Suốt thời gian xảy ra những chuyện phiêu lưu, tôi đã chịu đựng nhiều chuyện khó chịu, nhưng không có gì tra tấn tôi, cả phần xác lẫn phần hồn và làm tôi tuyệt vọng nhiều như những giờ đầu tiên trên tàu *Covenant*.

Tôi nghe tiếng súng nổ và cho rằng con tàu không vượt qua được cơn bão và họ bắn súng cấp cứu. Tôi vui mừng với ý nghĩ là mình sẽ được thoát khỏi tình trạng đáng sợ này dù có chết đuối cũng được.

Nhưng sau này tôi mới biết một chuyện như vậy đã không xảy ra mà đó chỉ là thói quen của tay thuyền trưởng và tôi muốn viết ra đây để thấy rằng kể cả những con người độc ác nhất cũng có những mặt tốt của nó. Số là

chúng tôi đang đi ngang qua, chỉ cách Dysart vài dặm, là nơi con tàu này đã được đóng trước đây và là nơi cách đây vài năm mẹ tay thuyền trưởng, bà Hoseason, đã chuyển tới ở. Và dù con tàu ra đi hay trở về, *Covenant* không bao giờ được phép đi qua đây mà không chào cờ và bắn súng chào.

Tôi mất hết cảm giác thời gian. Trong cái hầm tàu địa ngục này, nơi tôi đang nằm trơ trọi, thì ngày và đêm như nhau và trong trạng thái bi đát của tôi, thời gian đã trôi đi bất tận. Tôi không còn biết tôi đã nằm đó bao lâu và chờ đợi con tàu đâm vào đá hoặc chìm xuống đáy biển ở những chỗ sâu nhất. Cuối cùng giấc ngủ đến làm tôi quên đi sự dầy vò phải chứng kiến cái cảnh đó lúc tỉnh. Tôi không hiểu mình đã ngủ bao lâu, chỉ tỉnh lại khi có ai đó soi ngọn đèn dầu vào mặt.

Một người đàn ông nhỏ con, chừng ba mươi tuổi, mắt xanh, tóc vàng đứng trước mặt và nhìn tôi.

— Thế nào, khỏe chứ? – Anh ta hỏi.

Câu trả lời của tôi là một tiếng bật khóc. Người lạ mặt cầm tay tôi, bắt mạch, sờ thái dương, rửa và băng vết thương trên đầu tôi.

— Thế đó. – Ông ta càu nhàu – Một cú đập cuồng dại. Dững cảm lên, cậu bé! Tất cả chưa phải đã mất hết. Khởi đầu xấu nhưng mọi việc sẽ lại tốt đẹp. Cậu phải hồi phục lại. Cậu đã ăn gì chưa, có thích chút thịt không?

Tôi nói rằng đối với tôi, ngay cả ý nghĩ ăn cái gì đó là nực cười rồi. Bằng cái bát uống trà ông ta cho tôi một ngụm rượu mạnh pha bằng nước. Sau đó ông ta đi khỏi, để tôi ở lại một mình.

Khi ông ta quay lại, tôi đang nằm nửa tỉnh nửa mê, mắt mở to nhìn vào bóng tối. Tôi không cảm thấy khó chịu nữa nhưng sự say sòng làm tôi chóng mặt, có cảm giác bị chao đảo và còn khổ sở hơn là buồn nôn. Ngoài ra, xương cốt đau nhức và sợi dây trói bằng dây căng buồm chĩa vào da thịt, làm nóng bỏng như lửa cháy. Mùi hôi thối ở cái lỗ tôi nằm trở thành một bộ phận của chính tôi. Ngoài ra trong thời gian dài từ lúc người làm phúc đi khỏi, tôi bị tra tấn bởi nỗi sợ hãi, thứ nhất là trước lũ chuột cống, đôi khi chúng trèo cả lên mặt tôi và thứ hai, trước sự mộng mị thường đến với người sốt cao.

Vì thế, khi nắp hầm mở ra, ánh đèn dầu xuất hiện tưởng như ánh sáng mặt trời thiên thần và mặc dù lúc này ở trong nhà tù của mình tôi đã nhìn rõ cái hầm lớn của hầm tàu, tôi vẫn muốn kêu thật to lên.

Người đàn ông mắt xanh là người thứ nhất leo thang xuống, tôi cảm thấy bây giờ ông bước đi không bình tĩnh lắm. Ông ta đứng đưa một cách kỳ lạ. Sau ông ta là thuyền trưởng. Không một người nào trong họ nói gì cả. Người đàn ông tóc vàng lại khám cho tôi, và cũng như lần trước, các vết thương. Hoseason nhìn tôi với con mắt tối tăm đặc biệt.

— Bây giờ Ngài đã tự thấy, – Người cứu tôi nói – Anh ta sốt cao. Ở đây tối quá, anh ta không ăn được và không muốn ăn. Ngài biết rõ việc này sẽ đi tới đâu.

— Tôi không phải nhà ảo thuật, thưa ngài Riach – Tay thuyền trưởng nói.

— Thế thì bây giờ để tôi tự do hoạt động, thưa ngài. Mặc dù ngài có một cái đầu lấu cá, một cái lưỡi của dân Scot, nhưng tôi không cho phép ngài thoái thác. Tôi muốn cậu bé ra khỏi cái lỗ này và lên hầm ở phía trước.

— Điều gì ngài muốn hoàn toàn là việc của ngài – Viên thuyền trưởng trả lời – Tôi chỉ nói cho ngài biết cái gì phải xảy ra: thằng bé đây và nó phải ở lại đây!

— Chấp nhận là ngài được trả tiền cho việc này. – Người tóc vàng phản đối – Tuy nhiên, với tất cả lòng khiêm tốn tôi phải lưu ý là tôi không ăn chia gì trong đó cả. Tôi phải vui lòng với tiền lương của mình và nó quá ít đối với một sĩ quan thứ nhì trên con tàu cổ lỗ này và ngài biết rõ nhất là tôi thực hiện rất tốt nhiệm vụ của mình. Tôi được trả tiền cho việc đó và không cho một cái gì khác.

— Nếu ngài không dính đến rượu mạnh! Ngài Riach ạ, ngoài ra tôi không có gì phải phàn nàn về ngài cả. Nhưng đáng lẽ để cái trò này cho tôi, ngài nên dùng sức để làm nguội món xúp lúa mạch của mình khi nó quá nóng, nếu tôi được phép khuyên ngài như vậy. Chúng ta cần lên sàn tàu! – Ông ta nói thêm một cách thô bạo và leo lên các bậc thang.

Nhưng người đàn ông được gọi là Riach đã giữ chặt ông ta:

— Đồng ý là ngài được trả tiền cho một vụ giết người... – Ông này lại bắt đầu.

— Cái gì vậy? – Viên thuyền trưởng kêu lên – Ông nói với tôi bằng cái giọng gì vậy?

— Bằng một giọng mà chỉ riêng ngài hiểu thôi. – ông Riach nói và bình tĩnh nhìn vào mặt viên thuyền trưởng.

— Ngài Riach, chúng ta đã đi biển với nhau ba lần rồi. – Hoseason ngắt lời – Điều này đủ để Ngài hiểu tôi. Tôi là một người cứng rắn, có một ý chí gang thép. Nhưng điều Ngài vừa kết tội tôi, ma quỷ ạ, xuất phát từ một lòng độc địa và một sự hiểu biết tồi. Nếu ngài nghĩ rằng thằng bé sẽ chết ở đây...

— Vâng, tôi nghĩ như vậy. – Ông Riach lạnh lùng nói.

— Thôi đủ rồi! Hãy đưa cậu ta đến chỗ nào Ngài muốn. – Và sau những lời đó, viên thuyền trưởng leo thang lên trên.

Trong thời gian xảy ra câu chuyện đáng chú ý trên, tôi nằm bất động và bây giờ quan sát ông Riach đang nhìn theo viên thuyền trưởng cúi chào ông ta sát đất vẻ khôi hài rõ rệt.

Dù tôi có cảm thấy đáng thương, và khốn khổ thì hai việc đã rõ ràng với tôi. Người thủy thủ này tuy say, như viên thuyền trưởng đã nói, nhưng dù tỉnh hay không, đối với tôi anh ta sẽ là một người bạn quý giá.

Năm phút sau, cái sợi dây trói bị cắt đứt. Ai đó cõng tôi trên lưng và leo thang lên phòng ở mặt trước. Tôi được đặt nằm trong một ca-bin, trên một vài tấm chăn và việc đầu tiên là tôi lại bị ngất.

Một thời gian dài sau đó, khi tôi mở mắt chỉ cần nhìn thấy những con người bao quanh là tôi thấy khuây khỏa rồi.

Khoang phía đầu tàu khá rộng, giường ngủ đặt khắp nơi, các thủy thủ không phải phiên trực đang ngồi hút thuốc hoặc chuẩn bị đi ngủ.

Vì trời đã yên tĩnh, bão đã tan, các cửa sổ tròn được mở ra, chẳng những ánh sáng ban ngày chiếu sáng trong phòng mà đôi lúc do tàu chòng chành một tia nắng rơi vào làm tôi chói mắt và hạnh phúc. Ngay khi tôi vừa cử

động được, một người đã đem cho tôi một thứ nước uống tăng lực mà ngài Riach pha cho tôi. Người thủy thủ ra lệnh cho tôi nằm yên hoàn toàn và nói rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ khỏe.

— Cậu không bị gãy cái xương nào. – Anh an ủi tôi – Cậu chỉ bị một cú đánh trúng đầu, nhưng không sao đâu. Chính tớ đánh đấy.

Tôi nằm ở đó cả ngày, bị canh phòng nghiêm ngặt như người tù. Nhưng tôi hồi phục dần dần và làm quen với những chiến hữu của mình. Họ từ nhiều nghề nghiệp khác nhau, được nhào nặn trên những mặt biển dã thú và các ông chủ của họ cũng không kém phần thô bạo và dã man hơn bản thân họ. Trong số họ có một số đã từng ở trên những tàu cướp biển và đã trải qua những việc mà chỉ nói tới người ta đã thấy xấu hổ rồi. Một số đã từng ở trong hải quân hoàng gia Anh. Họ sống với một cái thông lọng vô hình ở cổ và không phải không biết điều đó. Tất cả họ là những con người thô bạo, như người ta thường nói, vừa mới là những người bạn tốt trong khoảnh khắc đã có thể cãi nhau gay gắt và thường gây ẩu đả.

Ở với họ còn chưa lâu, tôi đã thấy xấu hổ về những ấn tượng đầu tiên của mình lúc ở trên bờ, lúc tôi muốn tránh xa họ như tránh những con thú dữ. Con người không bao giờ hoàn toàn tồi tệ, mỗi người đều có những tật xấu và tính tốt. Các bạn trên tàu của tôi cũng không nằm ở ngoại lệ, đúng họ là những con người thô bạo và một số trong đó thực sự là những kẻ xấu. Nhưng họ cũng có những tính tốt, khi vừa lòng họ có thể rất tốt bụng. Họ còn ngây thơ hơn cả tôi – một cậu bé nông dân ngây thơ – nhưng họ cũng bộc lộ những đặc điểm của tính chính trực.

Một người trong họ, tuổi khoảng bốn mươi, đã ngồi hàng giờ bên giường tôi, kể cho tôi nghe về vợ và con anh ta. Trước đây anh ta là dân đánh cá nhưng bị mất thuyền và phải đi ra biển. Bây giờ, đã nhiều năm trôi qua mà tôi không thể nào quên anh ta. Như anh ta kể, vợ anh ta trẻ hơn anh rất nhiều, đã chờ đợi từ không biết bao lâu rồi sự trở về của anh. Không bao giờ anh ta có thể nhóm lửa buổi sáng cho vợ hoặc chăm sóc con khi chúng ốm nữa.

Đúng vậy, rất nhiều trong những con người này trong thực tế đang đi chuyển đi biển cuối cùng của mình. Biển khơi và những con cá mập đang chờ họ và với tôi, nói về những điều xấu của người đã chết là một việc làm vô ơn.

Trong số những việc tốt họ đã làm với tôi, tôi phải kể thêm là họ đã trả lại tôi số tiền đã chia nhau trước đó. Thật ra thì thiếu mất một phần ba nhưng tôi rất sung sướng nhận lại và chờ đợi những điều kỳ diệu ở mảnh đất chúng tôi đang đi tới.

Con tàu đi Carolina và tôi nghĩ rằng mình không chỉ bị đày tới đó. Bây giờ việc buôn bán người đã bị bãi bỏ và sau những cuộc nổi dậy của các thuộc địa và sự thành lập Hợp chủng quốc, đã hoàn toàn chấm dứt. Nhưng khi đó, vào cái thời niên thiếu của tôi, cả những nô lệ da trắng cũng được bán cho các chủ đồn điền và đó là số mệnh mà ông bác đáng nguyên rủa đã giành cho tôi.

Cậu thủy thủ học nghề Ransome người đầu tiên kể cho tôi chút ít về cái điều nhục nhã này, đôi lúc ra khỏi phòng nơi nó ngủ và hầu hạ các sĩ quan ở khoang trước. Đôi khi nó phải chăm sóc cái chân có tật trong niềm đau đớn âm lạnh, lần khác thì cậu ta chửi rủa ông Shuans.

Tim tôi đau nhói khi nghe những lời kể lẽ đó, nhưng đám thủy thủ lại rất kính trọng tay đi biển có hạng này, gọi ông ta là thủy thủ thực sự độc nhất trong đội ăn cướp này. Và ông ta cũng không phải là kẻ tồi nhất, nếu không say.

Tôi phát hiện ra sự khác nhau kỳ lạ giữa hai sĩ quan trên tàu chúng tôi. Ngài Riach khi tỉnh thì không vui vẻ, hay buồn bực và thô bạo, còn ngài Shuans thì ruồi muỗi cũng không chịu nổi khi ông ta say. Tôi hỏi thuyền trưởng nghĩ gì về chuyện đó và họ nói với tôi là việc nhậu nhẹt chẳng là gì đối với bản chất sắt đá đó.

Trong thời gian ngắn ngủi ở đó, tôi đã cố hết sức biến cải cậu bé Ransome đáng thương thành một người đàn ông, hay đúng hơn một thanh niên đứng đắn. Nhưng trong đầu nó không phải hoàn toàn đầu vào đấy cả. Thí dụ cậu

ta hoàn toàn không còn nhớ gì về quãng thời gian bắt đầu đi biển. Cậu ta chỉ nhớ bố chữa đồng hồ và trong nhà có một con sáo có thể hát bài *Quê hương tôi ở miền Bắc*. Những đòn tra tấn phải chịu đựng hàng năm trời và sự tàn bạo của những kẻ ăn hiếp nó đã làm tiêu tan mọi kỷ niệm cũ. Nó chỉ có những khái niệm kỳ lạ về đất liền do các thủy thủ kể cho nghe. Thí dụ, cậu ta tin là những thanh niên nông thôn bị ép thành một loại như nô lệ, gọi là “thủ công”, bị ném vào một nhà tù hôi thối, thường xuyên bị đánh đập, còn ở thành phố thì cứ hai người có một tên khiêu khích và cứ ba nhà thì có một cạm bẫy mà ở đó thủy thủ bị bỏ thuốc mê và giết hại.

Tất nhiên tôi kể cho cậu ta biết con người ở đất liền, vùng đất mà nó sợ, dễ thương như thế nào, bố mẹ, người thân nuôi và giáo dục tôi chu đáo như thế nào.

Mỗi lần bị đối xử tàn nhẫn, cậu ta khóc lóc thảm khốc và thề sẽ đi khỏi đây. Nhưng ngay sau khi nhận được ly rượu mạnh ở quán của sĩ quan, nó lại sa vào tính tự mãn quá đáng hoặc nghiêm trọng hơn, lại chế giễu sự khuyên bảo của tôi.

Ngài Riach, cầu trời tha thứ cho ông ta – là người thường cho cậu bé uống rượu. Ông ta cho rằng điều đó tốt mà không tính đến việc đó sẽ chôn vùi sức khỏe của cậu ta. Thật đáng thương khi nhìn cậu bé bất hạnh, bị tất cả mọi người coi thường đi loạng choạng, chân nọ đá chân kia và nói những lời ngu ngốc. Một số thủy thủ cười cậu ta, những người khác nét mặt tối sầm – Có lẽ họ nghĩ đến thời trẻ của bản thân mình hoặc nghĩ đến con cái ở nhà – và ra nghiêm lệnh cho cậu ta chấm dứt những trò ngu ngốc và xem lại mình đang làm gì vậy. Bản thân tôi thấy xấu hổ khi nhìn cậu ta và ngay cả bây giờ thỉnh thoảng cậu ta lại xuất hiện trong những giấc chiêm bao đáng sợ của tôi.

Cần phải nói thêm là suốt thời gian đó tàu *Covenant* phải chiến đấu với gió ngược chiều và bị sóng lớn xô qua xô lại. Các cửa sổ trên khoang trước hầu như thường xuyên đóng chặt, khoảng không gian chỉ được chiếu sáng mờ mờ bằng một ngọn đèn chao đảo, treo ở cột sàn tàu. Thủy thủ phải làm việc liên tục vì buồm phải căng ra hoặc gập lại theo từng giờ. Những lúc đó đám đàn ông này trở nên mệt mỏi và khó chịu, những cuộc cãi vã và ẩu đả

từ giường nọ đến giường kia kéo dài suốt ngày, không có tận cùng. Người ta cấm tôi bước chân ra sàn tàu. Bạn đọc có thể tưởng tượng được tôi thấy cuộc sống này vô vị và nóng lòng mong ước một sự thay đổi như thế nào.

Sự thay đổi đó không phải chờ đợi lâu và bạn đọc sẽ được biết nó diễn ra như thế nào. Nhưng trước đó tôi muốn kể về một buổi nói chuyện của tôi với ngài Riach, đã giúp tôi tiếp tục chịu đựng số mệnh này.

Tôi chọn thời điểm thuận lợi khi ông ta bắt đầu say, bởi vì khi tỉnh ông ta không quan tâm đến tôi. Sau khi ông ta hứa giữ kín câu chuyện, tôi đã kể cho ông ta nghe về tôi. – Toàn bộ câu chuyện có vẻ như một chuyện cổ tích – ông ta nói và hứa sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp tôi. Ông ta sẽ kiếm giấy, bút và mực, còn tôi thì cần viết một vài dòng cho ông Campbell và cả ông Ramkeillor. Nếu tôi đã kể sự thật, ông ta nói, ông ta có thể cá mười lấy một là với sự hỗ trợ của hai người đàn ông kia. Tôi sẽ lấy lại tự do và quyền lợi của mình.

Trong khi chờ đợi, – ông động viên tôi – Cậu không được để mất lòng dũng cảm. Không phải chỉ có mình cậu như vậy, điều này cậu cần biết rõ. Một số người đang phải chặt thuốc lá ở hải ngoại trong khi ở nhà họ có ngựa riêng để cưỡi. Rất nhiều, rất nhiều người như vậy. Trong trường hợp thuận lợi nhất, cuộc sống của con người cũng không khác hơn trò lắc con xúc xắc. Nhìn tôi đây này: tôi là con một quan chức Scot và gần như một bác sĩ nhưng tôi phải nhảy múa theo tiếng còi của Hoseason.

Tôi nghĩ rằng sẽ là một chuyện lịch sử nếu biết về cuộc sống của ông.

Ông rít qua kẽ răng:

— Chưa bao giờ có cuộc sống cả. Tôi muốn sống qua một cái gì đó. Ngoài ra không có gì cả.

Và ông đi khỏi bằng những bước nhảy ngắn.

Chương 8: **TÔI CHUYỂN SANG PHÒNG NGỦ**

Vào một buổi tối, khoảng mười một giờ, có một người trong tốp trực của ngài Riach từ boong tàu đi xuống dưới để lấy áo khoác. Liền sau đó có tiếng thì thầm ở khoang trước: “Ngài Shuan đã cho hẵn phần còn lại”. Tất cả chúng tôi đều biết họ nói về ai, nhưng hầu như không có thì giờ để xem tin đồn có đúng không và hãy cẩn thận khi nói về chuyện đó, lúc đó cửa tròn mở thuyền trưởng leo thang xuống. Ông ta tìm kiếm trong ánh đèn đầu chao đảo ở các giường, sau đó đi thẳng đến chỗ tôi.

— Cậu bé, tôi muốn cậu phục vụ chúng tôi trong phòng ngủ. – Ông ta nói thân mật trước sự ngạc nhiên của tôi – Cậu sẽ đổi giường cho Ransome. Làm sao để sau tám giờ cậu có mặt.

Ngay khi ông còn đang nói, xuất hiện hai thủy thủ ở cửa tròn, mang Ransome trên tay. Khi con tàu nghiêng về một bên do biển động, ánh sáng chiếc đèn đầu chao đảo chiếu vào mặt cậu bé. Trông nó nhợt nhạt, nét mặt mang nụ cười điên dại. Máu trong người tôi muốn ngừng chảy. Tôi nín thở tưởng như vừa bị một đòn bất chợt.

— Hãy chạy đi, chạy đi, làm sao đến sau tám giờ – Hoseason gầm lên.

Tôi len qua hai thủy thủ mang Ransome. Họ đứng như trời trồng, không nói một lời. Tôi vội vã leo thang lên phía trên.

Con tàu buồm trườn lên và lặn trong một đường biển dài đầy bọt hướng nhanh về phía trước, chao đảo sang phải, sang trái. Qua chân của buồm mũi, tôi có thể nhìn thấy một mặt trời dễ thương đang lặn. Cái màn kịch của tự nhiên vào buổi chiều tà làm tôi ngạc nhiên, nhưng tôi còn quan sát non nớt để rút ra kết luận đúng đắn, cụ thể là hiện nay chúng tôi đang chạy lên phía Bắc, vòng quanh Scotland và chúng tôi đang ở biển lớn giữa đảo Orkney và Shetland sau khi đã tránh được dòng hải lưu nguy hiểm Pentland Firth.

Tôi, vì đã ngồi quá lâu trong bóng tối, không biết rằng luồng gió ngược chiều và cho rằng chúng tôi đã vượt hơn nửa đại dương. Nếu tôi có ngạc nhiên chút ít về mặt trời tà, tôi cũng không nghĩ kỹ về chuyện đó mà vội vã lên boong tàu. Để chống lại biển động, tôi bám chặt vào đầu sợi dây căng buồm, nhưng cuối cùng cũng phải bám theo một thủy thủ, người luôn tử tế với tôi, để qua boong.

Cái phòng ở mà tôi đang tới từ nay phải sống và ngủ trong đó, nhô lên khỏi boong khoảng sáu foot⁴, so với độ lớn của tàu buồm thì nó khá rộng. Một chiếc bàn và một chiếc ghế băng được gắn chặt vào nền, ngoài ra có hai cái giường: một cho thuyền trưởng, một cho hai sĩ quan sử dụng theo ca của họ. Sát tường là những chiếc tủ, một phần dự trữ cho tàu nằm trong đó. Bên dưới phòng có một kho khác, có lối đi qua cửa tròn giữa boong, ở đó chứa các loại thịt rượu ngon nhất và toàn bộ thuốc súng. Tất cả súng ống, không kể hai khẩu súng đồng, được đặt trên giá sát tường hậu trong phòng. Đại bộ phận gươm được để ở một chỗ khác. Những cửa sổ nhỏ đóng bằng lá sách bố trí ở hai bên và một lỗ sáng ở trần cho ánh sáng mặt trời vào phòng. Khi trời tối người ta luôn đốt một ngọn đèn trong phòng. Bây giờ, khi tôi bước vào, ngọn đèn vẫn đang cháy tuy không sáng lắm nhưng tôi có thể nhận ra ông Shuan ngồi sau bàn với một chai rượu mạnh và một cái cốc bằng thiếc. Ông ta to lớn, khỏe mạnh, tóc đen nhánh. Ông ta đang nhìn lơ đãng vào mặt bàn, hoàn toàn không quan tâm đến chuyện tôi vào phòng, cũng không cử động khi thuyền trưởng bước vào, ngồi xuống giường cạnh tôi với bộ mặt tối sầm.

Nói chung, tôi rất sợ Hoseason và có lý do về việc đó, nhưng cái gì đó nói với tôi là bây giờ tôi không phải sợ ông ta nữa. Vì vậy tôi hỏi thăm ông ta:

— Cậu ta thế nào rồi?

Ông ta lắc đầu cứ như ông ta không biết gì hoặc không muốn nhớ lại chuyện đó. Mặt ông ta rất nghiêm trang.

Ngay sau đó ngài Riach tới. Ông ta nhìn thuyền trưởng, cái nhìn cho ta thấy rõ ràng hơn là lời nói rằng cậu bé đã chết. Người sĩ quan thứ nhì tìm

một chỗ và cả ba chúng tôi đứng yên lặng ở đó và nhìn chăm chăm vào ông Shuan, vẫn luôn ngồi đó không nói một lời và nhìn trân trân về phía trước.

Đột nhiên ông ta đưa tay lấy chai rượu. Cùng lúc đó ông Riach bước tới sát ông ta, giật chai rượu khỏi tay. Điều đó ông ta làm nhờ bất ngờ hơn là dùng sức, chửi một câu nặng nề và hét lên rằng đã có quá nhiều điều thối nát, chắc chắn con tàu sẽ lãnh đủ.

Trong khi nói điều đó ông Riach ném cái chai qua cửa ra biển.

Liền đó ngài Riach đứng vụt dậy, trông ông ta còn luống cuống nhưng quyết tâm đi tới một vụ giết người. Có lẽ ông ta đã làm việc đó lần thứ hai trong ngày nếu viên thuyền trưởng không xuất hiện.

— Anh hãy ngồi xuống – ông ta gào lên – Anh là một thằng say, một con lợn! Anh có biết anh vừa làm gì không? Anh đã đánh chết thằng bé!

Có lẽ ngài Shuan đã hiểu câu nói vì ông ta đã ngồi xuống và lấy tay vuốt trán:

— Vâng. – Ông ta nói – Nó đã đưa cho tôi một cái ly bần.

Khi nghe những lời ấy, ba chúng tôi – Viên thuyền trưởng, ngài Riach và tôi – sợ hãi nhìn nhau. Sau đó Hoseason đi tới thủy thủ số một của ông ta, hấn nắm lấy vai và đưa ông ta về giường. Hấn yêu cầu Shuan nằm xuống ngủ bằng một giọng như là người ta nói với một đứa trẻ ngang bướng. Kẻ giết người khóc một chút, nhưng rồi nghe lời, tháo ụng ra.

— Ô, – Ngài Riach kêu lên giọng đe dọa – Đáng lẽ Ngài phải can thiệp từ lâu rồi. Bây giờ thì đã muộn.

— Ngài Riach – Viên thuyền trưởng nói – Những gì xảy ra ở đây tối hôm nay không ai ở Dycart được biết, cần phải nói là thằng bé trượt chân rơi xuống biển. Và tôi sẵn sàng bỏ ra năm bảng từ túi mình để cược rằng đúng như vậy.

Sau đó ông ta quay lại bàn:

— Ngài nghĩ gì mà lãng phí chai rượu ngon như vậy? – Ông ta nói tiếp – Điều đó vô nghĩa. Này David, lấy cho tôi một chai khác bên dưới tủ ấy. – Và

ông ném cho tôi một chùm chìa khóa. Quay lại Riach, ông ta nói:

— Ngài cũng nên dùng một ly. Câu chuyện này thật là dễ sợ.

Cả hai ngồi xuống và bắt đầu nói nhỏ với nhau. Trong khi đó, kẻ giết người đang nằm rên rỉ trên giường, rồi ngẩng đầu dậy, chống tay lên giường, đầu tiên nhìn tôi sau đó nhìn hai người.

Buổi tối đầu tiên với nghĩa vụ mới của tôi bắt đầu như vậy, những ngày sau đó tôi dần dần quen đi. Tôi phải phục vụ bữa ăn của thuyền trưởng và các sĩ quan không phải trực vào những giờ nhất định. Từ sáng đến tối tôi phải chạy đi, chạy lại, với một cốc rượu mạnh trên tay chạy theo từng người trong ba lãnh chúa của tôi. Đêm đến, quần trong một chiếc chăn, tôi nằm ngủ trên nền nhà giữa cửa ra vào và góc ngoài cùng của phòng, chỗ dễ tới nhất. Chỗ của tôi lạnh và cồng, tôi không thể ngủ ngon được vì luôn luôn có người ra vào để nốc một hớp rượu mạnh và khi đổi kíp trực, những kẻ hết phiên ngồi thành hai hoặc ba nhóm và nhậu. Làm sao trong cuộc sống thế này mà vẫn còn khỏe mạnh, điều này tôi không hiểu được cũng như không hiểu được chính mình.

Và tuy vậy, về một mặt khác, đó là một công việc nhẹ nhàng. Không cần trải khăn bàn, và bữa ăn chỉ là bột lúa mạch hoặc thịt cừu. Chỉ hai lần trong tuần có bánh bao và mặc dù tôi còn chưa quen, chưa có đôi chân của thủy thủ, nhiều lần phải bò trên sàn cùng với khay thức ăn, nhưng cả ngài Riach lẫn thuyền trưởng đều thông cảm với tôi. Tôi đã nghĩ rằng lương tâm họ cắn rứt và muốn yên ổn trong lòng. Chắc chắn không khi nào họ đối xử tốt với tôi như vậy nếu trước đó họ không tra tấn Ransome tôi tệ như thế.

Còn ngài Shuan, rõ ràng rượu và tội ác đã làm tối tăm lý trí của ông ta. Tôi không thể nói đã có lần nào thấy ông ta hoàn toàn tỉnh táo chưa. Ông ta cũng không bao giờ quen với sự có mặt của tôi. Đôi lúc ông ta nhìn tôi chăm chăm và tôi thấy hình như cái nhìn đầy sợ hãi và không chỉ một lần ông ta đã sợ rúm lại khi tôi mang đồ ăn đến. Ngay từ đầu tôi đã biết rằng ông ta không rút ra được điều gì đúng đắn từ những việc đã làm. Điều phỏng đoán đó đã được xác nhận trong ngày hầu hạ thứ hai của tôi. Trong phòng chỉ có

hai chúng tôi và ông ta đã nhìn tôi rất lâu. Đột nhiên ông ta nhảy lên, mặt trắng như xác chết, đi đến gần tôi trong khi tôi đang khiếp sợ. Nhưng rồi tôi nhận ra không có lý do gì để sợ cả.

— Trước đây mày không ở đây phải không? – ông ta hỏi.

— Không, thưa ngài – Tôi đáp.

— Lúc đó là một cậu bé khác phải không? – ông ta tiếp tục hỏi – Ông ta lại hỏi một lần nữa và khi tôi nói rõ tất cả, ông ta nói:

—Ồ, tao cũng nghĩ đến chuyện đó.

Sau đó ông ta về lại chỗ ngồi, không nói thêm một lời mà chỉ yêu cầu rượu mạnh. Có thể bạn đọc ngạc nhiên nhưng mặc dù sợ ngài Shuan, tôi thấy thương hại ông ta. Ông ta có vợ, bà ấy sống ở Leith. Tôi không biết ông ta có con không. Hy vọng là không có. Về đại thể cuộc sống của tôi chừng nào còn như thế này thì cũng không quá tồi tệ. Tôi được ăn ngon như các sĩ quan, thậm chí được ăn cả dưa chuột và hành muối là những món được coi là cao cấp. Tôi cũng có thể liên tục uống say như ngài Shuan, nếu tôi muốn. Tôi cũng có dịp đàm thoại và cũng không đến nỗi tồi, bởi vì ngài Riach, đã được học ở trường cao hơn, luôn nói chuyện với tôi như một người bạn nếu ông không quá say. Ông đã kể cho tôi nghe nhiều điều kỳ lạ, phần lớn rất bổ ích. Thậm chí viên thuyền trưởng, người luôn luôn tránh một sự tín nhiệm, thỉnh thoảng cũng thích nói chuyện với tôi và tả cho tôi những đất nước tươi đẹp mà ông ta có dịp tìm hiểu trong các chuyến đi đó.

Tất nhiên cả bốn chúng tôi vẫn không quên được cái bóng đen Ransome, gánh nặng đó đặc biệt đè lên ngài Shuan và tôi. Nhưng tôi còn có một nỗi buồn khác: Tôi phải thực hiện những công việc đen tối cho ba người đàn ông mà tôi căm ghét, trong đó ít nhất một người đáng treo cổ. Đó là những vấn đề tôi quan tâm, còn về tương lai? Chắc chắn tôi sẽ thành người đồng cảnh với những nô lệ da đen trên các đồn điền thuốc lá. Ngài Riach không bao giờ còn lắng nghe tôi kể về đời mình nữa, có lẽ do thận trọng. Khi tôi muốn tâm sự với viên thuyền trưởng, ông ta hét to lên và không muốn nghe

dù chỉ một lời về chuyện đó. Ngày lại ngày, trái tim tôi thêm nặng nề, cho tới khi tôi thấy sung sướng được làm việc để khỏi phải nghĩ ngợi.

Chương 9: **NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÓ DÂY LƯNG BẰNG VÀNG**

Hơn một tuần đã trôi qua và số phận hăm hiu mà con tàu *Covenant* theo đuổi trong chuyến này chẳng những không kết thúc mà luôn luôn trầm trọng hơn. Vào một vài ngày, chúng tôi tiến nhanh về phía trước, ở những ngày khác, chúng tôi bị đẩy lùi lại theo đúng nghĩa đen. Cuối cùng chúng tôi bị trời dạt về phía Nam xa đến mức cả ngày thứ chín chúng tôi phải trở buồm một cách tuyệt vọng do nguy cơ bị đẩy vào bờ biển đầy đá nhọn hai bên ở mũi Wrath và bị đẩy đi đẩy lại.

Sau đó giữa ba người sĩ quan có cuộc bàn luận và đi đến quyết định mà tôi không thể hiểu rõ mà chỉ biết kết quả của nó mà thôi: chúng tôi biến gió chướng thành gió thuận và bây giờ quay mũi về phía Nam.

Buổi chiều ngày thứ mười biển đục đi và một làn sương mù dày đặc bao phủ con tàu. Suốt buổi chiều, mỗi khi ra boong, tôi đều thấy các sĩ quan và thủy thủ cúi người qua lan can và nghe ngóng dưới biển “tìm kẻ phá hoại”, như họ nói, và mặc dù không hiểu chữ đó, tôi cũng cảm thấy một nguy cơ và cũng hồi hộp.

Lúc đó có lẽ khoảng mười giờ đêm, tôi vừa mang cho ngài Riach và thuyền trưởng bữa ăn tối thì có một tiếng động kinh khủng. Con tàu đâm vào một cái gì đó. Liên đó có tiếng hét ở bên ngoài và hai người nhảy bổ đứng lên.

— Chúng ta mắc cạn – Ngài Riach kêu lên.

— Không phải, thưa ngài – Thuyền trưởng nói – Chúng ta đâm vào một con thuyền.

Và họ vội vã chạy ra.

Viên thuyền trưởng có lý. Trong sương mù, chúng tôi đã đâm vào một con thuyền, đâm thẳng vào chính giữa, nhận chìm tất cả chỉ còn sót lại một người và sau này tôi biết là một hành khách trên thuyền. Lúc đó anh ta ngồi ở đuôi thuyền, còn những người khác thì chèo. Khi bị đâm, phần đuôi thuyền bị bắn lên cao và người đàn ông này tay không phải làm gì, chỉ mặc một áo khoác đến gần đầu gối, tuy cổ bị vướng chút ít, đã bám chặt vào thanh dầm giữ buồm của tàu chúng tôi. Điều đó chứng tỏ anh ta gặp may, nhưng cũng phải nói anh ta là một người khỏe mạnh nhanh nhẹn, nếu không, trong hoàn cảnh như vậy không thể hành động gì được. Ngoài ra, khi được thuyền trưởng đưa vào trong phòng, trông anh ta cũng lạnh lùng và lãnh đạm như tôi.

Anh ta nhỏ và cao nhưng đầy đặn và nhanh nhẹn như một con sơn dương, bộ mặt bắt nắng màu nâu của mùa hè với rất nhiều nốt rỗ hoa gậy ấn tượng đáng mến. Đôi mắt anh ta sáng đặc biệt, ánh lên nhiệt tình hoạt động vừa lôi cuốn vừa làm người khác sợ. Khi cởi áo khoác ra, anh ta đặt vài khẩu súng lục mạ bạc lên bàn và tôi thấy anh đeo một thanh gươm dài. Cách cư xử của anh hình như tạo cho viên thuyền trưởng sự tin cậy. Và đại thể tôi có cảm giác là kết bạn với con người này chỉ có lợi mà thôi.

Viên thuyền trưởng cũng quan sát nhưng chủ yếu vào quần áo người lạ hơn là vào bản thân anh. Đúng vậy, khi cởi áo khoác ra, đứng trong ca-bin một tàu buồm, trông anh ta quá sang trọng với cái mũ lông chim, áo gi-lê đỏ, quần nhung đen, áo màu xanh có những cúc bạc lấp lánh. Đó là những quần áo đắt tiền mặc dù hình như anh ta mặc cả lúc đi ngủ và bị sương gió làm bạc màu chút ít.

— Tôi lấy làm tiếc về vụ va chạm với thuyền của ngài. – Viên thuyền trưởng nói.

— Trên thuyền có một số cậu rất cừ, – Người lạ mặt nói – những người đàn ông mà tôi sẵn sàng đánh đổi bằng mười chiếc thuyền như vậy. Khi ở trên bờ tôi đã biết rõ điều đó.

— Đó là những người bạn của ngài? – Hoseason hỏi.

— Những người bạn như thế không có ở nước ngài đâu. – Đó là câu trả lời – Mỗi người trong họ sẵn sàng chết vì tôi như một con chó trung thành.

— Bây giờ, – viên thuyền trưởng nói, vẫn luôn quan sát người lạ mặt – trên thế giới có nhiều người hơn là nhiều thuyền để đánh đổi họ.

— Đúng vậy. – Người lạ mặt nói – Ngài có vẻ rất am hiểu.

— Tôi đã ở Pháp. – Viên thuyền trưởng nói, và rõ ràng qua đó ông ta muốn nói nhiều hơn là những từ đơn thuần đó.

— Tốt đẹp thôi, thưa ngài. Nhưng ngài không phải là người độc nhất được phép nói điều đó. Một số người khác có thể tự hào về chuyện này.

— Đúng và cũng không nghi ngờ gì về quần áo sang trọng của họ.

— Ồ, – Người lạ mặt kêu lên – Té ra là như vậy. – Và anh chụp lấy súng lục của mình rất nhanh.

— Không nên vội vã như vậy, thưa ngài. – Viên thuyền trưởng nhấn mạnh – Đừng làm điều gì lộn xộn khi nào chưa cần. Ngài mang trên mình chiếc áo của người lính Pháp, nhưng trong miệng ngài là một cái lưỡi Scot, điều đó là chắc chắn. Như vậy đấy. Ngày nay những chuyện như vậy có ở thanh niên đứng đắn, cho nên người ta không nghĩ xấu về họ.

— Như vậy, ngài thuộc phe đứng đắn? – Người lạ mặt trong chiếc áo sang trọng hỏi. Qua đó anh ta ám chỉ những người Jakobit⁵. Trong tranh chấp chính trị mỗi phe đều đòi hỏi sự hợp pháp cho mình.

— Không, lạy trời, thưa Ngài. Tôi là một kẻ phản đối đúng màu sắc.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy một vài lời về tôn giáo của Hoseason, nhưng sau này tôi hiểu rằng ở trên đất liền ông ta là người chăm chỉ đi nhà thờ. Ông ta nói tiếp:

— Vì vậy, thật là đáng tiếc với tôi nếu một người đó bị đẩy vào ngõ cụt.

— Đúng vậy, phải không? – Người Jakobit hỏi – Bây giờ tôi không muốn giấu làm gì. Tôi thuộc những người lương thiện gặp khó khăn vào những năm 45-46 và nói rõ hơn thì, nếu tôi rơi vào tay bọn cầm quyền áo đỏ, chắc

chấn số mệnh tôi sẽ đen tối. Thưa Ngài, tôi đang trên đường đi Pháp. Một chiếc tàu Pháp đang đi lại ở đây và sẽ đón tôi lên. Nhưng chúng tôi đã bị lạc trong sương mù. Với tất cả tấm lòng tôi hy vọng Ngài cũng làm như vậy. Tôi chỉ có thể nói là tốt nhất là Ngài thả tôi xuống đất liền ở chỗ nào tôi muốn. Tôi có đủ tiền trong người để bù đắp công lao của Ngài.

— Ngài muốn tới Pháp? Không, tôi không thể đem Ngài tới đó mà tốt hơn là đem Ngài về nơi Ngài đã ra đi. Chỉ có thể nói vậy...

Thật rủi ro ông ta phát hiện ra tôi ở một góc phòng, lập tức bảo tôi tới nhà bếp chuẩn bị cho Ngài lạ mặt bữa ăn tối. Có thể nói tôi đã đi vội vã và khi quay lại phòng tôi vừa kịp nhìn thấy người lạ mặt cởi dây lưng, trong đó anh cất tiền và ném một vài đồng tiền vàng lên bàn. Đầu tiên viên thuyền trưởng nhìn những đồng tiền vàng, sau đó nhìn cái đai lưng, rồi ngẩng lên nhìn vào mặt người khách, ông ta có vẻ xúc động:

— Trả một nửa số đó thì ngài có thể được như mong muốn.— Ông ta kêu lên.

Người kia thu lại những đồng tiền vàng và buộc đai lưng vào người, bên dưới áo gi-lê.

— Tôi đã nói với ngài rằng tôi không có một đồng cắc nào trong đó cả. Đó là tài sản của lãnh tụ Đảng tôi. Đó sẽ là một kẻ thừa hành tồi tệ nếu không biết dùng một phần trong đó để cứu phần chính của số tiền, nhưng tôi sẽ là một tên đêú cáng, đê tiện nếu mua chuộc thân thể mình quá đắt bằng số tiền đó. Ba mươi bảng, nếu ngài cho tôi lên bờ biển và sáu mươi bảng, nếu ngài cho tôi xuống Lod Linnhe. Hãy nói đi nếu ngài đồng ý, còn không thì ngài cứ việc làm điều ngài muốn.

— Được rồi, – Hoseason nói – nhưng nếu tôi nộp ngài cho tụi Áo đỏ?

— Ngài chỉ thua thiệt mà thôi. – Người lạ mặt nói – “Xếp” của tôi tự do như chim, giống bất cứ người tử tế nào ở Scotland. Tài sản của ông ta nằm trong tay một người được gọi là vua George – Các quan chức triều đình thu tô hoặc làm như vậy. Nhưng mà, vì danh dự của những người tá điền ở Scotland tôi phải nói rằng: họ không bao giờ quên những điền chủ của họ đã

bị đày đi biệt xứ. Số tiền tôi đang giữ là một phần tô mà vua George đang mòn mõi trông đợi. Các ngài thấy đấy, các ngài có thể đếm đến năm. Nếu nộp cho chính phủ số tiền này, các ngài còn gì?

— Thôi đủ rồi – Hoseason nói và bổ sung – Nếu họ biết chút ít về chuyện này! Nhưng tôi nghĩ rằng, nếu tôi cố gắng, tôi có thể giữ mồm, giữ miệng được.

— Nhưng tôi phải nói rõ, anh bạn ạ – Người lạ mặt nói lớn – Nếu ngài chơi bài lừa với tôi, ngài sẽ nhận một cái gì đó. Hiểu rõ tôi, những người đứng đắn sẽ biết được tiền của họ đã được sử dụng vào việc gì.

— Thôi được – Hoseason nói – Ta thỏa thuận như vậy. Hãy đưa cho tôi sáu mươi bảng. Đây, xin ngài bắt tay tôi.

— Được, tôi đồng ý. – Người lạ mặt trả lời.

Sau đó viên thuyền trưởng rời phòng, có cảm giác hơi vội vã, và chỉ còn mình tôi với người lạ mặt.

Khi đó, sau năm 45, rất nhiều quý tộc Scot đang trong mối nguy hiểm chết người, từ nơi đày ải đã quay về Scotland hoặc để tìm bạn bè hoặc để rút tiền.

Các lãnh chúa vùng cao nguyên, những người thường cho rằng mình tự do như chim, thường nói với nhau rằng tá điền của họ đang nhịn đói để có thể lấy tiền cho họ. Những người trong phe của họ chống lại đội quân thu tô và bất chấp nguy hiểm liều lĩnh lách giữa các tàu của hạm đội hoàng gia để đem các món tiền thu được ra nước ngoài.

Tất nhiên những chuyện đó tôi chỉ được nghe, còn bây giờ một người như vậy đang ở trước mặt tôi, và lý do đó cuộc sống của anh coi như đã thất bại vì anh là một người nổi loạn, một kẻ buôn lậu đã mang địa tô ra nước ngoài. Chưa đủ, anh ta còn phục vụ vua Ludwing của Pháp. Và hơn nữa, anh ta còn mang trong người một đai lưng khâu đầy những đồng tiền vàng. Dù quan điểm chính trị của mình như thế nào, tôi cũng không thể dừng dừng nhìn người đó.

— Ngài là một người Jakobit? – Tôi hỏi trong lúc đặt món ăn có thịt trước mặt anh ta.

— Đúng. – Anh ta nói và bắt đầu ăn. – Còn cậu, theo cái cách cậu kéo dài bộ mặt, cậu thuộc Đảng Whig phải không?

— Nửa nọ, nửa kia. – Tôi đáp, không phải chỉ để kích thích anh ta. Không. Thực tế là ngài Campbell đã tìm cách biến tôi thành một thành viên của Đảng Whig.

— Tiếc là không phải cá, không phải thịt. – Người lạ mặt nói khô khan – Nhưng hãy nghe đây, thưa Ngài “nửa nọ nửa kia”. Chai này đã cạn rồi. Thật là quá nếu khi phải nhả ra sáu mươi bảng mà phải ngồi khô héo ở đây.

— Để tôi đi lấy chìa khóa. – Tôi nói và bước ra boong.

Sương mù vẫn dày đặc nhưng sóng đã dịu đi. Con tàu đã quay mũi vì không ai biết lúc đó chúng tôi đang ở đâu. Và gió – nếu có thổi chút nào – cũng không thể đưa chúng tôi về đúng hải trình. Một số thủy thủ vẫn còn đứng ở lan can và nghe ngóng xem có sóng ngầm không, ở giữa boong, viên thuyền trưởng và hai sĩ quan đang chụm đầu bàn luận. Tôi không biết vì sao, nhưng có cảm giác là họ đang định làm một cái gì xấu xa. Khi tôi lên đến gần, những lời đầu tiên nghe được đã xác nhận điều dự đoán.

Theo một ý nghĩ bất chợt nào đó, ngài Riach vừa nói to lên một chút:

— Liệu ta có thể nhử hãn ra khỏi phòng?

— Tốt nhất là để hãn yên ở chỗ hiện nay – Hoseason nhắc – Trong một phòng nhỏ, thanh kiếm không giúp gì cho hãn.

— Đúng như vậy. – Riach nói – Nhưng khó mà đến gần hãn.

—Ồ, vô nghĩa! – Hoseason nói – Chúng ta sẽ kéo hãn vào một câu chuyện, lạng lẽ đến gần và ôm chặt lấy hãn, hoặc tốt hơn nữa, chúng ta vào từ hai cửa đi thẳng vào hãn. Trước khi hãn có thể bắn vào chúng ta, chúng ta đã trói hãn rồi.

Khí nghe được điều này, tôi vừa sợ vừa căm giận những tên dã thú, phản bội và khát máu mà tôi phải cùng đi biển này. Ý nghĩ đầu tiên đã biến mất, ý

ngũ sau đỡ hèn nhất hơn.

— Thuyền trưởng! – Tôi nói – Ông khách lạ muốn uống rượu nhiều hơn nữa nhưng chai đã cạn rồi. Liệu tôi có thể lấy chìa khóa không?

Cả ba đều giật mình lo sợ.

— Tuyệt vời! – Ngài Riach, người đầu tiên bình tĩnh trở lại kêu to – Bây giờ chúng ta có một khả năng đến gần chỗ để súng đạn. David, nghe đây! Cậu biết súng lục để ở chỗ nào chứ?

— Đúng, đúng. – Hoseason chen vào – David biết mà, cậu ta là một chú bé tuyệt vời. David, cậu thấy không, tên cao nguyên này là một hiểm họa cho con tàu, ngoài ra hẳn là kẻ thù của nhà vua, người mà Thượng đế muốn phù hộ.

Kể từ khi tôi ở trên tàu, chưa bao giờ họ gọi tôi bằng tên thân mật “David” cả. Nhưng tôi làm như tất cả những gì họ nói đều đúng tất.

— Điều ngu xuẩn là – Hoseason nói tiếp – Tất cả súng đạn đều ở phòng trong, ngay trước mũi tên lạ mặt này và cả thuốc súng cũng được cất ở đó. Nếu tôi hoặc một sĩ quan nào vào lấy những thứ đó sẽ lộ mất. Nhưng nếu một cậu bé như cậu, David ạ, thì có thể lấy một gói thuốc súng hoặc hai khẩu súng lục mà không làm hấn để ý. Nếu cậu làm việc này trôi chảy, David, tôi sẽ không quên cậu. Nếu sau này, ở Carolina, cần một người bạn thì...

Ngài Riach ngắt lời Hoseason, nói thêm gì đó với ông ta.

— Ngài có lý, thưa Ngài. – Viên thuyền trưởng nói, sau đó quay về phía tôi:

— David, cậu thấy đó. Người đàn ông có một đai lưng đầy tiền vàng – Tôi hứa với cậu là cậu không ra đi tay không.

Tôi hứa sẽ làm đúng điều ông ta muốn. Lúc đó cổ tôi như bị nghẹn, nói không ra lời. Ông ta trao chìa khóa cho tôi để mở tủ rượu và tôi bước chậm chạp về phòng. Tôi phải làm gì đây? Bọn họ là lũ trộm cướp. Họ đã lôi tôi biệt xứ sở, bọn họ đã giết cậu bé Ransome tội nghiệp, và bây giờ muốn tôi

giúp vào một vụ giết người khác. Mặt khác, tôi sợ như chết. Liệu một cậu bé còn chưa trưởng thành và một người đàn ông, ngay cả khi họ có lòng dũng cảm của sư tử, có thể làm gì đó để chống lại toàn đội trên tàu không?

Tôi vẫn đang nghĩ đi nghĩ lại khi bước vào phòng và nhìn thấy người đàn ông ngồi bên bàn, dưới ngọn đèn, đang ăn bữa tối một cách bình yên. Lúc đó quyết định của tôi bỗng nhiên chắc chắn. Không suy nghĩ, tôi đi đến chỗ anh ta, đặt tay lên vai anh ta và hỏi thẳng:

— Anh có muốn bị giết không?

Anh ta vụt đứng dậy, một câu hỏi hiện lên trong mắt anh ta rõ ràng và cụ thể như được nói bằng lời.

—Ồ, – Tôi kêu lên – tất cả bọn trên tàu là tội giết người, trên tàu đầy bọn chúng. Chúng vừa giết một cậu bé học việc, bây giờ đến lượt anh.

— Có thể như vậy, – Anh nói – nhưng chúng chưa làm gì tôi.

Sau đó anh nhìn tôi bằng con mắt dò hỏi, kỳ lạ:

— Cậu đứng bên tôi chứ?

— Tôi muốn vậy. Tôi không phải là một tên ăn trộm hay giết người. Tôi sẽ cùng với anh.

— Được rồi. Cậu tên gì?

Tôi trả lời:

— David Balfour. – Sau đó nói thêm – Từ ngôi nhà của họ Shaws. Vì tôi cho rằng một người ăn mặc sang trọng như anh phải có cái gì đó của người sang trọng.

Anh có vẻ không nghi ngờ gì lời nói của tôi, bởi vì người cao nguyên thường gặp gỡ những quý tộc thất thế. Nhưng vì bản thân anh ta không có tài sản nên câu nói của tôi chỉ gọi trong anh ta một sự kêu ngạo ngây thơ.

— Tên tôi là Stuart, – Anh nói và nhìn tôi – được gọi là Alan Breck. Tên của Vua là đủ cho tôi rồi.

Sau khi chấn chỉnh tôi bằng cách đó, có lẽ thời cơ không thể trì hoãn nữa, anh nghiên cứu ngay khả năng tự vệ của chúng tôi.

Căn phòng được lắp khá chắc chắn để chống lại sóng gió. Trong năm lỗ hở chỉ có lỗ chiếu sáng trên đầu và hai cửa ra vào đủ rộng để cho người đi qua cửa có thể đóng lại, cánh cửa làm bằng những tấm gỗ sồi dày, trượt trên ray và có móc sắt để khi cần có thể đóng lại hoặc giữ cửa mở. Một cửa đã được đóng và tôi chốt chặt lại bằng cách nói trên. Khi tôi muốn làm tiếp cửa kia, Alan Brock đã giữ tôi lại:

— David, – Anh ta bắt đầu nói, rồi ngừng lại – Tớ không nhớ được họ cậu, vì vậy sẽ gọi cậu là David thôi. Cánh cửa, nếu để ngỏ, sẽ cho chúng ta khả năng tự vệ tốt nhất.

Tôi phản đối:

— Đóng lại chẳng tốt hơn à?

— Không, không, David. Cậu nhìn xem. Tớ chỉ có một cái mặt. Chừng nào cửa còn mở và tớ có thể nhìn ra ngoài, thì tớ có thể để bọn tấn công ở chỗ nào tớ muốn.

Anh lấy từ giá súng ra một thanh đoản kiếm, quan sát kỹ càng nhưng đã lắc đầu chán ngán. Anh ta nói rằng chưa bao giờ nhìn thấy những vũ khí đáng thương hơn. Sau đó anh đưa nó cho tôi, báo tôi ngồi xuống bên bàn với một gói thuốc súng, một túi đầy bi chì và những khẩu súng lục để nạp đạn.

— Với tớ, việc này tốt hơn cho một người quý tộc Scot hơn là rửa chén đĩa cũng như mang rượu cho tụi thủy thủ hôi mùi hắc ín.

Anh bố trí mình ở giữa phòng sao cho luôn nhìn vào cửa để ngỏ, rút gươm ra và thử xem cần một khoảng bao nhiêu để vung được gươm.

— Tớ không được ra khỏi đây, – Anh nói – tức thật. Bởi vì nếu không thì năng khiếu đặc biệt về đấu gươm của tớ sẽ phát huy hết tác dụng. Còn cậu thì làm sao để tất cả súng lục luôn được nạp đạn nhé – Anh nói tiếp – Chú ý thật kỹ những gì tớ gọi nhé!

Tôi hứa với anh ta sẽ chú ý, nhưng ngực tôi như bị nén, cổ như khô cứng và trước mắt tôi mọi thứ như đang bơi bơi. Cái ý nghĩ chẳng bao lâu nữa bọn tấn công rất đông sẽ nhào vào chỗ chúng tôi làm tim tôi đập liên hồi. Tôi nghe thấy sóng biển đập vào con tàu buồm và phải nghĩ là có lẽ trước khi trời sáng người ta sẽ vứt xác tôi xuống đó và chuyện đó làm tôi toát mồ hôi.

— Và bây giờ điều quan trọng nhất, – Alan nói – Chúng ta có bao nhiêu đối thủ?

Tôi đếm nhưng hồi hộp tới mức phải đếm lại lần thứ hai.

— Mười lăm – Tôi đáp.

Alan huýt sáo qua kẽ răng.

— Hừm. – Anh nói – Chuyện đó thì không thể thay đổi – Bây giờ hãy làm cái gì tôi bảo nhé. Tôi sẽ phụ trách cửa ra vào, nơi diễn ra cuộc chiến chính. Cậu không phải làm gì ở đó. Hãy chú ý, đừng bắn về phía này ngay cả khi chúng ăn thịt tở. Mười kẻ thù ở trước mặt tở không ngán bằng một ông bạn bắn lung tung sau lưng.

Tôi tự thú rằng tôi là một xạ thủ tồi.

— Tuyệt vời là cậu đã tự nhận vậy – Anh ta kêu lên đầy phấn khởi trước sự thật thà của tôi. – Một số ngài quý phái không bao giờ tự nhận như vậy.

— Ngài, – Tôi nhắc – đừng có quên cánh cửa đằng sau mà tụi nó có thể ập vào.

— Không lo. – Anh kêu lên – Đó là nhiệm vụ của cậu. Khi nào nạp đạn xong súng lục, cậu phải trèo lên giường phía sau để có thể ngó qua cửa sổ. Khi tụi nó đến gần cửa thứ hai này, cậu sẽ bắn. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Chúng ta muốn biến cậu thành một người như là lính ấy. Ngoài ra cậu cần chú ý vào đâu nữa?

— À, lỗ phía trên đầu. – Tôi kêu lên – Nhưng mà, ngài Stuart, muốn quan sát cả hai phía chắc tôi phải có thêm một đôi mắt ở gáy, bởi vì nếu tôi nhìn về một phía thì phía kia ở sau lưng.

— Hoàn toàn đúng. – Alan nói – Nhưng chẳng lẽ cậu không có tai ở trên đầu?

— Tất nhiên rồi. – Tôi công nhận – Nếu cửa kính vỡ, tôi sẽ nghe thấy.

— Cậu cũng có chút hiểu biết đây. – Alan giận dữ nói.

Chương 10: PHÒNG TRÊN TÀU BỊ BAO VÂY

Bây giờ sự bình yên của chúng tôi đã chấm dứt. Trên boong, ba người này chờ đợi tôi quay lại đã quá lâu cho đến lúc họ không còn kiên nhẫn nữa. Alan chưa nói hết câu thì bộ mặt của viên thuyền trưởng hiện ra trên khung cửa.

— Đứng lại! – Alan hét lên và dùng gươm đe dọa ông ta.

Viên thuyền trưởng cũng đứng lại thật sự nhưng không chớp mắt và không lùi lại bước nào.

— Một thanh gươm bóng lộn – ông ta hét lên – Một cách cảm ơn kỳ lạ cho lòng hiếu khách.

— Hãy nhìn tôi đây! – Alan nói to – Tôi xuất thân từ hoàng cung và mang tên của vua. Tôi đã mang biểu tượng cây sồi. Và hãy nhìn thanh gươm này, nó đã làm lìa đầu tội theo Đảng Whig nhiều hơn số ngón chân ngài đang có. Hãy gọi bọn trộm cướp đến đây và hãy lánh đi! Cuộc nhảy múa càng sớm chừng nào, ngài còn sớm nhận được mùi gươm ở mạng sườn chừng ấy.

Alan không nhận được câu trả lời của thuyền trưởng nhưng ông ta ném vào tôi một cái nhìn giận dữ:

— David, cái đó mà cần nhận thay cho tao.

Khoảnh khắc sau đó ông ta biến mất.

— Còn bây giờ, David ạ – Alan nói – Chuẩn bị sẵn sàng đi và sẽ bắt đầu ngay đây.

Anh vung con dao của người cao nguyên đang cầm ở tay trái cho trường hợp một kẻ tấn công nào đó xông vào được gần hơn tầm gươm. Với một tay đầy súng lục đã nạp đạn và một trái tim nặng nề tôi leo lên góc phòng ngủ

và mở cửa sổ, nơi tôi cần quan sát. Từ đây tôi chỉ bao quát được một phần boong thôi nhưng đủ cho mục đích của chúng tôi.

Sóng đã giảm và gió đã nhẹ đến mức buồm không căng ra lần nào và không gây ra một tiếng ồn ào. ở trên tàu yên tĩnh tới mức tôi nghe được những tiếng thì thầm. Ngay sau đó lóe lên một ánh chớp và tôi cảm thấy dao găm đã phóng đi, một người nào đó đã ngã xuống. Sau đó lại là yên lặng.

Tôi không còn biết mình có sợ thật không, nhưng tim tôi đập như một con chim rất nhỏ và rất nhanh. Trước mắt tôi có một cái gì đó như màng che, tôi luôn cố xua nó đi nhưng rồi nó lại xuất hiện. Tôi không có một chút hy vọng mỏng manh, ngược lại, một sự tuyệt vọng xám xịt ngự trị trong tôi và một cơn thịnh nộ với toàn thế giới đã đánh thức trong tôi lòng mong muốn đánh đổi cuộc sống của tôi càng đắt càng tốt. Tôi cũng nhớ lại là đã tìm cách cầu Chúa nhưng không tìm được ý nào rõ ràng cả. Tôi như một kẻ chạy trốn vội vã, không muốn nói một lời nào. Tôi chỉ muốn một điều, hãy bắt đầu ngay đi và qua nhanh lên!

Và bỗng nhiên nó bắt đầu thật với rất nhiều tiếng chân và tiếng gào thét chói tai. Tôi nghe tiếng Alan, nghe thấy những tiếng vung gươm và người nào đó kêu lên đau đớn. Nhìn qua vai, tôi thấy ngài Shuan và Alan đang đọ gươm ở gần cửa.

— Thăng này đã giết cậu bé học việc trên tàu – Tôi nói to cho Alan biết.

— Chú ý cửa sổ của cậu! – Alan hét lại.

Tôi nghe lời, trong lúc quay lại còn kịp nhìn thấy thanh gươm của Alan đâm thủng viên sĩ quan thứ nhất như thế nào.

Lúc này là cao điểm tôi cần tập trung vào nhiệm vụ của mình, vì quay lại chưa được bao lâu tôi đã thấy năm người dùng một cột căng buồm làm cột tống chạy qua cửa sổ với ý đồ phá tung cửa ra vào. Cho tới lúc đó, chưa lần nào trong đời tôi bắn súng lục, chỉ thỉnh thoảng bắn một khẩu cạc-bin, chưa bao giờ tôi bắn một đồng loại, nhưng bây giờ tôi phải bắn. Khi họ giơ cao cột căng buồm để tống vào cửa, tôi bắn vào cả nhóm và hét lên:

— Đây! Hãy nhận lấy!

Chắc tôi đã bắn trúng một người, anh ta hét lên và ngã bất tỉnh. Những người khác bị bất ngờ ngoài dự kiến đã nhốn nháo lên. Trước khi họ có thì giờ để lấy lại tinh thần, viên đạn thứ hai của tôi đã bay trên đầu họ, rồi viên thứ ba, cũng bắn trật như viên trước, cả bọn họ lại cột căng buồm và chạy tán loạn.

Bây giờ tôi nhìn lại phía sau. Vì tôi nhả đạn nên trong phòng đầy khói, trong tai tôi còn vang tiếng súng, màng tai tưởng như vỡ. Nhưng Alan vẫn đứng thẳng như trước, chỉ có gương của anh, từ mũi đến cán, đầy máu. Anh đứng ở một tư thế tuyệt vời, tôi cảm thấy anh là người không thể đánh bại. Ngay trước anh, ngài Shuan ngồi chồm chồm, máu chảy từ mồm, mặt tái mét. Ông ta ngã xuống và ngay lúc tôi đang nhìn, một kẻ nào đó bên ngoài đã kéo ông ta ra khỏi phòng. Ông ta đã chết lúc đó..!

— Một tên của Đảng Whig! – Alan hét lên. Rồi anh quay lại tôi muốn biết tôi đã giết được bao nhiêu.

Tôi nói với anh là có một tên bị trúng đạn, hình như là tay thuyền trưởng.

— Và tớ đã cho hai đứa cầm miệng. – Anh nói – Nhưng mà máu vẫn chưa chảy đủ đâu, tụi nó sẽ quay lại đây ngay đấy. Bắt đầu đi, về vị trí của cậu, David, đó mới là chơi dọn bài thôi.

Tôi lại ngồi vào chỗ, nạp đạn ba khẩu súng lục mà tôi đã nhả đạn, ngóng mắt và vênh tai lên.

Đối thủ của chúng tôi đang cãi nhau trên boong không xa đây và to tới mức tôi nghe được vài lời trong tiếng biển rì rào “Shuan là kẻ làm hỏng việc” rồi sau đó “Hãy im lặng, tụi bay! Chúng nó đã chộp được ông ta”. Sau đó lại là tiếng thì thầm như trước. Bây giờ chỉ có một người nói, hình như anh ta đang phát biểu một kế hoạch đánh mới. Bắt đầu một người trả lời, sau đó đến người khác, giống như nhận lệnh. Từ đó tôi rút ra là tụi nó sẽ quay lại ngay.

Khi tôi nói với Alan điều đó, anh ta kêu lên:

— Có trời chứng giám. Nếu chúng ta không cho chúng một bài học nhớ đời, thì đêm nay không ai trong chúng ta ngủ được đâu. Hãy chú ý, Cavid!

Lần này thì nghiêm trọng đấy.

Trong thời gian đó tôi đã nạp đạn xong, bây giờ chỉ cần chờ và nghe ngóng.

Trong lúc đánh nhau tôi không có thời gian xem mình có sợ không. Còn bây giờ khi tất cả yên lặng tôi không nghĩ đến gì khác ngoài nỗi sợ. Ngay sau đó, khi nghe thấy tiếng chân bước và nhận ra tiếng sột soạt của quần áo cọ vào tường phòng ngủ, thì tôi biết ở bên ngoài tụi nó đã chiếm lĩnh vị trí trong bóng tối và tôi đã muốn hét to lên.

Tất cả chuyện đó xảy ra phía Alan đang ẩn mình và tôi đã muốn tin là phần của tôi trong cuộc chiến đã hết, thì tôi nghe thấy tiếng đang bò nhẹ nhàng trên nóc phòng.

Một tiếng huýt sáo ngăn bằng còi của thủy thủ là tín hiệu tấn công. Một nhóm vũ trang bằng dao găm nhào vào cửa chiếu sáng, ngay lúc đó làm vỡ tan kính cửa sổ thành hàng ngàn mảnh. Một người nhảy qua lỗ vào phòng và rơi xuống nền nhà. Trước khi hắn đứng dậy được, tôi đã dí nòng súng lục vào lưng, và đáng lẽ tôi đã bắn ngay hắn, nhưng khi chạm vào cái cơ thể sống này, trong tôi xuất hiện ý chí mềm yếu làm tôi ấn cò mà cũng không chạy được. Khi nhảy xuống hắn đã đánh rơi mất dao găm. Khi hắn cảm nhận được đầu súng đang ở lưng, hắn bật ra một tiếng chửi và ôm chặt tôi. Việc đó hoặc đã làm bừng lên lại lòng dũng cảm của tôi hoặc là tôi quá sợ. – Kết quả như nhau thôi – Tôi bắn viên đạn xuyên qua giữa người hắn. Hắn rống lên thảm thiết rồi ngã xuống. Vài giây sau đó một tên thứ hai nhảy vào đầu tôi, chân hắn tụt qua lỗ chiếu sáng. Tôi chộp lấy khẩu súng lục thứ hai và bắn vào hông tên này. Hắn trượt và rơi như một cái bị xuống tên bạn nằm dưới đất. Bây giờ tôi bất cần, không có thì giờ ngấm nữa, chĩa súng vào sườn hắn và nổ súng.

Chắc tôi sẽ còn đứng đó lâu ngấm nhìn hai tên này nếu Alan không kêu cứu. Tiếng kêu làm tôi tỉnh táo trở lại.

Alan bảo vệ thường trực cửa ra vào. Nhưng trong lúc anh cản một tên thì một tên khác đã len vào phía sau và ôm chặt anh. Alan dùng tay trái đập tên

này nhưng hấn bám dai như đĩa. Một tên khác xông vào vung dao găm. Ở cửa cùng lúc xuất hiện mấy cái mặt. Lúc đó tôi nghĩ chúng tôi sẽ thua nhưng nắm chặt hơn dao găm và tấn công vào phía sườn.

Tuy vậy tôi không kịp giúp Alan nữa vì cuối cùng tên bám sau đã phải buông anh ra. Alan nhảy một bước dài lùi lại, lấy đà và như một con bò tót điên khùng gầm lên và nhào vào tấn công. Bọn chúng bị bắn tung như nước trong cú va chạm này, lăn tròn như bi và chạy bán sống bán chết, tên nọ đập lên tên kia, trong lúc thanh gươm trong tay Alan chớp lên như thủy ngân, lúc chỗ này, lúc chỗ khác chém vào cái đồng kẻ thù đang bỏ chạy. Một lần thanh gươm loáng lên trong không khí là một tên bị chém hét lên. Tôi vẫn còn nghĩ mình sẽ thua. Nhưng mà trông kìa, tất cả bọn chúng đã chạy hết, Alan đuổi chúng ra boong như con chó săn lừa đàn cừu.

Anh quay lại rất nhanh giống như lúc anh xông ra, vì sự thận trọng của anh cũng lớn như lòng dũng cảm vậy. Tụi thủy thủ tiếp tục chạy, chúng tưởng như Alan còn đuổi theo. Chúng tôi nghe thấy chúng ào vào khoang mũi tàu và cánh cửa đóng sập lại phía sau tên cuối cùng.

Phòng ngủ bây giờ như trong một lò mổ. Ba xác chết ở đó và một tên hấp hối ở cửa. Còn Alan và tôi thì chiến thắng và nguyên vẹn. Với hai cánh tay mở rộng, Alan đi tới chỗ tôi.

— Đến đây, cậu bé yêu quý! – Anh kêu lên và ôm tôi như bão táp – David ạ, tôi yêu cậu như một đứa em. Và nói đi, tôi là một tay kiếm cừ khôi đấy chứ?

Sau đó anh quay lại chỗ bốn xác chết, lần lượt ném chúng khỏi phòng. Trong lúc làm anh hát một cái gì đó, đúng hơn là huýt sáo một vài nhịp riêng lẻ và tôi nghĩ là anh đang cố nhớ lại một bài nào đó. Về sau tôi biết thực ra anh đang sáng tác một nhịp điệu hoàn toàn mới. Mặt anh đỏ bừng như sốt, đôi mắt sáng như mắt của một đứa trẻ lên năm khi được đồ chơi mới. Cuối cùng anh ngồi xuống bên bàn, gươm vẫn cầm trong tay. Điệu nhạc anh đang sáng tác đã hình thành và ngày càng rõ nét, cho nên có lúc anh đột nhiên hét to lên. Đó là một bài hát tiếng Gaelic⁶.

Tôi đã dịch nó và viết lại dưới đây. Tôi không có năng khiếu làm thơ, nhưng viết bằng một tiếng Anh dễ hiểu. Sau này, thỉnh thoảng Alan lại hát và bài hát trở nên quen thuộc và được ưa chuộng tới mức tôi được nghe luôn và nhiều lần được người ta cắt nghĩa cho lời của nó. Nó như thế này:

Hãy nghe bài hát của thanh gươm Alan
Thép được nung đỏ lên
Và người thợ rèn dùng búa đập
Còn bây giờ nó sáng lên trong tay Alan Breck.
Rất nhiều con mắt nhìn thấy rất nhanh
Những gì đe dọa chúng
Và rất nhiều cánh tay có nơi họ
Nhưng chỉ một tay vung gươm.
Con dã thú xám chạy lên núi
Quá nhiều thú mà chỉ có một quả núi
Con dã thú xám biến mất
Nhưng quả núi thì còn mãi.
Hãy đi xuống đây từ núi rừng
Hãy đến với tôi từ các đảo ngoài khơi
Ôi, hỡi đại bàng tinh mắt
Bữa ăn đang đợi bạn ở đây.

Bài hát mà nhạc và lời được Alan sáng tác trong giờ chiến thắng, làm cho tôi – người đứng bên anh trong cuộc chiến đấu đó, thấy không công bằng. Ngài Shuan và năm kẻ khác đã chết hoặc hết khả năng chiến đấu. Nhưng hai trong đó đã bị tôi bắn chết, hai tên nhảy qua lỗ chiếu sáng ấy và một tên chắc không phải là tên ít nguy hiểm đã bị tôi bắn bị thương, cho nên tính cả chết và bị thương tôi có quyền đòi hỏi phần danh dự trong đó. Đáng lẽ Alan nên nhắc đến tôi trong bài hát, nhưng nhà thơ trước hết phải chú ý đến giai điệu và trong lời thơ, Alan đã biểu dương chiến công của tôi.

Lúc đó tôi chẳng nghĩ là anh có thể làm thiệt thòi cho tôi, thứ nhất tôi không hiểu một lời Gaelic nào, thứ hai, khi cuộc chiến đã qua, cho căng thẳng lúc chờ đợi và sự gắng sức khi đánh nhau và nhất là do sự ghê sợ với

hành động của chính mình, tôi kiệt sức tới mức chỉ còn có thể lắc lư trong cái ghế nệm, cảm thấy thoái mái nếu bây giờ ít ra có thể ngồi một chút. Ngực tôi như bị buộc chặt, tôi thở rất khó và ý nghĩ về hai người đàn ông bị tôi giết hiện lên như giắc chiêm bao. Không cưỡng được, trước khi kịp nhận ra điều này, tôi đã khóc nức nở như một đứa trẻ nhỏ.

Alan vượt vai tôi. Anh khen tôi là một chàng trai tuyệt vời. Điều trước tiên bây giờ là tôi phải được ngủ đầy giấc.

— Tôi sẽ gác đầu tiên – Anh nói – Cậu đã giúp tôi tuyệt vời, từ đầu đến cuối. Có cho cả Appin này, cả vùng Brcadallane tôi cũng không đổi cậu đâu.

Tôi dọn dẹp trên nền nhà lấy một chỗ, với súng lục trong tay, kiếm đặt trên ngực, tôi đã ngủ một mạch ba giờ liền, cái đồng hồ của viên thuyền trưởng treo trên tường đã chỉ vậy.

Sau đó Alan đánh thức tôi dậy. Tôi nhận phiên gác cho ba tiếng tiếp theo. Trời đã sáng trước khi hết ca trực, thời tiết yên tĩnh, biển nhấp nhô nhẹ nhàng, mưa đập trên mái phòng.

Suốt ca gác của tôi, trên tàu buồm không có động tĩnh gì. Qua tiếng đập của mái chèo tôi biết không có thủy thủ nào làm việc. Như sau này tôi biết, vì có quá nhiều người chết và bị thương và người khác thì thối chí nên cũng giống tôi và Alan, cả ngài Riach và thuyền trưởng phải tự thay nhau gác để con tàu khỏi mắc cạn mà không ai nhận ra mối hiểm nguy cả.

Có thể coi đây là một may mắn thật sự vì trời đã trở nên yên tĩnh, bởi vì mưa vừa bắt đầu là gió im ngay. Tuy vậy, theo tiếng chim kêu của hải âu bay quanh tàu tìm thức ăn, tôi cho rằng chúng tôi đã trôi vào gần bờ biển hoặc gần các đảo. Cuối cùng khi thò đầu khỏi phòng tôi đã nhìn thấy vách đá hùng vĩ của vách Skye và hòn đảo Rum hình thù kỳ lạ.

Chương 11: **VIÊN THUYỀN TRƯỞNG NHƯỢNG BỘ**

Khoảng sáu giờ, Alan và tôi ngồi xuống ăn sáng. Nền nhà đầy mảnh thủy tinh và vết máu, nhìn vào đó tôi hết muốn ăn. Nhưng về các mặt khác chúng tôi không chỉ ở tình trạng thuận lợi mà còn dư dật. Vì chúng tôi đã đuổi đám sĩ quan khỏi vương quốc muôn thừa của chúng và có tất cả số rượu trên tàu – cả rượu nho lẫn rượu nặng – tất cả thực phẩm ngon lành, thịt ướp muối và bánh mì khô ngon, chúng tôi có lý do để phấn khởi. Điều thú vị nhất đối với chúng tôi có lẽ là hai cái họng khát rượu nhất Scotland – ngài Shuan không còn trên đời nữa – đang ngồi trước mũi tàu và đang phải uống nước lã.

— Cứ yên chí đi, – Alan nói – chắc sẽ không lâu nữa đâu chúng ta sẽ được nghe họ nói đấy. Cậu có thể lấy mất lòng ham chiến đấu của họ nhưng không bao giờ lấy được sự thèm khát rượu mạnh của họ đâu.

Chúng tôi sống với nhau tuyệt vời. Alan gần như âu yếm với tôi. Tự nhiên anh ta lấy con dao trong túi và cắt một cái cúc bạc ở áo khoác. Lúc đưa cho tôi, anh nói:

— Tôi thừa hưởng của bố tôi là Duncan Stuart. Chiếc cúc bạc này tôi tặng cậu để làm kỷ niệm tối hôm qua và cuộc chiến đấu của chúng ta. Dù ở đâu, chỉ cần chỉ cái cúc này cho bạn bè của Alan Breck, họ sẽ tiếp nhận cậu bằng cánh tay mở rộng.

Anh nói bằng một giọng cứ như anh là Carl vĩ đại và có cả một đội quân ấy. Vâng, tôi phải thừa nhận là mặc dù khâm phục lòng dũng cảm của anh, tôi vẫn luôn luôn tìm cách chế giễu tính kiêu ngạo của anh. Rất may là tôi biết che đậy hành động đó, bởi vì chỉ cần nghĩ đến cuộc cãi nhau có thể nổ ra là tôi thấy sợ rồi.

Khi chúng tôi vừa ăn xong, Alan liền lục tủ của thuyền trưởng cho tới khi tìm được cái bàn chải quần áo. Sau đó anh cởi áo khoác ra, ngắm nghía một

chút rồi chải cẩn thận. Anh làm rất khéo và kỹ như một phụ nữ. Anh nói anh chỉ có bộ com-plê này là tài sản của hoàng đế nên phải chăm chút nó.

Và khi nhìn thấy anh tháo những sợi chỉ đơm cúc một cách trân trọng, tôi càng thấy giá trị của cái tặng phẩm đáng yêu vừa qua.

Anh còn đang chải áo thì có tiếng ngài Riach gọi ngoài boong muốn được nói chuyện. Tôi trèo qua cửa chiếu sáng lên mái, ngồi cạnh lỗ tròn, súng lục cầm trong tay. Với bộ mặt tự chủ, mặc dù chết khiếp vì các mảnh thủy tinh, tôi hỏi tay lái tàu về yêu cầu của ông ta.

Ông ta đi đến sát tường và đứng lên một con lăn làm cho cằm ông ta sát đến mái. Hai chúng tôi im lặng nhìn nhau một lúc lâu. Vì tôi đoán rằng ngài Riach không hăng hái đánh nhau lắm nên không ngạc nhiên thấy ông ta chỉ bị một vết xước ở má, có lẽ do lưỡi gươm chạm vào. Nhưng vì phải đứng suốt đêm để gác rà chăm sóc người bị thương, nên bây giờ trông ông ta như chết và có vẻ kiệt sức.

— Thật là một câu chuyện dở hơi. – Cuối cùng ông ta lắc đầu, nói:

— Đó không phải là lỗi của chúng ta. – Tôi đáp.

— Ngài thuyền trưởng nhờ nói lại là ông ta muốn nói chuyện với bạn cậu, có lẽ là qua cửa sổ. – Đó là những lời tiếp theo của ông ta.

— Làm sao chúng tôi biết hiện nay ông ta còn có mưu mô phản phúc mới nào trong đầu hay không. – Tôi nói lại.

— Ông ta muốn nói chuyện thật thà, David ạ. Và nếu chúng tôi có muốn bắt đầu trở lại, tôi nói với cậu bằng sự tin cậy, thì thủy thủ cũng không tham gia nữa.

— Thật chứ? – Tôi hỏi.

— Tôi có thể nói nhiều hơn với cậu. Chẳng những thủy thủ, ngay cả tôi cũng từ chối. Tôi sợ, David ạ. – Khi nói, ông ta mỉm cười với tôi – Chúng tôi chỉ muốn thoát khỏi chuyện này.

Tôi nói lại với Alan. Cuộc nói chuyện được chấp thuận và sự thỏa thuận được nhấn mạnh bởi lời thề danh dự. Nhưng ngài Riach còn có gì đó trong

lòng: Ông tha thiết yêu cầu tôi một ngụm rượu mạnh và nhắc lại lòng tốt trước đây của ông đối với tôi làm tôi phải dùng sợi dây buộc thả xuống cho ông một vại. Ông ta uống một vại lần và đem chỗ còn lại đi, có lẽ là để chia sẻ cho tay thuyền trưởng.

Một lúc sau, như thỏa thuận, Hoseason đi tới một trong những cửa sổ. Ông ta đứng dưới mưa, tay bị quần băng, trông dữ tợn và nhợt nhạt. Trong có một đêm, ông ta đã già đi, làm tôi thấy bất rứt rằng mình là người đã bán ông ta.

Alan chĩa nòng súng lục vào đầu viên thuyền trưởng.

— Hãy bỏ khẩu súng đi! – Hoseason nói – Tôi đã hứa với ngài mà, hoặc là ngài muốn xúc phạm tôi.

— Thuyền trưởng, – Alan nói – Lời hứa của ngài không đáng giá lắm. Tối hôm qua ngài đối xử với tôi như một mục hàng cá. Ngài đã nhấn mạnh sự thỏa thuận của chúng ta bằng lời và cái bắt tay. Ngài biết quá rõ cái thỏa thuận đó đã đi đến đâu. Hãy quăng cái lời hứa danh dự của ngài đi!

— Ngài có lý. – Viên thuyền trưởng trả lời – Nhưng với những lời nhục mạ, ngài không đạt được gì ở tôi đâu.

Sự nhục mạ đúng là cái gánh nặng mà viên thuyền trưởng chưa bị bao giờ. Ông ta giận dữ nói tiếp:

— Chúng ta cần nói những chuyện quan trọng hơn. Ngài đã gây ra trên tàu tôi một biển máu nghiêm trọng. Tôi hiện không còn đủ người để tiếp tục cho tàu chạy. Ngoài ra, viên sĩ quan thứ nhất của tôi, người mà ít ra tôi có thể giao điều khiển tàu thì đã nhận lờn kiếm của ngài vào sườn. Ngài đã làm ông ta câm lạng. Hiện tôi chỉ có thể đưa tàu vào Glasgow và tuyển thủy thủ mới, ở đó sẽ có những người có một bản chất khác ngài.

— Như thế đó – Alan nói – Với những người này tôi còn phải kể nhiều lắm – Nếu ở đó có người nào biết tiếng Anh và chắc là có, tôi có thể kể cho họ một câu chuyện dễ thương: một bên là mười lăm thủy thủ đi biển thành thạo còn bên kia là một người đàn ông và một cậu bé mới lớn. Thuyền trưởng ạ, liệu đó có phải là sĩ nhục?

Hoseason đứng đó, máu dồn lên mặt:

— Không! – Alan nói tiếp – Đề nghị của ông không thể chấp nhận được. Ngài hãy để tôi xuống đất liền ở nơi chúng ta đã thỏa thuận.

— Được thôi, – Viên thuyền trưởng đáp – nhưng người sĩ quan thứ nhất của tôi đã chết và ngài là người biết rõ nhất việc đó đã xảy ra như thế nào. Không một ai khác trong chúng tôi biết rõ đoạn bờ biển đó và nó không phải không nguy hiểm.

— Ngài được lựa chọn mà – Alan nói – Ngài có thể để tôi xuống ở Apprin. Angdour hoặc Morven, ở Arisaig hoặc Morar hoặc ở đâu ngài thích cách quê tôi ba mươi dặm, chỉ cần không phải nơi dòng họ Campbell sống. Sự lựa chọn khá rộng rãi. Nếu ngài không dư khả năng đến một nơi trên, thì ngài là người bất tài trên biển cũng như trong cuộc đấu tay đôi. Những đồng bào nghèo khổ của tôi đang chạy ngang dọc từ đảo nọ sang đảo kia trong mọi thời tiết trên những chiếc thuyền bé nhỏ của họ, thậm chí trong đêm tối.

— Một chiếc thuyền đánh cá không phải là một tàu buồm, thưa Ngài, – Viên thuyền trưởng đáp – nó không có chiều sâu.

— Thôi được, thế thì đưa chúng tôi đến Glasgow – Alan nói – ít ra ở đó chúng tôi cũng có những người vui vẻ ở phía mình.

— Tôi không nghĩ như vậy – Viên thuyền trưởng nói – ngoài ra việc đó rất tốn tiền.

— Tôi không phải là cái túi hứng gió – Alan đáp – Những gì tôi đã hứa sẽ thực hiện, ba mươi bảng nếu ngài cho tôi xuống dọc bờ biển, sáu mươi nếu ngài đưa tôi tới Lochlinnhe.

— Nhưng mà ngài hãy lưu ý là chúng ta chỉ cách Ardnamurchan vài giờ chạy buồm nữa thôi. Hãy đưa tôi sáu mươi bảng và tôi sẽ để ngài xuống đó.

— Tôi cần phải cắt bỏ mũi giày hoặc chạy trước mũi tụi Áo đỏ vì ngài chắc? – Alan hét lên – Không, thưa ngài, nếu ngài có sáu mươi bảng thì ngài phải làm việc và đưa tôi đến mảnh đất quê hương.

— Điều đó sẽ đưa tàu buồm vào nguy hiểm, thưa ngài, và cuộc sống của tất cả chúng ta nữa. – Viên thuyền trưởng kêu lên.

— Hãy làm cái gì ngài muốn. – Alan nói – Điều kiện của tôi ngài đã biết rồi.

— Ít ra Ngài có thể dẫn đường cho tôi chứ? – Thuyền trưởng hỏi.

— Điều này đáng ngờ lắm. – Alan đáp – Tôi hiểu biết về đấu kiếm nhiều hơn, như ngài đã thấy. Tôi không phải là thủy thủ, nhưng vẫn thường lên hoặc xuống tàu ở dọc bờ biển này và có biết chút ít.

Viên thuyền trưởng vẫn lắc đầu giậm dừ:

— Nếu tôi đã không mất quá nhiều trong chuyến đi khốn khổ này, tôi muốn nhìn thấy ngài bị treo cổ hơn là đưa con tàu của tôi vào hiểm nguy. Nhưng mà thôi, chuyện này có thể xảy ra một lần. Ngài đạt được ý muốn. Ngay khi gió đến, và tôi cảm thấy sẽ xảy ra thôi, tôi sẽ tự cầm bánh lái. Còn một vấn đề nữa: Nếu chúng tôi gặp một tàu chiến và bị ép dừng lại thì đó không phải lỗi của tôi. Chiến hạm Anh đi tuần ở bờ biển này luôn. Ngài biết họ đứng sau ai nếu gặp trường hợp đó, ngài có thể để lại tiền ở đây.

— Thuyền trưởng – Alan nói – Nếu thấy cờ chiến Anh thì nhiệm vụ của Ngài là quay mũi ngay và còn một chút nữa: như tôi được nghe ở khoang trước các ngài được dọn bữa ít rượu quá. Tôi đề nghị ngài một cuộc trao đổi: một chai rượu mạnh lấy hai xô đầy nước.

Đó là điểm cuối cùng của thỏa ước được hai bên thi hành triệt để ngay lập tức. Bằng cách đó Alan và tôi có thể rửa sạch phòng ngủ và không còn phải nghĩ đến những kẻ đã bị chúng tôi giết. Còn thuyền trưởng Hoseason và ngài Riach thì mừng vì có rượu uống.

Chương 12:

ALAN KỂ VỀ CON CÁO ĐỎ

Chúng tôi còn chưa dọn xong phòng thì một cơn gió nhẹ thổi từ hướng đông bắc tới, đẩy lùi cơn mưa và để mặt trời hiện ra.

Ở đây tôi muốn giải thích kỹ hơn một chút và bạn đọc sẽ hiểu rõ hơn khi nghiên cứu bản đồ. Trong lúc sương mù, đặng phải thuyền của Alan, chúng tôi đã đi qua đảo Minch nhỏ. Một ngày sau cuộc chiến trên tàu, chúng tôi nằm trong vùng đứng gió phía đông đảo Canna, hoặc chính xác hơn, giữa đảo đó và đảo Eriske trong quần đảo Long Island. Để đi từ đó đến Loch Linnhe, con đường đi trực tiếp qua eo biển Mull Sund. Nhưng viên thuyền trưởng không có bản đồ và sợ sẽ đưa con tàu quá sâu vào mạng lưới đảo này. Vì gió thuận nên ông ta cho thuyền chạy qua đảo Tiree về phía tây và ra khỏi bờ biển nam của Mull lớn.

Suốt cả ngày gió thổi cùng một hướng và thổi liên tục, đáng ra đã phải ngừng lại. Vào buổi chiều, sóng lớn tràn tới. Để tránh những nhóm đảo phía trong, chúng tôi chọn hải trình tây-nam, vì thế ban đầu chúng tôi bị ngược chiều sóng, quay tròn và đứng tại chỗ. Khi trời tối, trong lúc chạy qua Tiree, sóng đẩy chúng tôi trực tiếp từ phía sau. Vì thế, trước khi sóng yên, chuyển đi rất thuận lợi, chúng tôi căng buồm trong ánh mặt trời chói chang chạy dọc theo cái đảo đá ở hai bên.

Alan đã mở rộng hai cửa phòng và chúng tôi ngồi hút bằng tẩu một loại thuốc lá ngon của viên thuyền trưởng. Chúng tôi kể cho nhau nghe về cuộc đời mình, có nhiều điều bổ ích với tôi vì qua đó tôi đã hiểu đôi chút về miền cao nguyên hoang dã, nơi tôi sắp đến.

Thời gian này, sau cuộc nổi dậy của dân Scot, nếu người ta muốn vào rừng thì phải biết điều đó có nghĩa gì.

Tôi bắt đầu câu chuyện bằng cách kể cho Alan nghe nỗi bất hạnh của mình. Anh nghe chăm chú, chỉ khi tôi nhắc đến mục sư Campbell người bạn thủy chung coi như cha, Alan đứng bật dậy và hét lên. Với anh ta tất cả người mang tên này đều đáng căm ghét.

— Tại sao? – Tôi hỏi – Anh phải cảm thấy tự hào khi chìa tay bắt tay một người như ngài Campbell.

— Cho một Campbell tôi không có gì hơn ngoài một viên đạn – Alan nói – Tôi có thể dò theo vết mỗi người mang tên đó như dò con thú ăn thịt và ngay cả trên giường hấp hối, tôi cũng sẽ dùng hết sức mình bò ra cửa sổ để bắn chết một tên Campbell.

— Alan, – Tôi nói – Những người Campbell đã làm gì anh vậy?

— Thế này. – Anh ta đáp – Cậu cũng biết tôi là một người họ Stuart ở Appin, nhưng từ lâu rồi tụi Campbell đã săn đuổi những người mang họ tôi và tiêu diệt. Với sự phản trắc, họ đã chiếm đoạt của cải chúng tôi, chứ chưa bao giờ bằng thanh gươm cả.

Anh hét rất to và đấm mạnh vào bàn. Tôi không suy diễn nhiều bởi tôi đã biết những người phải dùng ngôn ngữ không giới hạn như vậy thường là những người thua cuộc.

— Nhưng đó chưa phải tất cả. – Alan tiếp tục – Với bọn Campbell thì luôn luôn như thế này: mỗi lời họ nói, mỗi từ họ viết đều là dối trá và lừa đảo. Họ là một bọn lừa đảo. Tất cả đều có vẻ hợp pháp, nhưng đó là thứ làm tôi chống lại họ.

— Anh dùng những chiếc khay bạc khá là lãng phí làm tôi không tin anh hiểu biết lắm về chuyện làm ăn.

— Ôi chao, – Alan nói và mỉm cười lại – sự phung phí này tôi cũng thừa kế được của chính người để lại cho tôi những chiếc khay bạc và đó chính là người cha đáng thương của tôi Duncan Stuart. Chúa hãy phù hộ cho ông! Với chúng tôi, ông là người đẹp nhất, ngoài ra ông là tay kiếm giỏi nhất toàn cao nguyên, tức là toàn thế giới. Tôi đánh giá được điều này bởi vì, David ạ, ông đã dạy tôi đấu kiếm. Ông là đội viên của “Đội gác đen” khi vừa mới

thành lập. Và cũng như mỗi người lính xuất phát từ tầng lớp quý tộc, ông có một người hầu bên mình để mang vác súng đạn trên đường hành quân. Nhà vua chắc được biết những người cao nguyên đấu kiếm ra sao. Cha tôi cùng ba kỵ binh khác được chọn và cử đến thành phố London để biểu diễn cho vua xem tài nghệ của mình. Họ được dẫn vào cung điện và trong hai giờ liền đã trình diễn cho vua Ceorg, hoàng hậu Caroline và đạo phủ Cumberland – còn ai đó nữa tôi không biết – xem người cao nguyên sử dụng thanh kiếm thành thạo như thế nào. Khi họ trình diễn xong, Nhà vua – thực ra ông ta là kẻ chiếm ngôi – đã cảm ơn họ bằng những lời tốt đẹp và ba đồng tiền vàng.

Khi rời lâu đài, họ phải đi qua phòng thường trực. Lúc đó cha tôi nảy ra ý kiến: chắc hẳn ông là người lính và nhà quý tộc đầu tiên của cao nguyên đi qua cổng này, chẳng lẽ lại không cho người gác biết vinh dự của mình hay sao? Và ông đã cho người gác ba bảng vừa được vua tặng, và hai người lính cùng đi cùng làm như vậy. Thế là sau đó họ đứng trên phố, mệt mỏi và không còn một cắc nào trong túi. Sau này người ta kể rằng người này, người khác là người đầu tiên cho người gác cổng cung vua Puộc-boá, nhưng sự thật người đó là Duncan Stuart và tôi sẵn sàng dùng kiếm và súng lục để bảo vệ ý kiến ấy. Cha tôi là một người như vậy. Mong ông yên nghỉ trong thanh bình!

— Thế thì ông không phải là người để lại cho anh nhiều của cải.

— Đúng vậy. – Alan nói. – Ông để lại cho tôi những chiếc quần để che đôi chân trần của tôi. Ngoài ra thì không có gì: Vì thế mà tôi đăng lính, đó là một vết nhơ cho danh dự của tôi và có thể còn gây hậu quả nghiêm trọng cho tôi nếu tôi rơi vào tay bọn Áo đỏ.

— Cái gì? – Tôi kêu lên. – Anh phục vụ trong quân đội Anh?

— Đúng vậy. – Alan đáp – Nhưng tại Preston Pans tôi đã chạy sang phía chân chính, đó là điều an ủi cho tôi.

Tôi không thể chia sẻ quan điểm với Alan, vì với tôi, việc chạy trốn khỏi quân đội đang chiến đấu là một trong những hành động không thể tha thứ và

đáng hổ thẹn nhất. Nhưng mặc dù còn trẻ, tôi cũng đã tránh không nói cho Alan điều tôi nghĩ. Tôi chỉ kêu to:

— Ô, trời ạ, vì việc đó có thể bị tội chết.

— Tất nhiên nếu chúng bắt được tôi, chúng sẽ xử cấp tốc, một đoạn dây treo cổ cho Alan Breck đã sẵn sàng. Nhưng tôi luôn có sự ủy thác của hoàng đế Pháp ở bên mình, có lẽ nó sẽ phù hộ tôi.

— Tôi nghi ngờ điều đó lắm.

— Bản thân tôi cũng nghi ngờ. – Alan nói khô khốc.

— Trời ạ! – Tôi kêu lên – Anh là một kẻ nổi loạn bị kết án, một người đào ngũ, ngoài ra còn là lính của hoàng đế Pháp. Cái gì làm anh quay lại đất nước này? Chẳng lẽ anh thách thức số mệnh?

— Ô la la! – Alan nói – Từ năm 1746 năm nào tôi cũng quay về.

— Và cái gì là nguyên cớ?

— David ạ, tôi nhớ các bạn tôi, nhớ quê hương tôi. Tất nhiên nước Pháp là một đất nước tươi đẹp, nhưng tôi muốn về với những cánh rừng, những con lợn nòi. Và còn có việc này, việc kia cần phải giải quyết. Hiện tại tôi đang tuyển một vài người phục vụ cho hoàng đế Pháp. Lính mới? Cậu thấy không? Việc đó đem lại chút tiền. Nhưng điều quan trọng nhất, điều tôi tâm niệm nhất là việc làm ăn của thủ lĩnh Ardshiel của tôi.

— Tôi nghĩ rằng người giao nhiệm vụ cho anh tên là Appin? – Tôi thắc mắc.

— Đúng, nhưng Ardshiel là thủ lĩnh tối cao. – Anh ta giải thích nhưng tôi cũng không hiểu gì hơn – David ạ, suốt cuộc đời, Ardshiel là một người chỉ huy lớn, xuất thân từ hoàng tộc và mang tên một hoàng đế, bây giờ nghèo đến mức phải sống như một người không của cải ở một thành phố Pháp. Người chỉ huy vĩ đại đó trước đây chỉ huyết sáo một cái là có bốn trăm tay kiếm tuân lệnh ông ta, người chỉ huy vĩ đại đó, như tôi đã tận mắt nhìn thấy, phải mua bơ ở chợ và gói trong một chiếc lá rau cải đem vô nhà. Với chúng tôi, những người ruột thịt của ông, nhưng việc như vậy không chỉ đau lòng

mà còn là một vết nhục. Con cái của ông, niềm hy vọng của Appin, đang học ở nơi xa lạ không chỉ đọc, viết mà còn học đấu kiếm. Nhưng những tá điền của Appin lại phải nộp địa tô cho tên cướp ngôi tự gọi mình là vua George. Những người này tập hợp nhanh chóng, vì tình yêu với sự nghiệp và cũng bị ép buộc một chút, và từ đó đã thu được một lượng địa tô thứ hai cho Ardshiel. Và David, cậu nên biết rằng người thu thập những món tiền đó và đem sang Pháp chính là tôi.

Trong lúc nói, anh đập tay vào đai lưng làm cho những đồng tiền kêu loảng xoảng.

— Những người này nộp tô cho cả hai phía? – Tôi hỏi.

— Đúng, David ạ. Họ làm vậy cho cả hai phía.

— Hai lần nộp tô? – Tôi hỏi lại.

— Đúng, David ạ. Hai lần nộp tô. – Anh ta xác nhận – Tôi đã trình bày cho viên thuyền trưởng sự việc hơi khác một chút, nhưng những gì tôi kể với cậu thì là sự thật: điều ngạc nhiên ở đây chỉ là không cần ép buộc nhiều đâu. Nhưng đó là công của người họ hàng can đảm của tôi – bạn của cha tôi – James of Glens, hoặc nói đúng hơn là James Stuart. Ông gần như là anh em của Ardshiel, nhận tiền và quan tâm đến mọi thứ.

Đó là lần đầu tiên tôi nghe đến James Stuart xứ này rất nổi tiếng khi ông bị treo cổ. Lúc đó tôi không quan tâm đến chuyện đó, và ý nghĩ của tôi hoàn toàn quan tâm đến tính tự nguyện của người cao nguyên.

— Tôi gọi điều đó là có tâm huyết. – Tôi nói lớn – Tôi thuộc Đảng Whig hoặc tương tự vậy, nhưng tôi gọi đó là tâm huyết.

— Đúng, David ạ. – Alan nói – Cậu là người của Đảng nhưng không có một suy nghĩ lành mạnh và điều đó là quan trọng. Nhưng nếu cậu thuộc họ hàng Campbell đáng nguyên rủa, chắc cậu đã nghiến răng giận dữ khi nghe những điều tôi vừa kể. Còn nếu cậu là cáo đỏ...

Khi nói đến cái tên này, Alan ngừng lại và im lặng ngay. Tôi đã chứng kiến những con người giận dữ đáng sợ, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy một

bộ mặt giận như điên dại hơn mặt người bạn mới của tôi, khi anh nhắc đến cáo đỏ.

Giật mình nhưng tò mò, tôi hỏi:

— Cáo đỏ là ai vậy?

— Ai à? – Alan kêu lên – Tôi muốn nói cho cậu điều đó. Khi những người trong phe bị đánh bại ở Culloden và sự nghiệp tốt đẹp chịu một thất bại, khi ở phía bắc, những con ngựa lội đến cổ chân trong máu những người ưu tú nhất của đất nước, thì Ardshiel phái trốn trên vùng núi như một con thú bị săn đuổi. Ông và vợ con ông. Chúng tôi phải làm việc vất vả cho đến khi đưa được ông lên tàu một cách may mắn và ngay khi ông còn phải ẩn nấp trong lau sậy, vì không bắt sống được ông, bọn Anh đã tước hết quyền lợi của ông. Chúng cướp của ông lực lượng và của cải. Chúng nó tước vũ khí của phe đảng, vũ khí mà những con người dũng cảm này đã mang trong danh dự từ ba ngàn năm nay, họ và tổ tiên họ. Chúng lột quần áo khỏi thân thể người nghèo. Ngày nay, một người bị coi là phạm tội nếu mang trên người vải Scotland. Vì vậy mà đã có một người bị đưa vào nhà tù chỉ vì anh ta mặc chiếc áo Scot, mà ngoài nó ra anh ta không có cái áo nào khác. Nhưng dù làm gì, một điều chúng tôi không thể thủ tiêu được đó là tình yêu của những người trong phe đối với thủ lĩnh của họ. Những đồng bằng trong đai lưng là một bằng chứng hùng hồn. Bây giờ tôi nói đến tên Campbell, tên Colin of Glenure tóc đỏ...

— Đó là người mà anh gọi là cáo đỏ à? – Tôi hỏi.

— Đúng, hẳn là cáo đỏ. Hẳn cầm đầu. Hẳn xin được ở vua George chứng chỉ, và được phong là Phó thủ lĩnh của những địa hạt Appin. Đầu tiên hẳn làm việc đó rất khéo léo và hẳn nhanh chóng thành bạn thân của Shenius, tức là James of the Clens, người liên lạc của thủ lĩnh tôi. Nhưng dần dần hẳn nghe thấy những điều tôi vừa kể với cậu là những nông dân và nông dân nghèo, những tá điền khốn khổ ở Appin, phải quần quai, đau đớn để nộp hai khoản địa tô, họ đã phải rũ sạch túi và thu nhặt tất cả để gửi cho Ardshiel và những đứa trẻ nghèo. Vừa rồi cậu gọi đó là gì nhỉ?

— Tôi nói đó là sự tâm huyết, Alan ạ. – Tôi nói lớn.

— Cậu đã nói điều đó mà cậu lại là một người của Đảng Whig – Alan đáp – Khi Colin Rey biết câu chuyện địa tô thứ hai này, hẳn tức điên lên. Hẳn ngồi uống rượu và nghiền răng ken két. Như thế đó: một thằng Stuart đã nhận được một miếng bánh mì, còn hẳn, Colin, thì không ngần ngại được. A, cáo đỏ, – Alan kết thúc – Nếu có ngày nào đó mày phải đứng trước mũi súng của tao thì Chúa sẽ an ủi mày.

Alan ngừng lại một chút để nuốt sự uất hận bất lực vào trong lòng.

— Bây giờ, David ạ. – Anh nói tiếp – Cậu nghĩ bây giờ hẳn làm gì? Hẳn hủy bỏ tất cả hợp đồng với tá điền và bộ óc đen tối của hẳn nghĩ sẽ tìm được những tá điền giao nộp nhiều hơn, trả giá cao hơn là những tên Stuart Maccol và Macrob, tất cả là những nghĩa sĩ, David ạ. Hẳn nghĩ lúc đó Ardshiel cùng đám đệ tử của mình ở bên Pháp sẽ đứng ăn xin bên vỉa hè.

Tôi tò mò kêu lên:

— Cái gì đã xảy ra sau đó?

Alan đặt cái đầu đã cháy hết từ lâu xuống và đập hai nắm tay vào trong đầu gối.

— Điều đó cậu không đoán ra đâu. Vẫn những Stuart, Maccol, Macrob ấy, những người phải nộp tô hai lần – bị ép buộc cho vua George và tự nguyện cho Ardshiel – đã nộp cho ông một khoản tốt hơn bất kỳ một tên Campbell nào trên toàn cõi Scotland. Ông gửi người của mình đi khắp nơi tới tận bờ sông Clyde, đến tận giao điểm Edinburgh. Ông đã cầu trời cho họ trở lại vì nếu không thì có nghĩa là chúng đã bắt một anh Stuart quì gối và làm vữa lòng một con chó khát máu, một tên Campbell.

— Alan ạ, đó là một câu chuyện đáng ghi nhớ, một câu chuyện tuyệt vời. Mặc dù tôi có thể cho rằng mình thuộc Đảng Whig, tôi cũng rất sung sướng nếu tên này bị thua.

— Hẳn bị thua? – Cậu không hiểu tụi Campbell rồi, và hoàn toàn không hiểu con cáo đỏ. Hẳn chịu thua? Không! Điều đó chỉ xảy ra khi máu của

chúng nhuộm đỏ núi rừng. Nếu cái ngày tôi có thời gian và cơ hội gặp con thú này tới, thì toàn cao nguyên không đủ chỗ để che lấp sự báo thù của tôi.

— Alan, con của loài người! Anh đã không xử sự thông minh cũng không như đạo thiên chúa khi anh giận dữ như vậy. Những lời giận dữ đó không làm đau cái người mà anh gọi là cáo đỏ mà làm hại chính anh. Tốt nhất là kể tiếp đi! Ông ta đã làm gì sau đó?

— Cậu vừa nói một lời đúng đắn, David ạ. – Alan nói – Bạn thân mến, đúng là lời nói của tôi không làm đau hẳn, đáng tiếc là như vậy; không kể đến sự xử sự không phải đạo thiên chúa – về việc này có quan điểm khác vì nếu không tôi sẽ là một giáo dân tồi – còn thì tôi hoàn toàn đồng ý với cậu.

— Ý kiến nọ, ý kiến kia. – Tôi đáp – nhưng một thực tế được công nhận là đạo thiên chúa loại trừ sự trả thù.

— Thế đấy – Alan đáp – Người ta thấy ngay là cậu đã được một lão Campbell nuôi dạy. Loại người như họ chỉ mong và cảm thấy dễ chịu nếu trong đám cỏ trong rừng không có ai chĩa súng vào họ. Nhưng đấy không phải là chuyện đó. Cậu sẽ thấy ngay sau đó hẳn làm gì.

— Được rồi, kể tiếp đi! – Tôi nói.

— Cậu thấy không, David. Khi không dọn được những cao nguyên trung thủy bằng cách đó, hẳn thề sẽ săn đuổi họ một cách hèn mạt. Một điều hẳn quyết làm bằng được là Ardshiel phải chết đói. Đó là mục đích điên rồ của hẳn. Và bởi vì những người đã nuôi sống thủ lĩnh trong lúc bị đầy ải đã không tự nguyện rời ruộng đất, nên hẳn quyết dùng bạo lực. Hẳn cho gọi luật sư đến, định ra luật lệ và lo lắng sao cho luôn có đủ lính Áo đỏ bảo vệ hẳn. Vì vậy những con người tốt bụng đã phải gói ghém tài sản và ra đi, con cái phải ra khỏi nhà của cha mẹ, nơi họ đã sinh ra và lớn lên, nơi họ đã chơi những con búp bê nhỏ. Và ai đến chỗ của họ? Một đội quân ăn xin, nghèo đói, chân đất. Vua George bây giờ có thể thấy ông ta nhận được bao nhiêu địa tô, ông ta thu thập ít đi, phải phết ít bơ hơn vào bánh mì. Tên Colin đó quan tâm đến chuyện gì? Mong muốn độc nhất của hẳn là làm hại Ardshiel.

Khi hắn cướp miếng thịt khỏi bàn thủ lĩnh, khi hắn có thể lấy được đồ chơi khỏi tay trẻ con, thì hắn và đám đệ tử quay về vừa đi vừa ca hát.

— Liệu tôi có được nói một chút về chuyện này không? – Tôi yêu cầu – Chắc chắn là chính phủ đã thò tay vào chuyện này. Nếu chính phủ nhận được ít địa tô hơn thì đó không phải lỗi của con người này. Chắc chắn Campbell đã làm theo lệnh. Và nếu mà ngày mai anh giết được tay Colin này thì được lợi gì? Một tay khác sẽ thay thế như trở bàn tay.

— David, cậu đánh tốt, có khả năng chiến đấu. Còn thì cậu là một tay hết hy vọng của Đảng Whig.

Tuy lời nói rất thân mật, nhưng trộn lẫn trong đó rất nhiều vẻ cay đắng và khinh miệt làm cho tôi thấy tốt nhất nên đổi đề tài đi. Tôi nói rằng tôi rất ngạc nhiên là trong điều kiện như vậy mà anh có thể ra vào tự do như vậy, mặc dù trên cao nguyên đầy lính Anh và toàn vùng được phòng vệ như một thành phố bị vây hãm.

— Chuyện này đơn giản hơn là cậu nghĩ. – Alan nói – Vùng núi khô cằn không cây cối, có thể nhìn bao quát như một đường quê. Nếu nhìn thấy ở đâu đó có một chòi canh thì cậu sẽ chọn đường khác. Những bụi thạch thảo cũng giúp cậu, thậm chí giúp nhiều là khác. Đồng thời, tôi có bạn bè ở khắp nơi, và ở khắp nơi có những chuồng trại và những đồng cỏ khô. Ngoài ra ở đâu có lính tráng thì ở đó ồn ào. Và một người lính không làm gì trên đất là để lại dấu giày. Tôi đã có lần cùng cậu với tụi nó bên một dòng suối và đã câu được một con cá hồi to, chỉ có điều là tụi Áo đỏ ở phía bên kia đồi. Một lần tôi ngồi trong một bụi thạch thảo chỉ cách trạm gác nhiều nhất là 6 foot nghe được tên lính hát khẽ một bài hát. Tình hình đại loại như vậy – Alan nói và lại bắt đầu huýt sáo giai điệu của mình. Rồi anh nói tiếp:

— Ngoài ra, ngày nay không trầm trọng như những năm 46 nữa. Ngày nay có thể nói là cao nguyên “bình yên”. Không có gì ngạc nhiên là từ Canture đến dãy núi Wrath người ta không dặt kiếm nữa trừ một số người cẩn thận còn giấu trên mái rạ. Nhưng mà tôi muốn biết chuyện này còn kéo dài bao lâu nữa! Tôi nghĩ là không lâu nữa với những con người như

Ardshiel bị đày đọa và với những tên đồ tể như Cáo đỏ, bọn chỉ muốn có rượu và đàn áp dân chúng nghèo khổ. Nhưng đó không phải chuyện vui đùa khi nói trước rằng con người có thể chịu đựng bao nhiêu tên như vậy và làm sao mà tên Cáo đỏ có thể cười ngửa đi khắp vùng Appin mà không gặp một chàng trai dũng cảm cho hẳn một viên đạn vào đầu.

Sau đó Alan trở nên trầm tư, ngồi yên lặng rất lâu ở đó.

Tôi còn muốn kể những chuyện khác về bạn tôi. Anh ta chơi tất cả các loại nhạc cụ nhưng chủ yếu là kèn túi. Anh ta là một nhà thơ quen biết, viết bằng tiếng mẹ đẻ. Anh đọc nhiều sách tiếng Anh, tiếng Pháp, là một xạ thủ tuyệt vời, một người ham mê câu cá, một người đấu kiếm lớn đặc biệt với những thanh đoản kiếm nhưng với cả gươm dài của riêng anh. Những yếu điểm của anh ta có thể đọc ngay trên nét mặt, tôi cũng nhận ra chúng rất nhanh – Nghiêm trọng nhất là cách xử sự ngây thơ của anh rất dễ cảm thấy bị xúc phạm và nổi giận lên mặc dù ở bên tôi anh đã kiềm chế nhiều. Tôi không hiểu đó là vì bản thân tôi đã được thử thách hoặc vì tôi đã chứng kiến nhiều hành động dũng cảm hơn của anh. Mặc dù anh đặc biệt khâm phục lòng dũng cảm của người khác, nhưng vẫn đánh giá lòng dũng cảm của mình – Alan Breck – là cao nhất.

Chương 13: **CHIẾC TÀU BUỒM MẮC CẠN**

Buổi tối hôm đó đã khá muộn, trời âm u, – vào mùa này trời thường như vậy, – khi Hoseason thò đầu vào cửa phòng.

— Hãy nghe đây! – Ông ta nói với Alan – Hãy ra ngoài và xem ngài có thể dẫn đường cho chúng tôi không?

— Lại là một trong những mưu mô bẩn thỉu của Ngài? – Alan hỏi.

— Trông tôi hiện nay giống như người có mưu mô ấy không? – Viên thuyền trưởng đáp – Tôi đang có nỗi lo khác. Con tàu của tôi đang gặp nguy hiểm.

Bộ mặt lo lắng của ông ta, nhưng trước hết là giọng nói xúc động của ông ta khi nói về con tàu đã chứng tỏ cho chúng tôi thấy là ông ta nói nghiêm chỉnh. Vì vậy Alan và tôi đã không quá băn khoăn bước ra boong tàu.

Bầu trời trong sáng, một làn gió mạnh đang thổi và trời khá lạnh. Ánh sáng ban ngày còn lại chút ít nhưng trăng tròn đã chiếu rất sáng. Con tàu đã được lái quay mũi để giữ được theo hướng gió. Chúng tôi đang muốn chạy vòng mũi tây nam của đảo Mull. Các hòn núi của đảo, nhất là ngọn Ben More mà đỉnh của nó đã biến mất trong sương mù, đang nằm ở phía đuôi tàu. Mặc dù ở đây không phải không nguy hiểm với tàu *Covenant*, nó vẫn chạy nhanh về phía trước, trườn và quay, bị sóng phía tây đẩy đi đẩy lại.

Về đại thể tối hôm nay, chưa phải lúc thời tiết xấu nhất để chống lại sóng gió và lúc đó tôi đã nghĩ: điều gì làm viên thuyền trưởng lo lắng như vậy, khi bỗng nhiên con tàu bị một làn sóng đẩy cao và ông ta hét phải giữ vững vùng quan sát. Ông ta chỉ ra biển và chúng tôi trông thấy ở phía mạn khuất gió của tàu một cái gì đó như cái giếng phun lên cao và liền đó có tiếng gầm thét nặng nề.

— Ngài cho đó là cái gì vậy? – Viên thuyền trưởng hỏi bằng một giọng lo lắng.

— Biển đập vào vách đá ngầm. Alan trả lời – Bây giờ ngài biết đá ngầm ở chỗ nào, Ngài còn hỏi gì nữa.

— Ôi chao! – Thuyền trưởng thở dài – Nếu chúng chỉ nằm về một phía!

Và trong lúc ông ta còn đang nói, một cái giếng phun thứ hai bắn lên cao ở phía Nam .

— Vâng, – Hoseason nói – Ngài đã tự mình nhìn thấy nó. Vâng, nếu mà tôi biết được những vách đá đó ở chỗ nào, nếu tôi có một cái bản đồ, nếu Shuan không chết, không có sáu mươi cũng không có một trăm đồng bảng nào đã đẩy tôi đưa con tàu vào một bãi đá như vậy! Còn ngài, thưa ngài, ngài muốn dẫn đường cho chúng tôi. Có phải ngài nói vậy không?

— Tôi đang suy nghĩ. – Alan nói – Chắc đây phải là những vách đá ngầm gọi là vách Tarran.

— Loại này có nhiều không? – Viên thuyền trưởng hỏi.

— Ông già, tôi là người dẫn đường à? Dẫu sao tôi cũng nhớ là chúng kéo dài khoảng mười hải lý.

Ngài Riach và thuyền trưởng trao đổi cho nhau một cái nhìn lúng túng.

— Nhưng chắc phải có một đường đi xuyên qua? – Heseason nói.

— Không nghi ngờ gì. – Alan nói – Nhưng nó ở đâu? Tôi nghĩ là tôi còn nhớ dọc theo bờ biển có một đường thủy tự do.

— Vậy thì, ngài Riach, – Hoseason nói – bây giờ chúng ta phải chạy ngược gió. Chúng ta sẽ chạy càng gần đảo càng tốt, ngay cả khi bờ biển mất gió và chúng ta nhìn thấy vách đá ở phía chắn gió của tàu. Bây giờ chúng ta đang lúng túng nhưng không còn cách gì khác là phải vượt qua.

Sau đó ông ta ra một mệnh lệnh cho thủy thủ lái tàu và cử Riach đứng trước mũi. Cùng với hai sĩ quan chỉ có tất cả hai người trên boong, số đông hơn không có khả năng làm việc hoặc không muốn làm việc. Vì vậy, ngài

Riach, như tôi đã nói, phải leo lên cột buồm. Ông ta ngồi trên đó vừa chỉ vừa hét với chúng tôi những gì ông ta nhìn thấy.

— Ở phía Nam sóng quá cao! – Ông ta hét lên, sau một lúc lại nói – Gần bờ sóng êm hơn.

— Tốt thôi. – Hoseason nói – Chúng tôi muốn theo lời khuyên của ngài, nhưng mà có thể cũng giống như tin vào một người mù. Cầu trời phù hộ rằng ngài có lý!

— Trời sẽ phù hộ. – Alan nói với tôi – Tôi đã nghe nói về các vách đá ngầm và con đường thủy tự do ở đâu nhỉ? Bây giờ sẽ đến cái gì phải đến.

Càng gần bờ biển chúng tôi càng nhìn thấy nhiều vách đá. Chúng nằm ngay trước mặt chúng tôi và từng lúc một, ngài Riach kêu to cho chúng tôi biết phải thay đổi “cua” thỉnh thoảng vào tận giây phút cuối cùng, vì nhiều lúc chúng tôi đến sát một vách đá tới mức ngọn sóng cao vượt qua vách đá tới được boong tàu chúng tôi và chúng tôi ướt như chuột.

Trong đêm trăng sáng có thể nhận ra mỗi hiểm họa như vào ban ngày, thậm chí có thể làm sự việc hồi hộp hơn. Tôi cũng nhìn thấy rõ mặt viên thuyền trưởng đang đứng cạnh người lái tàu. Ông ta nhấp nhò hai chân, thối vào hai bàn tay lạnh cóng, lắng nghe và chăm chú, nhưng đứng thẳng như sắt thép. Trong cuộc đấu với Alan, cả ông lẫn ngài Riach không có gì nổi bật, nhưng trong lĩnh vực sở trường của mình thì họ không chịu thua. Tôi cũng khâm phục điều đó khi nhìn thấy mặt Alan tái mét.

— Ô trời, David ạ, đây không phải cái chết mà tôi mong muốn!

— Alan, – Tôi nói – nhưng mà anh không sợ chứ?

— Không, – Anh nói và dùng lưỡi liếm môi – nhưng cậu cũng phải nhận là cái kết cục dành cho chúng ta bi đát quá.

Trong lúc đó để tránh đá ngầm, xoay bên này hoặc bên kia, chúng tôi càng bị gió cản mạnh và đi gần vào bờ biển đảo Mull. Sóng ở mũi đất này rất mạnh và con tàu bị đung đưa dữ dội. Bây giờ phải hai thủy thủ cầm tay lái và thỉnh thoảng chính Hoseason cũng phải tham gia vào nữa. Thật đáng

ngạc nhiên khi nhìn thấy ba người đàn ông mạnh khỏe ấy dùng tất cả sức lực ép bánh lái như thế nào, cái tay lái như một con vật sống chống lại họ, thỉnh thoảng ném họ xuống sàn. Nguy cơ có lẽ còn lớn hơn, nếu thỉnh thoảng, may mắn cho chúng tôi, biển không bỏ bớt những cản trở. Ngoài ra từ cái lồng trên cột buồm ngài Riach đã gọi xuống rằng ở phía trước biển đã dịu hơn.

— Ngài có lý thật – Hoseason nói với Alan – và nhờ đó con tàu được cứu thoát, tôi sẽ nhớ đến điều đó khi chúng ta tính toán với nhau sau này.

Tôi tin là ông ta nói thật lòng và sẽ giữ lời hứa vì ông ta rất yêu *Covenant*. Nhưng đó chỉ là ý kiến thừa, như ta thấy ngay sau đó, câu chuyện đến hoàn toàn khác sự chờ đợi của chúng tôi.

— Lùi lại một đoạn! – Ngài Riach hét lên – Đá ngầm ở phía gió thổi!

Trong giây phút đó con tàu rơi vào cơn xoáy, đồng thời buồm bị chùng lại, quay như con quay, và giây phút sau đó nó lao vào đá ngầm với một sức bật làm tất cả chúng tôi ngã xuống sàn còn ngài Riach chút nữa rơi khỏi lồng.

Tôi lập tức đứng dậy. Dải đá ngầm mà chúng tôi trườn lên nằm ngay sát mũi tây nam của đảo Mull, đối diện một hòn đảo gọi là Earraid, trông bằng phẳng, màu đen nhô lên ở phía sau tàu.

Thỉnh thoảng sóng chồm qua đầu chúng tôi và ấn con tàu khốn khổ vào sâu trong đá ngầm, chúng tôi có thể thấy các bộ phận của con tàu tách rời nhau theo đúng nghĩa đen. Buồm đập thành phách. Gió gào thét. Bụi nước của sóng làm mờ ánh trăng. Cảm nhận được nguy cơ đang đe dọa, trong đầu tôi rối mù lên, tôi không hiểu cái gì đang diễn ra xung quanh nữa.

Sau đó, tôi nhìn thấy ngài Riach và hai thủy thủ đang đánh vật với chiếc xuồng, vẫn còn đang mơ mơ, màng màng, tôi chạy đến giúp họ. Vừa bắt tay vào làm, đầu óc tôi sáng suốt trở lại. Nhiệm vụ đó thật không dễ dàng bởi vì chiếc xuồng được buộc chặt vào tàu và nằm úp hoàn toàn. Biển tung sóng phía trên đã buộc chúng tôi luôn luôn phải ngừng công việc và bám chặt vào

đâu đó. Nhưng chừng nào có thể là chúng tôi lại làm như những nô lệ da đen.

Trong lúc đó, những người bị thương còn đi được đã lo ra khỏi khoang trước và giúp vào việc hạ thủy thuyền, trong lúc những người còn lại đang nằm bất lực trong phòng thì kêu gào chúng tôi cứu họ.

Viên thuyền trưởng đứng yên bên cạnh, trông như không có hồn, tay bám chặt vào lan can, nói chuyện một mình, than thở rất to mỗi lần tàu bị đẩy sâu vào đá ngầm. Con tàu là cả thế giới của ông ta. Nó thay thế vợ con. Trước đây ông ta đã đứng đưng nhìn cậu bé Ransome bị hành hạ hàng ngày, nhưng cuộc chiến đấu sống còn của con tàu hình như lại làm đau đớn cơ thể ông ta.

Trong khi vật lộn với con thuyền, tôi chỉ còn nhớ là đã hỏi Alan, lúc đó đang đứng trên sàn nhìn vào bờ biển rằng đây là đất nào vậy và anh ta trả lời đây là điều xấu nhất với anh vì đây là đất của Campbell.

Chúng tôi nhắc một người thủy thủ bị thương chú ý quan sát sóng và sớm báo cho chúng tôi biết mỗi hiểm nguy mới. Khi chúng tôi đã gần đặt được con thuyền xuống nước, bỗng nhiên anh ta hét lên:

— Trời ơi! Bám chặt vào!

Qua giọng nói của anh ta, chúng tôi nhận thấy sắp xảy ra cái gì đó đặc biệt. Giây phút sau đó, một đợt sóng tràn tới mạnh đến mức nâng chiếc tàu của chúng tôi lên cao và đẩy nó nghiêng sang bên cạnh. Không hiểu sự nhắc nhở hơi chậm hay tôi bám không chặt, chỉ biết khi tàu bị nghiêng, tôi trượt chân trên sàn và rơi xuống biển.

Tôi chìm ngay lập tức và uống kha khá nước biển. Sau đó tôi lại nổi lên, nhìn thấy ánh trăng và lại chìm xuống. Như người ta nói, một người chỉ chết đuối ở lần chìm thứ ba thôi. Có lẽ tôi được cấu tạo từ loại vật liệu khác mọi người vì tôi không thể nổi được, tôi đã chìm xuống, nổi lên bao nhiêu lần. Tôi bị đẩy đi, đẩy lại, bị sóng đập rất mạnh, gần bị chết đuối và lú lẫn đến mức không biết mình có sợ không. Tôi chỉ còn nhớ là tôi bị mắc vào một cái cột nên được giữ trên mặt nước, sau đó tôi bỗng rơi vào một vùng nước yên tĩnh hơn và tĩnh lại. Cái cột mà tôi vớ được là cột buồm dự trữ của tàu và tôi

rất ngạc nhiên là tôi đã bị đẩy xa con tàu đến thế. Từ khoảng cách xa như thế rõ ràng không ai có thể nghe được tiếng tôi, vì mặc dầu tôi gào rất to mà không ai chú ý đến cả. Tàu *Covenant* vẫn đang bơi. Rất tiếc là tôi không nhận ra những người khác đã đưa được xuống xuống nước chưa.

Trong lúc còn đang kêu cứu về phía tàu, tôi nhận ra là giữa tôi và tàu có một vùng sóng không mạnh, nhưng ngay trước mặt tôi nước tung bọt, quay cuồng trong ánh trắng và dòng nước chuyển động như một con rắn đang quẫy mình, đập phần cuối của đuôi sang bên cạnh. Thình thoảng tất cả biến mất trước mắt tôi rồi lại lập tức bùng lên. Tôi không thể khẳng định thiên nhiên đang chơi trò gì vậy, nhưng vì nó có vẻ bí hiểm nên tôi càng sợ. Nay thì tôi biết cái đó gọi là dòng thủy triều, đã kéo tôi theo, đẩy tôi đi đi lại lại một cách đau đớn, đến lúc tôi đã quá mệt mỏi vì trò chơi man rợ này và cùng với cột buồm trôi đến vùng nước yên lặng hơn. Bấy giờ tôi nằm hoàn toàn bất động nhưng cũng nhận ra ngay là người ta không chỉ có thể chết đuối mà còn có thể chết vì lạnh nữa.

Bờ biển Earraid rất gần, trong ánh trắng tôi có thể nhận rõ những bụi thạch thảo và ánh sáng chiếu sáng những vách đá. Lúc đó tôi nghĩ nếu tôi không tới được đó thì chắc phải có bàn tay của ma quỷ nhúng vào.

Thực tế tôi bơi không giỏi, lúc ở nhà tôi không tập vì sông Essen không đủ sâu. Nhưng nếu dùng hai tay bám vào cột buồm và luôn luôn dùng chân đạp nước, chắc tôi sẽ bơi được về phía trước. Công việc khá vất vả và chậm chạp đáng sợ, nhưng sau khi vùng vẫy khoảng một giờ, tôi đã tới được chỗ những mũi đất nằm trong một vịnh nông, có cát.

Ở đây, biển phẳng lặng, yên tĩnh và tôi cũng không nghe tiếng sóng vỗ. Mặt trăng chiếu sáng và tôi có ấn tượng chưa nhìn thấy một phong cảnh nào hoang vu và đáng buồn như thế bao giờ, nhưng trước mặt tôi là một bãi biển cứng và khô. Khi nước chỉ còn nông tới mức tôi có thể bỏ cột buồm và đi bộ vào bờ, trong lúc bối rối hạnh phúc đó tôi không thể nói gì hơn giữa sự mệt mỏi và lòng biết ơn đã được cứu thoát. Trong đời, tôi luôn luôn phải cảm ơn Chúa của mình nhưng chưa bao giờ có lý do rõ ràng như lúc này.

Chương 14:

HÒN ĐẢO TRỢ TRỢI

Phút đặt chân lên đất liền là lúc bắt đầu thời kỳ trầm trọng nhất trong cuộc phiêu lưu của tôi. Lúc đó có lẽ đã nửa đêm và mặc dù gió đã bị bờ biển dựng đứng ở gần đó làm yếu đi nhưng vẫn còn rất lạnh. Tôi không dám ngồi xuống vì sợ chết cứng, mà chỉ tháo đôi giày ướt sũng ra và đi chân không đi đi, lại lại trên bờ biển. Mệt như chết, tôi luôn phải xoa tay vào ngực cho ấm lên. Không nghe thấy một tiếng động gì của người hay súc vật, chỉ có tiếng sóng biển ở xa xa nhắc tôi nhớ đến mối hiểm nguy đã vượt qua và nỗi nguy hiểm bạn tôi đang mắc phải. Trong những giờ đầu tiên đó, trên một vùng chết chóc và âm đạm trong lòng tôi tràn ngập một nỗi sợ không cắt nghĩa được.

Ngay khi trời bắt đầu sáng, tôi đi giày vào và trèo lên ngọn đồi gần nhất. Đó là lần leo núi khó khăn nhất mà tôi đã trải qua. Tôi luôn luôn phải bò qua những khối đá hoa cương hoặc nhảy từ tảng nọ qua tảng kia. Khi tôi lên đến đỉnh đồi thì trời đã sáng. Con tàu buồm chắc bị sóng vùi đập, nước đã tràn vào, không còn thấy ở đâu nữa. Tôi cũng không thấy chiếc xuồng, chỉ có một cánh buồm độc nhất nhô trên biển và trong tầm mắt của tôi, không thấy một ngôi nhà hoặc một sinh vật nào.

Ý nghĩ về những người trên tàu làm tôi lo lắng. Nhìn các phong cảnh hoang vu, trợ trợ này tôi thấy sợ hãi. Ngoài ra, quần áo ướt hết và tôi đã kiệt sức, rồi thì cái dạ dày kêu đói và bắt đầu đau. Tôi chưa chịu đủ bất hạnh sao? Với hy vọng tìm thấy một ngôi nhà trong đó tôi có thể sưởi ấm và có thể biết chút ít về những người mất tích, tôi đi bộ dọc theo bờ biển về hướng đông. Nếu không tìm thấy một cái gì đó thì ít nhất mặt trời cũng làm khô quần áo tôi.

Chỉ một lúc sau một lạch nước hay một cánh tay của biển vẫn thường ăn sâu vào đất liền đã cản trở con đường của tôi. Vì không thấy khả năng có thể vượt qua, tôi bắt buộc phải đổi hướng, tiếp tục đi dọc bờ nước tới khi nào

vượt qua được. Đường đi vẫn rất khó. Thực tế không chỉ đảo Earraid mà cả vùng bao quanh đảo Mull, được gọi là con ngựa, đều là những khối đá hoa cương và đá vụn, giữa các tảng đá là thạch thảo. Đầu tiên, đúng như tôi mong đợi, dòng nước thu hẹp lại, nhưng sau đó lại rộng ra một cách không ngờ. Khi nhận ra điều này, tôi gãi đầu nghĩ ngợi nhưng không hiểu thực chất là thế nào, mãi khi tới đỉnh một gò đất, tôi mới biết mình đã đặt chân lên một hòn đảo nhỏ hoang vu, bị biển bao vây bốn phía.

Mặt trời không thấy đâu, thay vào đó là mưa và sương mù dày đặc bao quanh tôi. Tôi ở trong một hoàn cảnh vô vọng.

Tôi đứng run rẩy trong mưa và suy nghĩ nên làm gì cho đến khi chợt nghĩ là tôi có thể lội qua dòng nước. Tôi quay lại chỗ nước hẹp nhất, lội xuống nhưng chỉ cách bờ ba bước tôi đã bị hẫng chân, lồm ngồm vùng vẫy dưới dòng nước sâu. Người ta còn được nhìn thấy tôi bây giờ thì chẳng phải vì sự thông minh của tôi mà là do ý trời. Cũng không thể ướm hơn được, nhưng sau nỗi hăm hiu đó tôi càng thấy rét cóng hơn. Và sau cái hy vọng lần nữa không thành đó tôi càng thấy bất hạnh hơn trước.

Chợt tôi nhớ đến cái cột buồm đã vớ được khi con tàu mắc cạn và đã đưa tôi qua sóng gió. Khúc gỗ ấy sẽ giúp tôi bơi qua dòng nước nhỏ này. Không ngần ngại và với một quyết tâm mới, tôi lại đi, lại chèo qua gò đất để lấy cái cột buồm phụ. Lúc đó tôi đã là kẻ bộ hành kiệt sức và nếu hy vọng sẽ được cứu thoát không giữ tôi đứng vững, có lẽ tôi đã gục ngã và đầu hàng. Không biết do những ngậm nước biển uống phải hay bị sốt mà tôi thấy khát vô cùng, tôi phải dừng lại và uống thứ nước sục mùi bùn trong các kẽ đất.

Cuối cùng tôi cũng tới được bờ biển trong tình trạng chết nhiều hơn sống và rất sợ sệt khi nhìn thấy hình như cái cột buồm ở xa mép nước hơn là tôi tưởng. Lần thứ ba tôi lội xuống nước. Bờ biển dưới chân tôi mịn và cứng và thoải thoải nên tôi đã lội được một đoạn dài trước khi nước ngập đến cổ và bị những tia nước bắn vào mặt, bây giờ đất lại biến mất dưới chân và tôi không dám đi tiếp. Cái cột buồm chao đi, chao lại trên sóng cách tôi chừng hai trăm foot.

Cho đến lần thất vọng trước đó, tôi còn khá can đảm. Còn bây giờ, khi quay vào bờ, tôi đã nằm vật xuống đất và khóc.

Ngay cả bây giờ nhớ lại thời gian ở trên đảo vẫn còn làm tôi sợ đến mức tôi không muốn nhắc tới nữa. Trong các chuyện tôi đọc được về những người mắc cạn thì, hoặc trong túi họ có đầy đủ đồ nghề, hoặc là những cái hòm có những dụng cụ như vậy cũng trôi dạt vào bờ, mà hình như vậy mới đúng. Trường hợp của tôi thì khác hẳn. Tôi chỉ có một ít tiền và cái khay bạc của Alan ở trong túi. Và vì lớn lên ở đất liền, tôi không biết và không có một loại dụng cụ hỗ trợ nào.

Tất nhiên tôi biết người ta có thể ăn trai và tôi cũng tìm thấy nhiều loại được gọi là trai đĩa, nhưng lúc đầu tôi không thể bắt chúng vì không đủ khéo léo. Ngoài ra còn có loại nhỏ hơn mà người ta gọi là ốc tim, tôi cho rằng tên gọi đúng của nó là ốc ven bờ. Đó là bữa ăn của tôi, và mặc dù ăn sống và lạnh, tôi vẫn cảm thấy ngon miệng.

Có lẽ vào mùa này không thể ăn chúng cũng có thể do nước biển ở đây không tốt lắm, vì vừa ăn xong bữa ốc tôi đã thấy khó chịu và phải nôn ra hết. Tôi nằm, chết nhiều hơn sống một lúc lâu trên bãi biển. Lần ăn thứ hai với cùng loại thực phẩm – vì không có gì khác, thì khá hơn, mang lại cho tôi chút sinh lực. Suốt thời gian trên đảo tôi không có gì khác để ăn ngoài những thứ này. Thịnh thoảng mọi việc trôi chảy, lần khác thì lại khó chịu, nhưng tôi vẫn không xác định được loại nào tôi ăn không hợp.

Mưa rơi suốt ngày, mặt đất ướt át, không tìm đâu được một chỗ khô ráo. Buổi tối, khi chui vào giữa hai khối đá lớn hơi nhô ra – chúng tạo một thứ như mái nhà cho tôi – hai chân tôi ngập trong bùn lầy.

Ngày thứ hai tôi đi về mọi phía khắp đảo. Nhưng khắp nơi đều cùng một loại, tôi không thấy chỗ nào khác cả. Khắp nơi đều hoang vu, đầy sỏi đá. Không thấy một sinh vật nào trừ một vài con chim hoang. Nhưng tôi không có khả năng giết chúng, cũng như với chim hải âu làm tổ từng bầy trên vách đá trông ra biển. Dòng nước hoặc cái rạch ngăn cách đảo với phần đất liền gọi là ngựa mở rộng về phía bắc thành một cái vịnh, và vịnh này đổ vào biển

Iona Sund. Tôi đã tìm được một chỗ trú chân ở gần địa điểm này. Tuy nhiên, khi nghĩ đến nơi trú chân trên cái mảnh đất thảm hại này, nước mắt tôi đã trào ra.

Nhưng tôi có những lý do chính đáng cho sự lựa chọn này. Ở đây có một túp lều, không lớn hơn cái chuồng lợn, có lẽ những người đánh cá đã ngủ ở đây khi họ hành nghề. Tuy nhiên vì cái mái bằng rong đã hỏng hoàn toàn nên cái lều chẳng có ích gì cho tôi, nó che chở cho tôi ít hơn hai tảng đá kia. Điều quan trọng là có rất nhiều trai đĩa trong lều. Trong lúc thủy triều xuống tôi thu nhặt được một lượng lớn. Điều đó rất dễ chịu. Nhưng tôi còn có lý do khác, sâu sắc hơn cho sự lựa chọn này. Tôi không thể quen với sự cô độc đáng sợ trên đảo, mà như con thú cùng đường luôn luôn ngó về bốn phía, luôn luôn vừa sợ sệt, vừa hy vọng là có một sinh vật xuất hiện. Từ những ngọn đồi trên vịnh tôi có thể nhận ra mái nhà thờ lớn, cũ kỹ và các mái nhà ở Iona. Ở phía bên kia vịnh, vào buổi sáng sớm và chiều tối tôi nhìn thấy khói bay lên trên ống khói của một ngôi nhà trong thung lũng.

Với thần kinh đã tê liệt một nửa, mỗi khi bị ướt đẫm và rét buốt, tôi thường ngấm luồng khói này, tưởng tượng ra một lò than và những con người ngồi xung quanh cho đến lúc đau nhói trong lòng. Những mái nhà ở Iona cũng gây tác động tương tự. Nhưng việc nhìn thấy nơi ở của con người – mặc dù qua đó nỗi đau càng tăng thêm – đã giữ cho tôi hy vọng được cứu thoát, giúp tôi nuốt trôi những con trai sống mà tôi rất kính trọng, giữ cho tôi đứng vững trước nỗi sợ hãi mỗi khi trong cơn mưa xối xả tôi chỉ nhìn thấy quanh mình vách đá chết chóc, những con chim nước và mặt biển lạnh lẽo. Việc đó đã giúp tôi đứng vững vì tôi không thể tưởng được là tôi phải chết ở đây, ngay bên bờ biển quê hương, nơi có thể nhìn thấy tháp của nhà thờ và khói tỏa là nơi ở của con người. Ngày thứ hai qua đi, và mặc dù luôn tìm kiếm những thuyền đánh cá trong vịnh, và những con người có thể di động trên các ngọn đồi con ngựa, nhưng tôi không thấy gì cả.

Trời vẫn mưa hoài. Tôi vẫn nằm ngủ trong lúc ướt đẫm như tối hôm trước. Cổ tôi rất đau, chỉ có điều an ủi là tôi đã có thể chúc các hàng xóm ở Iona ngủ ngon.

Carl II đã có lần nói rằng ở khí hậu Anh, con người có thể sống thường xuyên ngoài trời lâu hơn ở bất cứ nước nào. Một câu nói như vậy chỉ có thể từ miệng một ông vua thôi, vì ngay sau khi ở ngoài trời về, ông ta sẽ được chăm sóc chu đáo trong cung điện, có quần áo khô, ấm để thay. Chắc hẳn trốn khỏi Worcester, nhà vua cũng có nhiều may mắn hơn tôi trên hòn đảo trơ trọi này. Lúc đó là giữa mùa hè nhưng trời đã mưa liên tục hơn hai mươi từ giờ qua và chỉ vào chiều thứ ba trời mới hửng nắng.

Đó là một ngày đầy sự kiện. Buổi sáng tôi nhìn thấy một con hươu, một con hoẵng đực với bộ sừng đồ sộ đứng trong mưa ở điểm cao nhất trên đảo. Nhưng vừa nhìn thấy tôi dưới tảng đá, nó đã từ từ đi khỏi và chuyển chỗ sang phía bên kia đảo. Tôi cho rằng nó đã bơi qua vịnh Sund, mặc dù tôi không thể tưởng tượng được cái gì đã thúc đẩy một cơ thể sống đến hòn đảo Earaid trơ trọi này.

Một lúc sau đó, khi nhảy qua những vũng nước đọng để nhặt trai, tôi bỗng sững lại bởi vì ngay trước mắt tôi một cục vàng đã rơi từ vách đá xuống biển. Khi đám thủy thủ trả lại tiền cho tôi, chúng không chỉ giữ lại một phần ba số tiền của tôi mà cả cái túi bằng da của cha tôi. Vì thế mà từ một vài hôm nay tôi buộc số tiền và cái cục bạc trong túi. Bây giờ tôi đoán ra cái túi chắc có một lỗ thủng và thò tay vào túi ngay. Nhưng điều đó chỉ có nghĩa là mất bò mới lo làm chuông. Tôi đã để khoảng năm mươi bảng Anh trong túi, bây giờ chỉ còn hai bảng và một đồng xu bạc.

Mặc dù sau đó tôi đã tìm thấy đồng tiền vàng thứ ba trên bãi cỏ, những tài sản của cậu bé thừa kế hợp lệ của một điền chủ và hiện đang sắp chết đói trên mảnh đất ngoài cùng của miền cao nguyên hoang dã chỉ là ba bảng và một đồng xu bạc Anh.

Sự không may này đè nặng lên người tôi. Vâng, tình trạng của tôi ở buổi sáng nay thật đáng than thở. Ngoài ra, quần áo của tôi bắt đầu mủn ra, tất của tôi rách nát hoàn toàn, lộ rõ bàn chân trần. Luôn luôn sục trong cát ướt, bàn tay tôi trở nên mềm và nhả nheo. Cổ tôi đau kinh khủng, sức lực của tôi gần như cạn, cái món trai sống làm tôi kinh tởm mặc dù vẫn phải nuốt nó.

Nhưng sự tồi tệ nhất còn chưa tới.

Ở phía tây bắc đảo có một vách đá khá cao và bởi vì nó hơi bằng phẳng và từ đó có thể quan sát vịnh tốt, nên tôi hay tìm đến. Thực ra, nếu không ngủ quên, tôi không ở lại lâu ở đó, bởi vì nổi đau khổ không để tôi yên, tôi tự làm mệt mình và làm ốm thêm bằng cách đi lại không mục đích liên tục.

Khi mặt trời vừa lên tôi liền phơi mình trên tảng đá để ít ra có thể được khô. Tôi không thể nói hết với tôi con người rằng mặt trời ấm áp như thế nào? Khi lại sắp kiệt sức, tôi luôn luôn lấy lại niềm hy vọng được cứu thoát dưới ánh mặt trời, và mỗi lần như vậy tôi lại tìm kiếm kỹ càng mặt biển và mặt đất với một quyết tâm mới.

Phía nam vách đá của tôi có một mũi đất nhô ra, cảm tầm nhìn của tôi ra biển nên có thể có một con thuyền từ phía đó tới mà tôi không nhận ra.

Và quả thật có một chiếc thuyền đánh cá với cánh buồm nâu và hai người đàn ông bên trên đang chạy quanh mũi đất về hướng Iona. Tôi hét to, quì xuống đầu gối, giơ tay lên trời cầu cứu sự giúp đỡ của họ. Họ đã đủ gần để nghe được tiếng tôi. Tôi nhận ra cả màu tóc của họ và chắc chắn họ đã nhận ra tôi vì họ đã nói với tôi gì đó bằng tiếng Gaelic và họ cười to. Nhưng con thuyền giữ vững “cua” và đi xa dần về hướng Iona trong sự lo sợ của tôi.

Tôi không thể giải thích với mình một sự độc ác như vậy, vừa đi vừa kêu khóc thảm thiết, vấp ngã từ tảng đá này qua tảng đá khác. Họ đã ra khỏi khoảng cách nghe thấy được mà tôi vẫn còn kêu gào và vẫy. Cuối cùng, khi không còn nhìn thấy họ nữa, tôi tin là trái tim tôi tan nát. Trong suốt thời gian ở đảo Earaid tôi chỉ khóc có hai lần, lần thứ nhất khi không lấy được cột buồm và lần thứ hai khi những người đánh cá đáp lại dừng dừng sự kêu cứu của tôi. Lần này tôi gào thét như một đứa trẻ không được dạy dỗ, dùng tay cào đứt hết đám cỏ và úp mặt xuống đất. Nếu ước muốn có thể giết được người, thì hai người đánh cá này sẽ không còn biết buổi sáng hôm đó nữa và sau đó tôi cũng đã chết trên đảo.

Khi nổi giận hờn đã nguôi đi một chút, tôi lại phải ăn một cái gì đó, nhưng tôi ngán đám trai ghê tởm đến mức nuốt không trôi. Nhưng giá tôi

chịu đói còn hơn vì những con trai lại làm tôi ngộ độc, còn khó chịu hơn cả lần đầu. Cổ đau đến mức không thể nuốt được. Tôi run lẩy bẩy và lạnh, hai hàm răng đập vào nhau và sau đó buồn nôn kinh khủng, cả hôm nay tôi cũng chưa tìm ra trong tiếng Anh lẫn tiếng Scot một từ thích hợp để diễn tả nó. Tôi tin là tôi sẽ chết và tôi cầu Chúa và loài người tha thứ cho tất cả đã gây ra đau khổ cho tôi, kể cả ông bác tôi và hai người đánh cá. Sau khi đã dọn sạch mình như vậy, chuẩn bị cho những việc nghiêm trọng nhất, tôi thấy dễ chịu hơn. Tôi lại có thể sáng suốt suy nghĩ. Có lẽ đêm nay sẽ không mưa, quần áo của tôi đã khô hết, tôi cảm thấy khỏe khoắn hơn bất cứ lúc nào từ khi đặt chân lên đảo. Cuối cùng, với lòng biết ơn, tôi đã chợp mắt.

Ngày hôm sau, ngày thứ tư của sự tồn tại vô vọng, mặc dù phần xác rất yếu. Nhưng mặt trời chiếu sáng và một vài con trai mà sau một lúc đắn đo tôi đã thu lại và nuốt tươi, đã làm sống lại sự gan dạ và sự hưng phấn tăng lên.

Vừa đặt chân lên vách đá, nơi tôi luôn đứng sau khi đã ăn một cái gì đó, tôi đã phát hiện ra một con thuyền đang chạy trên vịnh và rõ ràng đang chạy thẳng đến chỗ tôi.

Cùng một lúc, nỗi lo sợ và niềm hy vọng xâm chiếm lòng tôi, vì tôi nghĩ rằng hai người đánh cá đã hối hận về sự đối xử thô bạo của mình và bây giờ quay lại để sửa chữa hành động không đẹp của họ. Một sự thất vọng như hôm qua chắc làm tôi không sống nổi. Vì vậy tôi quay lưng lại phía biển và chỉ quay lại sau nhiều lần đếm đến một trăm. Chiếc thuyền vẫn chạy về phía tôi. Bây giờ tôi đếm thật chậm, đếm đến một ngàn và tim tôi đập muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Nhưng khi quay lại lần này thì mọi nghi ngờ đã bị loại trừ. Con thuyền chạy thẳng vào đảo Earaid.

Lúc đó tôi không đứng yên được nữa. Tôi nhảy từ mô đá nọ sang mô đá kia và chạy ra bờ biển. Thật ngạc nhiên là tôi không ngã xuống biển và chết đuối. Vì khi tôi dừng lại để lấy hơi, hai đầu gối run bần bật và cổ họng như bị cháy. Tôi phải súc miệng bằng một ít nước biển trước khi có thể gọi những người đánh cá.

Trong lúc con thuyền ngày càng đến gần đảo hơn và tôi có thể khẳng định vẫn là chiếc thuyền và hai người hôm qua, tôi nhận ra họ qua màu tóc. Nhưng còn có một người thứ ba nữa, như tôi cảm thấy, thuộc đẳng cấp cao hơn hai người kia.

Khi vừa đến khoảng cách nghe thấy được, họ liền hạ buồm và con thuyền đứng yên một chỗ. Mặc cho tôi cầu cứu, tình hình vẫn không thay đổi, và điều tôi lo sợ nhất là người thứ ba mới đến luôn luôn cười to và nói gì đó với hai người kia.

Sau đó ông ta đứng trên thuyền và nói với tôi rất lâu bằng cách dùng tay ra hiệu. Tôi trả lời là tôi không hiểu tiếng Gaelic. Ông ta rất cáu về chuyện đó và tôi dần dần hiểu ra là ông ta vừa mới học tiếng Anh thôi. Lắng nghe thật căng thẳng, vài lần tôi nhận ra từ “cũng như mọi khi”, nhưng những câu còn lại thì nghe như tiếng Gaelic, cũng có thể là tiếng Hy Lạp hoặc Tây Ban Nha! Tôi không hiểu ông ta muốn nói gì

— “Cũng như mọi khi” – Tôi gào to nhắc lại, muốn cho ông biết là tôi đã hiểu những từ đó.

— Đúng, đúng, đúng. – Ông ta gọi lại và nhìn hai người kia đầy tự hào như muốn nói: “Thấy chưa, tao đã bao tụi mày là tao nói được tiếng Anh!” Và sau đó ông ta tiếp tục nói không ngừng bằng tiếng Gaelic.

Lần này tôi lại hiểu một từ, hình như là “thủy triều” nó làm tôi hy vọng. Tôi thấy ông ta luôn dùng tay chỉ vào đất liền, vào “con ngựa”...

— Ngài định nói nếu thủy triều xuống... – Tôi kêu to lên. Trước khi tôi nói hết câu, ông ta xúc động kêu lên:

— Đúng, đúng, đúng! Thủy triều!

Không chậm trễ, tôi quay lưng lại phía thuyền. Người vừa khuyên tôi lại bắt đầu cười. Tôi chạy quay lại con đường đã đi tới đây, nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, rồi chạy ngang qua đảo. Tôi nghĩ là chưa lần nào trong đời tôi chạy nhanh như thế. Sau khoảng nửa giờ tôi đến được bờ của dòng nước mà bây giờ đúng là đã thu hẹp thành một lạch nước nhỏ. Tôi lội qua, nước chỉ đến đầu gối và kêu lên sung sướng khi tới đất liền.

Một đứa trẻ lớn lên trên biển, hiểu được biển và những đặc tính của nó chắc không bao giờ chịu bị nhốt một ngày trên đảo Earaid và nó là hòn đảo thủy triều, người ta có thể trong hai mươi tư giờ đi lại không ướt chân hoặc nhảy qua những vũng nước đọng. Thực ra tôi cũng đã quan sát thời gian thay đổi như thế nào, đã đợi thủy triều xuống để kiếm trai dễ dàng hơn. Giá tôi suy nghĩ cẩn kẽ một chút chứ đừng nổi khùng với số mệnh mình, chắc tôi đã tự tìm ra bí mật này và đã thoát khỏi tình trạng đáng buồn này lâu rồi. Không có gì ngạc nhiên là những người đánh cá không hiểu tiếng kêu cứu của tôi, chỉ có điều ngạc nhiên là họ nhìn thấy rõ sự bất lực của tôi và nhận ra tôi chậm hiểu như thế nào. Gần một trăm tiếng đồng hồ tôi đã chiến đấu một cách vô nghĩa chống lại đói, rét và mưa trên một hòn đảo trơ trọi, hoang vu và chút nữa thì chết. Nếu những người đánh cá không có mặt chắc tôi đã tự hủy hoại đời mình chỉ đơn thuần vì ngu ngốc. Tôi phải trả giá cho sự ngu ngốc đó không chỉ ở những đau khổ đã phải trải qua mà còn ở tình trạng của tôi hiện nay. Tôi trông tàn tạ như một kẻ ăn xin, không còn có khả năng đi dù chỉ một vài bước và cái cổ họng bị chấn thương làm tôi đau vô cùng.

Tôi đã làm quen những kẻ độc ác và ngu ngốc và tin rằng cuối cùng cả hai sẽ phải trả giá, nhưng trước tiên là những kẻ ngu ngốc.

Chương 15:

TÔI ĐI QUA ĐẢO MULL VỚI CHIẾC KHUY BẠC CỦA ALAN

Vùng được gọi là con ngựa đảo Mull mà tôi đang đứng chân là một vùng gồ ghề, cũng vô chủ như hòn đảo tôi vừa rời khỏi. Khắp nơi là bùn lầy, lau sậy và vách đá. Những người biết rõ nó chắc sẽ tìm thấy đường đi, còn tôi thì luôn luôn phải mò mẫm. Người dẫn đường duy nhất cho tôi là biển Bon More trước mặt.

Ban đầu tôi đi về hướng có khói bốc lên mà khi còn ở trên đảo tôi luôn luôn quan sát.

Mặc dù mệt mỏi, địa bàn lại khó đi, khoảng giữa năm và sáu giờ chiều tôi đã đến được ngôi nhà nằm ngay trong thung lũng. Đó là một nhà nhỏ, dài và thấp, mái lợp bằng cỏ, tường ghép bằng đá thô không có vữa.

Trước nhà, trên một mô đất có một ông già ngồi hút một cái tẩu nhỏ.

Với chút tiếng Anh ít ỏi, nói ra rất khó khăn ông cũng làm tôi hiểu là các bạn tôi trên tàu đã lên bờ bình yên và một ngày sau đó, trong ngôi nhà này họ đã chia sẻ miếng bánh này với ông.

— Có một người ăn mặc như quý tộc trong đó không? – Tôi hỏi.

Ông nói rang tất cả đều mặc áo khoác bẩn thỉu, đúng là người đầu tiên bước vào mặc quần lửng, mang tất dài còn những người khác mặc quần thụng thũ.

— Và người thứ nhất đội mũ lông chim? – Tôi hỏi.

Ông già lắc đầu. Người đàn ông đó đầu trần như tôi.

Ban đầu tôi nghĩ có thể bị đắm tàu Alan đã đánh rơi chiếc mũ, sau đó tôi cho rằng có thể do cơn mưa anh đã giấu mũ dưới áo cho an toàn. Tôi phải mỉm cười vì ý nghĩ đó, thứ nhất do sung sướng vì bạn tôi đã được cứu thoát

và thứ hai vì tôi chợt nghĩ anh sẽ kiêu ngạo ra sao nhất là về cái gì liên quan đến y phục.

Bỗng nhiên ông già đập tay vào trán và kêu lên rằng chắc tôi phải là cậu bé có chiếc khuy bằng bạc.

— Tất nhiên đó là cháu. – Tôi kêu lên ngạc nhiên.

— Ồ, – Ông già nói – thế thì tôi có tin cho cậu. Cậu cần đi theo bạn cậu qua Torosay về quê anh ta.

Sau đó ông hỏi tôi chuyện xảy ra như thế nào và tôi kể cho ông cuộc phiêu lưu của tôi. Ở miền Nam chắc người ta sẽ cười về câu chuyện của tôi. Những người điền chủ già – tôi gọi ông như vậy vì cách cư xử cho thấy nguồn gốc giàu sang của ông dù bây giờ quần áo của ông có tả tơi lộ hết da thịt đi nữa – người điền chủ già đã nghe tôi kể với một bộ mặt nghiêm trang và sự thông cảm hoàn toàn. Khi tôi kể xong, ông cầm tay tôi, dẫn tôi vào trong lều – vì có lẽ nếu gọi là nhà thì nó phải khác cơ – và giới thiệu với vợ một cách trịnh trọng, cứ như bà là hoàng hậu và tôi ít nhất cũng là một công tước không bằng.

Người phụ nữ tốt bụng đặt trước mặt tôi bánh mì và một con gà gô rán nguội, vỗ vào vai tôi và luôn cười thân mật vì bà không biết tiếng Anh.

Ông già không chịu thua, rót cho tôi một vại rượu pân tự nấu lấy. Tôi ăn ngẫu nhiên và uống, không tin nổi vận may của mình. Mặc dù mái và vách lều nhỏ làm bằng cỏ đẫy khói này thủng lỗ như một cái sàng, đối với tôi nó như một lâu đài.

Rượu pân đã làm tôi đỡ mờ hôi và ngủ một giấc sâu, ngon lành. Những con người tốt bụng này không muốn đánh thức tôi và khi tôi thức dậy vào hôm sau thì đã gần trưa. Cổ tôi không còn đau như trước, thức ăn ngon cộng với tin tức tốt lành đã làm tinh thần tôi sống lại. Ông già nhất định từ chối không lấy tiền khi tôi cố ép ông chấp nhận. Ông tặng tôi một cái mũ cũ để khỏi phải đi đầu trần. Nhưng khi đã xa căn nhà không còn có thể nhìn thấy nữa, tôi đã phải giặt nó bên một dòng suối.

Nếu đó là những người cao nguyên hoang dã, tôi nghĩ, thì tôi mong đồng bào ở quê tôi hãy hoang dã hơn một chút.

Tôi không chỉ đã lên đường muộn mà còn luôn luôn lạc lối. Tất nhiên tôi gặp khá nhiều người đang vun trồng trên cái thửa ruộng cần cỗi của mình, với thu nhập đó chắc họ không nuôi nổi một con mèo. Những người khác thì chăn những con bò không lớn hơn những con lừa. Từ sau cuộc nổi dậy họ bị cấm mặc y phục cao nguyên. Họ phải ăn mặc như dưới đồng bằng, dù họ hoàn toàn không muốn và quần áo của họ bây giờ rách nát thảm hại. Một số chỉ quấn một cái măng tô hay áo vét dài, phía dưới để đầu trần. Quần của họ được vắt trên vai như một vật vô dụng. Một số làm từ những mảnh vải vụn nhiều màu, tạo ra một thứ giống như áo Scot. Rất nhiều người vẫn mang y phục của người cao nguyên giống như trước đây, chỉ tội quần may rất thô thiển. Nhưng những thứ tạm bợ đó cũng bị cấm và sẽ bị phạt nặng. Vì với hy vọng bẻ gãy sự chống đối của người cao nguyên luật kể trên được giữ nghiêm ngặt. Nhưng ở trên một hòn đảo trơ trọi, bị biển bao xung quanh này chỉ rất ít người muốn làm theo hoặc tố cáo việc đó.

Dân đảo Mull sống có vẻ rất nghèo khổ, điều này chẳng làm ai ngạc nhiên vì quân khởi nghĩa đã bị đàn áp và thủ lĩnh của họ không thể sống công khai nữa. Trên các con đường, ngay cả một số đường quê khó đi mà tôi đã qua, đầy những người ăn xin. Và ở đây tôi cũng thấy rõ sự khác nhau giữa quê tôi và vùng này của Scotland, ở đồng bằng, những người ăn xin kể cả những cậu bé lang thang, đều vụng về, nhút nhát, nếu người ta cho họ một đồng tiền lớn và yêu cầu thối lại số tiền dư thì họ làm theo rất lịch sự. Còn những người cao nguyên này, như họ nói, cần bảo vệ danh dự của mình, chỉ xin chút ít khi cần bột thuốc lá hít. Họ không bao giờ thối lại tiền nhỏ.

Trên đường đi tôi gặp lối cư xử đó, nó làm tôi quan tâm đến và làm tôi thích thú. Điều khó khăn lớn là quá ít người nói được tiếng Anh và số người này, nếu không thuộc đám ăn xin, thì rất ít khi họ chỉ đường cho tôi. Tôi chỉ biết rằng mục tiêu của mình là Torosay, luôn luôn nhắc lại cái tên đó và dùng tay hỏi hướng đi. Nhưng đáng lẽ dùng động tác để chỉ đường cho tôi

thì họ lại nói một tràng tiếng Gaelic làm đầu óc tôi quay cuồng. Không có gì ngạc nhiên là tôi thường hiểu sai và đi nhầm đường.

Cuối cùng, vào một tối khuya, đã khá kiệt sức, tôi đến được một căn nhà trọ trọ. Tôi yêu cầu một chỗ ngủ và bị từ chối ngay. Tôi hiểu ra là một người có tiền trong túi có sức mạnh như thế nào ở đất nước nghèo nàn này. Tôi giơ cao đồng tiền vàng giữa hai ngón tay, người chủ nhà trước đó làm như không biết tiếng Anh, chỉ dùng ký hiệu bào tôi rời khỏi cửa, bỗng nhiên hiểu rất rõ những điều cần thiết. Ông ta giải thích là sẵn sàng cho thuê một chỗ ngủ với giá năm si-ling và hôm sau sẽ đưa tôi đến Torosay.

Tôi ngủ không yên trong đêm vì lo sợ bị cướp. Đáng lẽ tôi khỏi lo chuyện đó vì chủ nhà không phải là kẻ cắp, chỉ có quá nghèo và bần tiện mà thôi. Sự nghèo khó không chỉ một mình ông ta có vì vào ngày hôm sau chúng tôi phải đi bộ năm dặm đến một nhà mà ông ta nói là giàu, có thể đổi tiền vàng cho tôi. Trên đảo Mull này, ông ta được coi là giàu, còn ở miền Nam người ta sẽ nghĩ khác. Ông ta phải lấy tất cả số tiền có trong nhà, chạy sang cả hàng xóm mới thu nhập được hai mươi si-ling bạc. Còn thiếu một bảng ông ta xin nợ và luôn luôn giải thích là ông ta không muốn giữ một số tiền lớn như thế trong nhà. Còn thì ông ta rất cởi mở, nói rất nhiều, đã mời chúng tôi cùng ăn trưa với gia đình. Ông đổ vào một bát sứ lớn một loại rượu pân và người dẫn đường bất lương của tôi ham tới mức nhất định từ chối lên đường.

Tôi đã muốn nổi giận và đề nghị sự giúp đỡ của con người “giàu có” mang tên Hector Maclean người đã chứng kiến sự thỏa thuận của chúng tôi và đã trông thấy tôi trao cho người dẫn đường năm si-ling. Nhưng Maclean đã uống phần rượu pân của mình và tuyên bố: không một người tử tế nào có thể rời bàn ăn của ông khi vừa mới uống xong rượu pân. Như vậy tôi không còn cách gì khác là ngồi nghe dân Jakobit chúc rượu và hát những bài Gaelic cho đến lúc tất cả say mềm, bò lên giường hoặc chui vào nhà kho ngủ nốt phần còn lại của đêm.

Vào hôm sau, ngày thứ tư tôi bị lạc, chúng tôi lên đường trước năm giờ. Nhưng tay dẫn đường bất lương của tôi lại xách theo một chai rượu mạnh và

phải ba tiếng sau tôi mới kéo được hấn ra khỏi nhà. Bạn đọc sẽ biết ngay bây giờ: tôi đã vô cùng thất vọng.

Lúc chúng tôi đang xuống một cái dốc đầy những bụi thạch thảo trước nhà Maclean, mọi việc còn êm đẹp, nhưng tay dẫn đường luôn nhìn về phía sau, khi tôi hỏi duyên cớ, hấn ta chỉ nhả mặt, không nói gì. Khi chúng tôi vừa leo qua một giờ nữa và không còn nhìn thấy nhà Maclean, hấn nói là Torosay đang ở trước mặt và ngọn núi mà anh ta chỉ cho tôi sẽ là người dẫn đường tốt nhất.

— Tôi không quan tâm đến điều đó. – Tôi tuyên bố – Vì anh cùng đi với tôi đến đó.

Tay hấn xước này trả lời tôi bằng tiếng Gaelic, bây giờ hấn lại không hiểu tiếng Anh.

— Này anh bạn, – Tôi nói – tôi biết rõ là kiến thức tiếng Anh của ngài khi còn, khi mất. Hãy nói cho tôi biết làm sao nó quay lại bây giờ. Ngài muốn có tiền không?

— Thêm năm si-ling nữa và tôi sẽ tự đưa ngài tới Torosay.

Tôi suy nghĩ một lát, rồi đưa cho hấn hai si-ling, hấn chấp nhận ngay. Nhưng tôi phải đưa ngay tiền cho hấn, hấn nói rằng điều đó sẽ đem đến may mắn cho hấn, nhưng lại mang nhiều hơn bất hạnh cho tôi.

Hai si-ling chỉ đưa hấn đi được vài dặm. Sau đó hấn ngồi xuống vệ đường và tháo đôi giầy bản thiu ra, như cách người ta vẫn làm khi muốn nghỉ lâu.

Người tôi dần dần sôi lên. Tôi hét lên giận dữ:

— Hả, anh lại quên tiếng Anh rồi à?

Hấn trả lời hấn xước:

— Đúng.

Đó là quá quắt với tôi. Tôi giơ tay định tống cho hấn một quả, nhưng hấn đã rút con dao găm từ trong đám quần áo bản thiu ra và như một con mèo rừng, muốn nhảy vào tôi. Trong nỗi căm giận, tôi quên hết tất cả, liền nhảy

vào hấn, dùng tay trái đánh bật con dao và tay phải đấm vào miệng hấn. Tôi là một thanh niên khoẻ mạnh và giận dữ, còn hấn chỉ là một con người nhỏ nhoi, yếu đuối, đã ngã gục xuống. Con dao văng ra, tôi cầm lấy cùng với đôi giày của hấn và tiếp tục cuộc hành trình. Hấn nằm lại, không giày dép, không vũ khí.

Trong lúc tiếp tục đi, tôi sung sướng cười một mình vì đã thoát được tay dẫn đường này với nhiều lý do. Thứ nhất, hấn không còn lấy được tiền của tôi nữa, ngoài ra mang đôi xăng đan thô thiển và con dao găm của hấn là điều cấm kỵ ở đây.

Sau khoảng nửa giờ đi rất nhanh, tôi vượt, một tay cao kều, quần áo tả tơi. Anh ta đi rất nhanh nhưng dùng một cái gậy dò đường phía trước. Anh ta bị mù hoàn toàn. Anh ta kể với tôi rằng anh ta là người dạy giáo lý vấn đáp, điều này làm tôi yên tâm. Nhưng tôi không thích bộ mặt anh ta, trông rất khó chịu, vẻ đe dọa và quỉ quyệt. Khi đi bên cạnh, tôi trông thấy một nòng khẩu súng lục thò ra khỏi áo măng tô. Bị bắt với cái đó trong người ở xứ này, lần thứ nhất sẽ bị phạt mười lăm bảng, lần thứ hai đày đi thuộc địa. Tôi cũng không hiểu được tại sao một người đi giảng đạo lại phải mang theo súng và một người mù thì dùng súng làm gì.

Tôi kể cho anh ta nghe chuyện về người dẫn đường vì tôi đang tự hào về việc đã làm và đây là một lần tính kiêu ngạo của tôi vượt lên lý trí. Khi tôi nhắc đến năm si-linh, anh ta kêu to đến nỗi tôi phải quyết định không kể thêm về hai đồng bảng còn lại nữa. Tôi rất mừng là anh ta không thấy mặt tôi đỏ bừng lên như thế nào.

— Thế là nhiều quá à – Tôi hỏi.

— Quá nhiều! – Anh ta kêu lên – chỉ cần một ly rượu tôi sẽ đưa anh tới Torosay và ở đó anh có thể ở chỗ tôi. Tôi không phải là người không được học hành.

Tôi không hiểu một người mù sẽ làm người dẫn đường như thế nào. Nhưng anh ta đã cười lớn vì việc đó và nói rằng cái gậy cũng giá trị như đôi mắt chim đại bàng.

Ngừng một lát, anh ta nói thêm:

— Ít ra trên đảo Mull này tôi biết rõ từng bụi thạch thảo, từng viên đá. Anh hãy trông đây này, – Anh ta nói để chứng minh ý kiến của mình – bên dưới kia là một dòng suối nhỏ và ở kia, chỗ thác chảy, là một ngọn đồi nhỏ có một khối đá trên đỉnh, và sát chân đồi con đường chạy giữa rừng về Torosay, con đường mọc đầy cỏ và bị dẫm nát.

Tôi phải công nhận tất cả điều đó đều đúng. Tôi rất ngạc nhiên và nói với anh ta điều này.

— Ồ, – Anh ta nói vẻ thỏa mãn – đó chưa phải là tất cả. Anh có tin là trước khi có lệnh cấm vũ khí ở nước này, tôi đã có thể bắn rất giỏi không. Và anh cần biết tôi có thể bắn như thế nào! – Anh ta kêu lên và luôn tiến sát người tôi trong khi tôi luôn né tránh, sau đó anh ta nói thêm – Nếu anh có một loại như súng lục bên mình, tôi sẽ chỉ cho.

Tôi nói với anh ta là tôi không có vũ khí bên mình và tìm cách tụt lại sau một chút. Nếu anh biết rằng cái nòng súng của anh ta đã nhô ra khỏi túi và lúc này nước thép đang ánh lên dưới mặt trời! Rất may cho tôi là anh ta không biết gì và tưởng đã giấu kỹ súng rồi. Vì không biết vậy, nên anh ta tiếp tục nói dối tình khô.

Sau đó anh ta hỏi một cách tinh quái rằng tôi từ đâu tới, có giàu không, liệu có đổi anh ta một đồng năm bảng được không, đồng năm bảng mà anh ta tình cờ mang trong ba lô. Chúng tôi đang đi trên con đường đầy cỏ, con đường đi của súc vật, qua ngọn đồi tới Torosay. Như trong một điệu múa Gaelic, chúng tôi nhảy từ bên nọ sang bên kia. Rõ ràng tôi có ưu thế hơn anh ta nên tinh thần phấn chấn hơn và cái trò chơi gà mù này bắt đầu làm tôi vui vui. Nhưng tay dạy giáo lý vấn đáp này càng ngày càng bức tức và bắt đầu chửi bới ầm ĩ, tìm cách đập gậy vào chân tôi. Vì vậy tôi nói với hấn là tôi cũng có một khẩu súng trong túi như hấn, hấn cần biết điều đó. Và nếu bây giờ hấn không nhanh chóng biến đi, tôi sẽ thổi tắt tất cả ánh sáng cuộc sống của hấn.

Lập tức hấn trở nên lịch sự vô cùng. Sau khi tìm cách xoa dịu tôi không có kết quả, hấn lại chửi rủa bằng tiếng Gaelic và đi khỏi.

Tôi nhìn theo, thấy hấn dùng cái gậy dò phía trước, bước những bước dài, vôi vãi qua bùn lầy và bụi rậm cho tới khi mất hút sau một quả đồi trong thung lũng. Sung sướng lại được ở một mình, không bị vướng vào con người “được giáo dục tinh vi đó”, tôi lên đường tới Torosay. Đó là một ngày rủi ro đối với tôi, hai tên lừa đảo mà tôi may mắn thoát khỏi cũng là những kẻ đê tiện nhất mà tôi gặp ở cao nguyên.

Ở Torosay, trong eo biển của đảo Mull có một nhà trọ với phong cảnh của đất liền và một ông chủ nhà, cũng tên là Maclean có lẽ xuất thân từ tầng lớp quý phái. Ở cao nguyên, một quán ăn có giá hơn nhiều ở quê tôi, có lẽ là do nghề đó cần sự hiếu khách, cũng có thể vì đó là nghề nghiệp cho những kẻ lười biếng, rượu chè be bét.

Người chủ quán nói tiếng Anh rất tốt và khi thấy tôi có học chút ít, đầu tiên ông tìm cách nói chuyện bằng tiếng Pháp – về mặt này ông ta hơn tôi – sau đó bằng tiếng La-tinh, ở đây không rõ ràng ai trong chúng tôi trội hơn. Cuộc thi vui vẻ này lập tức tạo ra quan hệ thân mật. Chúng tôi ngồi với nhau rất lâu, tôi uống rượu pân với ông, hoặc nói đúng hơn, tôi ngồi nhìn ông uống cho đến khi không còn tỉnh táo nữa và dựa vào vai tôi ngủ ngon.

Tôi đã thử hỏi ông về chiếc khuy bạc của Alan, nhưng rõ ràng ông chưa bao giờ nhìn thấy và nghe nói về bạn tôi, ông nghi ngờ là có một sự đe dọa ngầm ngầm nào chống lại Ardshiel và họ hàng của ông ta. Trước khi say, ông đã đọc cho tôi nghe bài thơ châm biếm bằng tiếng La-tinh, rõ ràng có tất cả ác ý về một người nào đó của dòng họ Ardshiol.

Khi tôi kể về người dạy giáo lý vấn đáp, ông lắc đầu và nói rằng tôi đã gặp may, thoát khỏi hấn một cách nhẹ nhàng như vậy.

— Đó là một tên rất nguy hiểm, – Ông nói – hấn tên là Ducan Makkiegh. Tay này bắn súng dựa vào tiếng động ở khoảng cách vài bước chân, hấn cũng đã bị ra tòa nhiều lần vì tội cướp đường và một lần vì định giết người.

— Điều lạ lùng là hấn nhận là làm nghề dạy giáo lý. – Tôi nói.

— Tại sao lại không? Đúng hẳn là một người như vậy. Maclean of Duart đã giao việc đó cho hẳn mà. Có lẽ chính đó là nỗi bất hạnh của hẳn. – Người chủ quán nói tiếp. – Vì do vậy hẳn luôn luôn phải đi lại từ vùng này sang vùng khác để kiểm tra đám thanh niên về giáo lý. Cuộc sống du hành đó chắc chắn là một thử thách đối với con người nghèo khổ này.

Cuối cùng, khi người chủ quán không còn uống nổi nữa, ông chỉ cho tôi chỗ có thể nằm ngủ và tôi nằm xuống ngủ ngon lành. Tôi chẳng đã lội bộ qua vùng rộng nhất đảo Mull dài và lờm chờm này, từ Earaid đến Torosay, năm mươi dặm đường chim bay hay sao?

Ở cuối cuộc hành trình này tôi thấy mạnh hơn và tự tin hơn là lúc bắt đầu.

Chương 16:

TÔI LỘI BỘ QUA VÙNG MORVEN VỚI CHIẾC KHUY BẠC CỦA ALAN

Giữa Torosay và Kinnlochaline trên đất liền có một chiếc phà chạy hàng ngày. Bờ biển Mull và Morven thuộc vùng nằm dưới quyền của đạo quân hùng mạnh của Maclean. Hầu như tất cả những người cùng đi phà với tôi vượt eo biển Sund là lính của đội quân này. Người lái phà tên là Neil Roy Macrob. Vì cái tên Macrob chỉ rõ anh ta thuộc phía Alan và tự Alan đã yêu cầu tôi đến đây, nên tôi sốt ruột chờ cơ hội nói chuyện tay đôi đối với Neil Roy.

Trên chiếc phà đông quá mức này, tất nhiên chuyện đó không thể được và phà đi thì rất chậm. Trời lặng gió và chiếc phà trang bị rất thô sơ, ở một bên chỉ có hai tay chèo và ở phía bên kia thậm chí chỉ có một. Những người chèo phà đã làm hết sức mình và khách đi nhiều lần đổi chỗ, giải phóng cho họ và tạo nhịp chèo bằng những bài hát Gaelic. Trong không khí trong lành của biển, sự thoải mái phấn khởi và tiếng hát của tất cả những người có mặt làm chuyến đi đáng ghi nhớ. Ngoài ra, thời tiết lại tuyệt vời.

Nhưng không khí vui vẻ bị giảm đi chút ít. Ở cửa sông Loch Aline chúng tôi nhìn thấy một con tàu lớn đang bỏ neo, ban đầu tôi nghĩ đó là một tàu chiến Anh, chúng thường đậu dọc bờ biển quanh năm để ngăn cản sự liên lạc với nước Pháp. Lúc đến gần tôi mới biết đó là một tàu buôn và điều làm tôi ngạc nhiên hơn nhiều là không chỉ trên boong mà trên bờ đầy người và các con thuyền liên tục chạy đi chạy lại giữa bờ biển và tàu. Khi đến gần hơn, chúng tôi nghe thấy đám người ở trên bờ kêu khóc, than vãn làm ai cũng đau lòng.

Lúc đó tôi hiểu đây là con tàu chở người đi cư sang thuộc địa châu Mỹ. Phà chạy dọc theo tàu buôn và những người bị đày biệt xứ cúi người qua thành tàu, họ vừa khóc vừa giơ tay về phía những người khách trên phà

trong đó có một số là người thân của họ. Tôi không biết chuyện đó kéo dài bao lâu, vì những con người này đã mất hết khái niệm về thời gian và thế giới xung quanh. Cuối cùng, viên thuyền trưởng, chịu hết nỗi sự hỗn độn và những lời than khóc chia ly này, đã đi ra mạn tàu và yêu cầu chúng tôi tiếp tục đi.

Liền đó Niel chen ra và danh ca chính trên phà chúng tôi cất vang tiếng hát bằng một giọng đa sầu, được cả những người đi đày lẫn người thân của họ ở trên bờ hát theo làm cho khắp nơi vang lên như người khóc than người chết ấy. Tôi nhìn thấy những người đàn ông, đàn bà trên chiếc tàu buôn và những người bơi chèo trên phà chúng tôi nước mắt chảy dòng dòng trên má. Cái cơ hội tuyệt vọng này và giai điệu của bài hát nó tên là *Vĩnh biệt biển quê hương* thật là đúng với tâm trạng của tôi.

Xuống phà ở Kinnlochaline, tôi kéo Neil Roy theo mình và nói rằng tôi biết chắc anh ta là người của Appin.

— Tại sao vậy? – Anh hỏi.

— Tôi tìm một người – Tôi nói – và tôi biết ngài biết chút ít về anh ta. Anh ta tên là Stuart, được gọi là Alan Breck.

Đáng lẽ chỉ cho anh chiếc khuy bạc, tôi như một thằng khùng, lại nhét một đồng bảng vào tay anh ta.

Anh ta ném trả và kêu lên:

— Tôi coi đó là sự sỉ nhục, là một quân tử, tôi không đối xử với người khác như vậy. Con người mà anh hỏi đang ở Pháp. Nhưng mà, nếu anh ta có ở chỗ tôi và ngài có đem cả đồng tiền ra cũng không động được vào sợi tóc anh ta đâu.

Tôi hiểu ra tôi đã làm sai và không mất thời giờ trong lúc xin lỗi, tôi chỉ cho anh ta cái khuy bạc trên bàn tay mở rộng.

— Như vậy thì được, – Neil đáp lại – đáng lẽ cậu phải bắt đầu như thế. Vì cậu là cậu bé có chiếc khuy bạc, mọi việc ổn rồi và tôi có trách nhiệm làm sao cậu có thể đi tiếp bình yên và nhanh chóng. Đừng khó chịu khi tôi nói

thẳng – Anh ta tiếp – cậu không bao giờ được nói ra cái tên Alan Breck và không bao giờ cậu nên làm cái việc là đưa tiền hôi hám cho một quý tộc Scotland

Với tôi, xin lỗi anh ta thật khó vì tôi không thể nói thật với anh rằng ngay trong mơ tôi cũng không tin được anh ta là một quý tộc Scotland.

Neil hình như không muốn nói chuyện lâu hơn với tôi. Anh chỉ muốn làm xong trách nhiệm. Và thế là tốt. Anh nói rất nhanh tôi sẽ phải đi tiếp tục ra sao. Tôi phải ngủ lại ở quán trọ Kinnlochaline, ngày hôm sau đi từ Morven về Argdour, tại đây có thể ngủ lại nhà một ông John nào đó, có thể hỏi thăm ông này tại đó. Ngày thứ ba tôi phải vượt biển bằng tàu Corran, sau đó lên một tàu khác ở Balakeelish và từ đó hỏi đường đến nhà ông James of Gians nằm ở Aucharn gần Durer vùng Appin. Điều này có nghĩa là tôi phải đi phà nhiều lần vì ở vùng này nên đất nước các con lạch của biển thường ăn sâu vào đất liền, thậm chí nhiều nơi chúng ôm lấy chân núi. Nhờ đó tuy đất nước thuận tiện cho việc tự vệ, nhưng phong cảnh thì hoang dã và dễ sợ. Neil chỉ khuyên tôi một điều: không nên nói chuyện với bất cứ ai trên đường, tránh xa các thành viên Whig, họ hàng Campbell và tất nhiên là lính Áo đỏ. Nếu từ xa nhìn thấy chúng đi tới thì tốt nhất là ẩn trong các bụi thạch thảo vì gặp tụi này đều không hay ho gì. Nói tóm lại là tôi phải hành động như một tên gián điệp Jakobit có lẽ Neil cũng nghĩ tôi là một người như vậy – hay là một tên cướp cũng được. Cái quán trọ bẩn thỉu thảm hại ở Kinnlochaline còn sợ hơn một cái chuồng lợn, nó đầy khói và sâu mọt. Những người cao nguyên im lặng ngồi trong quán. Tôi không chỉ không hài lòng với chỗ trọ và cả với cách đối xử không khéo léo của tôi với Neil Roy. Thực tế chắc không trầm trọng lắm, tôi nghĩ. Nhưng tôi đã nhầm và đã thối ngay sau đó. Chưa đầy nửa tiếng trong nhà trọ, mà phần lớn thời gian tôi đứng ở cửa mở toang để tránh khói bếp sặc sụa, thì có một cơn giông ở ngay gần đó. Nước chạy quanh nhà và ngay sau đó một phần ngôi nhà ngập trong nước. Thời gian đó chưa có nhiều nhà trọ ở Scotland. Và khi đi từ lò sưởi về chỗ ngủ tôi rất ngạc nhiên là phải lội trong nước ngập đến khuỷu chân.

Sáng hôm sau tôi lên đường rất sớm, dọc đường tôi vượt lên một người thấp, mập đi bằng đầu ngón chân, trông đầy suy tư và nghiêm túc, vừa đi vừa đọc một quyển sách, thỉnh thoảng dùng ngón tay gạch dưới một đoạn nào đó. Bộ quần áo màu sẫm trông rất đơn giản nhưng đứng đắn chứng tỏ ông ta là một người giáo sĩ.

Ngay sau đó tôi biết ông ta cũng là một người dạy giáo lý truyền miệng nhưng thuộc loại hoàn toàn khác tay ma cà bông mù trên đảo Mull. Ông ta thuộc những nhà truyền giáo được Hội mở rộng đạo cơ đốc gửi đi truyền giáo cho tôn giáo trong những vùng hoang vu của cao nguyên. Tên ông là Henderland. Ông ta nói giọng của người miền Nam và chỉ nghe giọng nói đó, tôi đã thấy nhớ quê vô cùng. Tôi phát hiện ra chúng tôi không chỉ là đồng hương mà còn gần bó bởi một cái khác nữa. Người bạn phụ tử của tôi, vị mục sư vùng Essendean, trước đây đã dịch nhiều bài ca và sách sang tiếng Gaelic và Henderland đã dùng những bản dịch đó trong lúc truyền giáo. Đúng vậy, khi chúng tôi gặp nhau, ông ta đang cầm một trong những quyển sách đó trong tay và đọc say sưa.

Vì chúng tôi cùng tới Kingairloch nên quyết định cùng đi với nhau. Dọc đường, mỗi lần gặp hoặc vượt một người bộ hành ông đều đứng lại và nói chuyện với họ. Tất nhiên, tôi không hiểu họ nói gì, nhưng cũng nhận ra là người Henderland rất được yêu mến trong vùng này vì tôi thấy rất nhiều người lấy hộp thuốc lá của mình ra và mời người dạy giáo lý truyền miệng.

Giữ ở mức vừa phải và không nhắc đến Alan, tôi kể cho ông nghe cái gì đã đẩy tôi lại đây và tôi định làm gì. Tôi cũng nói rằng tôi muốn thăm một người bạn ở Balachulich. Tôi có cảm giác là nói đến Auchain hoặc Duror sẽ rất nguy hiểm, người dạy giáo lý truyền miệng có thể đoán ra ý đồ của tôi. Ngược lại ông kể cho tôi nghe rất nhiều về công việc của mình và những người mà ông lui tới. Ông cũng kể về những người truyền giáo phải ăn mình, về những người Jakobit, về việc cấm vũ khí, về những khó khăn, về quần áo và rất nhiều việc lạ lùng khác của thời đại này, đất nước này.

Về chính trị, ông ta có vẻ mầu mực, quở trách Quốc hội rất nhiều vì đạo luật nghiêm cấm quần áo dân tộc nghiêm ngặt hơn cả cấm vũ khí.

Cái cung cách đúng mực của ông làm tôi có ý định hỏi ông về Cáo đỏ và những người tá điền vùng Appin. Tôi nghĩ rằng với những người lần đầu tiên đến đất này, sự tò mò đó hoàn toàn tự nhiên.

— Đó là một lịch sử bi đát – người đồng hành của tôi đáp – Thật là khó hiểu, không biết những người tá điền đó lấy tiền ở đâu vì họ đang chịu đói... ngài Balfour, ngài có chút thuốc lá hít nào không? – Ông ngắt lời – không có à? Như vậy tốt hơn, nếu tôi không có thuốc. Như vậy, như tôi vừa nói, những người tá điền làm việc đó một phần chỉ do bị ép buộc. James Stuart ở Duror, cũng được gọi là James of Glens, là anh em cùng cha khác mẹ với thủ lĩnh Ardshiel, con người này rất có uy tín và gây sức ép với nông dân. Và ngoài ra còn có một người tên là Alan Breck...

—Ồ có chuyện gì với anh ta vậy? – Tôi kêu lên.

— Cũng giống như ngọn gió vậy, nó thổi về đâu nó muốn. – Henderland nói. – Anh ta ở khắp nơi và chẳng ở đâu ca, hôm nay chỗ này, mai chỗ khác, đúng là một con mèo rừng. Nếu bây giờ anh ta đứng lên từ cái đám thạch thảo kia và đi về phía chúng ta, thì tôi cũng chẳng ngạc nhiên chút nào... ngài không có một ít thuốc lá hít nào bên mình thật à?

Tôi trả lời không và nói rằng ông đã hỏi tôi nhiều lần rồi.

— Tôi tin như vậy – Ông nói và thở dài – nhưng mà kỳ lạ là anh không có thứ đó... Như vậy, như tôi đã nói, tay Alan Breck này là con người rất táo bạo. Tất cả thế giới biết rằng anh ta là cánh tay phải của James of Glens. Anh ta đã phải trả giá cho cuộc sống của mình nhưng vẫn không lùi bước. Rất có thể thỉnh thoảng anh ta lại đắm vào sườn một người tá điền nào đó còn thiếu tô...

— Ngài Henderland, ngài kể những chuyện rất thú vị. Nếu hai bên chỉ sợ lẫn nhau thì tốt hơn hết ta không nên nghe nữa. – Tôi đáp.

— Không chỉ sợ đâu – Người truyền giáo nói tiếp – có cả tình yêu và sự đổi mình trong đó, thậm chí nhiều tới mức những người như ngài và tôi phải đỏ mặt và ngượng. Có một cái gì đó thiêng liêng trong chuyện này, không phải trong tinh thần công giáo mà hoàn toàn trong ý thức con người. Thậm

chí Alan Breck, theo những câu chuyện kể về anh ta, là một người cầm mộc, một con người ta phải kính trọng. Một kẻ hèn nhát, đạo đức giả nào đó có thể có một vị trí chắc chắn trong nhà thờ ở đây và rất đáng kể trước mắt mọi người, nhưng có lẽ anh ta còn tồi hơn nhiều cái con người làm đường đã nợ quá nhiều máu này. Đúng, đúng về con người đó chúng ta còn có thể biết rất nhiều ở những giáo dân.

Vừa mỉm cười, Henderland vừa bổ sung:

— Có lẽ ngài đang nghĩ rằng tôi đã ở lâu trên cao nguyên này?

Tôi trả lời rằng tôi không nghĩ vậy và bản thân tôi cũng thấy trên cao nguyên nhiều điều kỳ lạ và cuối cùng thì ngài Campbell cũng là một người cao nguyên.

— Đúng vậy – người đồng hành của tôi nói – và ông ta xuất thân từ một dòng họ quý phái.

— Còn người quản lý của nhà vua thì sao? – Tôi hỏi.

— Ngài muốn nói đến Colin Campbell? – Henderland đáp – ông ta đã giấu cái đầu trong một tổ ong.

— Hình như ông ta dùng bạo lực xua đuổi tá điền? – Tôi nhắc.

— Đúng như vậy. – Người dạy giáo lý truyền miệng nhấn mạnh – Nhưng việc này đã đi vào ngõ cụt. Đầu tiên James of Glens phóng ngựa đến Edinbough và trao nhiệm vụ cho một người cùng phe, chắc chắn là một người Stuart nào đó, vì họ gắn bó với nhau như nhựa thông và lưu huỳnh. Người này lo sao cho việc trên không được tiếp tục nữa. Nhưng sau đó Colin Campbell lại bắt đầu từ đầu. Ông ta thực hiện ở chỗ nam tước Shatzamf và như người ta kể với tôi, ngay ngày mai những người tá điền đầu tiên đã phải bay khỏi đây. Ở Durov, ngay dưới mũi của James of Glens công việc được bắt đầu mà theo ý tôi thì có lẽ không khôn ngoan lắm.

— Ngài tin là sẽ đánh nhau chứ? – Tôi hỏi.

— Chắc chắn. – Henderland nói – Họ đã bị tước vũ khí, ít ra người ta cũng tin như vậy, nhưng còn đủ thép lạnh ở những nơi cất dấu. Nhưng Colin

Campbell đã yêu cầu gửi lính đến. Bây giờ, dù sao chẳng nữa, nếu tôi là vợ ông ta, tôi sẽ không thể yên tâm trước khi ông ấy trở về nhà. Đám Appin Stuart là những người hoang dã...

Tôi hỏi liệu họ có nguy hiểm hơn những người khác không.

— Không. — Henderland nói — Và đó là điều nghiêm trọng nhất. Nếu Colin thực hiện được ý muốn của mình ở Appin, thì ở huyện bên cạnh là Mamone thuộc Cameron cũng phải làm lại từ đầu. Ông ta là quản lý của nhà vua ở hai huyện này và phải đuổi hết tá điền ở đây. Thật thà mà nói, ngài Balfour ạ, nếu ông ta muốn loại một người thì sẽ bị những người khác đánh chết.

Chúng tôi đã nói chuyện như vậy khi cùng đi với nhau suốt ngày. Cuối cùng, sau khi ngài Hendorland bảo đảm với tôi rằng sự có mặt của tôi làm ông dễ chịu và ông rất sung sướng đã gặp ngài Campbell.

— Tôi muốn gọi ông ta là danh ca ngọc ngà của vùng đất hứa Zion. — Ông ta nói. Con người vui vẻ này đã mời tôi nghỉ tạm một chút ở ngôi nhà nhỏ của ông nằm sát Kingairloch và ngủ đêm ở luôn đó.

Thật thà mà nói, tôi quá may mắn vì tôi hoàn toàn không muốn đến chỗ Jolan of Claymone — Từ lần trực trực với tay dẫn đường, sau đó với người lái phà Neil Roy, xuất thân dòng dõi quý tộc và vẫn tự coi mình là quý tộc, tôi hơi ngại ngùng trước bất cứ người cao nguyên lạ mặt nào.

Chúng tôi cũng cố sự thỏa thuận bằng một cái bắt tay và buổi chiều đó thì tới ngôi nhà nhỏ nằm đơn độc ở Loch Linnhe.

Mặt trời đã khuất sau dãy núi đá Argdour, nhưng các tia nắng của nó còn chiếu trên đồi Appin và các vùng xa xôi. Loch Linnhe nằm yên tĩnh như một cái hồ, chỉ có những con hải âu bay lượn. Phong cảnh trông có vẻ thiêng liêng và huyền bí.

Vừa tới nhà, trước sự ngạc nhiên của tôi, vì tôi đã quen cách đối xử ân cần của người cao nguyên, ông Henderland đã lao qua tôi một cách không lịch sự và nhào vào trong phòng, chộp lấy một cái hộp và một cái thìa bằng sừng,

xúc một lượng rất lớn bột thuốc lá hít và nhét vào mũi. Sau đó ông bắt đầu hắt hơi liên tục và cuối cùng nhìn về phía tôi mỉm cười như mất trí.

— Đó là một lời hứa. – ông nói – Tôi đã thề không đem thuốc lá hít theo người. Tất nhiên là từ bỏ hẳn khó lắm, nhưng cứ nghĩ đến những người tử vì đạo – không chỉ người Scotland mà nhiều người ở các nước công giáo khác – thì tôi thấy hổ thẹn dù chỉ nhắc đến sự yếu đuối đó thôi.

Ngay khi chúng tôi vừa ăn xong – bữa tối của một con người can đảm gồm có bột lúa mạch và sữa – chủ nhà của tôi làm bộ mặt trang trọng và nói rằng phải cho người Campbell biết tôi đã thương yêu Chúa như thế nào. Từ lúc xảy ra cảnh lấy thuốc lá hít, tôi luôn luôn mỉm cười về người bạn mới. Nhưng chưa nói được bao lâu thì nước mắt đã trào ra. Có hai sự việc – Ông nói – mà con người không nên bỏ qua: hãy tốt bụng và phục thiện, ở cái thế giới sóng gió của những con người trái tim chai sạn này, chưa bao giờ chúng ta có đủ hai điều trên. Và ngài Henderland đã nói những lời xúc động làm cho tôi, mặc dù rất tự phụ về ngọn cờ chiến thắng trong những chuyện phiêu lưu vừa qua, tôi đã kiềm chế được mình, quỳ gối trước người đàn ông, cảm thấy hạnh phúc và tự hào về điều đó.

Trước lúc đi ngủ người dạy giáo lý truyền miệng cho tôi một đồng nửa bằng để ăn đường, lấy trong số tiền ít ỏi cất trong cái tường nhà bằng cỏ nhồi của mình. Tôi không biết mình phải đối xử thế nào trước tính rộng rãi và nhiệt tình đó. Nhưng mà ông ta nói rất kiên trì và nghiêm túc và tôi cảm thấy tốt nhất là nhận lấy và thế là tôi ra đi để lại cho ông ta nghèo đi ít nhiều.

Chương 17: **CÁO ĐỎ CHẾT**

Ngày hôm sau, ngài Handerland tìm cho tôi một người có thuyền riêng và trong khi đi đánh cá vào buổi chiều, anh ta sẽ vượt qua Loch Linnhe. Ông nói nhấn mạnh để người đánh cá nhận tôi và vì anh ta là con chiên của ông nên anh ta đồng ý. Qua đó, tôi đã tiết kiệm được một ngày đi đường và tiền trả cho hai lần đi phà đáng ra tôi phải chi.

Khi chúng tôi khởi hành đã gần trưa, một ngày âm u với những đám mây dày trên trời, chỉ thỉnh thoảng đứt quãng để lộ ra một chút mặt trời. Cái lạch biển mà chúng tôi đi trên đó rất phẳng lặng và hoàn toàn yên tĩnh. Tôi phải ném một chút trên môi để tin chắc đó là nước biển. Núi ở bốn phía, trông lờm chờm, đen đui và lạnh lùng, trong bóng mây chúng càng tối tăm hơn, nhưng chúng đều được những nhánh sông nhỏ bao quanh như những dải băng bằng bạc, sáng chói lên mỗi lần mặt trời lộ ra. Cái vùng đất khô cằn, không trông lọt được, cái vùng Appin này! Tôi rất ngạc nhiên là Alan và nhiều người khác yêu nó đến thế.

Cần phải bổ sung một điều: ngay sau khi khởi hành, tôi nhìn thấy mặt trời chiếu vào một nhóm người đi dọc bờ sông, trông họ một màu đỏ, đó là màu đỏ của áo lính Anh, thỉnh thoảng lóe lên ánh thép bóng láng.

Tôi hỏi người lái thuyền đó là cái gì, anh nói chắc đó là bọn lính Áo đỏ từ cảng William hành quân vào vùng Appin để chống lại những tá điền nghèo.

Với tôi đó là điều đáng buồn. Không biết việc đó liên quan đến những ý nghĩ của tôi đang hướng về Alan hay đó là một điềm báo trước. Tôi cảm thấy mình không ưa đội quân của vua George mặc dù mới nhìn thấy họ lần thứ hai.

Cuối cùng chúng tôi đến gần mũi đất bắt đầu của vũng Loch Leven và tôi đề nghị được lên bờ. Người lái thuyền của tôi là một chàng trai thật thà và

muốn giữ lời hứa với thầy dạy giáo lý của mình nên muốn đưa tôi tới Balachulish. Nhưng vì ở đó sẽ đưa tôi đi quá địa điểm tôi muốn giữ kín nên tôi nằng nặc muốn lên bờ ở đây. Cuối cùng anh ta đã đổ thuyền dưới một cánh rừng của Lehermure (địa điểm này cũng còn được gọi là Lehervore, tôi nghe thấy người ta nói vậy).

Rừng dương kéo dọc theo sườn núi dốc, gập ghềnh của ngọn núi nhô lên trong vùng hồ. Rất nhiều vết gãy và đường cắt mọc đầy thạch thảo chạy ngang dọc sườn núi. Từ Bắc tới Nam có một con đường, hay nói đúng hơn là một lối mòn, đi qua khu rừng. Tôi ngồi xuống bên một dòng suối để ăn cái bánh mì ngài Henderland đã đưa cho và suy nghĩ về hiện tình của mình.

Sự nghi ngại của tôi không chỉ bị đàn muỗi quấy rối mà còn bởi những lo lắng trong đầu. Phải làm gì bây giờ? Liệu có nên quan hệ với một người ngoài vòng pháp luật, một người đang dự tính giết người không? Trở về quê ở phía Nam và dựa vào chính khả năng của mình có tốt hơn không? Ngài Campbell và Henderland sẽ nghĩ gì về tôi nếu họ biết sự điên rồ của tôi? Chưa bao giờ sự nghi ngờ dày vò tôi như bây giờ.

Trong lúc còn ngồi đó và nghĩ ngợi, tôi nghe thấy tiếng người và vó ngựa từ phía rừng đang tới và ngay sau đó thấy bốn người cưỡi ngựa xuất hiện ở đoạn đường ngoặt, ở chỗ này con đường mòn hẹp tới mức họ phải đi thành hàng một. Người thứ nhất là một người tóc đỏ, bộ mặt trông hách dịch. Anh ta cầm mũ ở tay và quạt cho mát, có lẽ trời quá nóng với anh ta.

Người thứ hai, tôi đánh giá theo đồng phục màu đen và tóc giả màu trắng, chắc là một luật sư, sau này cho thấy tôi đã nghĩ đúng. Người thứ ba rõ ràng là một người hầu, quần áo của anh ta được may bằng vải Scot, chắc anh ta là một kẻ ngoài vòng pháp luật hoặc có quan hệ tốt với chính phủ Anh vì mang quần áo Scot bên mình là chống lại pháp luật. Giá hiểu biết sâu hơn, tôi đã thấy rõ vải may quần áo của anh ta có màu sắc của gia đình Argule hoặc Campbell.

Trên ngựa của người hầu buộc chặt một chiếc va ly đầy căng và trên yên ngựa treo một túi lưới đầy chanh dùng để pha rượu pân. Đó là cách uống

rượu thông thường của những kẻ giàu có ở đây.

Những người đàn ông giống như người thứ tư tôi đã nhìn thấy trước đây rồi. Tôi nhận ra ngay ông ta là một nhân viên tòa án.

Không cần biết vì sao, tôi quyết định thưởng thức cuộc phiêu lưu này đến cùng. Tôi đứng lên và hỏi người kỵ mã thứ nhất có phải đường này dẫn đến Aucharn không. Hắn ta dừng lại, nhìn tôi một cách lạ lùng, quay lại ông luật sư và nói với ông ta:

— Mungo, có người cho đây là một điếm báo trước còn gở hơn hai mắt con cú vọ. Hiện giờ tôi đang có công chuyện trên đường tới Duror như ngài biết, nhưng bỗng nhiên có một người chui khỏi đám lau sậy và hỏi tôi đường tới Aucharn.

— Gelenure, đó là một chuyện mà ngài không nên đùa cợt.

Hai người đàn ông dừng lại trước mặt tôi, quan sát tôi, trong khi hai người kia ở cách xa một quãng.

— Và cậu cần gì ở Aucharn? – Colin Roy, con người được khắp cao nguyên gọi là Cáo đỏ, hỏi tôi. Đúng, đó chính là con người tôi vừa nói.

— Tôi tìm một người sống ở đó. – Tôi đáp.

— James of Glens. – Colin Roy nói trầm tư, rồi quay sang ông luật sư: Nó đang tập hợp người của mình. Ông có nghĩ vậy không?

— Dù thế nào, tốt nhất là chúng ta ở lại đây chờ lính tới. – Người được hỏi trả lời.

— Nếu ngài vì tôi mà phải bắn khoản, – Tôi nói – thì ngài không cần lo lắng làm gì. Tôi chẳng thuộc bên này lẫn bên kia ở nước này, tôi chỉ là đồ đệ của nhà vua, không nợ ai và không sợ ai.

— Nói hay đấy, cậu bé. – Tay quản lý nói - Liệu tôi có được hỏi là đồ đệ trung thành của vua George làm gì ở một nơi xa đất nước như thế này và cái gì thúc đẩy anh ta đi tìm em của Ardohiel. Quyền lực trên đất này nằm trong tay tôi, nói để cậu biết. Tôi là đại diện của nhà vua cho nhiều vùng ở đây và đứng đằng sau tôi có mười hai đội lính của triều đình.

— Tôi được nghe dân chúng ở đây nói là ngài thống trị họ độc ác lắm. – Tôi nói. Hắn vẫn luôn nhìn tôi thiếu tin tưởng, cuối cùng nói:

— Cậu có gan đấy, cậu bạn ạ, nhưng tôi quý trọng lời nói thẳng. Nếu có một ngày nào khác cậu hỏi tôi đường về nhà James Stuart, tôi sẽ chỉ cho cậu và chúc lên đường may mắn. Nhưng mà đúng hôm nay... Ngài nghĩ gì, Mungo? – Và hắn lại quay sang luật sư.

Trong lúc hắn quay người, bỗng nhiên từ trong rừng ở phía trên vọng lên một tiếng nổ, cùng lúc đó Colin Roy giơ hai bàn tay lên trời và ngã về phía trước.

— Tôi chết mất. – Hắn kêu lên.

Ông luật sư đỡ lấy hắn, người hầu đứng bên sợ hãi và luống cuống giơ tay ra. Kẻ bị thương nhìn hết người nọ đến người kia. Ánh mắt tối sầm và giọng nói yếu dần làm tôi xúc động.

— Hãy giữ lấy, các Ngài! Tôi đang chết rồi – Hắn nhắc lại.

Hắn sờ vào ngực và tìm cách mở cúc áo để xem vết thương, nhưng các ngón tay bất lực tuột khỏi hàng cúc áo. Hắn thở mạnh, đầu ngã vào vai. Gelenure không thở nữa. Người luật sư không nói một lời, mặt ông ta căng thẳng và xám ngoét như một xác chết. Trong lúc đó người hầu rên rỉ và khóc to như một đứa trẻ. Bản thân tôi, đứng bên cạnh và nhìn đầy sợ sệt vào cả đám. Người nhân viên tòa án, sau tiếng súng nổ, đã chạy quay lại để giục đám lính tới nhanh hơn.

Cuối cùng viên luật sư để cho xác chết đầm máu trượt khỏi tay, đặt nó trên đường và lại đứng lên như bị thôi miên.

Tôi tin rằng đó là thời điểm tôi nhận ra tình trạng của mình, bởi vì ngay khi ông ta vừa đứng lên tôi liền leo lên sườn núi. Lúc đó tôi kêu to:

— Kẻ giết người! Kẻ giết người!

Một lúc sau đó, khi tới dốc núi đầu tiên, tôi thực sự nhìn thấy kẻ giết người ở khoảng cách nhỏ đang leo lên núi như thế nào.

Anh ta rất cao lớn, mặc một chiếc măng tô đen với những hàng cúc lấp lánh và cầm một khẩu súng bắn chim ở tay.

— Nó đấy – Tôi kêu lên – Tôi nhìn thấy hấn.

Khi người đàn ông nghe thấy tiếng tôi, anh ta quay lại nhìn và bắt đầu chạy. Ngay sau đó anh ta mất hút trong đám dương liễu. Ra khỏi bụi cây, anh ta còn xuất hiện một lần nữa sau đó lẩn vào sườn núi nhanh nhẹn và khéo léo như một con khỉ. Sườn núi trên đó rất dốc, tôi nhìn thấy anh ta trên đỉnh núi rồi rừng núi che khuất anh ta. Trong suốt thời gian đó tôi leo vọt và ở phía bên này đồi và đã đi được một đoạn xa khi nghe thấy tiếng phía dưới yêu cầu tôi đứng lại.

Từ phía trên tôi có thể nhìn rất rõ chân núi khi tôi dừng lại để lấy hơi.

Viên luật sư và người nhân viên tòa án đứng ở bên đường, họ vẫy và kêu tôi quay lại. Bên cạnh họ là một người lính Áo đỏ, tay cầm mộc, họ hò từng người một ra khỏi rừng. Tôi kêu cả hai người:

— Tại sao tôi cần quay lại? Các ngài hãy lên đây!

— Thường mười bảng cho ai bắt được thặng bé – viên luật sư kêu lên – Nó tham gia vào âm mưu này, tụi nó bảo nó đứng ở đây để giữ chúng ta lại.

Khi nghe những lời này, mặc dù ông ta nói với đám lính chứ không nói với tôi, tim tôi muốn rơi ra. Vì nó không chỉ đặt tôi vào hiểm nguy hoặc vào nguy cơ mất danh dự và cả cuộc sống của mình. Toàn bộ câu chuyện như một tiếng sét giữa trời quang nổ trên đầu tôi, đột ngột tới mức hoàn toàn không biết mình nên làm gì và tôi đứng bất lực ở đó.

Đám lính bắt đầu ồn ào, một số nhắm súng về phía tôi còn tôi thì vẫn đứng đó như mọc rễ.

Bỗng nhiên có tiếng gọi ở bên cạnh:

— Hãy lẩn vào đây, đằng sau gốc cây!

Tôi không hiểu tôi nghĩ gì nhưng đã nghe lời. Trong lúc đang khom lưng xuống, tôi nghe tiếng súng nổ và đạn bay qua người tôi.

Ngay bên cạnh tôi, Alan Breck đang đứng sau một gốc cây. Anh cầm một cái cần câu ở tay. Chúng tôi không có giờ để chào hỏi hoặc trao đổi phép lịch sự với nhau nữa.

— Hãy theo tôi, hãy theo tôi! – Anh gọi và chạy về hướng Balachulish, dọc theo sườn núi. Tôi chạy theo anh như một con cừu ngoan ngoãn. Lúc thì chúng tôi chạy giữa những cây dương liễu, lúc thì cúi người trên những mô đất, lúc thì bò bằng bốn chân giữa những bụi thạch thảo. Cái tốc độ mà Alan chạy thật chết người. Tim tôi đập như muốn nhảy ra ngoài, nó gõ vào xương sườn một cách đau đớn. Tôi không còn giờ để lấy hơi nữa và tất nhiên không nói nổi một lời. Tôi chỉ còn nhớ lại và rất ngạc nhiên là Alan đứng thẳng người lên để nhìn quanh và mỗi lần như vậy lại nghe tiếng reo hò của tụi lính.

Sau khoảng mười lăm phút, Alan dừng lại, ngã người xuống đất giữa các bụi thạch thảo, nhìn tôi và nói:

— Bây giờ thì mọi việc trở nên nghiêm trọng. Hãy làm đúng như tôi! Nó liên quan đến cuộc sống của chúng ta đấy.

Và, lại với tốc độ cũ, nhưng thận trọng hơn nhiều, chúng tôi quay lại chính con đường đã lên đây, có thể là ở khoảng cao hơn một chút, cho đến lúc Alan nằm xuống đất trong khu rừng đúng ở chỗ tôi đã phát hiện ra anh, áp mặt vào đám thạch thảo và dương xỉ, anh hít thở không khí như một con chó săn.

Từng chiếc xương sườn của tôi đau nhói. Tất cả nhảy múa trước mắt tôi. Khi tôi kiệt sức như đã chết, nằm xuống cạnh anh, lưỡi tôi thè ra ngoài. Tôi thấy nóng cháy bỏng, tôi thấy khát như điên.

Chương 18: **TRONG RỪNG LEHERMORE**

Đầu tiên Alan nằm nghỉ, sau đó anh đứng dậy đi ra bìa rừng ngó ngang một chút rồi quay lại và ngồi xuống:

— Thế nào, David? – Anh nói – Vừa rồi là một cuộc đi săn hoang dại.

Tôi không trả lời cũng không nhìn lên.

Tôi vừa mới là nhân chứng của một vụ giết người, vừa mới nhìn thấy một người cao lớn, khỏe mạnh và vui vẻ trong vòng một giây đã bị thổi tắt ánh sáng sự sống như thế nào. Cái khoảnh khắc đáng nhớ đó còn nóng hổi trong tôi, nhưng đó chính là một phần suy nghĩ của tôi. Một con người mà tôi biết Alan rất căm thù đã bị giết và đúng lúc đó Alan đang ẩn mình giữa những gốc cây gần đây và bị đám lính đuổi bắt. Phát đạn được anh ta bắn ra hay bắn theo lệnh của anh thì cũng vậy thôi. Như tôi biết, người bạn độc nhất của tôi trên mảnh đất hoang đã này đã nợ nhiều máu. Tôi thấy rợn người trước mặt anh ta, tôi không thể nhìn thẳng vào mặt anh. Tôi thà ở lại trên hòn đảo lạnh cóng dưới mưa còn hơn ở đây, trong rừng được che phủ, bên cạnh một kẻ giết người.

— Cậu còn kiệt sức à? – Anh ta hỏi.

— Không. – Tôi không trả lời, vẫn giấu mặt trong bụi – Không, tôi không còn kiệt sức nữa và tôi cũng có thể nói được. Alan, anh và tôi, chúng ta phải chia tay thôi. Tôi rất mến anh, nhưng con đường của anh không phải là con đường của tôi và cũng không phải con đường theo ý Chúa. Tôi có thể nói gì hơn nữa? Chúng ta phải chia tay thôi.

— Tôi sẽ không chia tay với cậu, David ạ, nếu không có nguyên nhân thúc ép – Alan nói rất nghiêm túc. – Nếu cậu tin là đã biết một chút gì đó chống lại danh dự của tôi thì ít ra, vì tình bạn của chúng ta, hãy nói cho tôi

biết sự thật. Còn nếu cậu không thích tôi nữa thì bản thân tôi phải xem cậu có xúc phạm đến tôi không.

— Alan, thế là thế nào? – Tôi nói – Anh biết quá rõ là con người tên là Campbell nằm trong vũng máu ở dưới kia.

Anh ta yên lặng một lúc rồi nói:

— Đã có lần nào cậu nghe chuyện về người đàn ông và những vật thể tốt chưa?

— Với những vật thể tốt anh muốn nói đến phù thủy và các nàng tiên? Không, – Tôi nói – Và tôi cũng không muốn nghe.

— Tuy thế, nếu cậu cho phép, ngài Balfour ạ, tôi vẫn kể cho cậu nghe: Người đàn ông này bị mắc cạn ở một mỏm đá trên biển, nhưng trên mỏm đá đó những vật thể tốt đang nghỉ trên đường đi Irland. Mỏm đá có tên là Skyerryvore và nằm ở gần Klippen, nơi chúng ta mắc cạn. Lúc đó hình như người đàn ông này đang khóc lóc cay đắng và mong muốn được nhìn lại đứa con nhỏ của mình một lần nữa, làm cho cuối cùng vua của những vật thể tốt động lòng thương anh ta, cử đội quân của mình ra đi mang đứa trẻ tới đó trong một cái túi và đặt bên cạnh người đàn ông khi đó đang ngủ. Khi thức dậy, người đàn ông nhìn vào cái túi bên mình, trong đó có một vật gì đó đang động đậy. Đó, cậu cũng thấy đấy là một con người luôn luôn nhìn mọi thứ xung quanh là xấu xa nhất. Vì vậy mà, để an toàn, anh ta đã đâm thanh gươm vào cái túi trước khi mở nó ra. Và sau đó anh ta đã có được đứa con đã chết của mình. Và bây giờ, thưa ngài Balfour, tôi thấy hình như ngài rất giống người đàn ông kia.

— Anh tin rằng bàn tay anh không nhúng vào vụ này chứ? – Tôi kêu to lên và đứng dậy.

— Trước hết hãy để một người bạn nói cho ngài rõ, thưa ngài Balfour of Shaws – Alan đáp – rằng tôi luôn luôn tránh giết một người quý tộc ở đây, trên quê hương chúng tôi và qua đó làm phiền cho chiến hữu của tôi. Ngoài ra cậu đã gặp tôi không có gươm, không có súng chỉ có mỗi chiếc cần câu.

— Đúng như vậy. – Tôi thừa nhận.

— Và bây giờ – Alan nói tiếp trong khi anh lấy con dao găm ra, đặt lên tay theo một cách riêng – và bây giờ tôi thề trước thanh thép thiêng liêng này rằng tôi không hề liên quan gì đến việc này dù chỉ trong ý nghĩ.

— Cảm ơn chúa – Tôi nói lớn và chìa tay về phía anh.

Anh ta làm như không nhìn thấy.

— Quá ồn ào xung quanh một lão Campbell này. – Alan nói – Và những việc như tôi biết, không phải là hiếm.

— Anh không nên quở trách tôi như thế, Alan, – Tôi nói – bởi vì chắc anh nhớ đã nói gì với tôi ở trên tàu. Nhưng mà cuối cùng thì thử thách và tội lỗi không phải là một. Và vì vậy tôi cũng cảm ơn Chúa về việc này. Tất cả chúng ta có thể rơi vào thử thách, nhưng không bao giờ được giết chết một người một cách dã man. – Tôi ngừng lại và không thể nói tiếp. Sau khi nghĩ một lúc, tôi hỏi – Anh có biết anh ta là ai không? Anh biết người đàn ông mặc áo măng tô đen chứ?

— Tôi không thể nhớ lại màu sắc của cái măng tô, nhưng tôi nghĩ nó màu xanh. – Alan nói hài hước.

— Đen hoặc xanh chỉ là một. Anh biết người này chứ? – Tôi hỏi.

— Điều này thì tôi không thể thề, – Alan trả lời – thậm chí anh ta chạy qua ngay bên cạnh tôi, nhưng hình như tạo hóa muốn có sự tình cờ là đúng lúc đó tôi phải cài lại quai dép.

— Alan, anh có thể thề là anh không biết anh ta? – Tôi kêu lên, nửa buồn cười, nửa bực bội về sự né tránh của anh.

— Không thể ngay bây giờ, David ạ, nhưng tôi có trí nhớ tuyệt vời nó giúp tôi quên rất nhanh một việc gì đó.

— Nhưng tôi thấy một điều rất chính xác là anh đã hướng sự chú ý của tụi lính Áo đổ vào anh và vào tôi.

— Điều đó có thể đúng. – Alan nói – và tất cả mọi người đứng đắn đều làm như vậy. Cuối cùng thì hai chúng ta đều không dính dáng đến chuyện này.

— Vì thế càng có nhiều lý do để xa chạy cao bay đi. Vì hai chúng ta đã bị nghi oan! Kẻ vô tội cần phải thấy trước vấn đề so với người vô tội.

— Tại sao vậy, David – Anh phản đối – Người vô tội luôn luôn còn khả năng được trắng án trước tòa. Nhưng cái cậu đã nổ súng đáng lẽ tốt nhất là ẩn trong bụi thạch thảo, và những người chưa bao giờ gặp khó khăn nào thì cần quan tâm đến người gặp hiểm nguy. Đó là tinh thần tôn giáo chân chính. Nếu câu chuyện xảy ra khác đi và cái cậu và tôi không nhìn rõ mặt cần ẩn náu trong ủng của chúng ta – trường hợp này có thể xảy ra lắm chứ, thì tôi nghĩ là chúng ta phải cứu anh ta bằng cách lái sự chú ý của tụi lính Áo đỏ phía mình.

Sau khi Alan ca xong bài diễn văn, tôi chịu thua, không cãi với anh ta nữa, suốt thời gian đó trông anh ngây thơ, tự tin vào điều mình nói và biểu hiện sự sẵn sàng hy sinh cho những gì anh coi là trách nhiệm của mình làm cho tôi thấy im lặng là hơn. Tôi nhớ lại lời ngài Henderland khi ông cho rằng bản thân chúng ta có thể học hỏi ở những người cao nguyên hoang dã này. Và bây giờ, ở đây tôi thấy có gì đó làm tôi thấy thân thiết. Khái niệm về trách nhiệm và đạo đức của Alan tuy có hơi kỳ nhưng anh ta sẵn sàng hy sinh đời mình cho nó.

— Alan ạ, tuy tôi không có một tinh thần công giáo chân chính như vậy vì quan điểm của tôi khác, nhưng như thế tốt rồi và hãy giờ tôi đề nghị ta bắt tay nhau một lần nữa.

Anh đưa cả hai tay ra cho tôi và nói rằng tôi đã làm cho anh mê mẩn và anh có thể tha thứ cho tôi tất cả. Sau đó anh trở nên rất nghiêm nghị và nói rằng bây giờ chúng tôi không còn thời gian nữa mà phải biến ngay khỏi nước này vì anh là một người ngoài vòng pháp luật và hiện nay Appin giống như một phòng nhỏ dốc ngược, mỗi người dân cần phải nhận được mặt anh, Alan Breck, một cách chính xác, còn tôi thì phải chạy trốn cùng anh vì tôi bị coi là có liên quan đến vụ giết người.

— Ồ, – Tôi nói, định cho anh một bài học nhỏ – tôi không có lý do để sợ hãi tòa án ở quê hương.

— Cậu nói, cứ như đây là quê của cậu không bằng, – Anh bác lại – làm như ở đây, đất nước của Stuart, cậu sẽ được đưa ra tòa ấy.

— Nhưng đây cũng là Scotland mà. – Tôi đáp.

— Cậu bé ạ, thỉnh thoảng tôi ngạc nhiên vì cậu đấy. – Alan nói – một tên Campbell đã bị giết. Như vậy sẽ xử án ở Inverara. Ngồi xử án là mười lăm tên Campbell và ở ghế công tố sẽ là kẻ to mồm nhất trong đó – tên công tước – về sự công bằng, David ạ, về sự công bằng thì khắp nơi trên thế giới này như nhau thôi. Nó sẽ được tạo ra giống như cái luật mà tên Cáo đỏ đã gặp phải trên đường đi trước đó.

Điều Alan nói đã làm tôi sợ đôi chút, tôi phải thừa nhận như vậy và chắc tôi sẽ còn sợ nhiều hơn nếu lúc đó tôi biết rằng Alan nói gần sự thật như thế nào. Thực tế anh chỉ nói quá ở một điều: Trên ghế xử án sau này chỉ có mười một tên Campbell mà thôi. Nhưng vì số còn lại cũng là tay chân của công tước nên chẳng có gì khác nhau cả. Thế mà lúc đó tôi đã bực mình khi anh đã nói không công bằng về công tước vùng Argyle, mặc dù thuộc Đảng Whig nhưng là một quý tộc thông minh, ngay thẳng.

— Tất nhiên, – Alan nói – tay này thuộc phe Whig và tôi cũng không bao giờ nghĩ rằng anh ta không phải là thủ lĩnh giỏi của phe đảng. Phe cánh sẽ nghĩ gì nếu một tên Campbell bị bắn chết mà không ai bị buộc tội khi thủ lĩnh của họ lại là trụ cột của tòa án?

— Tôi thường nhận thấy là, – sau một lúc nghĩ, Alan nói tiếp – những người ở đồng bằng không có một chính kiến rõ ràng về công bằng và bất công.

Về điều này thì tôi bắt buộc phải cười thật to và rất đổi ngạc nhiên là Alan cũng phấn khởi đồng tình.

— Không, không, David ạ – Anh nói – chúng ta đang ở đây, trên cao nguyên và nếu tôi yêu cầu cậu chạy trốn thì hãy theo lời khuyên của tôi và hãy làm sao biến khỏi đây nhanh nhất. Thật là vất vả khi ta phải ngồi ẩn náu trong rừng, chịu đựng đói khát ở đó. Nhưng sẽ còn khốn khổ hơn nếu bị tụi Áo đỏ trói lại và ném vào nhà giam.

Tôi hỏi anh là chúng tôi cần chạy đi đâu và khi anh trả lời “về đồng bằng” thì tôi đồng ý theo anh vì trong thực tế tôi dần dần hết kiên nhẫn. Tôi muốn cuối cùng phải quay về quê hương và tính sổ với ông bác mình. Ngoài ra, Alan quan niệm một cách bướng bỉnh rằng trong vấn đề này sẽ hoàn toàn không công bằng nếu tôi bắt đầu sợ là sự việc sẽ diễn ra đúng như vậy. Trong các cách chết tôi ngán nhất là cái giá treo cổ. Tôi hình dung cái thiết bị này với một sự rõ ràng hiếm thấy, đã có lần tôi thấy một tấm ảnh về kiểu hành hình này. Dù sao thì sự tưởng tượng này càng làm tôi hết hứng làm quen với tòa án.

— Chúng ta phải tìm mọi cách, Alan ạ. Tôi cùng đi với anh.

Anh yên lặng một chút rồi đáp.

— Nhưng cậu phải biết rõ việc này không phải là chuyện chơi. Sẽ có những đêm cậu phải ngủ trên mặt đất ẩm ướt. Cậu thường xuyên phải mong cái dạ dày lép kẹp. Chỗ ngủ đêm hôm của cậu không khá hơn của con gà rừng. Cậu sẽ phải sống như một con thú bị săn đuổi. Trong khi ngủ, cậu không được rời con dao găm khỏi tay, cậu bé ạ, trước khi chúng ta tới đích cậu sẽ nhiều lần lao đảo đầu gối đấy. Tôi nói với cậu tất cả điều này trước khi chúng ta lên đường vì tôi hiểu khá rõ về cuộc sống này. Nhưng nếu cậu hỏi còn cách nào khác không thì câu trả lời của tôi là “không”. Hoặc là cậu phải chạy trốn cùng tôi qua rừng núi hoặc bị treo lủng lẳng dưới giá treo cổ.

— Thế thì việc lựa chọn đâu có khó khăn. – Tôi nói và chìa tay cho anh.

— Được, và bây giờ chúng ta ngó lại tụi Áo đỏ một lần nữa. – Alan nói và dẫn tôi ra bìa rừng.

Qua khe hở giữa các thân cây chúng tôi có thể nhìn thấy toàn cảnh một sườn núi, tới tận Loch Linnhe. Đây là vùng đất hoang dã, những mỏm đá nhô lên cao, giữa là những đám thạch thảo và các bụi dương liễu. Ở xa hơn nữa, ở Balachulish, xuất hiện những bóng lính Áo đỏ nhỏ xíu, lúc chỗ này, lúc chỗ khác, lúc trên sườn núi, lúc dưới thung lũng. Bóng chúng ngày càng nhỏ dần. Bây giờ không nghe thấy tiếng reo “hu ra” nữa, tôi nghĩ bởi vì chúng cần sức để thở và phần còn lại cho những mục đích khác. Bọn chúng

vẫn đang lần theo dấu chân chúng tôi, có lẽ chúng nghĩ là sắp tóm được chúng tôi.

Alan cười khi anh quan sát tụi Áo đỏ.

— Ôi chào, – Anh nói – bọn chúng sẽ mệt như chết trước khi hoàn thành nhiệm vụ. Thế này thì chúng ta còn có thể ngồi một lát, David ạ. Chúng ta sẽ ăn một chút, thở lấy hơi, thỉnh thoảng làm một ngụm trong chai của tôi. Sau đó chúng ta sẽ đi về Aucharn, về nhà một người họ hàng của tôi tên là James of Glens, ở đó, tôi cần lấy lại quần áo, vũ khí và số tiền cần thiết cho chúng ta sắp tới. Và sau đó, David, cậu bé của tôi ạ, chúng ta sẽ kêu to: “Chúc may mắn” và chúng ta nhảy vào rừng.

Chúng tôi ngồi xuống, ăn và uống. Trước mặt chúng tôi là mặt trời đang lặn chiếu trên một phong cảnh bao la, hoang dại và gần như không người – một vùng mà tôi và bạn tôi sẽ phải vượt qua.

Trong lúc nghĩ và sau đó trên đường tới Aucharn, chúng tôi kể cho nhau nghe chuyện phiêu lưu của mình. Tôi chỉ muốn nhắc lại những điều đặc biệt và quan trọng nhất mà Alan đã kể cho tôi khi đó.

Sau khi tàu bị vỡ ra và nước tràn vào, Alan chạy vội ra lan can, còn nhìn thấy tôi lần cuối, anh còn thấy tôi chộp được cái cột buồm rồi mất hút, và vì vậy mà anh còn một chút hy vọng là tôi có thể cũng dạt được vào bờ an toàn. Vì thế anh đã để lại lời nhắn nhủ và chỉ dẫn dọc đường cho tôi và việc đó đã dẫn tôi đến vùng Appin không lạnh này, có lẽ là để trừng phạt những tội lỗi của tôi.

Trong khi đó những người trên tàu đã kéo được chiếc thuyền kèm vào hai hoặc ba người đã nhảy được xuống đó thì một con sóng lớn, ghê gớm hơn con sóng thứ nhất lại tràn tới, đẩy con tàu lên khỏi mỏm đá và chắc khoan nó đến tận đáy nếu nó không được một vách đá giữ lại. Đầu tiên nó giữ chặt mũi tàu, phần lái cắm xuống nước, nhưng sau đó đầu lái nhô lên không khí và mũi tàu ngập trong nước, nước như từ một cái đập tràn chảy vào cái khoang chẵn thứ nhất.

Trong khi kể, mặt Alan trở nên tái mét như nhớ lại một sự kiện trên tàu: hai thủy thủ đang nằm bất lực trong buồng, khi thấy nước tràn vào và chắc rằng con tàu sẽ chìm vĩnh viễn, đã kêu khóc một cách thảm thiết làm cho đám người trên boong vất chân lên cổ nhào vào chiếc thuyền kèm và chèo đi. Họ chui ra khỏi con tàu hai trăm ell⁷ thì một đợt sóng hùng vĩ thứ ba ập tới. Nhưng cánh buồm của con tàu rách nát trong nháy mắt, trông như con tàu muốn đuối theo chiếc thuyền kèm, nhưng sau đó thành tàu hai bên đổ sụp và con tàu chìm xuống như có một cánh tay khổng lồ kéo nó xuống vực sâu. Dòng thác trên tàu *Covenant of Dyart* chấm dứt.

Nỗi kinh hoàng về tiếng kêu gào của những người còn sót lại trên tàu còn vang đến tai làm tất cả mọi người như hóa đá, họ chèo thuyền vào bờ trong câm lặng. Nhưng ngay sau khi họ đặt chân lên bờ, Hoseason thức dậy như trong chuyện cổ tích. Ông ta ra lệnh cho thủy thủ bắt giữ Alan. Họ ngần ngại và không thích cái lệnh này. Nhưng bây giờ Hoseason như một con quỷ thật sự, hăn ta gào thét đám thủy thủ: Alan có một mình, hăn có món tiền lớn trong người và hăn lại chịu trách nhiệm về vụ đắm tàu và những cái chết của chiến hữu, tức là họ có thể trả thù ngay bây giờ và trở nên giàu có. Không có một mỏm đá nào làm hậu thuẫn cho Alan và mình anh phải đối chọi với bảy kẻ tấn công. Theo lệnh Hoseason, tụi thủy thủ kéo thành hàng định bắt anh từ phía sau.

— Đúng lúc đó – Alan kể – lúc đó người đàn ông nhỏ nhắn, tóc đỏ, tôi quên mất tên ông ta là gì...

— Riach – Tôi nói.

— Đúng, đúng Riach. – Alan nhắc lại – Ông ta nhảy vào cuộc. Ông ta nhảy vào đám người kia hỏi là họ không sợ phải ra tòa và bị phạt à, rồi ông giải thích cho họ: Trời ạ, tôi sẽ hỗ trợ cho người cao nguyên này... Cái con người nhỏ bé, tóc đỏ này không phải là một tay tồi – Alan tiếp tục câu chuyện – Ông ta còn giữ được trong người dấu vết của lương tâm.

— Đúng vậy. – Tôi nói đối với tôi, ông ta cũng luôn dễ thương theo cách của mình.

— Và ông ấy đối với Alan cũng vậy. – Bạn tôi nói – Và anh bạn ạ, tôi thấy anh ta hành động rất đúng đắn. Cậu biết không, David, việc mất tàu buồm và tiếng kêu gào của những người chết đuối khốn khổ đã tác động vào con người này khá mạnh. Có lẽ đó là duyên cớ sự sẵn sàng giúp đỡ của ông ta.

— Có thể như vậy, – Tôi đáp – nhưng mà lúc đầu khi anh lên tàu, ông ấy cũng thèm tiền như những người khác. Nhưng hãy kể tiếp cho tôi, Hoseason đã phản ứng về hành động của Riach như thế nào?

— Tôi nhớ là hẳn ta hành động rất tồi tệ. Người tóc đỏ nhỏ bé kêu tôi phải chạy trốn ngay. Tôi nhận ra đó là cách tốt nhất và tôi chạy. Lần cuối cùng tôi nhìn lại thấy đám người dồn lại trên bờ biển vung tay, cãi vã nhau vì bất đồng.

— Anh muốn nói gì vậy?

— Họ đang đâm đá nhau và tôi nhìn thấy một thủy thủ ngã gục xuống, cũng như một số quần đùi rời khỏi chủ nhân. Lúc đó tôi không thể dừng lại lâu vì ở mỗi góc của đảo Mull đều có một vài tên Campbell và chắc chúng sẽ không vui vẻ gì với một người như tôi. Nếu không, tôi đã chờ ở đó xem cậu ra sao và sẽ quan tâm đến cái ông nhỏ bé tóc đỏ ấy.

Thật tức cười khi Alan luôn nói “người đàn ông nhỏ bé” mặc dù anh không cao lớn hơn Riach bao nhiêu.

— Vì thế mà tôi quyết định đi khỏi đó – Alan kết thúc câu chuyện – và gặp ai trên đường tôi cũng kêu lên là có một chiếc tàu đắm ở Sund, và cậu phải biết là vì thế nào mà không ai dừng lại và hỏi xem tôi là ai. Cậu nên thấy là lúc đó họ đều vắt chân lên cổ để chạy thật nhanh ra bãi biển. Khi tới đó họ sẽ thấy đã bị tôi đánh lừa, đã chạy phí sức, chẳng được cái gì. Việc đó với một tên Campbell thì tốt thôi. Tôi muốn nói đó là một chuyện đùa thực sự của con tàu, được sáng tạo ra để trêu tức phe Campbell là nó đã chìm với toàn bộ của cải trên đó và không bị mắc cạn, bởi vì nếu nói xác con tàu bị đánh dạt vào bờ, tụi vô công rồi nghề tham lam sẽ lục lọi khắp bờ biển và sẽ tìm thấy cậu.

Chương 19:

NGÔI NHÀ CỦA NỖI SỢ HÃI

Khi chúng tôi còn đang trên đường, trời đã bắt đầu tối. Những đám mây bay rải rác buổi chiều bây giờ tụ tập lại, tầng tầng, lớp lớp nên trời khá tối vào mùa này. Con đường chạy qua một vùng đồi núi khô cằn, và mặc dù Alan đi trước rất tự chủ, tôi không giải thích được làm sao anh có thể nhận biết tất cả.

Cuối cùng vào khoảng chín giờ rưỡi chúng tôi đến một ngọn đồi và nhìn thấy xa xa phía dưới những ánh lửa nhấp nháy. Hình như có một cánh cửa để ngỏ, ánh lửa của lò và ánh sáng của nến đã lọt ra ngoài. Sáu hoặc bảy người, người nào cũng có một ngọn đuốc trên tay, đứng xung quanh hoặc múa quanh nhà.

— James hình như khùng rồi. – Alan nói – Nếu bây giờ ở đây không phải là chúng ta mà là tụi lính đang rình mò thì anh ấy đã bị chúng chộp rồi. Nhưng chắc chắn có tốp gác ở ngoài đường và ngoài ra anh ta biết là không một tên lính Anh nào biết được con đường chúng ta vừa đi qua.

Nói xong, anh huýt sáo ba lần theo một cách độc đáo và thật lạ lùng, khi tiếng huýt sáo đầu tiên vừa vang lên, các ngọn lửa đang di động đã dừng lại, bất động tựa như những người cầm đuốc khiếp sợ, nhưng sau tiếng huýt sáo thứ ba lại di động như thế nào. Sau khi làm những người phía dưới yên tâm bằng cách đó, chúng tôi lao xuống dốc vào trước cửa một ngôi nhà tựa như một hộ nông dân lớn, được một người khoảng năm mươi tuổi, ăn mặc chỉnh tề đón tiếp. Ông ra gọi Alan cái gì đó bằng tiếng Gaelic.

— James Stuart – Alan đáp – tôi đề nghị anh nói bằng tiếng Scot vì đây là một người quý phái trẻ tuổi không hiểu thứ tiếng khác. Anh ta là một điền chủ ở dưới kia, ở quê, anh ta là một chủ đất, là một người quý tộc. – Anh ôm lấy tôi - Tôi nghĩ là sẽ tốt hơn nếu bây giờ tôi chưa nói tên anh ấy.

James of Glens quay về phía tôi chốc lát, chào mừng tôi một cách lịch sự, sau đó quay lại, xúc động nói với Alan:

— Thật là một điều rủi ro đáng sợ. – Ông kêu lên – Đất nước sẽ phải trả giá đắt vì việc này. – Ông ta giơ hai tay lên trời.

—Ồ, kệ nó. – Alan nói to – Chúng ta phải ăn mừng là nó đã xảy ra. Colin Roy chết rồi và chúng ta cảm ơn về việc đó.

— Bạn thân mến, – James đáp – tôi mong hãn sống lại đây. Ta có thể ba hoa trước đó và bây giờ phải thừa nhận ai sẽ chịu hậu quả. Hãn bị giết, hãy nhớ điều đó, Alan ạ, và Appin trả cái giá đó. Nhưng tôi có một gia đình...

Trong lúc trò chuyện, tôi nhìn xung quanh và thấy những người hầu cận làm việc như thế nào. Một số đứng trên những cái thang; lục lọi mái nhà chuồng trại tìm súng, gươm và các loại vũ khí khác đưa cho những người đứng phía dưới; họ làm việc này một cách vội vã. Nghe tiếng kêu của cuộc xéng trên sườn núi tôi hiểu là vũ khí được chôn cất ở đâu trên đó. Tất cả đang làm việc vội vã nhưng tôi thấy hình như không có một trật tự nào cả. Một số vợ lấy súng sẵn, tay cầm đuốc, trượt ngã hỗn độn, James luôn luôn phải ngắt quãng câu chuyện với Alan để ra lệnh cho những người hầu cận, nhưng rõ ràng họ không hiểu gì cả và còn chú ý ít hơn đến các lệnh đó. Dưới ánh đuốc tôi thấy những con người này đang trong cơn hỗn độn, chạy đi chạy lại không có mục đích và mặc dù không ai muốn nói to, tiếng của họ vang lên đầy vẻ sợ hãi và bức bối.

Lúc đó có một cô bé ra khỏi nhà mang theo một cái bọc. Sau này tôi luôn phải mỉm cười khi nhớ lại lúc đó Alan nhìn cô gái như bị thôi miên.

— Đứa trẻ vác cái gì vậy? – Anh hỏi.

— Chúng tôi chỉ định làm cho ngôi nhà ngọn ghê một chút, Alan ạ. – James đáp, giọng có vẻ bó buộc và sợ hãi – Ngay đêm nay tụi nó sẽ dùng nển và đuốc lục lọi khắp Appin. Chúng tôi đã chôn một số súng và gươm trong rừng và trong cái gói này là bộ quần áo Pháp của anh mà chúng tôi cũng muốn giấu đi.

— Giấu biến quần áo Pháp của tôi, cũng chôn chúng à? Tôi không cho phép như vậy, bạn thân mến ạ.

Và anh chộp lấy cái gói, chạy nhanh ra chuồng gia súc có lẽ là để tự mình lựa. Trong thời gian đó anh giao tôi cho những người họ hàng trông nom.

James đưa tôi vào bếp, chúng tôi ngồi bên một cái bàn. Mỉm cười mến khách, ông ta tìm cách nói chuyện với tôi nhưng rồi lại trở nên lo lắng. Ông nhăn trán, cắn vào móng tay, khi nhớ đến tôi ông nói vài lời thân mật, mỉm cười vô thường, vô phạt, sau đó lại chìm trong lo lắng riêng tư. Bà vợ ông ngồi khóc bên lò sưởi, hai tay ôm lấy mặt cậu con trai cả bò trên nền nhà, lục tìm trong một đồng giấy tờ, thỉnh thoảng lại đốt một tờ trong ngọn lửa lò sưởi và chờ cho nó cháy hết mới thôi. Trong suốt thời gian đó, một người đầy tớ gái, mặt đỏ bừng vừa khóc vừa vội lục tìm gì đó trong các ngăn tủ. Liên tục có những người đầy tớ ngó đầu vào cửa và luống cuống xin sự chỉ bảo.

Cuối cùng James không chịu nổi lâu hơn ở trên ghế, ông ta quay về phía tôi và xin lỗi nếu trái với phép lịch sự, ông ta phải đi ra đi vô.

— Tôi không phải là một chủ nhà tồi, thưa ngài, – Ông ta nói – nhưng tôi luôn luôn phải nghĩ đến sự bất hạnh đáng sợ, đến những hậu quả ghê gớm gây ra cho những người con hoàn toàn vô tội.

Đột nhiên ông ta nhìn thấy anh con trai đốt một tài liệu mà đáng lẽ phải giữ lại, thì sự xúc động biểu hiện ra bên ngoài một cách đau đớn, ông la đi la lại cậu con trai:

— Mà y điên rồi à? Mà y muốn bố mà y bị treo cổ à?

Chắc ông ta đã hoàn toàn quên sự có mặt của tôi, bởi vì ông đã nói với cậu con trai hoàn toàn bằng tiếng Gaelic, cậu này không đáp lại gì khi bị mắng mỏ. Khi nghe đến “treo cổ” người đàn bà bên cạnh lò sưởi lại úp mặt vào hai bàn tay và khóc to hơn trước đây. Tất cả những cái đó cũng làm tôi đau đớn vô cùng tuy tôi xa lạ với những con người này. Tôi không còn có thể chứng kiến lâu hơn nữa và cảm thấy nhẹ cả người khi Alan quay lại. Anh đã mặc bộ quần áo Pháp đẹp đẽ của mình và trông lại như xưa cho dù

bộ quần áo bây giờ bị nhàu nát nhiều, không còn có thể là đẹp nữa. Tôi được một người con trai dẫn ra ngoài và cũng nhận quần áo khác mà tôi cần có từ lâu trong đó có cặp quần da mà người ta thường mặc trên cao nguyên, ban đầu chúng làm tôi hơi khó chịu, nhưng chỉ một lúc sau tôi thấy chúng rất tiện lợi, thoải mái.

Trong lúc tôi ra ngoài thay quần áo, Alan đã kể lại chuyện của tôi cho mọi người ở trong nhà nghe. Vì điều tất nhiên là anh cùng đi trốn với tôi nên tất cả mọi người cùng tham gia vào việc trang bị cho chúng tôi. Họ đưa cho mỗi chúng tôi một thanh gươm và một súng lục mặc dù tôi đã tự nhận là không biết đấu gươm. Chúng tôi cũng nhận đạn súng và một gói bột lúa mạch, một cái chén bằng sắt kèm theo một chai rượu cô-nhắc Pháp. Bây giờ thì chúng tôi đã sẵn sàng cho cuộc hành trình vượt qua rừng. Chỉ có tiền là không đủ. Tôi còn giữ lại được hai bảng. Cái đai lưng của Alan đã được trao cho một người khác, gia tài của người bạn thân của tôi hiện chỉ còn mười sáu xu, còn cái két của James thì rỗng không. Hình như trong chuyến đi Edin Bousgh và qua việc giải quyết những vấn đề luật pháp cho tá điền ông đã bỏ ra nhiều tiền vì thế mà tổng cộng ông chỉ còn 3 bảng và năm mươi xu rưỡi, phần lớn là tiền bằng đồng.

— Ghi có như vậy thì chúng tôi không đủ sống – Alan nói.

— Anh phải tính đến việc tìm được ở đâu đó một nơi ẩn náu an toàn – James kêu lên – lúc đó anh sẽ báo tin cho tôi. Nhưng chuyện này phải làm thật lẹ, Alan ạ, chần chừ ở đây chờ một, hai đồng bảng là quá mạo hiểm. Tụi nó sẽ được tin là anh ở đây và sẽ đi lùng. Tụi nó sẽ gán tội cho anh về vụ hôm nay và nếu anh bị bắt ở đây, tất nhiên chúng sẽ nghi ngờ cả tôi vì tôi là họ hàng gần gũi của anh và đã che chở mỗi lần anh trở về đất nước. Nhưng nếu chúng nghi ngờ tôi...

Ông ta ngừng lại, răng cắn vào môi, sắc mặt tái mét. Sau đó ông nói tiếp bằng giọng nho nhỏ:

— Sẽ rất đau đớn cho bạn bè chúng ta nếu tôi phải lên giá treo cổ.

— Đó sẽ là một ngày đen tối cho toàn Appin – Alan nói.

— Cỗ họng tôi bị ngạt chỉ cần nghĩ đến giây phút đó thôi. Trời đất, Alan ạ... đó là những lời ngu muội. – James kêu to.

Và ông dấm mạnh lên tường làm cho tiếng đập vang lên trong toàn căn nhà.

— Đúng, anh nói đúng đấy – Alan nói – và anh bạn từ đồng bằng này của tôi – vừa nói anh vừa gật đầu thân mật với tôi – đã giữ cho tôi sáng suốt; chỉ cần tôi nghe theo lời anh ta.

— Hãy nghe đây, Alan! – James nói với giọng đã trở lại bình thường – Khi tụi nó chụp được tôi, lúc đó mới là lúc anh cần tiền, bởi vì nếu anh ta nhớ lại những gì tôi đã nói, những gì anh đã nói, điều đó không có lợi cho cả hai chúng ta. Anh ta có thấy vậy không? Hãy nghe tôi nói hết và anh sẽ thấy là bản thân tôi phải tạo ra một cái lệnh truy nã anh. Đúng, thậm chí tôi phải treo một giải thưởng cho cái đầu của anh nữa cơ. Tôi phải làm điều đó, làm điều đó với người bà con gần gũi là chuyện không hay nhưng nếu tôi bị gán chịu trách nhiệm cho những việc đáng sợ này, tôi phải tìm cách tự bảo vệ mình. Anh có thấy vậy không?

Vừa cầu nguyện không ngừng, ông ra vừa nói chuyện với Alan và nắm chặt tay áo anh.

— Có, có. Tôi cũng thấy như vậy. – Alan nói.

— Anh phải làm sao nhanh chóng biến khỏi nơi này. Đúng, Alan ạ. Anh phải rời khỏi đây, hoàn toàn đi khỏi Scotland, anh và cả anh bạn từ đồng bằng của anh nữa. Tôi cũng phải ra một lệnh truy nã cậu bạn anh. Anh có thấy vậy không, Alan?

Hình như tôi thấy mặt Alan đỏ bừng lên.

— Thật là cay đắng cho tôi, James ạ, vì tôi đã đem anh ấy đến đây. – Anh nói và ngửa mặt lên – Anh đã trực tiếp biến tôi thành một kẻ phản bội.

— Alan người anh em! – James kêu lên – Hãy nhìn sự vật như nó đang tồn tại. Đẳng nào thì một cái lệnh truy nã anh ta cũng sẽ được đưa ra. Mingo Campbell sẽ lo chuyện đó. Vì vậy mà tôi hay ai làm thì cũng như nhau thôi.

Alan, anh phải nghĩ là tôi có một gia đình. – và sau một lúc, ông ta bổ sung – Và đừng quên một điều, Alan ạ, toàn bộ bọn làm chuyện này là tụi Campbell.

— Rất may là ... Alan nói suy tư – không ai biết tên bạn tôi.

— Và cũng không ai nên biết, Alan ạ – James nói lớn – Tôi thề như vậy.

Rồi ông ta bổ sung, cứ như là đã biết thật sự tôi ấy:

— Trong lệnh truy nã này chỉ ghi cậu ta mặc quần áo gì, trông cậu ta thế nào, khoảng bao nhiêu tuổi... đại loại như vậy. Thực sự là tôi không làm được điều gì hơn nữa. – Anh ta nói cứ như mình là người biết những điều tốt đẹp và quý giá.

— Tôi thực sự ngạc nhiên về đứa con của ông già anh! – Alan hét lên giận dữ – bằng hành động của mình, anh muốn phản bội cậu bé phải không? Anh muốn cho cậu ta quần áo khác và bằng cách đó chỉ điểm cậu ta?

— Không, không, Alan! – Ông ta nói vội vã – Tôi không nói quần áo này khi Mungo nhìn thấy cậu ta.

Bỗng nhiên James trở nên thảm hại trước mắt tôi. Ông ta ôm lấy từng đống rơm, chắc là nhìn thấy từng bộ mặt kẻ thù của mình trên ghế quan tòa và đằng sau là giá treo cổ dành cho ông ta.

— Còn bây giờ, bạn thân mến! – Alan quay sang phía tôi – cậu nghĩ gì về tất cả chuyện này. Cậu ở đây dưới sự che chở của tôi, tôi sẽ làm việc đó bằng danh dự của mình. Tôi sẽ lo lắng để cậu không chịu những điều bất công.

— Tôi chỉ nói một điều – Tôi trả lời – Cuộc tranh luận giữa hai người không liên quan gì đến tôi. Nhưng lý trí lành mạnh của con người đòi hỏi hẳn gặn toàn bộ trách nhiệm cho người phải mang nó và đó là người đã nổ súng. Lệnh truy nã phải dành cho anh ta, hoặc như anh vẫn nói: hãy xua chó tóm lấy anh ta và làm sao để những người vô tội không phải sống ảm náu.

Nhưng khi nghe những lời này, cả Alan và James cùng kêu lên một cách sợ hãi. Họ yêu cầu tôi đừng nói nữa. Vấn đề không phải như vậy. Họ hỏi tôi

những người trong hội kín sẽ nghĩ gì và điều đó càng làm cho tôi thêm tin là một người trong hội kín ở Mamore đã thực hiện việc ám sát vừa qua. Chẳng lẽ tôi không thấy làm như vậy thì người đó sẽ bị bắt sao? Chắc là tôi đã không nghĩ đến chuyện là cả hai người cùng kêu lên với một sự nghiêm trọng đáng nể sợ làm tôi phải lúng túng buông tay xuống và không tìm cách thuyết phục họ nữa.

— Tốt thôi, – Tôi nói – ông cứ phát lệnh truy nã tôi và Alan đi, mà sao không truy nã luôn cả vua George? Cả ba chúng tôi đều vô tội trong vụ giết người này và rõ ràng đó là điều tiên quyết. Nhưng tôi nói với ngài một điều – Tôi quay sang phía James và cố gắng kiềm chế cơn giận của mình – Tôi là bạn của Alan và nếu tôi có ích lợi gì cho các bạn của anh ấy, thì chuyện đó không được đổ bể vì qua đó tôi sẽ bị liên quan đến một hiểm họa.

Tôi cho rằng tốt nhất là biến cái bộ mặt vui vẻ thành một trò chơi độc ác vì tôi nhìn vào mũi Alan thấy anh ta hoàn toàn luống cuống. Ngoài ra, tôi nghĩ, khi tôi vừa đi họ sẽ phát lệnh truy nã ngay, như họ nói, dù tôi có đồng ý hay không. Nhưng ngay sau đó tôi đã thấy đó là sự nhầm lẫn vì tôi vừa nói xong thì bà Stuart đứng lên khỏi ghế, chạy đến chỗ tôi, đầu tiên gục đầu vào ngực tôi sau đó vào ngực Alan khóc và cảm ơn Thượng đế là chúng tôi đã đối xử như vậy với gia đình bà.

— Cậu đã thực hiện nghĩa vụ của mình, Alan ạ – Bà nói – Nhưng con người trẻ tuổi này đến đây, tìm thấy chúng ta trong cảnh khốn khổ vô cùng này, con người đó phải chứng kiến một người chủ gia đình đã phải than khóc giống như một kẻ ăn xin khốn khổ. Ôi chao, cậu bé của tôi, tôi thấy rất đau lòng là không được biết tên cậu, nhưng tôi biết mặt cậu và chừng nào trái tim trong ngực này còn đập, tôi sẽ nhớ nữa, tôi sẽ luôn hình dung lại và cầu nguyện.

Bà ôm hôn tôi và lại khóc nức lên rất to làm tôi đứng đó như chết.

— Ô, chẳng hề gì. – Alan nói, trông anh ta lúng túng dễ sợ. – Bây giờ là tháng bảy, trời sáng rất sớm. Ngày mai bắt đầu cuộc khiêu vũ khắp Appin. Chắc chắn bọn chúng đang phi ngựa khắp vùng, tiếng kèn trận của bọn

Campbell đã vang lên, bọn Áo đỏ chạy đến mọi nơi. Đối với tất cả chúng ta, tốt nhất là hai chúng tôi biến nhanh vào núi.

Liền đó chúng tôi chia tay và đi về phía đông. Đó là một đêm đẹp, tối trời. Giống như trước đây con đường đi qua vùng rừng núi gập ghềnh.

Chương 20:

CHẠY TRỐN TRONG RỪNG GIỮA NHỮNG VÁCH ĐÁ

Chúng tôi lúc thì đi, lúc thì chạy, nhưng khi trời sáng dần thì chạy không nghỉ. Mặc dù nhìn xa vẫn thấy đất đai hoang dã và hình như không có người ở, nhưng vẫn có những túp lều và nhà cửa trong những góc khuất của núi rừng và có người sống ở đó. Có lẽ chúng tôi đã đi qua khoảng hai mươi khu dân cư như vậy. Khi chúng tôi vừa tới gần một ngôi nhà, Alan để tôi ở ngoài, một mình đi tới đó gõ cửa và nói chuyện qua cửa sổ với một người trong nhà vừa bị đánh thức dậy, còn đang sợ sệt. Chắc anh vừa báo cho mọi người những tin tức mới. Ở vùng này, điều đó là một nghĩa vụ rất thiêng liêng mà Alan phải theo mặc dù anh đang chạy trốn vì cuộc sống trần trụi của mình. Những người khác cũng đã thực hiện trách nhiệm này trung thành tới mức hầu hết mọi nhà đều đã nghe đến vụ giết người vừa qua. Ngoài ra, mặc dù không đến gần và không biết tiếng địa phương, tôi vẫn thấy tin đó làm dân chúng sợ hơn là ngạc nhiên.

Mặc dù chúng tôi đã rất vội vã, trời cũng đã sáng, mà chúng tôi còn ở rất xa nơi ẩn nấp. Trời sáng ập đến khi chúng tôi đang ở trong một thung lũng rộng, có nhiều mỏm đá và con sông sỏi bọt chảy qua. Xung quanh là những ngọn núi hoang vu. Phong cảnh khô cằn, trơ trụi, chẳng có cây cối cũng chẳng có cỏ mọc. Sau này tôi nghĩ có lẽ đó là thung lũng có tên là Glencoe mà vào thời vua Williams đã xảy ra cảnh tắm máu. Nhưng tôi không nhớ được chút gì về con đường chạy trốn cả vì chúng tôi luôn phải rẽ ngay rồi đi vòng, phải chạy thật nhanh và thường chỉ đi vào ban đêm. Thỉnh thoảng tôi có hỏi tên một vài địa điểm thì chúng lại toàn gọi bằng tên Gaelic và tôi quên chúng rất nhanh.

Ánh sáng ban mai đầu tiên soi tỏ mặt đất không người này và tôi thấy Alan nhăn trán. – Mảnh đất này hoàn toàn không thích hợp cho cậu và tôi, –

Anh nói – vì chắc vùng này đã được canh phòng.

Nói câu đó xong, anh chạy nhanh hơn xuống dốc tới bờ sông, tới nơi dòng sông bị ba vách đá ngăn lại. Ở giữa dòng, con sông bị một tảng đá lớn chia thành hai nhánh, nó đập ầm ầm như sấm giữa hai khối đá kia, bụi nước bắn tung lên như sương mù. Cảnh đó làm tôi khiếp sợ.

Alan không nhìn sang phải hoặc trái mà nhảy một bước từ bờ vào tảng đá ở giữa. Tới đó anh nằm xuống để khỏi bị trượt xuống sông vì tảng đá rất hẹp. Tôi không có thì giờ để đánh giá khoảng cách hoặc nhận biết mức độ nguy hiểm. Tôi nhảy theo anh một cách mù quáng, anh dùng tay tóm lấy tôi và giữ chặt.

Thế là chúng tôi đứng bên nhau trên một tảng đá mỏng manh, xung quanh đầy bọt và bụi nước, trước mặt là những nhánh sông rộng mà chúng tôi phải vượt qua. Khi nhận rõ chuyện gì sắp xảy ra, đầu gối tôi run rẩy. Nỗi sợ hãi chết người xâm lấn tôi, tôi kinh hoàng lấy hai tay che mặt.

Alan nhìn tôi, nắm lấy vai và lắc. Tôi nhìn vào miệng anh. Anh nói gì đó giữa tiếng gào thét của dòng nước và giữa lúc đang mất tinh thần nên tôi chẳng hiểu một lời nào. Tôi chỉ thấy anh đỏ mặt giận dữ và dậm chân xuống tảng đá, đồng thời tôi nhìn dòng nước cuộn cuộn chảy qua, thấy màn nước bắn tung lên, lại nhắm hai mắt lại và càng thấy sợ.

Liền đó Alan đưa chai rượu mạnh vào môi tôi, ép tôi uống khoảng nửa xi làm đầu tôi nóng lên, dùng tay làm một cái loa và hét vào tai tôi:

— Cậu thích thứ nào hơn: treo cổ hay là nhậu?

Liền đó anh quay người, nhảy một bước rất mạnh và rơi xuống an toàn ở bờ bên kia.

Còn lại một mình tôi trên tảng đá, có nhiều chỗ hơn, nhưng rượu đã làm tai tôi kêu oong oong. Trước mắt tôi là một tấm gương tốt nơi Alan.

“Nếu mình không nhảy ngay thì không bao giờ làm được cả”. Tôi quì xuống đầu gối và với một vẻ điên khùng thỉnh thoảng có trong người mỗi khi thiếu can đảm, tôi văng người về phía trước. Quả là tôi có tới được bờ

bên kia, nhưng chỉ bằng hai tay và chúng tuột ngay nhưng liền bám được vào một cái gì đó nhưng chưa thấy một chỗ bám chắc chắn và trong gang tấc sẽ rơi xuống dòng sông nếu Alan không kịp túm lấy tôi, lúc đầu nắm được tóc, sau đó là cổ áo. Dùng hết sức anh đã lôi được tôi lên bờ đá. Bây giờ thì an toàn rồi.

Lúc này anh cũng không nói một lời nào và lại tiếp tục chạy như điên dại. Tôi loạng choạng đứng dậy và chạy theo. Nếu như trước đây tôi đã quá kiệt sức thì bây giờ cũng như chết rồi. Ngoài ra tôi lại bị thương khi va vào đá, chỗ rượu mạnh đã làm tôi gần xỉn, bước nào cũng loạng choạng. Rồi còn đau nhói bên sườn làm tôi hầu như không bước tiếp được nữa. Khi Alan dừng lại bên một trong rất nhiều vách đá cao thì cũng là giới hạn sức lực cuối cùng của David Balfour.

Tôi vừa nhắc đến một vách đá cao, thực ra đó là hai vách đỉnh chạm vào nhau. Cả hai có chiều cao khoảng hai mươi bàn chân, mới nhìn thì thấy khó mà trèo lên đó. Đúng, ngay cả Alan, con người mà tôi nghĩ hình như có đến bốn tay, rất khéo léo, nhưng lần đầu trèo lên vẫn không thành công, mãi lượt thứ ba anh mới lên được và cũng phải đứng trên vai tôi và từ đó nhào lên với một bạo lực làm tôi tưởng gãy cổ. Vừa lên đến nơi anh tháo ngay thắt lưng và thả một đầu xuống và bằng cách đó, bò trên những cạnh đá nhô ra, tôi cũng đã lên được bên trên.

Đứng cạnh anh trên đó tôi hiểu vì sao chúng tôi phải bò lên đây. Đỉnh vách đá bị gọt phẳng chút ít, bị mưa làm cho lồi xuống tạo thành một cái đĩa hay một cái lòng chảo đủ chỗ ba bốn người nằm mà không bị phía dưới nhìn thấy. Suốt thời gian đó, Alan không nói một lời, chạy như điên dại rồi trèo lên đây, làm tôi nhận ra anh đang có một nỗi sợ hãi chết người, một việc gì đó có thể thất bại. Ngay cả bây giờ, ở trên vách đá, anh vẫn yên lặng một cách bướng bỉnh và giữ cái bộ mặt tối sầm. Ngay lập tức anh nằm xuống dọc theo chiều dài lòng chảo và thám thính một vòng xung quanh. Tôi nằm xuống cạnh anh. Trời dần sáng rõ và từ đây chúng tôi có thể nhìn rõ những vách đá xung quanh, thấy lòng thung lũng đầy những khối đá tảng và dòng sông bị ngắt quãng bởi thác nước đầy bọt. Không nơi nào có khói bốc lên.

Không ở đâu có thể phát hiện ra dấu vết của cuộc sống. Chỉ có vài con đại bàng lượn trên đầu chúng tôi.

Mãi bây giờ Alan mới nhìn tôi, mỉm cười:

— Thế là bây giờ chúng ta có cơ hội thoát được.

Anh ngắm tôi bằng cái nheo mắt hài hước:

— Cậu không phải là tay nhảy tuyệt vời.

Có lẽ trông tôi như là bị xúc phạm thì phải vì thấy anh lập tức nói thêm:

— Không hề gì. Chẳng có gì hổ thẹn nếu ta sợ một cái gì đó. Chỉ khi làm việc đó ta mới chứng tỏ sự can đảm thật sự. Và lại đó lại là nước, nước là một cái gì đó mà bản thân tôi cũng sợ. Không, không. – Anh nói thêm – không phải cậu mà chính là tôi mới đáng bị quở trách.

— Tại sao? – Tôi hỏi.

— Tại sao à? Thế này nhé. Vì đêm qua mình xử trí như một thằng hề. Đầu tiên, tôi đi lạc đường, mà lạc đường ở ngay quê hương Appin của tôi, làm chúng ta bị trơ ra giữa ban ngày giữa một vùng mà đúng ra không bao giờ trong đời chúng ta được tới. Do vậy, mà bây giờ chúng ta phải nằm lại ở cái chỗ nguy hiểm và hoàn toàn không thoải mái này. Nhưng điều nghiêm trọng nhất với một người đàn ông hiểu biết rõ rùng núi như tôi mà lại không mang theo một chai nước nào và bây giờ chúng ta phải nằm suốt một ngày hè dài dằng dặc ở đây mà không có một chút gì uống ngoài ít rượu mạnh. Có lẽ cậu nghĩ rằng không sao đâu, David. Tối hôm nay cậu sẽ nghĩ khác.

Vì muốn gỡ lại chuyện trước đó, tôi đã đề nghị Alan đổ hết chỗ rượu đi, tôi sẽ leo xuống, ra sông lấy nước.

— Không được. – Alan nói – chúng ta cũng không được phép phung phí rượu. Đêm nay nó sẽ giúp cậu nhiều đấy. Bởi vì, theo đánh giá của tôi, nếu không có nó chắc bây giờ cậu còn đang bò lổm ngổm trên tảng đá giữa sông. Nhưng điều quan trọng hơn, một người tỉnh như cậu chắc cũng đã thấy là Alan Breck đã chạy nhanh hơn bình thường.

— Đúng như vậy. – Tôi nói to – anh đã chạy như một con thỏ, tôi chạy theo đến đứt hơi, anh gần như muốn nổ tung ra.

— Tôi như vậy thật à, David? Và bây giờ cậu sẽ thấy chúng ta không được phép lãng phí thời gian. Nói đông dài thế đủ rồi. Cậu cố ngủ đi một chút, tôi sẽ canh gác.

Tôi ngoan ngoãn nghe theo. Trong lòng chảo còn một ít đất bùn và ở đó mọc lên mấy ngọn thạch thảo. Tôi lăn xuống chỗ đó và tiếng cuối cùng tôi còn nghe được là tiếng kêu của những con đại bàng.

Lúc đó có lẽ độ mười giờ sáng, khi tôi bị đánh thức khá mạnh, đồng thời tôi nhận ra Alan đang lấy tay bịt miệng tôi.

— Khẽ thôi! – Anh thì thầm – cậu ngáy.

— Cái gì? – Tôi ngạc nhiên vì bộ mặt lo lắng, tối sầm của anh – Tại sao lại không được?

Anh quan sát bên cạnh vách đá và ra hiệu cho tôi làm theo.

Trời đã sáng từ lâu. Bầu trời không một gợn mây, xung quanh rất nóng và chói chang, có thể nhận rõ từng chi tiết quanh vùng. Ngược dòng sông chừng một dặm có vài tên Áo đỏ đóng chốt bên bờ. Chúng ngồi vòng quanh một đồng lửa và nấu cái gì đó. Bên cạnh đó, một vách đá có chiều cao không chừng bằng vách đá của chúng tôi có một trạm gác, súng của tên lính gác ánh lên dưới mặt trời. Dọc theo dòng sông, ở khoảng cách lúc gần, lúc xa đều có lính gác, một số ở trên cao như vị trí tôi nhìn thấy đầu tiên, một số thì ở dưới thung lũng. Chúng đi đi, lại lại, gặp nhau ở giữa đường. Xa hơn, ở phía trên thung lũng, nơi có thể nhìn bao quát hơn, mắt xích trạm gác được bổ sung bằng kỵ binh, từ xa tôi thấy chúng phi ngựa đi đi, lại lại. Xa hơn nữa còn có nhiều lính hơn. Vì ở đó có một con suối chảy vào, lòng sông rộng ra rất nhiều, khoảng cách giữa các trạm gác xa nhau hơn nhiều vì ở đó chúng chỉ cần quan sát những mỏ đá có thể dùng để vượt sông mà thôi.

Tôi nhìn rất nhanh xung quanh rồi co mình sâu hơn trong lòng chảo của chúng tôi. Thật là ngạc nhiên khi thấy thung lũng lúc mờ sáng còn trơ trụi,

không một bóng người, mà bây giờ thì đầy khí giới và lính Áo đỏ kéo bầy như vô số những chấm đỏ.

— David, cậu nhìn thấy chứ? Lúc trước tôi đã sợ là những con suối, đặc biệt là ở những đoạn nông sẽ bị canh phòng. Cách đây khoảng hai giờ những tên lính đầu tiên đã kéo đến.Ồ, cậu đã ngủ một giấc ngon lành. Số của chúng ta sẽ đen đui nếu tụi nó leo lên sườn núi; dùng ống nhòm chúng có thể dễ dàng phát hiện ra ta. Nếu tụi nó chỉ ở dưới thung lũng có lẽ chúng ta sẽ thoát, ở dưới kia, sát bờ sông, khoảng cách giữa cái trạm gác lớn dần, khi trời vừa tối, chúng ta sẽ tìm cách luồn qua.

— Còn bây giờ chúng ta sẽ làm gì cho đến khi trời tối? – Tôi hỏi.

— Chúng ta sẽ nằm im ở đây và tự nướng mình dưới ánh mặt trời. – Câu trả lời hài hước là như vậy. Thuật ngữ “nướng” thật đúng nghĩa cho những gì chúng tôi đã trải qua hôm đó. Các bạn cần biết là chúng tôi đã nằm trên vách đá trơ trụi như cái bánh nằm trên lò. Mặt trời đốt cháy chúng tôi không thương xót, đá nóng bỏng làm ta không thể sờ vào nó. Cái nhúm đất có chút bùn, thạch thảo và cỏ dại nhỏ nhoi chỉ đủ chỗ cho một người. Chúng tôi thay nhau, lúc người nọ, lúc người kia nằm trên nền đá trơ trụi, nóng bỏng giống như sự hành hình một vị thần trên giàn hỏa. Lúc đó tôi nghĩ: thật là trở trêu vẫn ở vùng khí hậu này cách đây mấy hôm trên hòn đảo trơ trụi tôi đã phải chịu đựng khổ khổ cái rét như bây giờ chịu đựng cái nóng vậy.

Và trong suốt thời gian đó, chúng tôi không có một giọt nước để uống mà chỉ có rượu nguyên chất và như vậy còn trầm trọng hơn là không uống. Chúng tôi vùi cái chai xuống đất cố giữ cho nó mát và thỉnh thoảng làm cho mình đỡ khó chịu hơn một chút bằng cách xoa rượu vào trán và ngực.

Tụi lính dưới thung lũng di chuyển liên tục từ sáng đến tối, chúng đổi gác cho nhau và chia thành từng nhóm lùng sục các khe núi. Nhưng tìm một hoặc hai người trong cái thiên la địa võng đầy vách đá này khác nào như tìm một cái kim trong đồng cỏ. Vì nhiệm vụ này chẳng có chút hy vọng thành công nên chúng không thực hiện một cách cẩn thận, dù có lần chúng tôi cũng nhìn thấy tụi lính dùng lưới lê đâm vào bụi cây, những lúc nhìn thấy

như vậy làm bụng tôi đau nhói. Đôi lần chúng đến gần tới mức chúng tôi không dám thở nữa.

Trong dịp đó, lần đầu tiên tôi được nghe nói tiếng Anh. Một tên Áo đỏ đặt tay lên một tảng đá được mặt trời chiếu rọi và kêu lên với tên bạn:

— Chó má thật, sao mà nóng thế!

Tôi rất ngạc nhiên là tên lính này phát âm như một đứa trẻ tập nói, sai ngữ pháp và toàn tiếng “bồi”.

Sự căng thẳng suốt những giờ bị tra tấn tăng lên theo thời gian; vách đá càng nóng thêm, mặt trời chiếu gay gắt hơn. Chúng tôi đành chịu đựng sự khó chịu và đau đớn tựa như đau khớp vậy. Và chúng tôi phải cảm ơn Thượng đế là đã không bị mặt trời thiêu cháy luôn.

Vào khoảng hai giờ chiều thì không thể chịu nổi nữa. Ngoài những cái vừa rồi, bây giờ lại thêm một thử thách mới: Vì mặt trời đã ở chếch về phía tây nên ở góc phía đông vách đá của chúng tôi, ngoài tầm nhìn của tụi lính, có một bóng mát nhỏ.

— Chết kiểu nào cũng thế thôi! – Bỗng nhiên Alan nói, rồi anh bò ra rìa tảng đá và thả người rơi xuống chỗ bóng mát.

Tôi cũng lập tức làm theo như vậy, nhưng rất chậm chạp; tôi đã yếu và kiệt sức đến mức đó sau khi phải nằm lâu dưới nắng chói chang.

Chúng tôi nằm ở đó khoảng một đến hai giờ, xương cốt đau nhức, hoàn toàn lộ liễu không có gì che chắn. Nếu có tên lính nào nảy ra ý định đi sang phía này quan sát, nó sẽ nhận ra chúng tôi ngay. Nhưng không đứa nào đến cả. Tất cả tụi chúng đều đi ở phía bên kia vì vậy vách đá này đã che chở cho chúng tôi.

Chúng tôi dần dần lấy lại sức, và vì tụi lính không canh giữ dọc bờ sông nữa nên Alan đề nghị chúng tôi phải tìm cách đi khỏi đây. Bây giờ tôi chỉ ngán một điều: trở lại vách đá trưa nay, còn thì làm gì cũng được cả. Chúng tôi chuẩn bị khởi hành trượt từ vách đá này sang vách đá khác, khi thì bò sát

mặt đất, khi thì chạy như điên qua một vài đoạn với nỗi lo sợ và trái tim đập thình thình.

Vì phía bờ sông bên này tụi lính đã lùng sục rất kỹ và chúng đã buồn ngủ vì nóng nực nên bây giờ sự cảnh giác của chúng giảm đi nhiều. Chúng đứng lờ biếng tại chỗ của mình hoặc ngược mắt quan sát hai bên bờ sông. Vì bây giờ chúng tôi bò xuống thung lũng, luôn hướng về những quả núi trước mặt nên chúng tôi càng ngày càng xa dần tụi lính. Nhưng cuộc chạy trốn chậm chạp này còn mệt hơn tất cả những gì tôi đã trải qua. Người ta cần có trăm con mắt để có thể luôn qua một địa hình không bằng phẳng mà không bị những chốt canh luôn luôn gặp lại phát hiện. Mỗi khi phải chạy qua một nơi trống trải, thì không những cần đôi chân khỏe mạnh mà toàn bộ địa hình phải được bao quát rất nhanh, phải đánh giá được độ chắc chắn của từng tảng đá mà chân sẽ chạm vào bởi vì vào buổi chiều đúng giờ yên tĩnh này, tiếng đập vào vách đá của một hòn đá lăn sẽ vang lên như một tiếng súng lục.

Khi mặt trời bắt đầu lặn, mặc dù còn rất chậm chúng tôi cũng đã đi được một quãng khá khá tuy vẫn còn nhìn rõ những chốt gác trên đỉnh các vách đá.

Chúng tôi tới một địa điểm có thể bỏ qua mọi lo lắng: ở chỗ này dòng sông đổ dốc ào ào và đều suốt chiều rộng lòng sông. Khi tới nơi, chúng tôi quì xuống, vục đầu và cúi xuống nước. Tôi không thể nói được cái gì đã làm tôi khoan khoái hơn: sự mát mẻ xâm chiếm người tôi hay những ngụm nước mát thỏa mãn cơn khát của mình?

Chúng tôi nằm đó, được bờ sông che chở, cứ một lúc uống nước, lấy nước xoa cánh tay, xoa ngực và khắp cơ thể, thả bàn tay, khuỷu tay chơi vơi trong dòng nước cho đến lúc lạnh buốt. Khi đã uống nước thỏa thuê, chúng tôi lấy gói bột mì ra, khuấy trong một cái cốc kim loại một loại cháo sền sệt và dù đó chỉ là bột lúa mạch khuấy với nước lạnh, những kẻ chạy trốn đói khát đã ăn ngon vô cùng. Đối với những người không có điều kiện đốt lửa lên và chúng tôi có đủ lý do để không làm điều đó, thì đó là thức ăn ngon nhất, đặc biệt với những người phải chạy qua vùng rừng núi Scotland.

Khi trời vừa tối, chúng tôi lại lên đường, đầu tiên vẫn thận trọng như trước, nhưng rồi đi thoải mái hơn, không phải cúi lom khom mà bước mạnh mẽ về phía trước. Đường đi khá khó khăn, đầy chướng ngại vì nó chạy dọc theo những vách đá dựng đứng, qua những vách đá lởm chởm, phải vượt những đỉnh núi và bụi rậm. Sau khi mặt trời lặn, mây kéo tới, trời rất tối và lạnh.

Tôi không thấy mệt mỗi khi đi nhưng sợ trượt ngã và rơi xuống vực. Tôi không có khái niệm gì về phương hướng cả.

Chúng tôi đi không nghỉ, cuối cùng trăng lên. Mặt trăng nằm ở chân trời và bị mây che khuất một lúc lâu nhưng rồi sáng dần ra và chúng tôi lại nhận ra những đỉnh núi tối sẫm. Dưới chân chúng tôi, mặt trăng phản chiếu trên một rạch nhỏ của biển. Khi nhìn thấy rạch biển đó, chúng tôi dừng lại. Tôi ngạc nhiên là chúng tôi đang đứng trong một động lớn và cảm thấy mình đang di chuyển giữa các đám mây. Alan nhìn quanh để cho chắc là mình không đi chệch hướng.

Rõ ràng là anh rất hài lòng và tin tưởng là những kẻ săn đuổi không nghe được tiếng của chúng tôi nữa. Anh đã rút ngắn quãng đường cuối cùng của chúng tôi bằng cách huýt sáo những điệu nhạc chiến đấu vui và buồn với nhịp điệu làm cho chân bước nhanh hơn, những điệu nhạc của phía nam quê tôi, đã làm tăng quyết tâm trở về nhà của tôi, chấm dứt cuộc phiêu lưu này với một sức mạnh tôi chưa thấy bao giờ. Cái điệu nhạc của Alan theo chúng tôi trên con đường dài qua những dãy núi trơ trụi và làm thời gian trôi nhanh hơn.

Chương 21:

HANG ĐỘNG CORRYNAKIEGH

Mặc dù vào tháng sáu ban ngày đến sớm hơn, khi chúng tôi tới đích của hôm đó – một cái khe trên đỉnh một ngọn núi cao, có một dòng nước chảy qua – thì trời vẫn còn tối. Bên một vách núi có một cái hang không quá sâu. Ở một đoạn ngắn có những cây dương liễu hoa thơm trong một khu rừng tùng. Những con cá hồi hơi trong nước suối yên tĩnh, trong rừng đầy tiếng chim cu. Ở vách núi đá bên kia vang lên tiếng chim hót, trong đó có những tiếng chim cu.

Từ cửa hang có thể nhìn thấy một phần khối đá cẩm thạch và cái rạch biển nhỏ ngăn cách vùng này với Appin. Tôi ngạc nhiên, sung sướng ngắm phong cảnh từ trên cao và muốn ngồi ở đây mãi.

Vách đá này là động Corrynakiegh mặc dù chỗ này khá cao, gần biển và thường bị mây che phủ, nó vẫn là một chỗ nghỉ thoải mái với chúng tôi và năm ngày lưu lại ở đó chúng tôi cảm thấy rất hạnh phúc.

Chúng tôi ngủ trong động trên một cái ổ lót bằng thạch thảo do chúng tôi cắt đem về và đắp bằng cái áo măng tô dày của Alan. Trong khe núi có một nơi khuất có thể nhóm lửa vì vậy chúng tôi có thể nấu bột lúa mạch và nướng những con cá hồi nhỏ mà chúng tôi đã bắt được khá vất vả bằng tay không ở mé bờ nhô ra. Đó là nguồn vui và cách tiêu thời gian chính của chúng tôi. Không chỉ vì cần tiết kiệm bột mì cho những lúc khó khăn. Không, trong cuộc thi thể thao thú vị này, phần lớn thời gian trong ngày chúng tôi đứng trần truồng dưới nước để “chơi” với lũ cá sợ hãi. Con cá hồi lớn nhất chúng tôi bắt được có lẽ nặng độ trên một trăm gam. Thịt nó nướng trên than củi thơm và ngon, chỉ thiếu một chút muối nữa là có thể có một món ăn tuyệt vời.

Xen kẽ vào đó, Alan dạy tôi đấu kiếm. Anh khá vất vả vì sự vụng về của tôi. Còn ngoài ra thì tôi tin rằng cái công việc mà anh hơn hẳn tôi này cũng

làm anh đặc biệt thích thú vì khi bắt cá tôi thường gặp may hơn anh. Anh làm tôi đau nhiều hơn mức cần thiết một chút, thỉnh thoảng anh khiến trách tôi rất nặng, chửi rất thô tục và dồn tôi vào thế bí làm tôi phát hoảng, sợ anh sẽ đâm thanh gươm qua người tôi. Vâng, thỉnh thoảng tôi có ý muốn bỏ cuộc nhưng đã kìm chế được và đã học được rất nhiều. Mặc dù chưa lần nào tôi làm thầy dạy của mình hài lòng chút ít, không phải tôi không hài lòng với mình.

Bạn đọc đừng nên nghĩ rằng chúng tôi đã quên mất mục đích chính của mình là chạy trốn một cách an toàn.

Ngay buổi sáng đầu tiên Alan đã nói với tôi:

— Phải vài ngày nữa tụi Áo đỏ mới nghĩ ra là chúng phải lùng sục Corrynachiegh. Từ đây chúng ta phải tìm cách báo tin cho James để ông ta kiếm tiền cho chúng ta.

— Và chúng ta báo tin bằng cách nào được? – Tôi hỏi – Chúng ta ngồi ở đây trong một ốc đảo và không dám rời nó. Nếu anh không định dùng chim rùng làm người đưa tin thì tôi không hiểu chúng ta có thể làm gì hơn.

— Ồ, – Alan kêu lên – cậu không phải là loại sáng tạo lắm. David ạ.

Sau khi nói vậy anh nín lặng, nhìn trân trân vào ngọn lửa leo lét và suy nghĩ căng thẳng. Đột nhiên anh nhặt vài nhánh củi, xếp thành một cái thập tự, hơi đen bốn đầu trong ngọn lửa sau đó nhìn tôi, hơi lúng túng một chút:

— Cậu có thể cho mình mượn cái khay bạc được không? – Anh đề nghị – Mượn lại vật đã tặng thực ra hơi không bình thường nhưng tôi không muốn cắt một chiếc thứ hai.

Tôi đưa cho anh chiếc khay, anh buộc chặt nó vào một miếng vải vừa cắt từ áo măng tô dùng để buộc cái thập tự. Sau khi nhét thêm vào đó một nhánh dương và nhánh tùng, anh hài lòng ngắm nghía tác phẩm của mình.

— Bây giờ, cậu hãy nghe đây! – Anh nói – Cạnh đây có một nơi mà trong tiếng Anh ta có thể gọi là làng nhỏ, có tên là Coalisnacoan. Rất nhiều bạn bè tôi, những người tôi có thể tin cậy, sống ở đó, nhưng cũng có một số tôi

không biết rõ. Cậu biết đấy, tụi nó treo giải cho những cái đầu của chúng ta. Bản thân James cũng phải làm điều đó bằng tiền túi của mình. Bọn Campbell sẽ chi một số tiền nếu cần để tóm cổ một tay Stuart. Nếu không có chuyện đó, tôi sẽ đi ngay tới Coalisnacoan, đặt cuộc sống của mình vào tay những con người mà tôi hiểu rõ như chiếc găng tay của mình.

— Nhưng chuyện đó lại đúng như vậy – Tôi nói.

— Vì có chuyện đó, – Anh kết luận – nên tốt hơn hết là họ không nên nhìn thấy tôi. Những người độc ác và còn tồi tệ hơn, những kẻ hèn nhát có ở khắp nơi. Nhưng nếu trời vừa tối, tôi sẽ lên đến chỗ đó, đặt cái thập tự này bên cửa sổ nhà một người bạn tốt của tôi là John Breek Maccol.

— Được rồi, – Tôi nói – Nếu nhận ra, anh ta sẽ nghĩ gì?

— Tôi mong rằng anh ta thông minh hơn, có thể ngay lúc đó anh ta chưa nghĩ ra được. Tôi hình dung cái đó tác động vào anh ta như thế này: cái thập tự với các nhánh bị đốt cháy sẽ nhắc anh đến cây thập tự lửa, một dấu hiệu của phe tôi dùng để tập hợp lực lượng. Nhưng anh ấy biết rõ là hiện nay không thể tập hợp phe cánh được, vì có cây thập tự ngoài cửa sổ nhưng không có một lời nhắn nhủ. Tức là anh ta sẽ nói với chính mình: Tuy phe cánh không tập hợp được nhưng nó phải có một ý nghĩa nào đó. Và khi nhìn thấy chiếc khuy của Duncan Stuart, anh ta sẽ nghĩ: con trai Duncan Stuart chắc phải ở đâu đó trong rừng và đang cần đến mình.

— Được rồi. – Tôi nói – cho đến giờ, mọi thứ đều hợp lý cả. Nhưng ngay cả nếu anh ta nghĩ vậy thì từ đây đến vịnh còn khá xa và khắp nơi là rừng núi.

— Rất đúng, David ạ. – Alan nói – Nhưng John sẽ thấy một cành dương và một cành tùng. Chỉ cần thông minh một chút, anh ta sẽ nói với mình: Alan đang ẩn ở một nơi có dương và tùng mọc, sau đó anh ta sẽ suy nghĩ là không có nhiều chỗ như vậy trong vùng này. Và anh ta sẽ lên động Corrynachiegh này. Anh ta sẽ tìm. Còn nếu anh ta không làm như vậy, David ạ, thì quỉ tha ma bắt anh ta đi! Chắc tôi có lý vì nếu không, anh ta không đáng giá một xu.

— Anh bạn yêu quý – Tôi nói và đùa với Alan một chút – Anh là người dày sáng kiến, nhưng sao anh lại không viết một vài chữ có tốt hơn không?

— Một ý kiến tuyệt vời, thưa ngài Balfour of Shaws – anh nói và chọc lại tôi – đơn giản nhất với tôi là viết cho anh ta vài chữ, nhưng với John thì đọc nó lại không đơn giản. Trước hết anh ta phải tới trường, học hai ba năm và thời gian như vậy là quá lâu đối với chúng ta.

Ngay buổi tối hôm đó Alan đi xuống làng và đặt cái thập tự đầy tính nghệ thuật này bên cửa sổ nhà John Breck. Khi quay về anh hơi hoang mang một chút vì lũ chó sủa nhiều quá và mọi người nhào ra khỏi nhà. Anh nói rằng đã nghe thấy súng nổ và thấy một tên lính Áo đỏ trước cửa một ngôi nhà.

Dẫu sao, ngày hôm sau chúng tôi cũng nấp ở bìa rừng để đón John Breck nếu anh ta lên hoặc biến ngay nếu nhìn thấy bọn Áo đỏ.

Vào buổi trưa, chúng tôi phát hiện ra một người đàn ông đang leo lên dốc trước mặt và sợ hãi nhìn quanh.

Vừa nhìn thấy anh ta, Alan liền huýt sáo ra hiệu. Người đàn ông đứng lại, nhìn quanh một lần nữa và chậm rãi đi tới. Alan huýt sáo lần nữa.

Người kia đến gần hơn. Trò chơi này được lặp lại và bằng cách đó anh ta đến sát chỗ chúng tôi ẩn nấp.

Đó là một thân hình rách rưới, râu ria, trông dữ tợn, khoảng bốn mươi tuổi. Mặt anh ta đầy tàn nhang. Trông anh ta vừa khùng khùng vừa hoang dã. Mặc dù anh ta nói tiếng Anh rất kém nhưng Alan, do có thói quen đáng yêu của mình, vẫn không cho phép nói tiếng Gaelic khi có mặt tôi. Có lẽ với cách nói không bình thường của mình, anh ta làm tôi khó chịu hơn là bản chất anh ta. Tôi cũng cảm thấy anh ta không muốn làm vừa lòng chúng tôi mà làm chỉ vì sợ thôi.

Alan đề nghị anh chuyển lời thăm hỏi bằng miệng tới James, nhưng John Breck nhất định không chịu. Bằng giọng gay gắt, anh ta nói:

— Cô ấy sẽ quên hết... (Với từ “cô ấy” anh ta muốn nói chúng mình!)

Anh ta đòi viết vào giấy không thì anh ta sẽ không làm đâu.

Tôi nghĩ là Alan sẽ lúng túng vì trong cái lô này, tìm đâu ra cái gì để viết. Nhưng Alan là con người sáng tạo hơn là tôi nghĩ. Anh tìm quanh rừng cho đến khi kiếm được một cái lông chim cu, gọt nó cẩn thận, trộn ít thuốc súng trong ống súng của anh với thứ nước suối thành một thứ nước màu làm mực. Xé một góc cuốn sổ quân nhân Pháp luôn mang theo người như một lá bùa hộ mệnh – có lẽ chỉ có giá treo cổ mới bắt được anh ta rời nó. Alan quì xuống và viết.

“Người họ hàng thân mến! Mong anh gửi qua người cầm thư này cho tôi một ít tiền đến địa điểm anh đã biết. Em họ yêu quý của anh. A.S”.

Alan đưa thư cho John Breck, anh này hứa sẽ làm ngay và lao xuống núi.

Anh ta vắng bóng ba ngày liền, nhưng vào khoảng năm giờ chiều ngày thứ ba chúng tôi nghe thấy ai đó huýt sáo trong rừng. Alan trả lời và John Breck xuất hiện bên dòng suối. Trông anh ta đỡ sợ sệt hơn lần trước và rõ ràng rất sung sướng đã làm xong một nhiệm vụ nguy hiểm.

Vẫn còn đang xúc động, anh ta kể chúng tôi những gì đang xảy ra trong vùng, rằng bọn Áo đỏ rải khắp nơi, rằng chúng đã tìm thấy súng đạn cất giấu và dân làng đói khổ bị tra tấn hàng ngày, John và một số người hầu đang nằm trong nhà tù Fort Wukgan. James of Glens bị nghi là tông phạm của kẻ giết người. Ở khắp nơi chúng đều nói rằng Alan Breck đã bắn phát súng chết người đó. Một lệnh truy nã anh ta và tôi đã được công bố và treo giải thưởng một trăm bảng cho ai bắt được chúng tôi. Đó là tất cả, có lẽ không có gì có thể nghiêm trọng hơn. Lời nhắn của James Stuart qua người đưa thư thật buồn dễ sợ. Bà yêu cầu khẩn thiết Alan làm sao đừng bị bắt và nói chắc rằng nếu anh để bọn lính bắt được thì cả hai người, anh và James sẽ tiêu đời. Số tiền bà đưa cho John Breck là tất cả những gì bà đã gom góp hoặc giấu được và bà cầu trời sao cho nó đủ cho Alan tiêu dùng. Cuối thư bà ấy nói rằng bà gửi cho một bản lệnh truy nã.

Chúng tôi rất tò mò đọc cái lệnh truy nã này và không khỏi sợ hãi, đại loại như một người đang kiểm tra hình của mình trong gương hoặc giống như

anh ta muốn xác định xem nòng súng của kẻ địch có thật sự nhắm vào mình không.

Trong lệnh truy nã, Alan được mô tả là một người nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, mặt đầy tàn nhang, đội một mũ lông, mặc áo khoác Pháp có khuy bằng bạc, cái góc đã sờn hết rồi, một áo gi-lê màu đỏ, quần bó gối bằng vải đen. Tôi được mô tả là một thanh niên cao lớn, khỏe mạnh, khoảng mười tám tuổi, mặc một cái áo màu xanh, rách nát, ngoài ra còn có một cái mũ cũ kỹ của người cao nguyên, một áo gi-lê rất dài bằng vải tự dệt và quần lửng màu xanh. Ngoài ra trong đó còn ghi: “Chân không tất, hấn đi một đôi giày kiểu nhà quê, bấn thiu, thò hết ngón chân ra ngoài. Nét miệng của người vùng xuôi và hấn chưa có râu”.

Alan rất khoái là bộ quần áo lịch sự của anh đã được nhắc đến, chỉ khi đọc đến chỗ “đã sờn hết” trông anh có vẻ mắc cỡ về các góc của áo khoác. Tôi nhận ra là mình được mô tả rất thảm hại, đồng thời lại sung sướng về việc này vì do tôi đã trút bỏ bộ đồ rách nát của mình, việc mô tả trên đây có giá trị như một sự an toàn cho tôi nhiều hơn và nó không còn là một nguy cơ trực tiếp nữa.

Tôi khuyên Alan đổi quần áo khác.

— Không bao giờ, bạn thân mến ạ. Tôi không có bộ nào khác và ngoài ra trông tôi chắc sẽ đẹp lắm với một cái mũ Scot trên đầu khi tới nước Pháp!

Câu chuyện này làm nảy ra trong tôi một ý nghĩ mới. Nếu tôi tách ra khỏi Alan với bộ quần áo phản lại anh ta thì tôi sẽ không lo bị bắt và có thể đi khắp nơi. Nhưng đó chưa phải là tất cả vì tôi cho rằng nếu tôi có bị bắt một mình người ta sẽ buộc tội nhẹ hơn, còn nếu tôi bị bắt chung với một kẻ giết người nguy hiểm thì sẽ trầm trọng đây. Lý trí không cho phép tôi nói ra ý nghĩ đó nhưng nó làm tôi không yên ở trong đầu.

Tôi càng nghĩ nhiều đến khả năng đó khi John Brock lấy ra một túi đựng tiền màu xanh lá cây với bốn đồng bằng vàng và một bằng tiền xu nhỏ hơn.

Đúng là số tiền này bằng số tiền tôi đang có trong người. Nhưng Alan phải sang tận Pháp với gần năm bảng còn tôi chỉ cần tới Queensferry với gần hai bảng, như vậy nếu ta cân nhắc cái nọ cái kia sẽ thấy là đi chung với Alan chẳng những cuộc sống của tôi bị đe dọa mà túi tiền cũng giảm đi.

Ông bạn tinh táo của tôi không biết đến sự cân nhắc đó. Anh ta tin chắc anh ta cần cho tôi, sẽ giúp đỡ, che chở tôi. Tôi không còn cách gì khác hơn là im lặng, chấp nhận phiêu lưu dù có những ý nghĩ trên.

— Quá ít – Alan nói và cho tiền vào túi, – nhưng sẽ đủ thôi và John Breck, nếu bây giờ cậu có lòng tốt đưa lại cho mình cái khuy bạc thì anh bạn trẻ này và tôi, chúng tôi sẽ đi tiếp.

Nhưng người được hỏi lục tìm hoài trong cái túi kiểu cao nguyên đeo trước ngực, ngoài ra anh ta mặc quần thủy thủ giống như người ở ven biển.

Anh ta đảo mắt một cách lạ lùng, cuối cùng nói:

— Chắc là tôi đã làm mất rồi.

Bằng cách đó chắc anh ta muốn nói nó đã bị lấy cắp rồi.

— Cái gì? – Alan hét lên – cậu làm mất cái khuy rồi, cái khuy của bố tôi để lại? Tôi cần nói cho cậu biết tôi nghĩ gì: John Breck, đó là việc làm tồi tệ nhất của cậu từ lúc sinh ra đến nay.

Trong khi nói, Alan chống tay vào đầu gối, nhìn chàng nông dân bằng con mắt và nụ cười mà người đối diện, nhất là đối thủ của anh không bao giờ cảm thấy tốt đẹp cả.

Cũng có thể anh kia nói nghiêm chỉnh, cũng có thể anh ta định lừa. Nhưng khi một mình đứng trước hai chúng tôi ở cái nơi hẻo lánh này thì có lẽ thật thà là hơn, dẫu sao thì anh ta cũng tìm thấy cái khuy và đưa cho Alan.

— Bây giờ thì danh dự của dòng họ Maccols đã được cứu thoát. – Alan nói và quay sang tôi – Đây, tôi đã may mắn có lại cái khuy và tôi cảm ơn cậu đã cho tôi mượn nó, David ạ, vì nó đã gắn chặt tình bạn của chúng ta.

Alan chia tay với John Breck một cách rất nhiệt tình:

— Cậu đã giúp tôi rất nhiều, – anh ta nói – đã không tiếc đời mình vì tôi. Tôi sẽ luôn luôn nói đến cậu như một con người dũng cảm.

Cuối cùng, anh chàng cao nguyên đi xa dần về một hướng còn Alan và tôi, sau khi trở lại đây, cũng lên đường đi về hướng khác để tiếp tục cuộc chạy trốn.

Chương 22: **TRONG ĐẦM LẦY**

Bảy giờ đồng hồ đi liên tục đây gian truân đã đưa chúng tôi đến vùng chân núi vào buổi sáng sớm. Dưới chân chúng tôi là mảnh đất bằng phẳng, hoang vu mà bây giờ chúng tôi phải vượt qua. Mặt trời vừa mọc lên và chiếu thẳng vào mặt chúng tôi. Từ đầm lầy bay lên những làn sương mỏng như khói. Nhân đó Alan nói:

— Dưới kia có thể giấu hai mươi đội kỵ binh mà trên này ta không nhận ra được.

Chúng tôi ngồi xuống trong một cái khe đá ở sườn núi, nấu một ít cháo bột mì và thảo luận về quyết định chiến tranh.

— David, – Alan nói – chúng ta đang ở một tình thế buồn cười. Chúng ta ở lại đây, chờ đến tối hay chúng ta tiếp tục đi?

— Thế này, – Tôi đáp – sự thực là tôi có mệt nhưng nếu cần, tôi có thể đi một đoạn xa như hôm qua nữa.

— Điều đó không cần thiết, một nửa quãng đường đó cũng không cần thiết. – Anh nói vậy và tiếp – Tình hình như thế này: Đối với chúng ta, Appin là cái chết cầm chắc, ở miền Nam chỗ nào cũng có bọn Campbell, chỗ đó chúng ta không nghĩ tới. Lên phía Bắc? Cả hai chúng ta đều không được cái gì ở đó cả, cả tôi lẫn cậu, nếu chúng ta lên miền Bắc vì cậu thì muốn về Queenferry còn tôi thì sang Pháp vì vậy chúng ta phải quyết định đi về hướng đông.

— Được thôi. – Tôi nói tỉnh táo nhưng lại nghĩ: Bạn quý hóa ạ, nếu bạn đi về một hướng của địa bàn và tôi về một hướng khác thì có lợi cho cả hai ta.

— Tốt. – Alan đáp – nhưng cậu có thấy không? Ở phía đông chúng ta sẽ sa vào đầm lầy và khi đã ở trong đó rồi thì chỉ còn trông vào sự may rủi thôi. Chúng ta sẽ ẩn náu ở đâu trong cái bình nguyên trơ trọi ấy? Trong trường

hợp nguy hiểm ta biết chạy đi đâu? Nếu bọn lính Áo đỏ leo lên một cái sườn núi, chúng có thể nhìn thấy chúng ta từ khoảng cách vài dặm và điều nghiêm trọng nhất là với những con ngựa nhanh nhẹn, chúng sẽ nhanh chóng bao vây chúng ta. Vùng đầm lầy không phải là nơi tốt đẹp cho chúng ta, David ạ, và ban ngày còn nguy hiểm hơn ban đêm.

— Alan, hãy nghe ý kiến của tôi đây – Tôi nói – Appin với chúng ta có nghĩa là chết, chúng ta có rất ít tiền và cũng không nhiều bột mì. Chúng càng tìm lâu càng chóng phát hiện ra chỗ chúng ta. Nguy hiểm đe dọa chúng ta ở khắp nơi. Tôi cho rằng chúng ta phải tiếp tục đi cho đến lúc ngã gục.

Alan rất phấn khởi:

— Có những lúc cậu quá là thận trọng, đúng là một tên Whig, để có ứng xử như loại người như tôi. Nhưng những lúc khác, khi cậu chứng tỏ là một chàng trai thực sự, thì tôi yêu cậu như một đứa em.

Sương mù dâng lên và tan dần và chúng tôi nhìn thấy đầm lầy nằm trơ trọi như một biển nhỏ trước mặt. Chỉ có các loại chim đầm lầy và hải âu bay lượn khắp nơi. Về phía đông có một vài chấm lẻ tẻ đi động, đó là một bầy hươu. Những quãng dài được bao phủ bằng hoa thạch thảo, phần còn lại thì toàn bùn lầy và những vũng nước đọng phản chiếu lóng lánh. Thỉnh thoảng có chỗ thạch thảo bị cháy đen, chỗ khác có những cây tùng chết khô nhô cao trông như những bộ xương. Người ta khó mà tưởng tượng một nơi hoang vắng hơn thế này, nhưng ít ra thì cũng không có tụi lính và đó là điều cơ bản đối với chúng tôi.

Và như đã thỏa thuận, chúng tôi tụt khỏi bãi đất phẳng và bắt đầu cuộc hành trình đầy gian nan, vất vả, không ít quanh co đi về phía đông.

Chắc bạn đọc vẫn còn nhớ là chúng tôi bị rặng núi bao quanh và từ đó chúng tôi có thể bị phát hiện bất cứ lúc nào. Vì vậy chúng tôi luôn luôn phải đi dưới lòng chảo của thung lũng và nếu lòng chảo quá xa đường đi của chúng tôi thì phải đặc biệt thận trọng khi vượt qua những chỗ cao, trơ trọi. Thỉnh thoảng chúng tôi phải bò nửa giờ đồng hồ từ bụi thạch thảo này sang bụi khác như người thợ săn rình những con thú nhút nhát. Lại một ngày

nắng ráo và mặt trời thiêu đốt thịt da. Nước trong chai được uống cạn nhanh chóng. Nếu trước đó tôi biết được một nửa thời gian trượt băng bụng còn nửa kia thì bò lom khom về phía trước có nghĩa như thế nào, thì tôi đã không lao vào cuộc phiêu lưu chết người này.

Cả buổi sáng trôi đi, chúng tôi bị tra tấn, nghỉ ngơi một chút rồi lại bị tra tấn tiếp. Gần trưa, chúng tôi chui vào một bụi thạch thảo rậm rạp để ngủ. Alan làm nhiệm vụ gác đầu tiên khi được lay dậy để gác xuất thứ hai, tôi cảm thấy như mình vừa mới chợp mắt thôi. Chúng tôi không có đồng hồ. Thay vào đó, Alan cầm một cành thạch thảo xuống đất, khi nào bóng nó ngã về phía đông một chút thì đó là lúc tôi đánh thức anh dậy.

Tôi dần dần mệt mỏi tới mức có lẽ có thể ngủ liền mười hai giờ được. Đầu tôi tưởng như mất đầu rồi. Các bộ phận trong người đã ngủ cả dù phần hồn vẫn còn thức. Mùi của thạch thảo được mặt trời thiêu đốt, tiếng ong lại kêu vù vù... tất cả tác động như thuốc mê. Tôi luôn giật mình và nhận ra mình vừa mới ngủ gật. Lần khác, từ trong mê man bừng tỉnh dậy, tôi cảm thấy hình như mình vừa từ rất xa đến đây. Tôi kinh hãi thấy mặt trời đã ngã về tây khá xa, nhìn vào cành thạch thảo cắm trên đất tôi thấy rõ điều đó. Tôi muốn kêu to lên vì sợ bởi vì thế là tôi đã phụ lòng tin của Alan. Tất cả quay cuồng trong đầu, một phần do sợ hãi, một phần do xấu hổ, và những gì tôi thấy khi nhìn ra xung quanh đã làm tim tôi chết đứng: Trong lúc tôi ngủ quên, một toán lính Áo đỏ cưỡi ngựa đã từ trên núi xuống và đang tới gần chúng tôi nằm rất nhanh, chúng nó đi dàn hàng ngang. Chúng phi ngựa vào những vùng sâu trong đầm lầy.

Khi tôi đánh thức Alan dậy, đầu tiên anh ta nhìn vào đám lính đang đi tới sau đó nhìn vào nhánh cây đo vị trí mặt trời. Anh nhăn trán giận dữ và lo lắng nhìn tôi. Nhưng anh chỉ quở trách tôi có vậy thôi.

— Bây giờ chúng ta phải làm gì? – Tôi lo lắng hỏi.

— Chạy gấp như những con thỏ. Cậu thấy những quả núi kia chứ? – Anh chỉ về phía đông bắc.

— Vâng. – Tôi nói.

— Tốt. Chúng ta phải đến đó. Đó là vùng núi Ben Aider. Nó trơ trọi, hoang dại, đầy vách đá và hang động. Nếu trước sáng mai chúng ta tới được đó thì có thể thoát.

— Nhưng mà, Alan, như thế chúng ta phải vượt ngang qua tụi lính. – Tôi kêu lên.

— Tôi biết chứ. Nhưng nếu chúng ta quay về Appin thì coi như bị bắt. Thế nhé, tiến lên David!

Và thế là anh bò bằng đầu gối và tay trước mặt tôi, nhanh không thể tưởng được, cứ như đó là cách đi chuyển bản chất của anh vậy. Anh dừng lại một lúc ở đoạn đất trũng nơi có thể ẩn náu tốt nhất. Thỉnh thoảng có những chỗ thạch thảo bị cháy chụi hoặc cháy sém, có một lớp bụi mịn làm ngạt thở bốc lên từ mặt đất chỗ chúng tôi đang hò, làm nước mắt chúng tôi chảy dàn dụa và hầu như không nhìn thấy gì cả. Đã từ lâu chúng tôi không còn nước uống nữa mà phải bò thế này mệt vô cùng, các khớp xương bị sức nặng cơ thể đè lên, nhiều khi chúng không hoạt động nữa.

Thỉnh thoảng gặp được bụi thạch thảo dày và cao hơn, chúng tôi vẫn nằm xuống, thở hổn hển, vạch cây cỏ sang một bên và ngấm tụi lính kỵ mã.

Chắc là chúng chưa thấy chúng tôi vì chúng đang đi thẳng về phía trước. Có lẽ khoảng một nửa đội kỵ binh đang nhận lệnh, đi trải ra trên một chiều rộng chừng hai dặm và lũng sục kỹ mặt đất.

Tôi đã tỉnh dậy đúng lúc nên đã có thể tránh sang bên cạnh tụi chúng, nếu không đã phải chạy trước mũi chúng rồi. Ngay cả bây giờ, chỉ một sự bất cẩn nhỏ cũng có thể làm chúng tôi bị phát hiện, ngay cả thỉnh thoảng có một con gà gô sợ hãi bay lên, chúng tôi cũng phải nín thở nằm yên.

Tất cả các bộ phận trong người đều đau buốt, sự yếu đuối của cơ thể, tiếng đập rộn ràng của tim, cánh tay bị cào rách, cổ họng khô cứng, mắt luôn cay xè do bụi bốc lên – tất cả thật không chịu nổi tới lúc tôi muốn bỏ cuộc. Chỉ riêng nỗi sợ Alan đã giúp tôi có được lòng dũng cảm bất đắc dĩ và làm tôi có thể bò tiếp.

Bản thân Alan, bạn đọc sẽ thấy, cái áo măng tô dày đã cản trở anh như thế nào, ngay từ đầu đã đỡ như con tôm luộc. Liên đó màu đỏ này lại bị những màng trắng che phủ. Anh thở phì phò, giọng anh mỗi khi thì thầm với tôi những điều quan trọng, nghe như không phải tiếng người nữa. Tuy thế, ý chí của anh có vẻ không hề bị bẻ gãy, và anh không ngừng cố gắng làm tôi phải ngạc nhiên về sự dẻo dai của con người này.

Cuối cùng, khi trời dần tối, chúng tôi nghe thấy tiếng kèn thu quân. Nhìn lại qua các bụi thạch thảo phía sau, chúng tôi thấy từng tốp lính kỵ binh tập trung lại ở những điểm nhất định và một lúc sau chúng đốt lửa sửa soạn chỗ ngủ trong đêm lầy.

Nhìn thấy vậy tôi bảo Alan là tốt nhất chúng tôi nằm xuống ngủ một giấc.

— Đêm nay chúng ta không được nghỉ – Alan nói – Từ giờ trở đi, bọn chúng sẽ chốt ở tất cả các cao điểm của đầm lầy và chỉ có những con chim nhỏ mới có thể bình yên rời khỏi Appin mà thôi. Chúng ta đã thoát được bọn chúng trong gang tấc, David ạ, chẳng lẽ lại muốn đặt tất cả những gì vừa làm được vào một canh bạc, chẳng lẽ ta lại muốn nghỉ tại đây? Không, không được. Khi trời sáng, chúng sẽ tìm thấy cậu và tôi trong một góc cụt của núi Ben Alder.

— Alan ạ. – Tôi nói – thiện chí của anh là điều không phải bàn. Chỉ vì tôi đã kiệt sức thôi. Nếu có thể, tôi sẽ nghe lời anh ngay. Nhưng thực là tôi không thể đi tiếp nữa.

— Được, tôi sẽ cõng cậu.

Tôi nhìn Alan, tưởng anh chỉ nói đùa. Nhưng không, con người nhỏ bé đó nói nghiêm chỉnh. Sự quyết tâm của anh làm tôi xấu hổ.

— Anh đi trước đi, tôi sẽ theo anh. – Tôi nói.

Anh nhìn tôi như muốn nói: “Hãy luôn luôn như vậy, David ạ” và vội vã chạy đi. Đêm về. Trời mát dần và bóng tối dần nhưng không quá mù mịt. Bầu trời không có mây và giờ vẫn đang là tháng sáu. Ai có đôi mắt tinh tường, có thể đọc sách trong đêm và tôi đã từng biết những buổi chiều mùa

đông không sáng hơn lúc này. Sương muối làm đất trong đầm lầy ướt át như vừa mưa và tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Một lần, khi chúng tôi dừng lại để thở, tôi có thời gian để ngắm xung quanh, tôi bỗng nhiên bực mình là trong một đêm đẹp như thế này, giữa những ngọn núi đang yên ngủ, giữa những ngọn lửa còn le lói đây đó trong thung lũng mà tôi bắt mình bò trong nỗi đau đớn, ăn bụi đất như một con giun đáng kinh tởm nhất.

Những gì tôi đã đọc được trong sách vở, tôi cho rằng đó chỉ là một số rất ít người viết văn đôi lần bị kiệt sức đến chết, nếu không chắc họ đã diễn tả trạng thái này đáng tin hơn. Cả cuộc đời tôi, trước đây và sau này, tôi chẳng cần nữa, tôi hầu như quên là có một cậu bé tên là David Balfour ở trên đời. Nỗi khủng, tôi không nghĩ đến mình và số phận nữa mà chỉ nghĩ đến cái bước chân tiếp theo mà tôi cần bò lên phía trước và nghĩ đến Alan, tất cả tội là do anh ta. Alan đã chọn đúng nghề vì đây là nhiệm vụ của binh lính hay nói chính xác hơn, của sĩ quan ép người khác làm mà họ thấy không cần thiết, bắt người khác nằm xuống và chết khi họ không còn sự lựa chọn nào khác. Chắc tôi cũng sẽ trở thành một người lính tốt vì lúc này tôi không còn nghĩ đến gì khác ngoài việc theo Alan cho đến lúc ngã xuống và chết.

Cuối cùng, – với tôi như là vô hạn – trời sáng dần. Chúng tôi đã vượt qua đoạn nguy hiểm nhất của cuộc chạy trốn, thay vì bò dưới đất như thú vật, đã có thể đứng thẳng lên đi như người.

Trời ạ, không biết trông chúng tôi lúc này như thế nào! Lom khom như những ông lão, chơi vơi như những đứa trẻ tập đi, người trắng bệch như những xác chết. Chúng tôi không nói với nhau một lời mà căn chặt môi nhìn về phía trước. Mỗi người nhấc chân và đặt xuống một cách nặng nề lên mặt đất như những tay cừ tạ ở hội chợ. Những con gà gô bay và kêu chiếp chiếp trên đầu. Vùng đông sáng dần.

Tôi đã nói rằng Alan cũng xử sự như tôi, nhưng tôi không nhìn anh ta một lần nào vì tôi còn phải lo đứng vững trên đôi chân của mình. Tất nhiên phải

hiếu là anh ta cũng lười lười và cũng để ý quá ít đến con đường nếu không thì chúng tôi đã chẳng bị cản lại như những người mù.

Chuyện xảy ra như thế này: Chúng tôi lê bước xuống một dốc đầy thạch thảo, Alan đi trước, tôi đi sau độ một hai bước trông như một nhạc sĩ đàn nhạc dây kinh nghiệm và vợ anh ta. Bỗng nhiên có bốn người đàn ông rách rưới nhảy ra khỏi bụi rậm. Chúng tôi ngã xuống đất, mỗi người một con dao găm ở đai lưng.

Tôi không tin là có thể làm gì nhiều với con dao đó. Bị chộp thô bạo thế này không làm tôi đau đớn. Tôi quá mừng là không phải đi tiếp nữa hơn là sợ con dao. Tôi nằm đó và nhìn vào mặt người đàn ông đã quật tôi ngã. Tôi thấy rõ mặt trời đã đốt cháy đen da mặt anh ta làm cho đôi mắt sáng rực. Nhưng tôi không sợ anh ta. Tôi đã nghe thấy Alan thì thầm bằng tiếng Gaelic với một người khác trong bọn. Họ nói gì với nhau, tôi không hề quan tâm.

Sau đó dao găm được cất đi và chúng tôi bị tước vũ khí. Liên đó chúng tôi cùng ngồi với nhau trong bụi thạch thảo. Alan nói với tôi:

— Đây là những người của Cluny. Chúng ta không mong gặp những người tốt hơn họ. Chúng ta chỉ cần im lặng ở trên trạm gác này cho đến khi Cluny biết chúng ta đến đây.

Cluny Macpherson, thủ lĩnh của phía Voierich, trước đây sáu năm là một trong những người cầm đầu cuộc nổi dậy lớn. Người ta đặt giá cho cái đầu của ông ta, tôi đã nghĩ là ông cùng với các lãnh tụ khác của nghĩa quân đã chạy sang Pháp. Tôi đang mệt quá, nhưng sự ngạc nhiên này làm tôi tỉnh lại.

— Cái gì? – Tôi kêu lên – Cluny còn ở đây à?

— Đúng. – Alan nói – Ông đã ở lại quê hương với nghĩa quân của mình. Nhà vua George không làm gì khác hơn được.

Tôi còn muốn hỏi nữa, nhưng Alan ngắt lời tôi, nói:

— Tôi mệt lắm, David ạ, và rất buồn ngủ.

Nói rồi anh áp mặt vào đám thạch thảo và ngủ liền.

Tôi thì không làm được như thế. Một bạn đọc nào vào một mùa hè đã nằm trong đồng cỏ nghe đẽ kêu thì có thể tưởng tượng được là khi tôi nhắm mắt lại, toàn thân tôi đặc biệt là đầu, thân và khớp tay như chứa đầy những con đẽ đang kêu. Tôi mở mắt ra, lật bên nọ, bên kia, ngồi nhóm dậy rồi lại nằm xuống nhìn lên trời cho đến lúc hoàn toàn chóng mặt, rồi lại nhìn vào đám lính trông hoang dã của Cluny đang thám thính ở ven núi và nói thì thầm với nhau bằng tiếng Gaelic.

Tôi đã nghỉ ngơi như vậy cho đến lúc liên lạc trở lại, tức là Cluny muốn nói chuyện với chúng tôi. Chúng tôi phải đứng lên và đi tiếp. Alan đã khỏe lại sau giấc ngủ, tuy rất đói, nhưng sự háo hức được uống một ngụm rượu mạnh và một đĩa đầy thịt rán – hình như người liên lạc đã kể với anh như vậy – còn làm anh vui hơn, trong khi tôi chỉ mong được ăn một chút thôi nên cảm thấy khó chịu. Tôi đi như người không trọng lượng, như ở trên mây, đất dưới chân tôi nhún nhảy như một cái đệm lông, không khí như một dòng chảy đẩy tôi đung đưa vô định. Ngoài ra, tôi còn thấy tối tăm, một kiểu tuyệt vọng, tôi không làm sao thoát khỏi cảm giác này, sự bất lực làm tôi muốn khóc.

Tôi thấy Alan nhăn trán nhìn tôi và cho rằng anh bực bội. Nhưng chuyện đó chỉ làm tôi lo lắng một chút thôi, có lẽ như một đứa trẻ sợ bị mắng chửi. Tôi nhớ lại là đã mỉm cười một cách điên khùng và không thể nào đẹp được dù đã cố gắng vì lúc đó tôi có cảm giác là mọi việc đều không hài lòng. Nhưng anh bạn tốt của tôi không nghĩ gì khác trong đầu ngoài sự thông cảm. Trong chớp mắt tôi thấy mình bị những cánh tay khỏe mạnh của hai người nông nô nhắc bổng lên rồi được mang đi nhanh không thể tưởng tượng được (trong thực tế thì rất chậm) qua một đường hầm thật sự của những hốc đá âm u và khe sâu vào trong tim của vùng núi Ben Alder tối tăm.

Chương 23: **LỒNG CỦA CLUNY**

Cuối cùng, chúng tôi được đưa đến một khu rừng che phủ sườn núi lởm chởm và được bao quanh bởi những vách đá trơ trọi, dựng đứng đến tận trời.

— Ở chỗ đó! – Một trong những người dẫn đường nói và bây giờ đường đi ngang sườn núi. Cây đan vào nhau chắc chắn như thủy thủ trong mạng chằng cột buồm, thân của chúng như hai nhánh thang để chúng tôi trèo lên phía trước.

Trên đỉnh núi, nơi vách đá vượt lên cây cỏ, là một công trình hiểm có mà cả nước gọi là: “lồng của Cluny”. Thân của một số cây được nối lại bằng những thanh giằng để chúng đứng vững hơn. Mặt đất bên dưới cái lá chắn đó được rào lên và san bằng làm nền. Một cây nhô ra từ vách đá được dùng làm nóc sống cho mái nhà. Vách được làm bằng đồ liệu gai, trát bùn. Hình dáng nhà làm ta tưởng tượng đến một quả trứng to, nửa treo, nửa đứng trong rừng ở sườn dốc này, nó cũng giống một tổ ong trong bụi gai. Bên trong có đủ chỗ thoải mái cho năm hoặc sáu người. Một mũi đá nhô ra đã được khéo léo dựng làm bếp, khói bốc lên vách đá và không khác gì màu của vách, ở bên dưới khó nhìn thấy được. Đó chỉ là một trong những nơi ẩn náu mà Cluny sử dụng. Ông có ở nhiều nơi trong nước những hang động, phòng dưới mặt đất và tùy theo tụi lính Áo đồ tiến hoặc lui quân mà ông tìm đến chỗ này hoặc chỗ kia.

Bằng cách này và nhờ có tình yêu và sự xả thân của quân lính nên chẳng những ông được an toàn suốt một thời gian dài trong khi nhiều người khác phải chạy trốn, bị bắt, bị đánh chết, mà ông còn có thể ở lại quê nhà bốn hoặc năm năm và chỉ sau đó, theo lệnh khẩn cấp của thủ lĩnh, mới rời qua Pháp. Chẳng bao lâu sau đó ông đã chết ở Pháp và người ta cho rằng có lẽ do ông nhớ nhà, nhớ cái lồng ở vùng núi Ben Aider.

Khi chúng tôi tới cửa, ông đang ngồi bên một bếp lò đặt trong phòng và quan sát một người hầu đang nấu hoặc chiên một cái gì đó. Cluny ăn mặc rất đơn giản. Đầu đội một cái mũ đen to lớn, kéo kín tai, ông hút thuốc bằng một cái tẩu gọt thô thiển một loại thuốc khó ngửi. Mặc dù vậy, ông có cách cư xử rất quý phái, gây ấn tượng mạnh khi ông đứng dậy đón chúng tôi.

— Ngài Stuart, xin mời ngài và người bạn ngài mà tôi chưa biết tên vào, thứ lỗi cho tôi!

— Ngài có khoẻ không, Cluny? – Alan hỏi, – miệng mở rộng theo kiểu Acot – Tôi hy vọng là ngài bình yên, tôi rất tự hào đã được phép tới thăm ngài. Xin phép cho tôi được giới thiệu bạn tôi, Ngài David Balfour of Shaws.

Khi chỉ mình Alan với tôi, nhắc tới tước vị tôi, giọng anh luôn có vẻ châm biếm, nhưng khi giới thiệu tôi với bạn bè thì anh đưa tước vị ra như một thứ đồ cổ, quý báu.

— Hãy vào đi, hai ngài! – Cluny nói – và xin chào mừng nhiệt liệt tại nhà tôi. Nó là một công trình hiếm có không được bảo quản, nhưng tại đây tôi đã đón tiếp một vị có tước vị hoàng tộc và tất nhiên ngài Stuart, ngài biết tôi nói đến ai rồi. Trước hết chúng ta hãy cạn chén vì thắng lợi của kế hoạch của chúng ta. Khi nào món thịt được người hầu nấu xong, chúng ta sẽ ăn và sau đó, giống như những người đồng loại, chúng ta sẽ chơi bài.

Trong khi nói, Cluny rót cho mỗi người một cốc đầy rượu mạnh.

— Cuộc sống của tôi hơi đơn điệu. – Ông nói tiếp – Tôi rất ít khi có khách, thường chỉ ngồi đây và quay ngón tay cái. Lúc đó tôi nhớ lại thời gian vĩ đại đã qua và mong ước những điều tốt đẹp sẽ đến, những điều mà tất cả chúng ta đều hy vọng, những điều mà chúng tôi cho là chắc chắn không bao lâu nữa sẽ đến. Thế nhé, mừng sức khỏe của các ngài, chúc thắng lợi!

Sau những lời đó, chúng tôi chạm cốc và uống cạn ly. Tôi chúc vua George tất nhiên không phải những điều tồi tệ và cho rằng, nếu có mặt ở đây chắc ông ta cũng không hành động khác tôi. Vừa uống hết rượu, tôi đã thấy

khỏe hơn, tôi đã có thể nhìn quanh, đã nghe được. Mọi thứ vẫn con hơi chơi vơi nhưng sự choáng váng, kiệt sức đã không còn nữa.

Đúng, đây là một địa điểm đáng ghi nhớ, chủ nhà là một người đáng kính, Cluny, một thời gian dài phải sống ẩn náu, có những thói quen hơi kỳ giống như một bà cô. Ông có một cái ghế mà không ai được ngồi lên. Trong lồng được sắp xếp một cách đặc biệt và không ai được thay đổi trật tự đó. Nấu nướng là một nguồn vui của ông ta, ngay cả lúc này khi đang chào đón chúng tôi, ông vẫn để mắt canh chừng việc chuẩn bị món thịt.

Có vẻ như thỉnh thoảng ông vẫn về thăm phu nhân của mình hoặc một hai người bạn thân nhất hoặc ban đêm che chở họ đến với ông. Còn thì ông sống một mình suốt cả thời gian, chỉ có quan hệ với lính canh và những người hầu phục vụ ông trong lồng. Một trong những người đó sớm muộn đến cạo râu cho ông và thông báo tin tức mới nhất của làng bên. Ông đặt ra vô số câu hỏi và vội vã như một đứa trẻ tò mò. Thỉnh thoảng ông cười to trước một trong những câu chuyện đó, thậm chí sau khi người đó đi khỏi.

Tất nhiên các câu hỏi có mục đích của chúng vì, mặc dù phải sống biệt lập hoàn toàn và theo quyết định của Quốc hội, quyền hợp pháp của ông đã bị tước bỏ, trong phe đảng của ông vẫn thực hiện việc xử án. Ngồi trong chỗ ẩn náu, ông nghe về những cuộc tranh chấp đó có thể xử được với đồng bào của ông, những người đã nhổ toẹt vào Tòa án tối cao Anh quốc, thực hiện việc trả thù và trả tiền cho việc tham dự phán quyết bằng mồm của người đàn ông xa lạ này, nếu họ nợ. Nếu ông không nổi giận và việc này cũng thường xảy ra, ông ta sẽ ra lệnh hoặc đe dọa như một ông vua đầy quyền lực. Những người hầu run sợ trước mặt ông như trẻ con trước người cha nghiêm khắc. Ông chìa tay cho tất cả mọi người mời vào phòng. Ông và người mới đến chào nhau theo kiểu nhà binh bằng cách giơ tay lên mũ.

Nói chung, ở đây tôi có cơ hội làm quen với hoạt động bên trong của một đảng ở cao nguyên và ngay tại nhà của một thủ lĩnh bị săn đuổi, luôn luôn phải chạy trốn. Đất nước của ông bị xâm lược và chiếm đóng. Khắp nơi, đám kỵ mã săn lùng ông và có lúc chỉ cách nơi ẩn náu chừng một dặm, nhưng không ai phản lại ông mặc dù bất cứ một kẻ nào trong số những

người rách rưới mà ông chửi rủa và đe dọa cũng có khả năng vấy tay ra hiệu và mạng của Cluny sẽ bị nộp.

Trong ngày đầu tiên chúng tôi đến, ngay sau khi nấu xong món thịt nhiều mỡ, Cluny tự tay vắt chanh lên. Các món ăn sang trọng này ông có một lượng đủ xài. Ông gọi chúng tôi vào bàn và đề nghị chúng tôi ăn no.

Ông nói món thịt chiên này cũng ngon như những món ông đã dâng lên nhà vua. Ông ca ngợi việc vắt chanh lên thịt trong khi chúng tôi chỉ cần cái gì ăn được là sung sướng lắm rồi và không quan tâm đến sự tinh xảo của món ăn. Cluny còn nói rằng vào năm 46 trên cao nguyên này có thể tìm thấy nhiều rỗng hơn là chanh.

Tôi không hiểu món thịt có thật tuyệt vời như vậy không vì khi nhìn vào tôi thấy khó chịu và chỉ ăn được chút ít. Trong khi ăn, Cluny liên tục kể về việc viếng thăm lồng của hoàng tử Karl, ông nhắc lại nguyên văn những lời nói và nhiều lần đứng dậy chỉ cho chúng tôi xem nơi khách quý của ông đã ngồi. Tôi hiểu được qua câu chuyện hoàng tử là một người trẻ tuổi, nhiệt tình và đáng yêu giống như ta chờ đợi ở một người trong hoàng tộc, nhưng có lẽ ông ta chưa có được sự sáng suốt của Salomon. Tôi cũng được biết là trong thời gian dừng lại ở trong lồng này, ông ta đã nhiều lần say rượu. Những tính xấu biến ông thành người hư hỏng đã biểu hiện ngay từ lúc đó.

Chúng tôi còn chưa ăn xong hoàn toàn thì Cluny đã lấy ra một cỗ bài cũ, rách, dính đầy dầu mỡ, một cỗ bài mà ta thường thấy ở quán nhậu. Mắt ông sáng lên khi đề nghị chúng tôi chơi một vài ván.

Nhưng chơi bài là một thứ mà người ta đã dạy tôi là một thói xấu, phải khinh ghét và xa lánh. Bố tôi cho rằng người quý tộc và thiên chúa giáo sẽ rất xấu nếu đem tiền bạc dùng để sống vứt vào mấy miếng bìa được tô vẽ lòe loẹt hoặc qua đó đưa toàn bộ tài sản cho kẻ khác. Đúng là tôi có thể vin vào cơ kiệt sức để xin lỗi không chơi, nhưng tôi nghĩ sẽ thẳng thắn hơn khi nói rõ ý kiến thật của mình. Có lẽ mặt tôi đỏ lắm nhưng tôi nói bằng một giọng chắc chắn là tôi không có quyền phê phán người khác nhưng tôi không giải trí kiểu này.

Cluny yên lặng khi trộn bài.

— Tên của ba con quỉ là gì nhỉ? – Ông ta nói – Câu chuyện nhảm nhí này đã tố cáo rất rõ ràng một thành viên đảng Whig mà lại ở ngay trong nhà của Cluny Macpherson.

Alan vội vã ngắt lời ông:

— Tôi đảm bảo cho ngài Balfour, cậu ta là một thanh niên trung thực chỉ tội hơi nóng nảy. Ngài nên nghĩ ai là người đảm bảo cho cậu ta, tôi mang họ của hoàng tộc! – Alan sửa lại mũ lông chim cho ngay ngắn – Với tôi và những người tôi gọi là bạn thì những người quý phái nhất có thể yên tâm. Người thanh niên này quá mệt mỏi rồi và cần được ngủ. Nếu anh ta không thích đánh bài thì điều đó cũng chẳng xúc phạm gì Ngài và tôi. Tôi có thể và luôn luôn sẵn sàng chơi tất cả các kiểu mà ngài thích.

— Thưa Ngài, – Cluny đáp lại – Ngài cần biết rằng trong cái nhà nhỏ nhoi này của tôi mỗi người đều có quyền hành động theo hứng thú và ý muốn. Nếu bạn ngài muốn đứng lộn ngược thì anh ta cứ tự do. Nhưng nếu anh ta và ngài không hài lòng về tất cả mọi phương diện, thì tôi thấy có vinh dự mời ngài ra khỏi cửa và xử lý như những người quý tộc.

Tất nhiên tôi không muốn vì tôi mà hai người cãi lộn nhau. Tôi nói:

— Thưa ngài, như Alan đã nói, đúng là tôi mệt như chết, còn ý nghĩ của tôi chống lại việc chơi bài thì chắc ngài có con cái, ngài sẽ hiểu tôi hơn khi ngài biết là tôi muốn thực hiện một lời hứa với cha tôi.

— Không nói thêm một lời nào nữa về chuyện này! – Cluny nói và chỉ cho tôi một cái ổ bằng thạch thảo ở góc phòng.

Tuy vậy ông ta vẫn chưa bỏ qua, còn thăm dò tôi bằng ánh mắt sắc sảo và còn càu nhàu một lúc lâu. Bản thân tôi cũng thấy cách suy nghĩ và đối xử của mình giữa những người Jakobit trọng danh dự trên cao nguyên này là không phù hợp lắm.

Cái ngon của rượu và thịt hơi kỳ lạ. Vừa nằm xuống, tôi thấy như bị thôi miên, hiện tượng đó kéo dài suốt thời gian tôi ở trong lồng. Thỉnh thoảng tôi

tỉnh dậy và thấy những gì đang diễn ra xung quanh, thỉnh thoảng tôi nghe thấy tiếng nói, tiếng ngáy của đàn ông. Tiếng động vào tai tôi như tiếng rì rào đơn điệu của một dòng suối. Những chiếc chăn len Scot trên tường lúc thì co lại, lúc thì phồng lên cũng như ánh sáng của ngọn lửa trong lò phản chiếu lên đó. Hình như trong lúc ngủ tôi đã nói mê hoặc hét lên thì phải vì thỉnh thoảng tôi nhớ là được trả lời và ngạc nhiên về chuyện này. Nhưng tôi không nhớ lại được giấc mơ của mình, chỉ thấy cảm giác sợ hãi, sợ hãi vùng này, sợ cái ổ tôi đang nằm, những chiếc chăn màu sặc sỡ trên tường, sợ tiếng nói, sợ ánh lửa và sợ ngay chính mình.

Người hầu phục vụ Cluny đồng thời có vai trò như một bác sĩ. Anh ta được gọi đến để chuẩn bị cho tôi một hỗn hợp thuốc chữa bệnh. Nhưng vì anh ta chỉ nói được tiếng Gaelic nên tôi không hiểu anh nói gì về tình trạng sức khỏe của tôi. Tôi cũng quá khốn khổ để đề nghị Alan dịch giúp những lời đó. Tôi chỉ biết một điều là mình bị bệnh thật sự, còn những thứ khác tôi không quan tâm đến.

Chừng nào còn khốn khổ thế này, tôi không quan tâm đến những gì xảy ra xung quanh. Alan và Cluny đánh bài hầu như không nghỉ. Tôi thấy rõ ban đầu Alan thắng vì có lần ngồi dậy tôi thấy hai người đang chăm chú chơi bài, có một đồng tiền vàng, ít nhất là sáu mươi thậm chí một trăm bảng trước mặt Alan. Tất nhiên tôi rất ngạc nhiên là trong cái hốc đá dính vào vách núi, dựa vào những thân cây sống này mà có nhiều tiền như vậy. Nhưng cả lúc đó tôi cũng thấy Alan đang đứng trên mảnh đất nguy hiểm vì anh ta không có gì khác ngoài cái túi màu lục với năm bảng trong đó.

Trong ngày thứ hai vận may của anh chấm dứt. Khoảng gần trưa, như thường lệ tôi được đánh thức dậy ăn, nhưng cũng như thường lệ, tôi từ chối ăn một cái gì đó. Tôi nhận được một hộp rượu mạnh với một chút thuốc đắng mà người hầu đưa cho. Ánh mặt trời chiếu vào lồng làm chói mắt tôi.

Cluny ngồi bên bàn, bài trên tay. Alan cúi xuống chỗ tôi, mặt sát mặt tôi, trong cơn sốt tôi trông mặt anh rất to. Anh đề nghị cho tôi vay ít tiền.

— Để làm gì? – Tôi hỏi.

— À, chỉ thế thôi. – Anh nói.

— Để làm gì? – Tôi nhắc lại – Tôi không hiểu anh.

— Nhưng... David cậu sẽ không từ chối yêu cầu của mình? – Nếu tình tảo, chắc tôi đã từ chối, nhưng lúc này tôi chỉ mong không thấy mặt anh ta nữa, tôi đã đưa cho anh ta tất cả số tiền của tôi.

Vào buổi sáng ngày thứ ba – chúng tôi đã ở lồng đúng bốn mươi tám giờ – Tôi thức dậy rất tỉnh táo, tuy vẫn còn yếu và xanh xao. Bây giờ tôi thấy rõ chuyện gì xảy ra xung quanh đúng kích thước của nó, đồ vật đúng như đời thường của chúng. Tôi thấy đói và tự đứng lên khỏi ổ. Khi chúng tôi vừa ăn sáng xong, tôi đi ra cửa lồng và ngồi xuống đỉnh núi phía trên cùng. Trời âm u, không khí tươi mát. Tôi ngồi suốt buổi sáng ở đó, đắm mình trong suy tư chỉ thỉnh thoảng giật mình khi người liên lạc hoặc người hầu của Cluny đến báo cáo và chuyển thực phẩm tới.

Khi tôi quay vào, ông ta và Alan đã dẹp bài sang một bên và đang nói với một người hầu, khi thấy tôi, Cluny quay lại và nói bằng tiếng Gaelic.

— Tôi không biết tiếng Gaelic, thưa ngài.

Từ khi xảy ra chuyện chơi bài, hình như tôi nói bất cứ điều gì cũng làm Cluny bực mình.

— Tên của ngài có nhiều ý nghĩa và sự hiểu biết hơn chính bản thân ngài – Ông ta tức giận lắm lắm – bởi vì nó là Gaelic chính thống. Vấn đề là thế này: Trinh sát của tôi báo rằng phía Nam không còn quân địch nữa. Vấn đề chỉ còn là ngài đã thấy đủ mạnh để lên đường chưa?

Tôi nhìn thấy những quân bài nằm trên bàn nhưng không có đồng tiền nào, thay vào đó là những mảnh giấy đã được viết kín và nằm tất cả ở chỗ Cluny ngồi ăn trước đó. Alan trông có vẻ thiếu ngủ – Tôi cảm thấy có cái gì đó không tốt đẹp lắm.

— Tôi chưa biết tôi đã đủ mạnh như yêu cầu chưa, nhưng số tiền ít ỏi mà hai chúng tôi có chắc phải đủ cho một thời gian dài.

Alan yên lặng căn môi và nhìn xuống đất một lúc, cuối cùng anh nói:

— David, số tiền đó tôi đã thua bài hết rồi. Thế là cậu biết cái sự thật trần trụi này.

— Cả tiền của tôi? – Tôi hỏi.

— Cả tiền của cậu, David ạ. – Alan xác nhận – Đúng là cậu không nên đưa cho tôi, khi cầm bài trong tay là tôi mất tỉnh táo.

— Nhảm nhí – Cluny chen vào – Mọi thứ đều điên điên, khùng khùng. Đó chỉ là chuyện vui chơi thôi. Tất nhiên cậu sẽ nhận lại tiền, thậm chí gấp đôi nếu cậu cho phép, Alan ạ. Đối với tôi, giữ nó là một chuyện vô nghĩa. Không thể tưởng tượng được là tôi lại mặc kệ một người quý tộc trong hoàn cảnh của cậu. Đó là chuyện nhảm nhí. – Ông ta nhắc lại, hai má đỏ bừng và ông lấy những đồng tiền vàng từ trong túi áo ra.

Alan không nói gì, vẫn nhìn xuống đất.

— Ngài có thể đi ra cửa với tôi một chút không? – Tôi yêu cầu.

Cluny đáp là ông sẵn sàng và đi theo tôi ra ngoài, nhưng trông ông đỏ mặt lúng túng.

— Bây giờ, thưa ngài. – Tôi bắt đầu – trước hết tôi khâm phục sự hào hiệp của ngài.

— Chuyện ngu xuẩn, vô nghĩa. – Cluny kêu lên – Có gì liên quan đến sự hào hiệp? Toàn bộ là chuyện không may. Nhưng tôi biết làm gì trong cái tổ ong, cái lồng này... Tôi không còn cái gì khác hơn là chơi bài với bạn bè khi họ đến với tôi

— Và nếu họ thua, người ta không được phép lấy... – Ông dừng lại.

— Vâng, nếu họ thua, ngài trả lại họ tiền, còn nếu họ thắng, họ mang cái túi tiền đi. Tôi vừa nói rằng tôi khâm phục sự hào hiệp của ngài, nhưng thật là khó xử khi ở vào hoàn cảnh thế này.

Cả hai yên lặng. Cluny muốn nói tiếp nhưng lại thôi, mặt ông ngày càng đỏ lên. – Tôi còn trẻ – cuối cùng tôi nói – và mong ngài hãy đối xử như con của ngài. Bạn tôi đã thua một cách thật thà sau lúc đã thu được của ngài một số tiền lớn lúc đầu. Liệu tôi có thể nhận tiền của ngài không? Liệu như vậy

có đúng không? Dù tôi làm gì chẳng nữa thì cũng là khó xử với một con người đầy lòng tự trọng.

— Tôi cũng thấy khó xử, thưa ngài Balfour. Anh làm như tôi giống như những người đã đem lại cho người nghèo một hoàn cảnh bi đát. Tôi không muốn một người bạn tôi bị xúc phạm ở trong nhà tôi. Không được! – Ông hét lên bằng giọng giận dữ – Bản thân tôi cũng không muốn xúc phạm ai cả!

— Nhưng ngài sẽ thấy trong việc này tôi có một tiếng nói nhất định. Đối với những người quý tộc việc chơi bài là cách giết thời gian không hay. Tôi vẫn luôn chờ ý kiến của Ngài.

Tôi tin chắc là: nếu Cluny khinh ghét một người, thì người đó phải là David Balfour. Ông ta ngăm tôi một cách đối địch từ đầu đến chân và tôi nhận thấy dấu hiệu ham muốn tấn công trên trán ông. Có lẽ sức trai trẻ cường tráng của tôi đã làm ông bỏ vũ khí, hoặc là lương tâm chính nghĩa của ông. Câu chuyện làm buồn lòng tất cả những người trong cuộc, điều đó đã rõ ràng, nhưng có lẽ Cluny là sâu sắc nhất, nên càng thấy quý cái cách ông xử sự sau đó.

— Ngài Balfour, – ông nói – Tôi nghĩ rằng ngài rất đáng yêu và có xu thế trở thành người đôi co. Mặc dù vậy, Ngài đã hành động như những người quý tộc. Tôi nói lời danh dự. Ngài có thể nhận số tiền đó của tôi, tôi cũng sẽ nói với con ruột của mình như vậy. Xin ngài bắt tay tôi.

Chương 24:

CHẠY TRỐN QUA RỪNG NÚI – CUỘC CÃI VÃ

Nhờ đêm tối che chở, tôi và Alan đã vượt qua lạch biển Errocht. Chúng tôi đi dọc bờ phía đông tới một điểm ẩn náu khác gần Loch Rannoch. Một trong những người hầu của Cluny đã đưa đường chúng tôi. Anh ta mang tất cả đồ đạc, thêm cái mặng tô bụi của Alan. Anh ta bước đi dưới gánh nặng nhẹ nhàng như một con ngựa rừng. Có lẽ chỉ một nửa số đồ đạc đó cũng sẽ làm tôi ngã gục không chỉ một lần rồi, mà người này lại có thân hình mảnh khảnh và tôi chắc sẽ thắng anh ta trong một keo vật trung thực.

Được đi không phải mang vác thế này thật thoải mái, có lẽ tôi đã không vượt lên được nếu không có hoàn cảnh này và không có ý thức mới xuất hiện là gánh nặng thông thường cho một thời gian lâu hơn của tôi chỉ có thể thôi. Tôi vừa mới ốm dậy và trong hoàn cảnh này không có gì thúc giục tôi phải cố gắng cả. Chúng tôi đi dưới bầu trời âm u, qua những cánh đồng hoang vu của Scotland, thêm vào đó còn có sự cãi cọ giữa hai người bạn đường.

Một thời gian dài chúng tôi đi câm lặng bên nhau hoặc người trước, người sau. Tức giận và tự hào trong người tôi. Từ cái tình cảm đó tôi tạo ra sức lực cần thiết. Alan bực bội và xấu hổ, xấu hổ vì đã thua hết số tiền của tôi, bực bội vì tôi dẫn dắt mình đã vì chuyện này.

Tôi luôn luôn nghĩ đến việc chia tay và càng nghĩ đến tôi lại càng hổ thẹn vì sự sẵn sàng của mình. Alan có một cử chỉ đẹp, đáng quý và hào hiệp nếu bây giờ anh quay sang tôi và nói: “Hãy đi con đường của cậu. Mỗi nguy hiểm của tôi lớn hơn của cậu, tôi đi cùng sẽ làm mỗi nguy cơ của cậu lớn hơn”... Nhưng mà tôi thì không bao giờ nói với một người bạn đã làm một cái gì đó cho mình rằng “Cậu đang trong cơn nguy hiểm, còn tôi thì không đến nỗi như vậy, tình bạn của cậu là một gánh nặng cho tôi. Hãy đi đi, hãy

tạo cho mình một số phận, nhưng hãy mang cái gánh nặng một mình” không, không được. Chỉ nghĩ như vậy thôi, máu đã dồn lên mặt tôi rồi.

Và ngoài ra Alan còn cư xử như một đứa trẻ, nghiêm trọng hơn nữa như một đứa trẻ dối trá lấy tiền của tôi trong lúc nửa tỉnh nửa mê còn nghiêm trọng hơn là lấy trộm của tôi, thế mà anh ta vẫn bước đi tỉnh bơ bên cạnh tôi, không một xu dính túi và như tôi hiểu, lại hoàn toàn có khả năng vui vẻ nhận lại số tiền mà tôi đã ăn xin được. Tất nhiên tôi luôn luôn sẵn sàng chia cho anh ta tất cả, nhưng cái cách anh tính đến chuyện đó làm tôi giận điên lên.

Tôi suy nghĩ cả hai việc đó. Nhưng nếu mở miệng nói ra thì lại là một việc vô ơn xấu xa. Lúc đó tôi làm một việc hầu như còn tồi tệ hơn: Tôi yên lặng và không nhìn vào mặt bạn mình lần nào mà chỉ liếc qua anh ta.

Cuối cùng, khi chúng tôi tới bờ đối diện của Lach Errochht trên con đường bằng phẳng mọc đầy cây bách, nơi đi lại không còn khó khăn nữa, Alan không chịu nổi lâu hơn, anh đến gần tôi mà nói:

— David ạ, đó không phải là cách những người bạn thật sự đối xử với nhau trong những chuyện nhỏ nhặt vừa qua. Tôi muốn nói với cậu là chuyện xảy ra làm tôi rất buồn. Nếu cậu muốn thì nói ra đi.

— À, tôi không nói gì cả.

Câu trả lời của tôi có vẻ làm anh lúng túng, còn tôi thì thỏa mãn.

— Tức là không. – Anh nói, giọng run run – Nếu cậu nói với tôi rằng tôi đáng bị quở trách

— Tất nhiên anh đáng như vậy. – Tôi lạnh lùng nói – Nhưng anh phải công nhận là tôi đã không phàn nàn gì.

— Không. Nhưng cậu biết rõ là cậu đang làm những việc rất nghiêm trọng. Chúng ta cần chia tay à? Trước đây đã có lần cậu cân nhắc chuyện này. Cậu có muốn lặp lại không? Đồi núi và rừng có sẵn, nơi này là hai lạch biển. Và tôi phải thú nhận là tôi không muốn ở đâu mà người ta không thích tôi.

Những lời đó bắn vào tôi như những mũi tên nhọn và làm bật ra ý kiến của tôi:

— Alan Breck, – Tôi kêu lên – Anh tin là tôi có thể quay lưng lại anh, đúng lúc anh đang khó khăn nhất? Anh không được quyền nói vào mặt tôi như vậy. Toàn bộ cách cư xử của tôi sẽ trừng phạt sự nói dối của anh. Đúng, tôi đã ngủ quên trong đầm lầy nhưng đó là vì tôi quá mệt mỏi; và sẽ không công bằng nếu anh phàn nàn tôi.

— Điều đó tôi không bao giờ làm cả, David.

— Nhưng ngoài ra tôi đã làm gì để anh coi như con chó và hạ thấp tôi vậy? Chưa bao giờ tôi bỏ một người bạn cả và cũng không thể cho rằng tôi bắt đầu việc này với anh. Giữa chúng ta có những kỷ niệm tôi không bao giờ quên, dù anh có thể quên chúng.

— Tôi chỉ muốn nói với cậu một điều, David. – Alan nói rất bình tĩnh – Từ lâu tôi đã nợ cậu cuộc sống của mình và bây giờ nợ cả tiền nữa. Cậu nên tìm cách đừng làm nặng thêm món nợ đó.

Chuyện đó có thể làm tôi động lòng và thực tế cũng như vậy theo một cách nào đó, có điều không phải động lòng theo cách đúng đắn. Tôi cảm thấy tôi đã đối xử tồi cho nên bây giờ không chỉ giận Alan mà giận cả chính mình và điều này làm tôi thô bạo hơn:

— Anh yêu cầu tôi nói. Được, tôi sẽ nói. Anh cũng tự nhận là đã tạo cho tôi một chuyện không hay, tôi phải chịu một sự xúc phạm. Chưa bao giờ tôi phàn nàn về anh dù chỉ nhắc tới chuyện đó cho đến khi anh tự nói tới và bây giờ anh quở trách tôi vì tôi không thể cười khi bị xúc phạm như vậy. Cái tiếp theo sẽ là tôi cần phải quì xuống cảm ơn anh! Anh nên nghĩ nhiều hơn đến tình cảm người khác, Alan ạ. Nếu làm như vậy có lẽ anh sẽ nói ít hơn về mình và nếu người bạn trung thực của anh chịu đựng sự xúc phạm một cách im lặng, thông minh nhất là anh cứ để như vậy thay cho đáng lẽ đánh cho anh ta một trận để phá tan cái gánh nặng đó đi. Theo ý của riêng anh, anh là người bị mắng mỏ. Nếu đúng như vậy thì anh đừng tìm cách cãi cọ nữa.

— Được rồi. – Alan nói – Chúng ta không nói về chuyện đó nữa.

Và chúng tôi lại câm lặng như trước đây để đi tới đích của hôm đó, ăn và nằm ngủ và vẫn không trao đổi với nhau một lời nào.

Mờ sáng hôm sau, người đầy tớ đã đưa chúng tôi qua Loch Ranmoel, giải thích theo ý anh ta con đường nào là tốt nhất đối với chúng tôi. Ngay lập tức chúng tôi phải leo lên một con đường dốc lên núi, đi vòng chút ít để tránh các đỉnh Glen Lyon và Glen Lochay rồi Glen Dochart. Theo ý anh ta bằng cách đó chúng tôi sẽ tới đích nhanh và dễ dàng hơn. Anh ta chỉ rõ những địa điểm có lính đóng và cuối cùng nói không ở đâu yên ổn cho chúng tôi hơn vùng đất của bọn Campbell.

Sau cùng Alan chịu thua, mặc dù vẫn còn phản đối.

— Đó là vùng đất bi thảm nhất của Scotland. Tôi biết vùng đó chỉ có rừng, gà gô và bọn Campbell. Nhưng vì tôi thấy anh rất sắc sảo nên bảo lưu ý kiến đó.

Với dự kiến đó trong đầu, chúng tôi lên đường. Phần lớn thời gian của ba đêm liền chúng tôi đi qua vùng núi không có lối đi, qua các con suối thác nước, rất nhiều lúc trong sương mù. Gió át chúng tôi, mưa rơi trên đầu và không lần nào được sưởi ấm bằng tia nắng mặt trời. Ban ngày chúng tôi nằm ngủ trong các bụi thạch thảo ướt đẫm, ban đêm trèo lên những đỉnh cao gầy cổ, những vách đá lởm chởm. Chúng tôi thường xuyên bị lạc và nhiều lần phải nằm yên trong sương mù đến lúc sương tan, không thể nghĩ đến một đốm lửa, chúng tôi ăn toàn bột mì lạnh và thịt lạnh mang từ nhà lộng theo. Còn uống bây giờ chúng tôi không bao giờ thiếu nước cả.

Đó là thời gian đáng sợ, còn đáng sợ hơn vì thời tiết âm u và phong cảnh hoang vắng. Lúc đó tôi thấy lạnh vô cùng, răng đập vào nhau liên tục, cổ họng lại bị đau như ngày ở đảo Mull, ngoài ra còn luôn luôn đau bên hông. Khi ngủ trong đám cỏ ẩm ướt, mưa xối xả bên trên, bùn nhão nhoét bên dưới thì tôi lại nhớ đến thời kỳ đen tối của cuộc phiêu lưu sai lầm. Trong mơ tôi nhìn thấy tháp nhà của họ Shaws ánh lên trong tia chớp sáng rực, thấy Ransom được đưa ra boong trong một cái bó, thấy ngài Shuan nằm trên nền nhà, thấy Colin Campbell ôm lấy ngực ngã xuống chết như thế nào. Tôi bị

đánh thức dậy từ giấc ngủ không yên đó, vẫn ăn thứ bột mì lạnh đó. Nước mưa đập vào mặt như những mũi tên. Nước lạnh buốt chảy xuống lưng. Sương mù bao quanh như những bức tường của một phòng tối hoặc tan ra trong một cơn gió và trước mắt chúng tôi hiện ra một thung lũng mờ mờ có những dòng suối chảy róc rách.

Vô số dòng suối thì thầm quanh chúng tôi. Do mưa liên tục nên từ trong lòng núi đổ ra không biết bao nhiêu dòng nước, ở mỗi khe đá nước tuôn ra như một giếng phun. Các con sông đầy nước, tràn qua bờ. Trong đêm, tiếng ồn ào của sông suối nghe xa lạ và thiêng liêng như con quỷ sống trong chuyện dân gian, than thở và gào thét số mệnh.

Suốt cuộc hành trình đáng sợ này giữa chúng tôi không có sự gần gũi, thậm chí không có một cuộc nói chuyện nhạt nhẽo nào. Tôi khốn khổ muốn chết, qua đó tôi có thể tha thứ một cách tốt nhất cho cách cư xử của mình. Ngoài ra, từ nhỏ tôi tuy không dễ bị xúc phạm nhưng lại khó quên một sự xúc phạm vì vậy mà bây giờ tôi giận mình và giận bạn.

Phần lớn thời gian hai ngày đầu Alan vui vẻ đều đều, luôn sẵn sàng giúp đỡ tôi có lẽ là với lòng mong đợi cơn cáu giận của tôi sẽ qua đi. Nhưng lúc đó tôi còn lúng túng trong lòng, giữa sự bực bội và từ chối sự giúp đỡ của anh. Tôi nhìn anh một cách dửng dưng như nhìn vào bụi cây, vách đá.

Trong đêm thứ hai, đúng hơn là sáng ngày thứ ba, chúng tôi đứng trên một đỉnh đồi trọc nên không thể thực hiện thói quen ngồi xuống ăn và sau đó ngủ ngay được. Trước khi chúng tôi tìm được một nơi trú ẩn thì trời đã sáng, và mặc dù trời vẫn mưa nhưng mây không còn bay thấp như lúc trước. Alan nhìn tôi với sự lo lắng trên mặt.

— Tốt nhất cậu nên đưa cái túi tôi mang cho. – Anh nói, có lẽ là lần thứ mười rồi từ khi chúng tôi chia tay với người dẫn đường.

— Cảm ơn, thế này tốt rồi. – Tôi đáp bằng một giọng lạnh lùng.

Alan đỏ mặt.

— Tôi sẽ không mời chào sự giúp đỡ của mình một lần nữa đâu, David. Tôi không phải là con người rất kiên nhẫn đâu.

— Điều đó tôi cũng chưa bao giờ nghĩ cả. – Tôi đáp lại một cách thiếu nhã nhặn và điên khùng như một đứa bé lên mười.

Alan không trả lời ngay nhưng cách xử sự thì cũng là một câu trả lời rồi vì anh kéo mũ xuống tai, bước nhanh và thổi sáo một bài hát nhỏ. Anh nhìn tôi từ bên cạnh với một nụ cười thách thức.

Trong đêm thứ ba này chúng tôi phải vượt qua phần phía tây của vùng Balquidder.

Đêm tối đến lạnh lẽo, có lẽ có sương muối trong không khí. Gió bắc thổi mây đi và các ngôi sao lấp lánh hiện ra.

Các dòng suối cuộn cuộn vẫn tiếp tục ồn ào giữa các vách núi, nhưng tôi thấy Alan không còn sợ con quỷ sống nữa mà khá vui vẻ. Với tôi, sự thay đổi thời tiết đến quá muộn. Tôi đã nằm quá lâu trong đầm lầy cho nên như lời ghi trong kinh thánh “thậm chí quần áo của tôi cũng khinh tôi”. Tôi mệt muốn chết, khó chịu vô cùng, tất cả xương cốt đau nhức và toàn thân run rẩy. Gió lạnh thổi qua người và thổi vào tai tôi. Anh ta ba hoa và luôn luôn hướng mũi nhọn vào tôi: “Đảng Whig là một thứ ngon lành nhất”, “Đây là một cái cột Whig mà cậu cần nhảy qua, tôi biết cậu nhảy giỏi thế nào mà...”

Anh ta cứ tiếp tục như vậy, luôn luôn bằng giọng châm biếm kèm theo những cử chỉ khiêu khích. Tôi biết lỗi là ở mình chứ không phải ai khác, nhưng tôi cảm thấy khốn khổ, hối hận. Tôi cũng biết tôi sẽ không lê bước được nữa mà phải nằm xuống mà bò giống như con cừu hoặc con cáo, chân tôi sẽ trắng nhợt như con vật chết. Tôi không còn minh mẫn nữa, tôi sung sướng vì cái kết cục này và nghĩ đến cái chết cô đơn ở đầm lầy với những con đại bàng dã thú ở phía trên nghe ngóng chờ đợi hơi thở cuối cùng của tôi. Lúc đó Alan sẽ hối hận, tôi nghĩ. Khi tôi không còn nữa, anh ta sẽ phải nghĩ lại tất cả những gì tôi đã làm cho anh ta và sự hồi tưởng đó sẽ dày vò anh ta.

Tôi tiếp tục lao đảo như cậu học trò ốm yếu, điên rồ, giận dữ và trong tim đang đi dần đến căm ghét một người cùng giống, đáng lẽ phải quỳ xuống và cầu chúa tha thiết cho anh ta. Mỗi cử chỉ châm chọc của Alan càng làm tôi

khốn khổ thêm. Tôi nghe thấy thời điểm đang đến “Khi tao nằm xuống và chết sẽ như đập vào mặt mày, mày sẽ hối hận hơn về sự vô ơn và dã man”.

Trong nỗi đau đớn, có lần tôi ngã xuống đất nhưng lại vùng dậy ngay và tiếp tục đi. Sốt cao rồi lại lạnh cóng thay đổi nhau và tôi khó mà mang cái túi bên mình đi nữa. Cuối cùng, tôi thấy không thể đi nữa và có nhu cầu tính toán sòng phẳng với Alan, không muốn tìm hãm nỗi căm giận nữa và kết thúc nhanh chóng cuộc sống của mình. Anh ta lại gọi tôi là kẻ theo Đảng Whig. Tôi đứng lại.

— Ngài Stuart! – Tôi hét lên, giọng bị át đi vì giận dữ – Ngài hơn tuổi tôi và chắc là biết cách cư xử, nếu ngài thấy rất cần hoặc rất hứng thú tranh luận chính trị với tôi. Cho đến nay tôi luôn cho rằng những người tử tế, dù quan điểm chính trị có thể bất đồng, vẫn có thể lịch sự với nhau. Nếu không như thế thì chắc tôi đã có câu trả lời thích hợp cho ngài.

Alan đứng như mọc rễ trước mặt tôi, mũ lông chim đội lệch trên đầu, tay đút trong túi quần, đầu hơi cúi, nghe tôi nói với một nụ cười giận dữ – như tôi nhìn thấy qua ánh sao đêm – và khi tôi ngừng lời, anh bắt đầu huýt sáo một bài Jakobit, một bài thơ trào phúng về thất bại của tướng Copes ở Preston Pans.

Ồ, Johnnie Copes không bao giờ còn nữa.

Mà tiếng trống của mày kêu to quá.

Tôi thấy ngay đã có lúc Alan chiến đấu bên phía hoàng gia.

— Tại sao lại chính bài này, Ngài Stuart? Nó làm ngài nhớ lại là ngài đánh nhau cả hai bên?

Alan ngừng lại giữa bài hát và hét lên:

— David!

— Chấm dứt những chuyện vừa qua – Tôi tiếp – Tôi chờ đợi là trong tương lai ngài sẽ nói một cách đứng đắn về nhà vua và các bạn Campbell của tôi.

— Tôi là một Stuart. – Alan bắt đầu.

—Ồ, tôi biết. – Tôi ngắt lời – Anh mang họ một hoàng đế nhưng mà anh đừng quên là tôi biết loại đó hơn nhiều từ khi tôi ở cao nguyên và điều quý báu nhất tôi muốn nói với những người ấy là sẽ không có hại gì đâu nếu thỉnh thoảng họ lại rửa mình một chút.

— Cậu có biết cậu đang xúc phạm tôi. – Alan nói rất nhỏ.

— Rất tiếc, nhưng tôi chưa nói xong, nếu anh không quen và cụ thể hơn là không thích điều tôi nói. Trong trận mạc, những người đàn ông của đảng tôi, đảng Whig, đã đánh thắng và truy nã anh. Tôi cảm thấy cái niềm vui thú của anh dồn một đứa trẻ mới lớn thuộc đảng đó vào chân tường một cách hèn hạ là một điều đáng khinh. Những người Campbell và Đảng Whig đã chiến thắng ngài, ngài phải chạy trốn như một con thỏ bị đuổi, đáng lẽ ngài phải nói về họ với một sự kính trọng chứ.

Alan đứng đó không nhúc nhích, mảnh áo măng tô bay trước gió.

— Rất tiếc. – Cuối cùng anh nói – đó là những điều người ta không thể bỏ qua.

— Tôi cũng không mong ngài bỏ qua, tôi cũng sẵn sàng nếu ngài muốn.

— Sẵn sàng? – Anh ta hỏi.

— Sẵn sàng. – Tôi nhắc lại – Tôi không phải là kẻ nói mồm và ba hoa. Thôi, bắt đầu đi, tôi rút kiếm ra và giữ ở tư thế chiến đấu, điều đó chính Alan dạy tôi.

— David! – Anh ta kêu lên – Cậu điên rồi à? Tôi không thể đấu kiếm với cậu, đó sẽ là việc giết người trắng trợn.

— Điều đó đáng lẽ ngài phải nghĩ đến khi xúc phạm tôi và khiêu khích tôi sôi máu lên.

— Đúng như vậy! – Alan nói. Anh đứng đó run rẩy ép tay vào mồm như một người không còn biết làm gì nữa – Đúng như vậy thật. – Anh nói và rút gươm ra.

Nhưng trước lúc chúng tôi đụng gươm, anh đã quăng vũ khí của mình ra rất xa và luôn nhắc lại:

— Không, không, không. Tôi không thể, tôi không thể.

Tự nhiên nghe thấy vậy nỗi tức giận của tôi giảm đi. Tôi rất khốn khổ, rất buồn và không còn biết làm gì. Tôi muốn thế giới không nghe thấy những điều tôi vừa nói, nhưng lời nói rồi thì không lấy lại được. Tôi nhớ lại tất cả những điều quý báu, Alan đã làm cho tôi trong quá khứ, tôi nhớ lại lòng dũng cảm của anh khi giúp đỡ tôi, đã khích lệ tôi và đem đến cho tôi sự yêu đời trong những hoàn cảnh khó khăn. Và tôi nhớ đến những lời xúc phạm của mình và tôi thấy tôi không thể trông cậy vào tình bạn của con người tốt bụng này. Đồng thời tình trạng hiện nay của tôi càng xấu đi, dây đeo trên vai trở nên sắc như dao. Tôi tin là mình sẽ bất tỉnh tại chỗ.

Lúc đó tôi có một ý nghĩ: không có lời xin lỗi nào xóa được những gì tôi đã nói, nhưng nếu lời xin lỗi không còn tác dụng nữa thì có thể tôi sẽ có lại Alan bằng một tiếng kêu cứu. Tôi tìm chế tính kiêu ngạo của mình và nói:

— Alan, nếu anh không giúp tôi, tôi sẽ phải chết ở đây.

Anh ta giật mình nhìn tôi.

— Đó là sự thực. – Tôi nói – Tôi đã kiệt sức. Hãy đưa tôi tới một căn nhà nào đó, ở đấy cái chết sẽ nhẹ nhàng hơn.

Tôi không cần làm bộ, dù muốn hay không, nước mắt đã làm ngắt quãng giọng tôi có lẽ đủ để làm mềm một tảng đá.

— Cậu có thể đi được không? – Alan hỏi.

— Không, nếu không có sự hỗ trợ, nhưng mà có thể nếu anh đỡ tôi. Đã từ hơn một giờ nay, thỉnh thoảng chân tôi lại không làm việc nữa. Nếu tôi chết, anh sẽ không giận phải không, Alan? Trong thâm tâm lúc nào tôi cũng quý anh kể cả lúc căm giận anh.

— Yên lặng, yên lặng. Không nói nữa! – Alan kêu lên – Không nói chuyện đó. Cậu biết là... – Một cái vấp đã làm anh phải ngừng lại – Hãy để tôi ôm lấy cậu, – anh nói tiếp – thế được rồi. Hãy bám chắc vào tôi! Trời mới biết được quanh đây có cái nhà nào không. Chúng ta không còn xa

Balquidder nữa, ở đó sẽ đủ nhà và những người bạn tốt. Thế này có khá hơn không David?

— Tốt, tốt, – tôi thì thăm – sẽ tốt thôi – và tôi bám chặt vào tay anh.

Alan vẫn còn gần như sắp khóc.

— David, – Anh nói – Tôi không phải là một người đàn ông thật sự, ở tôi còn thiếu lý trí và lòng tốt. Tôi đã quên rằng cậu hầu như còn là một cậu bé và tôi không nhận ra cậu đã gần cái chết rồi, David, cậu phải tìm cách tha thứ cho tôi.

— Alan, Alan, đừng nói về chuyện đó nữa! – Tôi yêu cầu – Không người nào trong hai chúng ta phải phàn nàn về người kia. Chúng ta phải chiều nhau, tha thứ cho nhau và quên đi. Ối! vết đâm ở bên cạnh đau quá. Vẫn chưa nhìn thấy cái nhà nào à?

— Tôi sẽ tìm được một chỗ ở cho cậu, David ạ. – Alan nói, giọng tin tưởng – Chúng ta đi dọc theo dòng suối, chẳng bao lâu sẽ đến nơi có nhà cửa. Cậu bé khốn khổ của tôi, bây giờ để tôi cõng cậu trên lưng có tốt hơn không?

— Ồ, Alan, – Tôi phản đối – Trong khi tôi cao hơn anh mười hai zoll.

— Không đời nào! – Alan kêu lên giận dữ – Có thể chỉ một hoặc hai zoll thôi! Tôi không muốn nói rằng tôi là một anh khổng lồ và rằng – Anh bổ sung như muốn cười – nếu suy nghĩ nghiêm túc thì điều cậu vừa nói có lẽ đúng, đúng là mười hai zoll hoặc là một foot, có thể đúng như vậy, thậm chí có thể hơn một chút.

Thật là cảm động và hơi kỳ khi thấy Alan sửa lại lời nói của mình để tránh cãi nhau. Nếu vết đâm bên cạnh không tra tấn tôi, chắc tôi đã có thể cười to, nhưng có lẽ tiếng cười sẽ bị tiếng khóc át mất.

— Alan! – Tôi kêu lên – Tại sao anh lại tốt với tôi vậy? Tại sao anh có thể lại đi với một thằng bé vô ơn như tôi?

— Điều đó thực tôi không biết. Điều làm tôi trước đây yêu cậu nhất đó là thực tế cậu không bao giờ tìm cách buôn bán, tính toán. Nhưng mà bây giờ

tôi còn yêu cậu hơn.

Chương 25:

Ở BALQUIDDER

Khi đến ngôi nhà đầu tiên, Alan đã gõ cửa, điều đó không phải không nguy hiểm, ở vùng này phe đảng không mạnh lắm. Số còn ít hơn và đã tan rã, các dòng họ lớn đến sinh sống ở vùng này và bảo vệ nó; thêm vào đó là những người dân “vô chủ”, những người bị những người Campbell đẩy vào vùng hoang dại của các dòng sông Forth và Terth này. Đây là vùng dòng họ Stuart và Maclaren sống, xuất xứ cũng tương tự như trên. Một nhánh của họ Maclaren đã theo thủ lĩnh Ardshiel trong chiến tranh và lập nên nhánh Appin. Đây cũng là vùng của dân tộc Macgrogor lâu đời, bị khinh miệt và đàn áp. Họ không có uy tín và tình trạng ngày càng xấu đi vì không có đảng phái nào trên toàn Scotland tin tưởng họ... Người trưởng tộc Maegrogor bị đày đi, người lãnh đạo thật sự của bộ tộc Balquidder James More, con trai cả của Rob Roy, đang chờ bản án ở Edinburgh. Người của dòng Stuart luôn luôn tranh chấp nhau, Alan coi đó là sự chanh chấp của chính mình vì thế mà anh muốn tránh mặt những người này.

Chúng tôi gặp may thực sự vì chủ nhà là một người Maclaren mà không chỉ tên của Alan mà cả sự vinh quang của anh đã thấm sâu vào lòng họ.

Tôi lập tức được đặt lên giường và gọi một bác sĩ tới. Ông ta thấy sức khỏe của tôi đã rất đáng ngại. Tôi không thể nói do bác sĩ giỏi và tận tụy hay tuổi trẻ và sức đề kháng đã giúp tôi sống, có điều chắc chắn là tôi không phải nằm trên giường đến một tuần và trước khi hết tháng đã có thể tiếp tục cuộc hành trình hoàn toàn khỏe mạnh và tỉnh táo.

Trong suốt thời gian đó, không bao giờ Alan đi khỏi chỗ tôi nằm mặc dù tôi đã nhiều lần ép anh. Sự ngoan cố đến lạnh lùng muốn ở bên tôi của anh đã bị hai ba người bạn quở trách nặng nề. Ban ngày anh ở một cái lều khuất trong rừng và chỉ quay về chỗ tôi buổi tối khi trời đã mát mẻ. Tôi không cần nói tôi sung sướng như thế nào khi anh xuất hiện.

Người chủ nhà cảm thấy đã đối xử chưa đủ chu đáo với người khách loại này là vì Dunan Dhu – tên người chủ nhà – có một cái kèn túi trong nhà và rất yêu âm nhạc nên việc tôi khỏi bệnh được chào mừng rất trọng thể, chúng tôi thức suốt đêm.

Bọn lính Áo đỏ để chúng tôi yên, chỉ một lần có một hoặc hai đại đội kéo qua thung lũng. Tôi có thể nằm trên giường quan sát chúng. Và điều lạ lùng hơn là không một quan chức nào đến chỗ tôi, tôi không bị hỏi từ đâu tới và đi đâu lần nào, mặc dù lúc này đang lộn xộn tôi cũng không bị nhắc nhở đến, cứ như đi vào sa mạc vậy. Nhưng trước khi chúng tôi rời đi, người ở Balquidder và vùng xung quanh đã biết sự có mặt của chúng tôi, nhiều người đã đến thăm chúng tôi và như phong tục ở đây, truyền những tin tức về chúng tôi cho hàng xóm của mình. Trong thời gian này, lệnh truy nã đã được in ra và một tờ đã được gắn ở cuối giường tôi nằm cho nên tôi đã có trước mặt một bản in chữ to mô tả bản thân mình không lấy gì làm hay ho cho lắm. Và có thể đọc được số tiền đặt ra cho cái đầu tôi. Duncan Dhu và những người biết tôi đi với Alan thì không thể nghi ngờ tôi, nhưng còn những người khác chắc là có thể đoán biết được, vì dù tôi có thể thay đổi quần áo thì tuổi và dáng dấp của tôi vẫn giữ nguyên. Trong vùng này có rất ít người mười tám tuổi từ đồng bằng Scotland tới, nhất là vào thời điểm con người rất dễ suy diễn. Tình hình là như vậy.

Ở một nước khác có thể xảy ra trường hợp hai hoặc ba người bạn giữ một bí mật, mặc dù có lúc vẫn bị lộ ra bằng một cách nào đó, còn ở những người trong phe nhóm thì có thể cả vùng biết chuyện này mà hàng trăm năm trôi qua mà một người ngoài vẫn không biết gì.

Chi có một lần xảy ra chuyện đáng kể lại: đó là chuyến viếng thăm của Robin Oig, con trai của Rol Roy đáng sợ. Anh ta bị lùng sục khắp nơi vì bị kết tội đã bắt cóc một người phụ nữ trẻ từ Balfroon và lấy làm vợ, nhưng là ép buộc cô ta. Mặc dù vậy anh ta vẫn đi lại ở Balquidder an toàn và không lo lắng cứ như là một người quý tộc trên mảnh đất của mình. Chính anh ta đã bắn chết James Maclaren ngay sau lưỡi cày của người này, một vụ giết

người không bao giờ tha thứ được. Thế mà anh ta đã đến nhà của tử thù mình chơi. Không chút lo lắng, như một thương nhân vào một quán trọ vậy.

Duncan tìm được cơ hội thì thâm vào tai tôi người mới đến là ai và chúng tôi nhìn nhau lo lắng, lúng túng. Bạn đọc cần biết việc này diễn ra vào cái giờ mà Alan có thể xuất hiện bất cứ lúc nào và hai người này chắc không chịu đựng được nhau. Nhưng nếu chúng tôi tìm cách báo cho Alan biết hoặc thông tin cho anh bằng một dấu hiệu nào đó chắc sẽ làm cho con người Macgregor luôn sống dưới đám mây mù này mất tin tưởng.

Với những động tác lịch sự anh ta đi tới nhưng lại cư xử như ông chủ với người hầu. Trước mặt vợ chủ nhà, thực ra anh ta có bỏ mũ ra nhưng lại đội lên khi nói chuyện với Duncan. Anh ta đi tới giường và chào tôi:

— Người ta kể với tôi rằng ngài tên là Balfour.

— Nếu ngài thấy tiện, tôi là David Balfour.

— Tôi rất muốn nói cho ngài tên của tôi, – Anh ta đáp – Nếu trong thời gian cuối tôi không lâm vào một món nợ đáng buồn. Có lẽ ngài chỉ cần biết tôi là em ruột của James More Drumond, còn gọi là Macgregor chắc ngài đã nghe tiếng.

— Không, thưa ngài. – Tôi nói không tự chủ lắm – Cũng ít như tôi biết về cha ngài là Margregor Campbell vậy.

Nói xong tôi đứng dậy và cúi chào, vì tôi nghĩ như vậy sẽ hay hơn khi đi đến gặp anh ta, nếu anh ta tự hào có một người sùng bái bố mình.

Anh ta cũng cúi xuống và nói:

— Tôi đến đây để kể cho Ngài chuyện này: Vào năm 45, anh tôi kêu gọi một bộ phận dân Gregera nổi dậy và dẫn đầu sáu đại đội chiến đấu cho sự nghiệp tốt đẹp. Bác sĩ cứu thương cùng đi với chúng tôi đã chữa lành chân cho anh tôi bị gãy trong cuộc chiến đấu ở Preston Pans mang họ của ngài. Ông ta là em của một người mang họ Balfour of Brith. Nếu Ngài có quan hệ họ hàng gì đó với ông ấy, thì tôi tới để đặt mình và người của mình cho ngài sử dụng.

Bạn đọc cũng nhớ là tôi biết về họ hàng mình cũng ít như bất cứ một tên vô lại nào trong làng. Đúng là bác tôi đã ba hoa về những người bà con danh giá nhưng không nói đến cái tên này nên tôi thấy xấu hổ mà nhận rằng tôi không nói được gì về điều này.

Robin đáp lại ngắn gọn là ông ta lấy làm tiếc đã tưởng như vậy rồi quay lưng lại tôi không một lời từ biệt và trong lúc chúng cùng Duncan đi ra cửa sổ, tôi nghe thấy hắn nói có lẽ tôi là một con cò lạc đến đây mà không biết gì về bố mình.

Mặc dù tôi bực mình về câu nói đó và xấu hổ về sự mù tịt của mình, tôi vẫn không nén được nụ cười rằng một con người chống lại luật lệ lại có những ý nghĩ như vậy về xuất xứ của một người mới quen thoáng qua.

Ở bậc cửa, hắn gặp Alan. Hai người lùi lại khi thấy nhau và nhìn nhau một cách hằn thù như hai con chó thích gây gỗ gặp nhau ngoài phố. Hai người đều nhỏ con nhưng nhanh nhẹn. Cả hai rút kiếm và xoay người để có thể đấu kiếm ngay được.

— Ngài là Stuart, nếu tôi không nhầm. – Robin nói.

— Ồ, ngài Macgregor chung thủy! Stuart không phải một tên họ mà người ta phải xấu hổ. – Alan trả lời.

— Tôi không biết là ngài đã đến quê hương tôi. – Robin nhắc.

— Theo ý tôi, tôi đã đến quê hương của những người bạn tôi, những người Maclaren. – Alan nói:

— Ngài đã động vào một điểm tế nhị thì cần phải nói vài lời. Tôi nghe thấy hình như kiếm của ngài đã hỏng.

— Ngài Macgregor, nếu ngài không điếc chắc ngài đã nghe nhiều hơn. – Alan nói – Tôi không phải là người biết dùng kiếm duy nhất ở Appin. Khi người họ hàng và thủ lĩnh là Ardshulr của tôi chỉ cách đây vài năm “làm việc” với một người mang họ của ngài, tôi đã nghe thấy rằng những người dòng họ Macgregor đã thua.

— Anh định nói cha tôi à? – Robin hỏi.

— Tôi không lấy làm ngạc nhiên là người mang họ Macgregor mà tôi vừa nói lại có ý muốn tôi tặc là treo cổ một tên Campbell kèm cái tên của anh ta.

— Cha tôi là một người già cả. – Robin đáp lại – Cuộc đấu không cân sức. Còn tôi, hai chúng ta sẽ là một đối tượng tuyệt vời hơn.

— Tôi cũng nghĩ vậy. – Alan nói.

Liền đó tôi đã nhảy ra khỏi giường và Duncan tới gần hai con gà chọi để can thiệp khi cần thiết. Sau những lời trên có nghĩa là cầm lấy gươm, bây giờ hoặc không bao giờ nữa. Mặt trắng bệch, Duncan nhào vào giữa hai người.

— Các ngài, – Ông ta nói – tôi hình dung một cuộc đấu hoàn toàn khác cơ. Đây là cái kèn túi của tôi và hai ngài đây là hai nhà quý tộc Scot, hai nhà chơi nhạc có tiếng. Từ lâu người ta đã tranh cãi ai trong số hai người thổi kèn giỏi hơn. Bây giờ là cơ hội tốt nhất để phán xử cơ hội này.

— Bây giờ, thưa Ngài, – Alan nói, mắt vẫn không giây phút nào rời Robin – bây giờ thưa Ngài, tôi cũng đã nghe đồn như vậy. Ngài có yêu bà âm nhạc như dân gian nói không?

— Tôi có thể thổi kèn như con chim hót. – Robin hét lên.

— Đó là một ý kiến liêu lĩnh. – Alan nói.

Duncan vội vã lấy một cái kèn túi là vật báu của anh ta và đưa cho hai người đang cãi lộn. Sau đó anh ta cài trước mặt khách một món đùi cừu và rượu ngon pha bằng Whisky lâu đời trộn với mật ong và kem ngọt, các thành phần theo thứ tự được cho vào ly với một lượng tương ứng, trộn lẫn với nhau và đánh cho lên bọt.

Vừa mới là sự bất hòa giữa hai người đối địch, bây giờ họ ngồi hai bên cái nồi đang được đun trên bếp lò và trở nên lịch sự với nhau một cách hãn hũu.

Maclaren yêu cầu họ dùng thịt cừu và rượu mà vợ anh bưng tới. Anh ta nhắc lại rằng bà Maclaren là người vùng Athole nổi tiếng về pha loại rượu

này nhưng Robin từ chối cả hai với lý do nếu bây giờ anh ta ăn và uống anh ta sẽ mất hơi.

— Về chuyện này tôi phải nói là từ hơn mười tiếng đồng hồ đến giờ tôi chưa ăn gì, thưa ngài. – Alan nói – Và như thế hơi của tôi sẽ tôi hơn là Scot Brose.

— Tôi không muốn có lợi thế so với ngài. – Robin đáp – Ngài hãy ăn và uống đi, tôi sẽ làm theo. Mỗi người ăn một miếng nhỏ đùi cừu hầm và uống một ly rượu. Sau nhiều câu khách sáo, Robin nhận làm người đầu tiên cầm kèn túi và chơi một điệu nhạc nhảy. Sau đó đến lượt Alan.

— Tôi thấy Ngài chơi tốt – và anh cầm lấy kèn từ tay địch thủ. Đầu tiên anh chơi đúng bài như Robin, sau đó chuyển qua những đoạn nhạc mà càng chơi càng sôi nổi, thu hút. Tôi thích bài Robin chơi, còn bài của Alan lôi cuốn tôi.

— Không tồi, thưa ngài Stuart. – đối thủ của Alan nói – Nhưng tôi thấy bài của ngài hơi buồn tẻ.

— Ngài nói gì vậy? – Alan hét lên, mặt đỏ bừng – đó là sự dối trá.

Và anh cầm lấy chuôi kiếm.

— Ngài đã thừa nhận là tôi đã đánh lại ngài về thổi kèn bởi vì ngài đang muốn thay kèn túi bằng thanh kiếm.

— Ngài nói đẹp thật, ngài Macgregor! Trước hết, tôi phản đối sự dối trá này, – Alan nói – cần Duncan làm trọng tài.

— Không cần thiết. – Robin nói – Ngài hiểu biết về chuyện này nhiều hơn bất cứ một anh Maclaren nào ở Balquidder và xứng đáng là một nhạc sĩ giỏi của họ Stuart mà. Hãy đưa cái kèn túi cho tôi.

Alan đưa kèn và Robin chơi lại những bài của Alan, vâng, đã cải tiến một phần. Anh ta đã thuộc chúng một cách đáng ngạc nhiên.

— Ngài cũng biết về âm nhạc đấy. – Alan buồn rầu thừa nhận.

— Bây giờ tự ngài hãy phán xét, ngài Stuart. – Robin nói và chơi các bài đó một lần nữa từ đầu, nhưng đã trang điểm chúng bằng nhiều tình tiết mới, bằng những xúc cảm và những thêm thắt ngoạn mục làm cho chúng hoàn toàn mới mẻ. Anh ta trình diễn đầy tính nghệ thuật làm tôi không dứt ra được khỏi sự ngạc nhiên.

Trong khi nghe, mặt Alan ngày càng đỏ, nét mặt thì ngày càng tối sẫm. Anh ngồi đó cắn vào móng tay, trông như người đang chịu những cay đắng, bất công.

— Dừng lại! – Cuối cùng Alan kêu lên – Ngài biết chơi đấy, chấm dứt ở đây.

Nhưng Robin dùng tay ra hiệu cho anh ngồi xuống và bắt đầu chơi chậm chậm một bản nhạc nhảy trong chiến tranh. Đó là một bài hay. Anh ta chơi tuyệt vời, nhưng đồng thời rõ ràng nó là giai điệu say mê của dân Stuart vùng Appin mà Alan đặc biệt thích. Nhạc vừa vang lên, nét mặt bạn tôi thay đổi ngay và cùng với nhịp điệu bản nhạc Alan ngày càng sống động hơn. Trước khi Robin chơi xong rất lâu, không còn thấy dấu vết giận dữ trên mặt bạn tôi nữa, anh chỉ còn nghe như nuốt những nốt nhạc.

— Robin ơi! – Alan nói khi bản nhạc chấm dứt – Ngài chơi tuyệt vời. Tôi không thể so với ngài. Ngài, bạn thân mến ạ. Ngài hiểu nhiều âm nhạc trên nhiều ngón tay hơn là trong cái đầu tôi. Nhưng mà tôi vẫn nói rằng khi đấu kiếm tôi sẽ hơn ngài. Tôi báo trước cuộc đấu sẽ không cân sức đâu. Ngoài ra, tôi chống lại mưu đồ giết hại một người chơi nhạc hay như vậy.

Thế là chấm dứt xung đột. Họ thay phiên nhau uống rượu của Maclaren và thối kèn đến sáng. Rất lâu trước lúc trời sáng và Robin nghĩ đến chuyện chia tay thì cả ba người đàn ông đã khá say rồi.

Tôi không gặp lại Robin nữa và khi anh ta bị ra tòa và chém đầu ở Edinbaorgh thì tôi đang học ở Hà Lan. Tôi đã kể khá tỉ mỉ chuyện này vì đó là sự kiện quan trọng cuối cùng ở cao nguyên, có ý nghĩa lịch sử vì như đã nói Robin đã phải ra tòa và bị xử tử sau đó.

Chương 26:

CHẤM DỨT CUỘC CHẠY TRỐN – CHÚNG TÔI VƯỢT FORTH

Đang giữa tháng tám, thời tiết tuyệt vời, nắng ấm báo hiệu một vụ mùa sớm và bội thu. Tôi hoàn toàn bình phục và có thể lên đường.

Số tiền trong túi chỉ còn mức chúng tôi phải nghĩ làm sao đi cho nhanh, bởi vì nếu không nhanh chóng đến chỗ ông Rankeillor ở Queenfery hoặc trong trường hợp tới đó mà ông ấy từ chối giúp đỡ thì chúng tôi có nguy cơ chết đói theo nghĩa đen.

Theo ý kiến Alan thì mức độ sẵn lòng chúng tôi đã giảm đi nhiều và có thể nghĩ rằng sông Forth và chiếc cầu chính Stirling được canh phòng rất đại khái.

— Nếu dính đến quân sự. – Alan nói – Thì điều cơ bản nhất là luôn luôn xuất hiện ở những nơi người ta ít nghĩ đến nhất. Sông Forth là nỗi lo chính của chúng ta. Cậu biết câu tục ngữ: “Sông Forth đặt những kẻ hoang dã nhất trên cao nguyên vào khuôn phép” chứ. Vì vậy nếu ta tìm cách đi quanh vùng bờ sông để sang Kippen hoặc Balfour. Chắc chắn chúng phục kích và tóm ta ở đó. Còn nếu chúng ta đi thẳng qua chiếc cầu Stirling, tôi có thể đánh cược là chúng ta vượt qua an toàn.

Và trong đêm đầu tiên, chúng tôi đã di chuyển tới nhà của một người họ Maclaren, bạn của Duncan, và ngủ suốt ngày ở đó. Hôm ấy là hăm mốt tháng tám.

Đêm đó chúng tôi lại lên đường, vượt qua một đoạn đường ngắn không vất vả lắm. Ngày hăm hai, ban ngày chúng tôi nằm trong bụi thạch thảo, nhìn thấy một bầy hươu trước mặt và ngủ mười tiếng liền dưới ánh mặt trời. Đất ở trong khô cứng như đá, chúng tôi chưa gặp lần nào như vậy trong cuộc hành trình. Đêm hôm sau chúng tôi tới dòng suối Allan Water và đi

xuôi dòng, ở điểm cuối của vùng núi, chúng tôi nhìn thấy đồng bằng Stirling bằng phẳng như cái bánh trứng, ở chính giữa là thành phố, trên một ngọn đồi là lâu đài. Sông Forth lượn quanh co, sóng lên dưới ánh trăng.

— Tôi không hiểu điều này có làm được gì cho cậu không, David, – Alan nói – nhưng bây giờ cậu đã ở quê hương mình rồi đó. Vào khoảng giữa mười hai giờ và một giờ sáng chúng ta vượt qua giới hạn của cao nguyên và nếu bây giờ chúng ta làm được việc vượt qua an toàn dòng nước quanh co dưới kia thì có thể tung mũ lên trời mà kêu to “Hu ra”.

Ở gần chỗ suối Allan Water đổ vào sông Forth chúng tôi tìm được một cồn cát nhỏ mọc đầy cây gai cà độc dược và các loại khác vừa đủ cao, che bảo vệ được chúng tôi khi nằm thẳng trên mặt đất. Chúng tôi nằm đó nhìn vào lâu đài Stirling, từ đó vọng ra tiếng trống hành quân của tụi lính Áo đỏ. Những người cắt cỏ làm việc suốt ngày bên phía bờ này chúng tôi nghe thấy những tiếng chối tai của lưỡi hái chạm vào đá và còn nghe được đôi từ riêng lẻ. Chúng tôi phải nằm thật yên và ngậm miệng. Trên cát được chiếu sáng của hòn đảo rất ấm áp, chúng tôi có đủ thức ăn, thức uống và điều cơ bản là sự cứu sống đang ở trước mặt.

Khi những người cắt cỏ làm xong công việc vừa đi khỏi và buổi tối đang đến, chúng tôi quay lại bờ và đi về phía cầu, nhưng vẫn ở ngoài đồng cách một hàng rào ngăn.

Chiếc cầu nằm ngay dưới chân núi của lâu đài, đã cũ kỹ, hẹp và cao, có lan can tráng kẽm cao đến ngực. Độc giả có thể hình dung tôi đã tò mò quan sát nó như thế nào, không phải nó là một công trình lịch sử gì là vì nó là cái cổng vào cõi cứu thoát đối với Alan và tôi.

Trăng chưa mọc khi chúng tôi tới cầu. Đèn đã thắp lên ở một vài cửa sổ lâu đài. Ở chỗ vào cầu tất cả đều im lặng. Rõ ràng không có lính gác.

Tôi cho rằng mình nên chạy thật nhanh qua nhưng Alan nhắc nhở phải thận trọng:

— Tất cả có vẻ như yên tĩnh, nhưng tốt nhất là ta hãy nấp ở chân cầu cho đến khi hoàn toàn chắc chắn.

Thế là chúng tôi đứng yên, nói thì thầm với nhau rồi lại yên lặng độ một phần tư giờ. Không nghe thấy gì khác ngoài tiếng sóng đập vào chân cầu.

Cuối cùng có một bà già chống gậy đi tới, bà dừng lại rất gần chỗ chúng tôi và than thở về đoạn đường dài đã phải đi qua. Sau đó bà tiếp tục đi lên dốc cầu. Bà già thì nhỏ mà đêm tối đến mức chúng tôi lập tức mất hút bà mà chỉ còn nghe tiếng chân bước tập tễnh và tiếng gậy chống xuống đường, thỉnh thoảng bà lại ho, nhưng tiếng xa dần.

— Bây giờ bà ấy ở bên kia rồi. – Tôi thì thầm.

— Chưa, chưa đâu. – Alan đáp – Tiếng bước chân bà còn nặng nề trên sàn cầu.

Đúng lúc đó có tiếng đàn ông:

— Dừng lại, ai đó?

Chúng tôi nghe tiếng đạn súng hỏa mai rơi xuống đá. Tôi cho là lính đã ngủ và chúng tôi có thể đi qua mà không ai biết. Nhưng bây giờ hẳn đã thức và cơ hội tốt đã qua mất.

— Không thể như thế, David ạ. Không bao giờ trong cuộc sống chúng ta có thể thành công bằng cách đó.

Và không nói một lời anh bỏ quay lại cánh đồng mãi một lúc sau, khi chúng tôi không thể bị nhìn và nghe thấy được nữa, anh mới đứng dậy và đi về phía đồng.

Tôi không hiểu anh định làm gì và tôi cũng thất vọng chua chát là mưu đồ của mình không thành. Chỉ cách đây ít lâu tôi mơ thấy mình đến chỗ ngài Rankeillor thế nào, và như những anh hùng trong sách vở, hỏi tội bác tôi. Bây giờ tôi lại là kẻ đang bị truy nã, một kẻ phạm pháp đang lạc lõng phía bên bờ không đúng chỗ của dòng Forth.

— Bây giờ làm gì đây? – Tôi hỏi.

— Đúng, bây giờ làm gì? – Alan nhắc lại – Tội nó không ngu như tôi nghĩ. Chúng ta phải vượt sông, David ạ. Dòng nước đang cuộn cuộn vì mưa trên núi đổ xuống.

— Tại sao lại đi về phía đông? – tôi hỏi.

— Tìm cơ hội. Nếu không vượt qua được sông, chúng ta phải xem sẽ tiếp tục ở trong vịnh thế nào.

— Đúng, có chỗ cạn, thậm chí có cả cầu nữa, nhưng có ích gì cho ta nếu những nơi đó bị canh phòng.

— Đúng, nhưng ta có thể bơi vượt sông.

— Được, nếu bơi nổi. – Anh trả lời – Nhưng tôi không hiểu hai chúng ta có đủ sức không. Riêng tôi ở dưới nước tôi giống như một hòn đá.

— Tôi không thể trả lời được câu hỏi đó, Alan ạ, nhưng tôi nghĩ nếu vượt sông khó thì vượt biển còn khó hơn.

— Nhưng nếu tôi không nhầm thì ở đó có những thứ tựa như thuyền, – Alan nói.

— Đúng, và cũng có những thứ tựa như tiền, nhưng vì chúng ta không có cả hai thứ nên không cần tìm.

— Cậu nghĩ gì vậy? – Alan hỏi.

— Vâng, tôi nghĩ vậy.

— David, cậu không nghĩ được gì nữa, cậu cũng hơi nản chí rồi đấy. Hãy để tôi suy nghĩ nghiêm chỉnh, nếu tôi không xin hoặc vay tiền hay ăn trộm một cái thuyền thì tôi sẽ làm lấy một cái.

— Tôi đã thấy anh định làm gì, nhưng tôi cũng thấy nếu đi qua cầu chúng ta sẽ không để lại dấu vết gì, còn nếu chúng ta định vượt vịnh bằng một chiếc thuyền, lúc đó chiếc thuyền sẽ ở bên kia, không đúng chỗ, phải có người nào đó đã đem nó đi, thế là cả vùng lại ồn ào lên.

— Bạn trẻ! – Alan kêu lên – Nếu tôi đóng một con thuyền thì tôi cũng tìm được người chèo nó về. Hãy đi tiếp đi và để tôi suy nghĩ, đó là những gì cậu cần làm bây giờ. Việc suy nghĩ hãy để cho một mình bạn Alan Brek của cậu.

Thế là chúng tôi đi suốt đêm qua vùng phía bắc, dưới chân núi Ochil cao ngất, qua nhiều làng xóm khác nhau. Vào khoảng mười giờ sáng, vừa đói,

vừa mới chúng tôi tới một làng nhỏ sát biển từ đó có thể nhìn thấy vịnh Hope và thành phố Queensferry . Từ ống khói ở hai nơi, khói đang bốc lên, cũng như ở các căn lều ngoại vi. Trên đồng mùa gặt đang đến. Có hai con tàu bỏ neo, trên vịnh Hope thuyền bè nhộn nhịp.

Tất cả là một phong cảnh dễ chịu. Tôi nhìn không chán mắt những thung lũng trồng trọt xanh tốt, những con người chăm chỉ trên đồng và dưới mặt nước.

Nhưng trước hết, ngay phía bờ nam đối diện là nhà ông Rankeillor một sự giàu sang cho tôi năm trong đó. Nhưng tôi lại ngồi đây, ở bờ dốc, hoàn toàn đói rách, toàn bộ tài sản còn lại ba đồng xu bạc trong túi, đầu tôi được đặt giá cao và người dẫn đường độc nhất của tôi thì tự do như chim, là một người ngoài vòng pháp luật.

—Ồ, Alan, hãy tưởng tượng xem, ở phía bên kia là tất cả những gì trái tim tôi tôn sùng. Chim bay qua vịnh, thuyền bè đi lại. Nếu ai có hứng, cứ việc qua bên kia. Chỉ có tôi là không, có đáng khóc không?

Trong làng Limekiln, chúng tôi đi tới một quán trọ nhỏ mà ta chỉ nhận ra qua dòng chữ trên cánh cửa. Từ tay một cô gái trẻ, xinh xắn – chắc là người phục vụ – chúng tôi mua bánh mì và pho-mát. Chúng tôi cho hai thức này vào túi xách để ăn ở bìa rừng cách đây chừng một dặm.

Trong lúc đi dọc bờ biển, tôi thờ dãi liên tục, nhìn một cách thèm thồng sang bờ vịnh bên kia. Tôi không thấy là Alan đi bên cạnh đang suy nghĩ căng thẳng. Cuối cùng anh đứng lại:

— Cậu có thấy cô bé không? – Anh hỏi, tay đập vào túi xách – Cô bé bán cho ta những thứ này ấy.

— Tất nhiên, – Tôi đáp – khá đẹp đấy.

— Cậu nghĩ vậy à, David, thật tuyệt vời!

— Vì sao anh sung sướng vậy, cô gái giúp được gì cho ta?

— Cậu biết không, – Alan nói và nhìn tôi láu lỉnh – Tôi nghĩ là cô bé có thể kiếm giúp ta chiếc thuyền.

— Nếu cô ta đang ở một chỗ khác và chúng ta làm cô thích, có lẽ trước hết cô ta sẽ tháo giày.

— Đó là tất cả điều cậu muốn nói? – Alan kêu lên – Tôi không muốn cô bé sẽ yêu cậu, David. Cậu sẽ chỉ làm cô ta buồn. Cô ta không cần nhìn thấy cậu lúc đặc biệt đẹp trai lắm. Để xem. – Anh nhìn tôi chăm chú – Trông cậu hơi tai tái một chút còn thì rất thích hợp cho mục đích của chúng ta: có cử chỉ của người phạm lỗi, trông đói khát, quần áo tả tơi như vừa chui vào một bầy chim ấy. Đi, chúng ta quay lại quán trọ để có thể kiếm được chiếc thuyền.

Tôi cười to và quay lại đi theo anh.

— David Balfour, cậu là một người thích đùa, và bây giờ tôi muốn nói là trông cũng buồn cười. Nhưng bỏ qua chuyện đó, nếu cậu quý cuộc sống, tất nhiên tôi không nói mạng sống của tôi, thì hãy vui vẻ lên và nhận lấy công việc này không quá dửng dưng. Bây giờ tôi sẽ trình diễn một chút bi kịch, nhưng về cơ bản, toàn bộ câu chuyện này nghiêm túc như cái nguy cơ thường xuyên đe dọa chúng ta dưới giá treo cổ. Cậu hãy luôn nghĩ đến điều đó và xử trí đúng chỗ.

— Được thôi, hãy làm theo ý anh.

Khi vừa đến gần nhà trọ, tôi phải tựa vào vai Alan đi như người kiệt sức không tự đi tiếp được. Khi bước vào cửa nhà trọ coi như Alan phải lôi tôi lết vào.

Cô gái có vẻ ngạc nhiên về sự quay lại của chúng tôi. Có rất nhiều lý do nhưng Alan không kể dài dòng. Anh bế tôi đặt vào một cái ghế nệm, xin cô gái một ly rượu mạnh rồi đổ từng hớp nhỏ cho tôi. Sau đó anh bẻ bánh mì và pho-mát thành từng miếng nhỏ và bón cho tôi như cho một em bé. Anh làm vậy với bộ mặt nghiêm trang, lo lắng và thương cảm có thể gây ấn tượng cho vị quan tòa khó tính nhất. Không có gì ngạc nhiên là cô bé thành thật tin ở hình ảnh một cậu bé nghèo, ốm và kiệt sức và một người bạn thủy chung mà chúng tôi đã dựng lên. Cô đi tôi, tựa lưng vào chiếc bàn phía sau và hỏi:

— Anh ta làm sao vậy?

Alan nhìn cô gái. Và tôi thán phục với một sự thất vọng diễn rất đạt.

— Anh ta làm sao à? – Anh giận dữ kêu lên – Anh ta đã đi bộ mấy trăm dặm và thường ngủ trong bụi thạch thảo ẩm ướt chứ không phải giường nệm ấm. Cô ấy hỏi cậu ta làm sao ấy. – Anh càu nhàu giận dữ và tiếp tục bón cho tôi.

— Chẳng lẽ anh ta không quá trẻ với một cuộc sống quá nặng nề vậy sao?
– Cô gái hỏi.

— Quá trẻ? – Alan nhắc lại, không quay người lại.

— Nếu anh ta đi ngựa chắc là tốt hơn. – Cô gái nói.

— Tôi biết kiếm được ở đâu cho cậu ta một con ngựa? – Alan kêu lên và giận dữ quay lại phía cô gái – Tôi cần ăn trộm một con à?

Tôi nghĩ sự thô bạo của anh sẽ làm cô sợ. Cô gái cũng yên lặng và thực sự lúng túng. Nhưng Alan hiểu rõ điều anh làm và trải qua nhiều hoàn cảnh đã đạt được sự láu lỉnh cần thiết.

— Ngài không cần nói. – Cô gái nói sau một lúc im lặng – Nhìn vào hai ngài, người ta biết các ngài thuộc giới quý tộc.

— Thế này, – Alan nói, giọng đã dịu đi – ta cứ cho là đúng đi. Nhưng cô có bao giờ nghe thấy là ở đây túi những người quý tộc đầy tiền không?

Cô thở dài khi nghe những lời đó cứ như cô là một mệnh phụ mà phần lớn gia tài thừa kế đã bị người ta tước mất.

— Không, – cô nói, – ngài có lý.

Suốt thời gian đó, tôi bực mình vì cái vai khốn khổ mà mình phải đóng. Tôi ngồi câm lặng nửa xấu hổ nửa buồn cười. Nhưng bây giờ tôi không thể giữ mình lâu hơn, đã nói với Alan là anh cần để tôi yên, tôi đã cảm thấy khỏe hơn. Những lời này lúng búng trong cổ họng vì tôi rất ghét sự nói dối. Nhưng sự lúng búng đó lại giúp cho mục đích của Alan vì cô gái cho rằng cái giọng nghèn nghẹn của tôi là do quá mệt mỏi và bệnh tật.

— Anh ta không có bạn bè à? – Cô gái hỏi với cái giọng pha lẫn nước mắt.

— Cô hỏi anh ta có bạn bè không. – Alan kêu lên – Giá mà chúng tôi tới được chỗ họ, tới chỗ bạn bè giàu có, có giường để ngủ, có thức ăn để thỏa cơn đói, có bác sĩ chữa bệnh cho cậu ta. Đáng nhẽ như thế thì cậu ta không phải lang thang trong đầm lầy và ngủ trong thạch thảo như một kẻ bụi đời.

— Hời cô bé tốt bụng. – Tôi không nói điều này thì tốt hơn – Alan đáp – Nhưng tôi muốn tiết lộ với cô những điều ở đây có thể làm được. Tôi muốn thổi sáo một bài hát.

Sau khi nói vậy, anh cúi trên bàn, thở nhiều hơn là huýt sáo một số giai điệu của bài *Charlie là người tôi yêu*.

— Xì – Cô gái kêu lên và lúng túng nhìn ra cửa.

— Nhưng mà tại sao vậy? – Cô gái hỏi.

— Đúng như vậy. – Alan nói.

— Nhưng anh ấy còn quá trẻ!

— Đủ lớn để – Và Alan lấy ngón tay trở vẽ vòng quanh cổ để nói rằng tôi đủ lớn để có thể mất đầu như chơi.

— Đó thực sự là một điều sỉ nhục! – Cô gái kêu lên hai má đỏ bừng.

— Thực sự là như vậy nếu chúng ta không nghĩ được cách gì đó cứu cậu ta.

Khi nghe Alan nói như vậy cô gái quay người đi ra khỏi phòng để chúng tôi ở lại một mình. Alan vui vẻ vì đã thành công rõ ràng, còn tôi ngược lại, cảm thấy chua chát bị gán là một người Jakobit và bị đối xử như đứa trẻ.

— Alan, – tôi nói – dừng lại đi. Tôi không chơi tiếp bài nói dối này được đâu.

— Nếu không chơi thì làm vậy. Vì nếu bây giờ chuyện vỡ lở thì cậu có thể thu nhặt các mảnh vụn của đời cậu và Alan Bleck là một tử thi.

Khốn nỗi, điều đó lại đúng và tôi chỉ còn biết thở dài. Nhưng nó càng đóng góp vào thành công trong kế hoạch của Alan. Chúng tôi nghe thấy tiếng cô gái chạy như bay quay lại. Cô mang theo một tô cháo thịt và một chai bia mạnh.

— Cậu bé đáng thương! – Cô gái kêu lên khi đặt bát cháo thịt lên bàn. Cô đập nhẹ lên vai tôi như để động viên. Sau đó cô yêu cầu chúng tôi ăn. Chúng tôi không phải trả tiền – Cô nói – vì cái quán này là của cô, đúng hơn là của cha cô. Ông đã đi sang Pihencrieff và ở lại đó suốt ngày.

Cô gái không cần mời lần thứ hai vì bánh mì và pho mát chỉ đủ ăn tạm thôi mà mùi cháo thịt bốc lên ngon quá. Trong khi chúng tôi ngồi ăn cho thỏa đói. Cô gái ngồi bên cạnh và nhìn chúng tôi chăm chú. Hình như cô nghĩ gì đó vì trán cô nhăn lại, tay vuốt đi, vuốt lại dây đai áo choàng.

Sau một lúc, cô nói với Alan:

— Tôi thấy các anh rất cởi mở.

— Đúng. – Alan nói – Nhưng cô thấy không, tôi nhìn thẳng vào người mà tôi nói chuyện.

— Không bao giờ tôi phản lại các anh, nếu có lúc nào đó các anh lo như vậy.

— Không, cô trông không phải loại đó. Nhưng để tôi nói cô sẽ làm gì chứ? Cô sẽ giúp chúng tôi nếu cô có thể...

— Điều đó tôi không làm được, – cô lắc đầu – không, điều đó tôi không làm được.

— Đúng. – Alan nói – Nhưng nếu có thể.

— Xem này, cô bé. – Alan nói tiếp – Chắc chắn ở đây có những chiếc thuyền. Khi đi dọc bờ biển tôi đã thấy ít nhất hai chiếc đang nằm trên cát. Em hãy nghe đây: Nếu trong đêm chúng tôi có thể ngồi trên một chiếc thuyền, chèo qua Lothian với một người đứng dẫn, biết im lặng, người đó sẽ đem thuyền trở lại đây, thì cuộc sống của hai con người sẽ được cứu thoát: của tôi thì chắc, của anh thì hoàn toàn chắc. Nếu không có thuyền thì trời mà

biết với ba đồng xu chúng tôi sẽ dựa vào đâu và làm gì. Chắc chỉ còn chờ giá treo cổ. Hãy nói đi, em có thể phó mặc chúng tôi trong hoàn cảnh như vậy không? Liệu trên giường ấm em có thể yên tĩnh nghĩ đến chúng tôi khi gió trên lò thổi vù vù và mưa đập ngoài cửa sổ? Em có thể ăn ngon bên bếp lò cháy rực khi trong đầu em hiện lên người bệnh khốn khổ này, khi cậu ra đang cắn vào ngón tay trong đầm lầy giữa cơn đói và rét? Và dù bệnh hay khỏe, anh ta phải đi tiếp. Khi dao kề cổ thì anh ta phải lê bước trong mưa trên các nẻo đường quê. Và sau đó, khi cậu ta trút hơi thở cuối cùng trên một đồng đá thì bên cạnh cậu không có ai ngoài tôi ra.

Tôi đã thấy sự xâu xé trong tâm hồn cô gái bởi sự diễn đạt trên như thế nào. Một mặt, cô ta muốn giúp chúng tôi, nhưng mặt khác lại sợ giúp những kẻ làm điều xấu. Vì vậy lúc đó tôi quyết định tham gia vào câu chuyện và làm yên lòng cô bằng một phần sự thật:

— Có khi nào cô nghe đến tên ngài Rankeillor không? Ông ấy sống ở cạnh bến phà Queensferry.

— Anh muốn nói đến người biện hộ phải không? – Cô gái hỏi.

— Cô thấy chưa? Tôi muốn tìm đến người đó. Thế thì cô hiểu chúng tôi không phải những kẻ làm điều xấu. Tôi còn muốn nói với cô nhiều hơn. Mặc dù do sự nhầm lẫn dễ sợ hiện nay tôi đang nằm trong mối nguy hiểm chết người, nhưng vua George không có một thần dân nào trung thành hơn tôi trong toàn cõi Scotland này đâu.

Mặt cô bé sáng lên khi nghe tôi nói những lời này trong lúc mặt Alan tối sầm lại.

— Bây giờ câu chuyện tốt hơn là tôi mong đợi, – cô gái nói – Ngài Rankeillor là một người đáng kính trọng.

Sau đó cô yêu cầu chúng tôi đứng dậy, càng nhanh càng tốt biến khỏi nhà trọ. Chúng tôi cần phải ẩn trong một đám rừng nhỏ cạnh bờ biển.

— Các anh có thể tin ở tôi – cô gái hứa – Tôi sẽ tìm thấy phương tiện và cách đưa các anh sang bên kia.

Sau khi cô nói vậy, chúng tôi không chần chừ một giây nào, lắc mạnh tay cô bé, sự thỏa thuận được nhấn mạnh thêm. Chúng tôi ăn vội chỗ cháo thịt còn lại và rời làng Linekiln để nhanh chóng đến đám rừng. Đám cây này gồm một ít cây cơm cháy, cây gai cùng một ít tần bì non. Bụi cây không đủ rậm để che khuất tụi tôi trước con mắt của những người đi qua, nên chúng tôi không còn cách gì khác là nằm xuống đó thưởng thức thời tiết ấm áp để chịu đồng thời với niềm hy vọng nhanh chóng được ra khỏi nơi này. Chúng tôi suy nghĩ ngay mình phải làm gì sau đó.

Suốt cả ngày chỉ có một lần làm chúng tôi lo lắng khi một nhạc công đi gần đến chỗ chúng tôi, một tên say rượu mũi đỏ mắt lơ đãng, giơ cao một chai Whisky lớn. Anh ta kể cho chúng tôi sự bất công mà chánh án tòa thượng thẩm đã kết tội anh ta. Tất cả chánh án – Theo lời anh ta – đều chơi xấu anh.

Có thể loại trừ là anh ta không hề nghi ngờ hai người đàn ông suốt ngày sợ hãi ẩn náu trong bụi cây và rõ ràng là kẻ lang thang. Càng ở lâu với chúng tôi anh càng hỏi những câu tò mò “từ đâu” “đi đâu” một cách đáng sợ; và sau khi anh ta đi khỏi chúng tôi không có mong muốn gì hơn là có thể biến đi vì rất khó tin anh ta sẽ giữ mồm giữ miệng.

Ngày đã trôi qua ấm áp và vui vẻ như nó bắt đầu và một đêm yên tĩnh đã tới. Trong các hộ nông dân ở trong làng, đèn đã thấp sáng và lại lần lượt tắt đi.

Có lẽ đã hơn mười một giờ đêm và chúng tôi bắt đầu lo lắng, dao động, khi có tiếng chèo khua nước. Chúng tôi nhìn ra và thấy bản thân cô gái chèo một chiếc thuyền. Rõ ràng là vì hoàn cảnh của chúng tôi, cô gái không muốn tin tưởng một người nào khác, kể cả người yêu nếu có. Khi cha vừa ngủ cô gái liền dậy, chèo qua cửa sổ, mượn thuyền của một bà hàng xóm và tự mình đi giúp chúng tôi.

Tôi không biết mình cần phải cảm ơn cô gái thế nào. Nhưng khi tôi lúng búng cảm ơn thì cô gái cũng không ít lúng túng hơn tôi. Cô khuyên chúng tôi không nên mất thời gian và không cần những lời thừa. Sự thành công phụ thuộc vào sự nhanh nhẹn và giữ miệng của chúng tôi. Nói ngắn gọn. Cô gái

đã đưa chúng tôi lên bờ biển Lothian không xa Carridan, khi chia tay cô lắc mạnh tay chúng tôi và quay ngay thuyền về Limekiln trước khi chúng tôi kịp khen ngợi và cảm ơn.

Ngay cả khi cô bé đã đi rồi, chúng tôi cũng không biết nói sao cho đúng vì không có gì so được với hành động đẹp đẽ này. Alan đứng lắc đầu rất lâu trên bãi cát. Cả tôi cũng không tìm được một lời. Cô gái này đã hành động thật nhẹ nhàng và tận tâm làm tôi cảm thấy một cái gì như hối hận và lo sợ. Hối hận vì chúng tôi đã lợi dụng sự ngây thơ của cô, lo sợ vì chúng tôi có thể làm cô lâm vào mối hiểm nguy.

Chương 27:

TÔI TÌM ĐẾN NGÀI RANKEILLOR

Ngày hôm sau chúng tôi thỏa thuận Alan cần ở lại một mình cho đến khi mặt trời lặn. Khi trời tối anh sẽ ẩn trên một cánh đồng gần bờ biển, không xa làng Newhalls. Anh không được nhúc nhích cho tới khi nghe thấy tôi huýt sáo. Lúc đầu tôi đề nghị bài *Ngôi nhà của Airlie* mà tôi rất thích, nhưng Alan phản đối vì bài đó quá quen biết, có thể một anh thợ cày cũng hứng lên mà thổi thì sao. Thay vào đó, anh dạy tôi một vài nhịp một bài của cao nguyên mà từ đó tôi không bao giờ quên và chắc chúng sẽ theo tôi đến lúc chết. Mỗi lần hát lại bài này, tôi lại nhớ lại ngày cuối cùng ấy, nhìn thấy trước mặt Alan đang ngồi trong thung lũng huýt sáo và dùng một ngón tay gõ nhịp trong lúc ánh sáng ban mai đang rõ dần.

Trước khi mặt trời mọc, tôi đã tới đường phố chính của Queensferri. Thị trấn rất đẹp với những ngôi nhà gạch xinh xắn, rất nhiều nhà lợp bằng đá phiến. Nhà hội đồng thành phố trông đẹp mắt, đường phố không được như thế nhưng tôi vẫn thấy xấu hổ bởi quần áo bẩn thỉu của mình.

Khi mặt trời lên cao dần, lửa bếp trong các ngôi nhà được đốt lên, cửa sổ và cửa nhà mở ra và người ta đi ra ngoài đường thì sự ngại ngùng lo lắng của tôi tăng lên. Tôi thấy hình như đất dưới chân không chắc lắm, tôi không có bằng chứng chắc chắn nào cho yêu cầu về quyền lợi của mình thậm chí không có gì chứng minh cho bản thân tôi nữa. Tất cả lung bung vô vọng. Người ta đã lừa tôi một cách thận trọng, tình trạng của tôi hầu như không có lối thoát. Ngay cả khi mọi chuyện sẽ như tôi nghĩ thì cũng cần thời gian để thực hiện yêu cầu của tôi. Nhưng tôi chỉ còn có ba đồng xu trong túi và một người bạn bị săn đuổi cần đi tàu sang Pháp. Là người dẫn đường, tôi không được phép phí thời gian. Trong thực tế, nếu yêu cầu của tôi không được thực hiện thì cái kết cục của hai chúng tôi sẽ là giá treo cổ.

Trong khi tôi lững thững đi và nhận ra dân chúng trên đường và bên các cửa sổ nhìn tôi thiếu tin tưởng ra sao, thấy họ cười với nhau có vẻ coi thường, tự nhiên tôi lại thấy giận dữ. Thật không đơn giản khi nói chuyện với một người biện hộ, nhưng chứng minh cho ông sự đứng đắn của những việc tôi sẽ kể còn khó khăn hơn.

Thật là lạ là tôi dám đến nói chuyện với một người công dân đáng kính như vậy. Tôi thấy xấu hổ khi đứng gần họ vì quần áo bẩn thỉu này. Tôi sợ bị cười khi hỏi tên một người như ngài Rankeillor. Vì vậy mà tôi đi lang thang trên phố tới tận hải cảng, như con chó mất chủ. Tất cả con mắt đổ dồn vào tôi.

Lúc đó khoảng chín giờ sáng, tôi đã khá mệt khi dừng lại trước một ngôi nhà khá sang trọng phía bên đất liền của phố. Đó là một căn nhà với những khung cửa sổ sáng bóng và bồn hoa trước nhà. Tường nhà mới được quét vôi, trước cửa có một con chó đang nằm. Tôi vừa dừng lại trước ngôi nhà yên tĩnh này thì cửa mở và một người đàn ông đi ra nét mặt hồng hào biểu hiện sự thông minh, dễ mến. Ông ta đeo kính và tóc già. Trông tôi khốn khổ đến mức người khác không muốn nhìn tôi lần thứ hai, nhưng ông này bị cái bề ngoài khốn khổ của tôi tác động, đã đi tới và hỏi tôi muốn gì.

Tôi đáp là tôi đến Queenferry vì công chuyện. Ông mỉm cười làm tôi mạnh dạn hỏi liệu ông có thể chỉ cho tôi nhà của ngài Rankeillor được không.

— Ồ, – Ông nói – Đó là ngôi nhà tôi vừa đi ra và rất may chính tôi là người anh nói đến.

— Nếu đúng thế, thưa ngài, tôi xin phép được ngài tiếp chuyện.

— Tôi chưa biết tên cũng chưa biết mặt ngài. – Người biện hộ trả lời.

— Tôi là David Balfour. – Tôi nói.

— David Balfour. – Người biện hộ nhắc lại khá to, ông có vẻ bị bất ngờ – Ngài từ đâu đến, ngài David Balfour? – Ông hỏi và nhìn tôi.

— Tôi đến từ rất nhiều miền không thể tưởng tượng được, thưa ngài. Liệu có tốt hơn nếu tôi được phép kể riêng với ngài?

Ông Rankeillor có vẻ nghĩ ngợi, các ngón tay mân mê môi dưới, hết nhìn tôi lại nhìn xuống bậc thềm. Cuối cùng ông nói:

— Đúng, đó là tốt nhất.

Ông đem tôi vào trong nhà và dặn một người nào đó là suốt buổi sáng nay ông bận việc không tiếp khách sau đó ông dẫn tôi vào một phòng nhỏ đầy sách và giấy tờ, ngồi xuống và bảo tôi ngồi, mặc dù tôi ngồi một cách lo lắng từ chiếc ghế nệm sạch sẽ sang quần áo bẩn thỉu của mình.

— Và bây giờ, – Ông nói – Nếu ngài muốn trình bày một câu chuyện thì ngài hãy kể đi.

Ông nói một câu tiếng La-tinh bảo tôi đừng kể lan man. Tôi đáp lại cũng bằng tiếng La-tinh là tôi sẽ đi ngay vào vấn đề chính.

Ông gật đầu hài lòng. Tất nhiên ông nói câu La-tinh là để kiểm tra tôi. Mặc dù đã cảm thấy vững tin hơn, máu vẫn dồn lên mặt khi tôi nói:

— Tôi nghĩ mình cũng có quyền hưởng tài sản của họ Shaws.

Ông lấy một quyển vở trong giá sách, đặt trước mặt và nói:

— Tiếp tục đi!

Tôi đã bắn mũi tên đi và bây giờ câm lặng.

— Hãy tiếp tục đi, ngài Balfour – Ngài phải nói tiếp ngài sinh ở đâu?

— Ở Essendean, thưa ngài. – Tôi đáp – Ngày mười hai tháng ba năm 1733.

Ông kiểm tra số liệu này trong sổ. Tôi không biết rõ ông muốn gì.

— Cha ngài, mẹ ngài là ai?

— Cha tôi là Alexander Balfour, hiệu trưởng ở Essendean. Tên trước khi đi lấy chồng của mẹ tôi là Grace Pitarrow. Tôi nghĩ rằng gia đình mẹ tôi từ vùng Angus.

— Ngài có giấy tờ tùy thân nào không? – Ngài Rankeillor hỏi.

— Không, thưa Ngài – Tôi nói – Nhưng mục sư ở Essendean, ngài Campbell, có giấy tờ đó và có thể được đưa tới bất cứ lúc nào. Ngài Campbell cũng sẽ chứng thực điều tôi nói. Và tôi không tin là bác tôi có thể chứng minh tôi nói dối.

— Ngài nói ông Ebenezer Balfour à? – Người biện hộ hỏi.

— Vâng.

— Ngài biết ông ta?

— Ông ta đã nhốt tôi trong nhà.

— Ngài đã gặp một người tên Hoseason à? -- Ông tiếp tục hỏi.

— Những việc này đã làm hại tôi, thưa ngài. Bị bác tôi xúi dục, ông ta đã dụ tôi lên chiếc tàu buồm đang đậu ở cảng này và bắt cóc tôi. Tôi đã cùng chứng kiến lần đắm tàu và trải qua hàng trăm bước chông gai thế mà mãi bây giờ tôi mới đến cho ngài được và trong một trạng thái đáng thương như thế này.

— Ngài vừa nói đến vụ đắm tàu. Nó xảy ra ở đâu vậy?

— Ở ngoài mũi nam của đảo Mull. – Tôi đáp – Hòn đảo mà tôi lên được tên là Earraid.

— Như tôi thấy về mặt địa lý anh biết nhiều hơn tôi. Nhưng tôi có thể bật mí với anh là tất cả điều anh vừa kể hoàn toàn phù hợp với những nguồn tin khác mà tôi nhận được. Anh vừa nói là anh bị bắt cóc. Anh muốn nói gì vậy?

— Tôi muốn nói theo nghĩa đen của từ đó. Tôi đang trên đường đi tới nhà ngài thì bị dụ dỗ xuống chiếc tàu buồm *Covenant*, bị đánh một cách thô bạo đến bất tỉnh và nhốt dưới hầm tàu. Tôi chỉ tỉnh lại khi chúng tôi đã ở ngoài khơi. Người ta muốn đem tôi đến các đồn điền ở Carolina nhưng nhờ trời, tôi đã thoát khỏi cái số mệnh này.

— Chiếc tàu buồm mắc cạn ngày hai mươi bảy tháng sáu. – Ngài Rankeillor nhắc sau khi nhìn vào quyển sổ ghi chép – Hôm nay là hai mươi tư tháng tám, một quãng thời gian kha khá, gần hai tháng, một quãng thời gian chắc đã làm người thân của ngài lo lắng lắm. Tôi thú nhận là tôi không thể hài lòng trước khi ngài kể cho tôi nghe về thời gian đó.

— Với tôi, thưa ngài, không có gì khó khăn để giải thích một cách cần thiết về hai tháng đó. Nhưng trước khi kể những gì xảy ra, liệu tôi được biết có phải tôi đang kể cho một người bạn không?

— Ngài quay trong vòng luẩn quẩn rồi. – Ông biện hộ nói – Tôi nhắc lại, tôi chỉ có thể hài lòng nếu biết rõ mọi việc. Nhưng ở tuổi ngài, tốt nhất là nên có lòng tin vì chắc ngài biết câu tục ngữ “chỉ kẻ làm điều xấu mới sợ nó”.

— Nhưng ngài đừng quên là chính sự cả tin của tôi đã gây ra con đường đau khổ cho tôi, rằng chính cái người, như tôi được biết, mà ngài đang đại diện cho ông ta, đã đẩy tôi vào cuộc đời nô lệ này.

Càng ngày tôi càng lấn được đất và chiếm được lòng tin của ông Rankeillor và lên án chuyện này, tôi mỉm cười lúng túng thì ông lại cười thật to.

— Không, không. Chuyện này không đến nỗi tồi tệ thế đâu. Đúng là tôi có nhận biện hộ cho bác anh, nhưng trong lúc anh đang lang thang ở miền Tây đất nước, thì nước đã chảy rất nhiều dưới cầu và nếu tất cả chưa đến tai anh thì cũng không có nghĩa là chúng tôi nói chưa đủ về anh. Vào đúng ngày tàu bị đắm, ngài Campbell đã đến văn phòng tôi và muốn tôi đưa được anh về đây bằng mọi giá. Tại lúc đó tôi hoàn toàn không biết có anh tồn tại trên đời. Nhưng tôi biết cha anh và do chức năng hoạt động của mình. Chúng ta sẽ còn nói về chuyện này. Tôi có tất cả lý do để lo lắng về điều tồi tệ nhất. Ngài Ebenezer công nhận đã nhìn thấy anh và đã đưa cho anh một món tiền kha khá, điều này có vẻ khó tin. Ông ta nói rằng anh muốn đi vào châu lục địa với ý định học xong ở đó, nghe có vẻ tin được và đáng khen. Khi được

hỏi tại sao anh không báo cho ngài Campbell, Ebenezer giải thích là anh có mong muốn khẩn thiết là đoạn tuyệt với quá khứ.

Khi đi sâu vào để hỏi hiện tại anh ở đâu thì ông ta không biết rõ, nhưng cho rằng anh đang ở Leyden. Đó là toàn bộ thông tin của ông ta, tôi hoàn toàn không nghĩ là có ai đó tin ở ông ta. – Ông Rankeillor mỉm cười nói tiếp – Ông ta không hài lòng với những câu chất vấn của tôi nên đã đuổi tôi ra khỏi cửa. Chúng tôi không tiến thêm được bước nào vì mặc dù có những nghi vấn đen tối nhất vẫn chưa có bằng chứng nào chống lại ông ta. Chẳng bao lâu, viên thuyền trưởng Hoseason tới và kể là anh đã bị chết đuối khi chìm tàu. Thế là chấm dứt vụ này. Hậu quả chỉ còn nỗi đau khổ của ông Campbell, với tôi thì tổn ít tiền và một vết nhơ mới của bác anh. Còn bây giờ Ngài Balfour – Ông biện hộ kết luận – Anh đã biết toàn bộ quá trình và anh tự biết có thể tin tôi đến mức nào.

Trong thực tế ông Rankeillor đã kể cho tôi nghe tỉ mỉ hơn nhiều những điều tôi vừa viết. Thỉnh thoảng ông chêm vào một câu với tất cả sự nghiêm túc trong lời nói và cử chỉ làm tôi bỏ hết sự nghi ngại ban đầu. Ngoài ra tôi có cảm giác ông đang đối xử với tôi như một người tin cậy.

— Thưa Ngài, bây giờ khi tôi kể cho Ngài tất cả sự việc đã trải qua, tôi đã phải giao số phận một người bạn tôi vào tay Ngài. Ngài hãy thề với tôi là sự tin cậy đó là thiêng liêng với Ngài. Phần tôi, tôi không đòi hỏi Ngài hứa hẹn gì. Tôi chỉ cần nhìn vào mặt ngài là đủ.

Với tất cả sự nghiêm túc ông ta đảm bảo sự an toàn cần có cho Alan, rồi nói tiếp:

— Đó là sự mở đầu đáng ngại, nếu trong câu chuyện của anh không có gì vi phạm pháp luật thì tôi đề nghị anh cứ nói thoải mái. Nên nhớ rằng tôi là một người biện hộ.

Sau đó tôi kể cho ông từ đầu đến cuối cuộc phiêu lưu của mình; ông nghe chăm chú, kính kéo lên trán, mắt nhắm lại. Nhiều lúc tôi nghĩ ông đang ngủ. Nhưng hoàn toàn không phải như vậy. Như sau đó tôi nhận ra là ông nghe kĩ từng lời và hiểu nhanh một cách đáng ngạc nhiên. Các chi tiết của câu

chuyện đã ăn sâu vào đầu ông làm tôi rất đỗi kinh ngạc, thậm chí cả những tên bằng tiếng Gaelic. Nhưng khi tôi đọc đủ họ tên Alan Breck thì giữa chúng tôi có một cuộc tranh luận đặc biệt. Tên của Alan với vụ giết người ở Appin và cái giá đặt cho cái đầu anh tất nhiên khuấy động toàn Scotland. Vừa nghe tôi nói tên anh, ông biện hộ đứng lên khỏi ghế và mở to mắt.

— Ở vị trí anh, tôi sẽ tránh nhắc đến bất cứ một tên gì, anh Balfour ạ. — Ông nói — Và tất nhiên không nói một lần nào đến tên những người cao nguyên đang chống lại pháp luật.

— Có lẽ tôi đừng nói thì tốt hơn, nhưng đã trót rồi thì tôi có thể tiếp tục.

— Không cần. — Ông Rankeillor đáp — Chắc anh cũng đã nhận ra tôi nghe hơi kém, như vậy không có gì đảm bảo tôi đã nghe thấy cái tên ấy. Chúng ta muốn gọi bạn của anh là ngài Thomson và không cần cần nhắc làm gì. Tôi khuyên anh trong tương lai hãy làm như vậy với tên những người cao nguyên dù họ còn sống hay đã chết.

Việc này cũng làm tôi thích vì thế trong câu chuyện tiếp tục, mỗi người cao nguyên được tôi cho một cái tên rất “đồng bằng”.

— Đúng vậy. — Người biện hộ nói khi tôi kết thúc câu chuyện — Đó là cả một cuốn tiểu thuyết, là bản trường ca *Odysey*. Sau này, khi đã hoàn chỉnh tiếng La-tinh của mình, anh nên viết lại câu chuyện đó, cả bằng tiếng Anh nữa nếu tiếng Anh của anh giỏi hơn. Bản thân tôi thì thích lối diễn tả cổ điển hơn. Anh đã chìm sâu vào cuộc, hoặc như chúng ta vẫn nói, còn có trò gì mà anh chưa tham gia trong cuộc hành hương của mình? Chắc anh phải có sự khôn khéo hiểm hoi khi đi vào hoàn cảnh khó khăn mà như tôi phải công nhận, vẫn giữ được mình tỉnh táo. Cái ông Thomson này hình như là một con người có rất nhiều ưu điểm, có lẽ hơi hiếu chiến một chút, nhưng tốt nhất là sau những chiến tích vừa qua anh ta hãy nhanh chóng lên thuyền trên biển bắc vì, David ạ, con người này có thể đưa anh vào những rắc rối đáng buồn. Chắc chắn anh muốn giữ anh ta bên mình vì anh ta là một người bạn đường chung thủy, nhưng tôi muốn nói là cả hai người không lên quên cái

giá treo cổ. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng, một cách nhân đạo mà nói, thời gian bất hạnh của anh chẳng bao lâu nữa sẽ lùi về quá khứ.

Trong lúc ngẫm nghĩ về cuộc phiêu lưu của tôi, ông nhìn tôi một cách vui vẻ và thiện cảm tới mức tôi không giấu được sự hài lòng của mình. Một thời gian dài tôi đã chỉ tiếp xúc với những người bị săn đuổi, sống ngoài vòng pháp luật. Không biết bao lần phải ngủ ngoài trời trên cao nguyên làm cho cái thực tại được ngồi trong ngôi nhà sang trọng, an toàn, nói chuyện với một người lịch sự... có vẻ cao quý với tôi.

Khi nghĩ đến điều đó, tự nhiên tôi nhìn vào quần áo bẩn thỉu, tàn tạ của mình và lại thấy lúng túng. Nhưng ngài biện hộ cũng đã nhận ra điều đó và đánh giá đúng nó. Ông đứng dậy đi ra cầu thang và gọi người nhà chuẩn bị bữa ăn thứ hai cho ngài Balfour, ông ấy sẽ ở lại ăn trưa ở đây. Sau đó ông dẫn tôi lên tầng trên vào một buồng ngủ, lấy một cái chậu tắm, lược và xà phòng, chuẩn bị sẵn một số quần áo, có lẽ là của con trai ông. Và với một câu chào tạm biệt vui vẻ; ông rời phòng để cho tôi thay đồ.

Chương 28:

TÔI GIÀNH QUYỀN THỪA KẾ CỦA MÌNH

Thế là tôi đã thay đổi bề ngoài của mình tùy sức. Tôi sung sướng khẳng định trước gương là cái cậu ăn mày khốn khổ đã thuộc về quá khứ, một David trước đây đã hồi sinh. Nhưng tôi lại thấy hơi xấu hổ về sự thay đổi này, nhất là về bộ quần áo mượn.

Khi tôi vừa xong, ngài Rankeillor lại tiếp tôi trong phòng khách. Ông chúc mừng tôi về sự thay đổi ngoại hình này và đề nghị tôi lên phòng làm việc của ông.

— Mời ngồi, ngài Balfour. – Ông nói – Bây giờ anh lại giống mình hơn rồi. Để xem tôi có tin tốt lành về cho anh không. Chắc chắn anh sẽ ngạc nhiên về mối quan hệ giữa cha và bác anh, đó là một câu chuyện không bình thường, lời giải thích mà tôi sẽ nói với anh làm tôi đỏ cả mặt vì toàn bộ câu chuyện là một chuyện tình yêu.

— Đúng như vậy à? – Tôi kêu lên – Đó là một sự tưởng tượng mà tôi nghĩ không thể có liên quan đến bác tôi.

— Bác anh, Ngài Balfour ạ, không phải đã luôn luôn là một người đàn ông già khốn khổ, có lẽ hơi lạ với anh, không phải lúc nào ông ta cũng là một người tàn bạo. Không, cũng có lúc ông ta rất dễ chịu và đáng yêu tới mức người ta phải đứng ngậy người trước cửa nhà và nhìn theo ông ta khâm phục khi ông ta cười con ngựa màu hồng đi ngang qua. Tôi đã tận mắt nhìn thấy như vậy và cũng thành thực thú nhận là tôi cũng ghen tỵ với ông ta chút đỉnh vì đó là phản ứng bình thường và tôi là con người bình thường.

— Câu chuyện khó tin thật. – Tôi nói.

— Đúng vậy. – Ngài Rankeillor kêu lên – Tuổi trẻ nhìn người già như vậy. Như ở bác anh còn thêm một chút nữa: Ông ta có đầu óc hiểu động và có triển vọng tốt trong tương lai. Nhưng năm 1717 tự nhiên ông ta muốn

thoát khỏi gia đình nhập vào quân nổi loạn. Cha anh vội chạy theo và tìm thấy ông ta trong một cái hào ven đường và đem về nhà.

Và lúc này xảy ra chuyện là ở hai chàng trai ấy tình yêu đã bùng cháy và lại bởi cùng một người đàn bà.

Ngài Ebenezer, luôn được thán phục, người đáng yêu hơn giữa hai người, chàng trai có ưu thế hơn trong hạnh phúc, tin tưởng chắc chắn ở thắng lợi của mình. Nhưng khi phát hiện ra là đã nhầm thì anh ta bỗng lòng lộn lên như một kẻ bị sỉ nhục. Cả vùng biết chuyện này. Anh ta ốm liệt giường một thời gian và cả nhà khóc than cho hoàn cảnh của anh ta. Một thời gian anh ta phóng ngựa từ quán nọ sang quán kia và than thở về nỗi đau của mình. Cha của anh, David ạ, là một người tốt bụng nhưng quá mềm yếu. Ông coi toàn bộ câu chuyện là rất nghiêm trọng và một hôm ông tuyên bố để cho người yêu được tự do. Nhưng mẹ anh thì không diên rồ như vậy. Anh kế thừa của mẹ lý trí lành mạnh đó, bà ấy từ chối chạy tay người này sang tay người kia. Cả hai anh em quì trước mặt bà và câu chuyện vô nghĩa đó chấm dứt khi bà tống cả hai người ra khỏi cửa. Đó là vào tháng tám năm tôi rời ghế nhà trường. Câu chuyện có thể so sánh với một thiên tình sử.

Nghe ông biện hộ kể, tôi cũng thấy câu chuyện có vẻ ngớ ngẩn, nhưng không thể quên là cha tôi đã tham gia vào đó. Vì thế tôi nói:

— Thưa ngài, tôi cảm thấy sẽ xảy ra một bi kịch thì phải.

— Nhưng mà không, David ạ, hoàn toàn không. Bởi vì bi kịch cần có một điều tiên quyết là một cuộc cãi vã lớn. Nhưng đây chỉ là câu chuyện của một người trẻ tuổi ngu ngốc, được chiều chuộng quá; anh ta không cần gì hơn là sự chăm sóc chu đáo, anh ta phải giữ mức độ. Cha anh thì không nghĩ vậy và kết thúc bài ca là cha anh thừa nhận câu chuyện với người anh trong khi bác anh than thở thảm khốc cho đến lúc giữa hai người có một cái kiểu như một hiệp ước mà tác dụng xấu của nó chỉ vừa mới nhận ra trước đây ít lâu thôi: Một trong hai người có người đàn bà mình yêu còn người kia thì có gia sản. Ngài Balfour, lúc đó người ta tào lao quá nhiều về lòng nhân đạo và sự rộng rãi. Nhưng những chuyện đó phải dẫn đến kết quả tốt đẹp nếu người ta

tìm một người biện hộ và nhờ ông ta như luật pháp đã quy định. Hành động kiểu Don Quichote của cha anh, không kể đến tính không có hiệu lực về mặt pháp luật, còn gây ra rất nhiều điều bất công ghê gớm. Cha và mẹ anh sống và chết trong nghèo khổ cơ cực, bản thân anh cũng phải lớn lên trong một hoàn cảnh hạn chế, việc học hành cũng vậy. Nhưng những người tá điền của gia đình Shaws cũng phải chịu đựng sự vô lý đó và tôi cũng phải nói thêm là cái đó đem lại sự đau khổ thế nào cho Ebenezer!

— Tôi thấy, điều đáng ngạc nhiên nhất trong toàn bộ câu chuyện – Tôi nói – là làm sao bản chất một con người có thể thay đổi đến như vậy.

— Đúng. – Ngài Rankeiilor đáp – Nhưng tôi vẫn cho rằng đó là tất yếu. Chắc ông ta thấy rõ trong câu chuyện này ông ta đóng một vai trò không đẹp. Tất cả những ai biết chuyện này đều quay lưng lại ông ta, còn ai không biết rõ câu chuyện trước đó và bây giờ đưa cháu con người em thì mất tích còn người anh kia tiếp thu gia sản thì gọi đó là vụ giết người. Thế là Ngài Ebenezer bị mọi người né tránh. Qua việc buôn bán này ngoài sự giàu có ông ta không được gì khác và điều này giải thích rằng ông ta đã đánh giá quá cao sự giàu có của mình. Còn trẻ tuổi mà ông ta đã ích kỷ, về già tính ích kỷ này phát triển không thể tưởng được. Và cuối cùng, đó là kết quả của những cử chỉ lạ lùng và tình cảm lạnh nhạt mà anh cảm thấy ở ông ta.

— Bây giờ, thưa ngài, hoàn cảnh tôi thế nào trong bối cảnh đó? – Tôi hỏi.

— Gia tài tất nhiên cũng thuộc về anh. – Người biện hộ trả lời – Những điều trước đây cha anh đã ký kết không có giá trị về pháp lý. Anh là người thừa kế độc nhất. Nhưng mà bác anh đủ khả năng chiến đấu cho chuyện ngược lại. Có thể ông ta sẽ tìm cách nghi ngờ anh có phải là David Balfour không. Một cuộc xử án luôn tốn kém và nếu lại kiện một người họ hàng thì luôn gây bức mình. Nếu mà lộ ra quan hệ giữa anh và bạn anh, chúng ta gọi anh ta là Ngài Thomson, người ta có thể kết luận là anh tự bày đặt ra. Ngược lại việc bắt cóc anh qua Hoseason sẽ có ý nghĩa với chúng ta nếu ta đưa ra được bằng chứng. Nhưng để có được bằng chứng sẽ khó khăn đây. Vì thế tôi khuyên anh và bác anh nên thỏa thuận, có thể làm thế này. Để ông ta ở lại căn nhà họ Shaws, nơi ông ta đã sống hăm năm năm rồi, còn anh thì bằng

lòng với một số tiền nào đó. Tôi nói với ông biện hộ là tôi sẵn sàng nhượng bộ và tất nhiên tôi không thích đưa một xì-căng-đan của gia đình ra công chúng. Và tôi suy nghĩ về mặt đại thể xem kế hoạch sắp tới như thế nào.

— Tôi thấy điều quan trọng nhất là buộc tội ông ta đã bắt cóc tôi. – Tôi nói.

— Chắc chắn như vậy nhưng nếu được thì không nên cần tòa án. Thế thì chắc chắn chúng ta sẽ tìm được một thủy thủ trên tàu *Covenant* sẵn sàng tuyên thệ rằng người ta đã dùng vũ lực giữ anh ở trên tàu như thế nào. Nhưng ở ghế nhân chứng, chúng ta không còn tác động gì được vào lời khai và thế nào cũng có vài lời về ngài Thomson mà anh không muốn nói lên ở đó.

— Vâng, thưa Ngài. Tôi nghĩ câu chuyện có thể như vậy...

Và tôi trình bày cho Ngài Rankeillor kế hoạch của mình.

— Điều này làm tôi thấy cần phải... làm quen với cái ông Thomson này – Ông Rankeillor nói.

— Tất nhiên điều đó tôi không từ chối.

— Ồ, trời ạ – Ông kêu lên và xoa vào thái dương – Ô, trời ơi, tôi sợ là như thế kế hoạch của anh không thực hiện được. Tôi không muốn nói điều gì phản lại bạn anh. Tôi không thấy có gì bất lợi về anh ta nếu tôi biết ít nhiều, anh hãy nhớ là nghĩa vụ của tôi là phải ra lệnh bắt anh ta, tôi muốn là để anh quyết định tôi có nên gặp anh ta không. Anh ta có thể có nhiều điều bí ẩn, có lẽ anh ta không nói thật với anh tất cả, có thể tên anh ta chẳng phải là Thomson đâu, vì những người loại này đọc bất cứ một cái tên nào bên đường như người khác đọc tên một loài cỏ vậy.

— Điều này ngài sẽ tự quyết định lấy, thưa ngài – Tôi nói.

Nhưng chắc kế hoạch của tôi làm ông thích vì ông ngồi suy tư cho đến tận lúc chúng tôi được mời đi ăn trưa có bà Rankaeillor cùng dự. Khi bà vừa lui vào để hai chúng tôi uống rượu một mình, ông biện hộ lại nói ngay về đề nghị của tôi: Tôi và anh bạn Thomson của tôi sẽ gặp nhau khi nào, ở đâu?

Tôi có tin chắc ở sự im lặng của bạn tôi không? Nếu chúng tôi thành công trong việc khuyên con cáo già Ebenezer thỏa hiệp, tôi sẽ đồng ý với một sự trao đổi chứ? Bị ngắt quãng bởi những lúc yên lặng, trong đó ông nhìn chăm chăm về phía trước và nghĩ ngợi căng thẳng, ông đặt rất nhiều câu hỏi như vậy trong lúc vừa thưởng thức rượu vang. Sau khi tôi trả lời tất cả, hình như ông hài lòng, ông càng suy tư hơn thậm chí không động đến ly rượu nữa. Sau đó ông lấy một tờ giấy và bút chì. Khi viết ông có vẻ cân nhắc từng chữ. Xong ông rung chuông sai cô hầu gọi thư ký đến.

— Torrance, – ông nói khi thư ký vào – Đến tối nay văn bản này cần viết xong. Khi nào xong tôi yêu cầu anh hãy chú ý và sẵn sàng tháp tùng anh này và tôi vì có lẽ chúng ta cần anh làm nhân chứng.

— Cái gì, thưa ngài? – Tôi kêu lên khi người thư ký vừa ra khỏi phòng – Ngài thật sự muốn đến đó à?

— Vâng, có lẽ như vậy. – Ông nói và lại rút đầy ly – Nhưng bây giờ chúng ta không muốn nói gì về công việc nữa. Ánh mắt của người thư ký gợi tôi nhớ lại một câu chuyện cách đây vừa một năm. Với một ý nghĩ ngu ngốc tôi đã hẹn với Torrance ở ngã tư Edinborough. Mỗi người chúng tôi đi một đường, khoảng bốn giờ chúng tôi lại gặp nhau. Torrance uống quá mức khát một ly và không nhận ra chủ mình nữa. Và tôi thì quên kính và coi như bị mù và như vậy, lấy danh dự mà nói, tôi không nhận ra người thư ký lâu năm của mình.

Kể xong, người chủ nhà của tôi cười như nắc nẻ.

Tôi cũng cho đó là một cuộc hẹn hò đáng nhớ và cũng cười vì lịch sự. Nhưng trước sự ngạc nhiên của tôi, ngài Rankeillor luôn luôn quay lại chuyện không quan trọng ấy và kể lại cho tôi với những chi tiết mới, lần nào cũng cười vang vang, làm cho tôi băn khoăn thậm chí xấu hổ vì cử chỉ như hề đó của ông già.

Vào thời điểm hẹn với Alan, tôi lên đường. Ngài Rankeillor và tôi khoác tay nhau, người thư ký đi sau một vài bước, văn bản để trong túi và sách trên tay một cái làn đậy kín.

Lúc đi qua thị trấn, ông biện hộ luôn phải quay sang hai bên chào người quen, luôn bị những người đi qua giữ lại để thông báo những chuyện của thị trấn và của cá nhân.

Tôi thấy rõ ông có một vai trò quan trọng ở đây.

Cuối cùng chúng tôi cũng ra khỏi thị trấn, đi dọc theo cảng đến nhà trọ của Hawes và bến phà, nơi bắt đầu nỗi bất hạnh của tôi. Tôi không thể không xúc động khi tới gần nơi này. Bao nhiêu người cùng tôi lúc đó bây giờ không còn nữa.

Ransonen, tôi hy vọng cậu đã đổi cuộc sống khốn khổ lấy cái tốt hơn – Còn Shuan đã trôi về đâu? Tôi không ngần ngại nghĩ về số phận ông ta. Và những thủy thủ khốn khổ cùng đắm với con tàu! Tôi đã vượt qua, đã thoát chết khỏi bao nhiêu nguy hiểm một cách may mắn và tôi chỉ có thể cảm ơn Chúa mà thôi.

Tôi đang nghĩ đến tất cả cái đó thì bỗng nhiên ngài Rankeillor thò tay vào túi, bắt đầu cười vui và kêu to:

— Nếu sau những gì tôi đã kể cho anh thì đây không phải là chuyện vui chính. Tôi đã bỏ quên kính ở nhà!

Chỉ bây giờ tôi mới hiểu ra tại sao ông kể tỉ mỉ cho tôi câu chuyện thời xưa ấy. Tất nhiên kính của ông đã được để ở nhà có chủ tâm để ông có thể tiếp nhận yêu cầu của Alan nhưng sau này không cần nhận ra anh. Và tất nhiên đó là một ý tốt vì cứ cho là câu chuyện có lúc sẽ trở nên nghiêm trọng, ngài Rankeillor cũng không thể xác định bạn tôi là ai và không thể làm gì bất lợi cho tôi. Nhưng trước khi thấy mình quên kính thì ông đã nhận ra nhiều người và nói chuyện với họ khi chúng tôi đi trên đường phố Queensferry. Tôi không bao giờ nghi ngờ là không có kính ông vẫn nhìn tốt.

Vừa đi qua nhà trọ Hawes – Tôi đã nhận ra ngay ông chủ của hãn đang đứng ở cửa, ngậm cái tẩu và tôi ngạc nhiên là ông ta không già đi chút nào. – Thì Ngài biện hộ thay đổi thứ tự đi: Ông ta cùng Torrance ở phía sau và tôi đi trước làm trinh sát. Tôi vượt qua gò đất và từng lúc một, huyết sáo điệu

nhạc đã thỏa thuận cho đến lúc tôi sung sướng nghe thấy lời đáp và nhìn thấy Alan đứng sau một bụi cây.

Sau một ngày ở lại một mình trông anh thật mệt mỏi, rã rời. Ngoài một bữa rất khiêm tốn, anh không có gì ăn nữa. Nhưng khi nhìn thấy tôi trong bộ quần áo mới, mặt anh sáng lên và sau khi nghe tôi nói là câu chuyện của chúng tôi có cơ hội tốt và anh sẽ đóng vai trò gì thì sự thay đổi hạnh phúc diễn ra, anh trở nên tỉnh táo.

— Một ý nghĩa tuyệt vời của cậu. – Anh phấn khởi nói – Cậu không tìm đâu được người hơn Alan Breck để thực hiện ý đồ này đâu. Bất cứ một người nào khác đều không có ích gì cho cậu, việc này cần một người sắc sảo. Nhưng cậu không thấy là ông biện hộ của cậu suốt ruột làm quen với mình à?

Tôi vẫy tay gọi ngài Rankeillor. Ông tới một mình từ chân đồi. Khi ông đứng trước mặt chúng tôi, tôi giới thiệu bạn tôi, anh Thomson.

— Tôi rất sung sướng làm quen với ngài, thưa ngài Thomson. – Người biện hộ bắt đầu – Rất tiếc là tôi quên kính ở nhà và người bạn chung của chúng ta, anh David, sẽ xác nhận với ngài điều đó. – Khi nói ông đập tay thân mật vào vai tôi – Không có nó hầu như tôi bị mù và ngài sẽ phải bỏ quá cho nếu ngày mai tôi không nhận ra ngài trên đường phố.

Có vẻ bị xúc phạm, Alan nói:

— Thưa ngài, tôi cho rằng ngài không cần nói về chuyện đó vì chúng ta gặp nhau ở đây chỉ là để tìm cách làm sao ngài David Balfour có lại quyền lợi của mình. Còn thì chúng ta không có nhiều điều quan tâm chung đâu. Tất nhiên tôi rất muốn nhận sự xin lỗi của ngài chỉ vì ngài xuất phát từ ý đồ tốt.

— Ngài Thomson thân mến, đó là điều quá mức tôi mong đợi – Ngài Rankeillor nhiệt tình đáp lại – Và vì chúng ta là những người thực hiện chính trong vụ này, nên trước hết chúng ta cần bàn từng chi tiết của nó. Để làm việc này, tôi đề nghị ngài chìa tay cho tôi cầm vì do trời tối lại không có kính, tôi có thể lạc đường. Còn Ngài David, ngài có thể nghỉ thoải mái ở chỗ

Torrance tôi chỉ muốn nói trước là không cần thiết để anh ta biết cụ thể hơn về những chuyện phiêu lưu của ngài và... của ngài Thomson.

Thế là Alan và người biện hộ đi lên trước bàn luận sôi nổi, còn tôi và Torrance đi sau một đoạn.

Trời đã tối khi chúng tôi đến nhà họ Shaws. Chắc đã quá mười giờ lâu rồi. Đêm tối và yên tĩnh, gió nam nhè nhẹ. Ngay cả đến khi sát nhà, chúng tôi cũng không thấy chút ánh sáng nào.

Bác tôi có vẻ đã ngủ rồi, điều đó rất thuận lợi cho ý đồ của chúng tôi. Khoảng cách năm mươi foot trước nhà, chúng tôi thì thầm nhắc lại với nhau toàn bộ sự việc. Sau đó ngài biện hộ, người thư ký và tôi lách sát vào nhà, ẩn trong một góc kín và khi chúng tôi đã ổn định vị trí quan sát, Alan đi một cách tự tin đến cửa nhà và gõ cửa.

Chương 29: **TÔI VỀ VƯƠNG QUỐC CỦA MÌNH**

Alan phải đập mạnh vào cửa một lúc lâu mà vẫn không nghe thấy gì ngoài tiếng vọng của các cú đập của anh mãi tới khi anh thấy một cánh cửa sổ được mở thận trọng và chắc bác tôi đã rình ở đó. Hình của Alan chắc đã được nhận ra như một bóng đen trên bậc cửa. Ba người làm chứng chúng tôi thì ngoài tầm mắt của ông ta. Không có gì để người sống hợp pháp phải sợ ở ngay nhà mình. Dù vậy ông Ebenezer đã quan sát người khách đêm rất lâu, khi bắt đầu nói, giọng ông ta run run, lo lắng.

— Cái gì vậy? – Ông ta hỏi to – Ai mà còn loanh quanh vào giờ này thế? Những người đứng đắn và tôi cũng vậy, không muốn có chuyện gì với những người sợ ánh sáng. Anh cần gì tôi? Anh hãy cẩn thận, tôi có khẩu súng trường đã nạp đạn đó.

— Chính ngài là ngài Balfour? – Alan hỏi.

Ông ta lùi lại một bước, quan sát trong bóng tối, sau đó nói tiếp:

— Ngài hãy lưu ý đến viên đạn súng trường. Thật là không thoải mái nếu điều đó xảy ra. ngài tìm gì ở đây và ngài là ai? – Bác tôi giận dữ quát.

— Tôi không có ý định gào to, tên tôi ở đây liên quan đến ngài nhiều hơn tôi. Nếu ngài cần biết, tôi có thể chuyển nó thành thơ và nhạc và hát cho ngài nghe.

— Liên quan đến cái gì vậy? – Bác tôi hỏi càng lo lắng hơn.

— Đến David.– Alan nói.

— Ngài nói gì vậy?– Bác tôi hỏi, giọng đã hoàn toàn thay đổi.

— Tôi có cần nói họ tên đầy đủ cho ngài không? – Alan nói.

Một phút im lặng, sau đó chúng tôi nghe thấy Ebenezer nói ngập ngừng:

— Tôi nghĩ là tôi để ngài vào nhà.

— Tôi cũng nghĩ vậy. – Alan đáp – Vấn đề là tôi chỉ theo đúng yêu cầu của ngài. Tôi muốn nói với ngài một chút. Theo ý tôi chúng ta nên nói chuyện ở bậc cửa này. Tôi sẽ nói với ngài ở đây hoặc là không bao giờ! Tốt nhất ngài nên biết tôi cũng cứng cổ như ngài và ngoài ra, ngài đang làm việc với một quý tộc Scot.

Cái giọng tự tin đó làm Ebenezer hoàn toàn lúng túng. Phải một lúc lâu ông ta mới trấn tĩnh được. Sau một lúc im lặng như vô tận, ông ta nói:

— Được rồi, ngài sẽ được như ý muốn.

Cửa sổ được đóng lại không một tiếng động. Nhưng phải một lúc lâu ông ta mới xuống được phía dưới và cần một lúc lâu hơn để tháo chốt mở cửa ra vào. Có thể ông ta đã hồi hận về sự sốt sắng của mình và nỗi lo cứ tăng lên mỗi lần tháo chốt và thanh chắn ngang, cuối cùng chúng tôi nghe thấy cửa mở, bác tôi lách ra ngoài và vì thấy Alan đã lùi lại một hoặc hai bước, ông ta súng cầm tay, đã chiếm chỗ ở bậc cửa.

— Một sự chào đón lịch sự. – Alan nói – Người ta phải nói như vậy.

— Đúng. – bác tôi đáp – Câu chuyện đối với tôi quá nguy hiểm. Tôi phải đề phòng tất cả. Còn bây giờ hình như chúng ta đã hiểu nhau. Ngài hãy nói thẳng, ngài muốn gì?

— Với thái độ thẳng thừng của ngài, – Alan châm biếm – Chắc ngài thừa biết tôi là người cao nguyên. Nơi bạn bè tôi ở năm không xa dao Mull chắc ngài đã nghe đến cái tên này cách đây ít lâu.

Như người ta nói, trên bờ biển đảo Mull có một con tàu buồm bị mắc cạn và một ngày sau, người họ hàng của tôi tìm được một cậu bé thoát khỏi chết đuối. Người họ hàng tôi cứu cậu ta, làm cậu bé đang ngất xỉu tỉnh lại, sau đó cùng một người nữa đem cậu bé phụ thuyền này đến một lâu đài đổ nát. Cậu ta sống ở đó bằng tiền của bạn bè tôi. Các bạn tôi tuy là những người hoang dã, không quan tâm lắm đến luật pháp như những người khác, nhưng khi phát hiện ra cậu bé xuất thân từ một gia đình giàu có. Tên của cháu ngài là Balfour. Họ đã cử tôi đến đây để đàm phán với ngài. Tôi có thể nói ngay,

nếu chúng ta không thỏa thuận được một cách tốt đẹp thì chắc ngài không gặp lại được cậu bé vì bạn bè tôi không phải là những người giàu có.

Bác tôi thở dài:

— Chuyện này có liên quan gì đến tôi? – Ông ta nói – Thăng bé đã hành động tồi. Tôi không thấy có lý do để can thiệp vào.

— Ôi chao! – Alan nói – Tôi thấy ngay ngài muốn gì. Ngài làm như thế câu chuyện không liên quan chỉ là muốn giảm tiền chuộc xuống thôi.

— Không – bác tôi nói – Câu chuyện không liên quan đến tôi và tôi không nghĩ mình sẽ trả tiền chuộc David. Ngài có thể hứa với nó những lâu đài ở Tây Ban Nha nếu ngài muốn.

— Buồn cười thật. – Alan đáp lại – Ngài biết rằng một giọt máu đào hơn ao nước lã. Ma quỷ ạ. Ngài có thể mặc kệ con trai của em ruột mình, thật là một điều sỉ nhục. Nếu ngài làm như vậy và nói loanh quanh, tiếng tăm của ngài thật là bị bôi nhọ.

— Ở đây tôi không được yêu mến lắm. – Bác tôi đáp – Tôi cũng không biết người ta đồn đại cái gì cả, cả tôi lẫn các bạn của ngài. Đó đúng là một sự nhảm nhí, anh bạn ạ.

— Được rồi, thế thì để David gợi ý cho người ta đồn đại.

— Thế là thế nào? – Bác tôi vội vã hỏi.

— Hừm, tôi nghĩ thế này. – Alan nói – Bạn tôi sẽ giữ cậu ta ở đó cho tới khi thấy có thể kiếm được cái gì. Khi biết là không ăn thua, họ sẽ thả cậu ta đi đâu thì đi và không quan tâm chút nào đến cậu ta nữa.

— Với tôi cũng vậy thôi.

— Tôi cũng nghĩ vậy. – Alan nói.

— Sao ngài tin như vậy? – Ebenezer hỏi.

— Thế này, thưa ông Balfour. Theo kinh nghiệm của tôi, câu chuyện có hai mặt của nó: Hoặc là ông yêu David và bỏ chút ít tiền chuộc lại, và như vậy Ngài cũng phải chi tiền để cậu ta ở nguyên chỗ cậu ta bị giam hiện nay.

Vì ở đây có vẻ không là trường hợp thứ nhất thì chắc sẽ là trường hợp thứ hai. Tôi rất sung sướng biết được điều này vì tôi và bạn bè tôi rất cần tiền.

— Tôi không hiểu Ngài nói gì cả.— Bác tôi nói.

— Không hiểu? – Alan hỏi – Thế thì ngài hãy nghe kỹ đây: Ngài không muốn cậu bé quay lại? Thế thì giải quyết cậu ta thế nào? Ngài muốn trả bao nhiêu?

Bác tôi không trả lời, ông ta bắt đầu trên thềm nhà.

— Hãy nghe đây. – Alan nói nhỏ – Ngài biết rõ đang đứng trước một người quý tộc vùng cao nguyên chứ? Tôi mang họ của Hoàng đế và không muốn đứng lâu trên thềm nhà của ngài. Hãy trả lời tôi một cách đứng đắn và trả lời ngay, hoặc là tôi thề với ngọn núi Glancoe, sẽ cho ngài một nhát kiếm.

— Trời ạ! – Ebenezer kêu lên và phải cố gắng để đứng cho vững – Hãy chờ một chút! Ngài làm gì vậy? Tôi là một người già không phải chuyên gia nhảy múa và đã cố gắng tìm cách nói chuyện lịch sự với ngài. Hãy bỏ cách nói thô bạo đi! Đâm thanh kiếm vào người tôi... Ngài quên là tôi có súng à?

— Thuốc đạn chì trong tay Ngài so với thanh kiếm trong tay Alan cũng giống như cuộc thi giữa rùa và thỏ – Người bạn dũng cảm của tôi nói lớn – Trước khi ngón tay run rẩy của ngài chạm được vào cò súng, thì thanh gươm của tôi đã ngậm đến cán trong ngực ngài.

— Điều đó có thể tin được. – Bác tôi thừa nhận, giọng lí nhí – Không tranh cãi về chuyện đó. Bây giờ ngài hãy nói ngài muốn gì? Ngài sẽ được thỏa mãn ý muốn của mình. Tôi không muốn kích động ngài, chúng ta sẽ thỏa thuận được mà.

— Ông bạn, hãy nói rõ ràng: Ông muốn thằng bé sống hay chết?

— Lạy trời. – Ebenezer kêu lên – ông nói gì vậy?

— Cậu ta cần chết hay sống? – Alan nhắc lại.

— Sống, sống. – Lão già luống cuống – Đừng có đổ máu, tôi xin ngài.

— Được rồi. – Nếu Ngài muốn vậy sẽ đắt hơn đấy.

— Đắt hơn! – Ebenezer kêu to – Ngài muốn bàn tay nhúng vào tội ác à?

— Nhảm nhí! – Alan gầm lên – Cả hai đều là tội ác – Nhưng giết cậu ta thì dễ hơn và an toàn hơn. Giờ cậu ta sống sẽ khó hơn, rất khó. Một câu chuyện buồn cười thật.

— Nhưng tôi muốn nó sống. – Bác tôi đáp lại – Tôi chưa làm điều gì tồi tệ. – Ông ta nói dối

— Và tôi muốn bắt đầu từ cách đó để làm vừa lòng một người cao nguyên hoang dã.

— Ngài có một tâm hồn dễ xúc cảm. – Alan châm chĩa.

— Tôi có những nguyên tắc của tôi. – Ebenezer đáp – Nếu cần chi tiền thì chi. Ngoài ra ông đừng quên thằng bé là con trai của em tôi.

— Được rồi. – Alan nói – Bây giờ nói vài lời về giá cả. Tôi rất khó xác định về giá cả. Đầu tiên tôi muốn có vài câu hỏi phụ. Thí dụ: Tôi rất muốn biết khi đó Hoseason đã nhận của ngài bao nhiêu?

— Hoseason? – Bác tôi sợ hãi kêu lên – Ông ta cần nhận được gì và cho cái gì?

— Cho việc bắt cóc David. – Alan đáp.

— Đó là sự dối trá, một sự dối trá trắng trợn. David chưa bao giờ bị bắt cóc trong đời. Ai nói với ngài điều đó là một kẻ nói dối bản thủ.

— Rằng chuyện đó không thành, không phải là lỗi của tôi, của ngài hoặc của Hoseason nếu ta tin được ông ta. – Alan nói.

— Ngài muốn nói gì vậy? – Ebenezer kêu to – Hoseason kể cho ngài nghe à?

— Lão già lỗ bịch ơi, tại sao tôi biết chuyện này? Hoseason và tôi cùng băng làm ăn với nhau. Chúng tôi cùng một băng và chia đôi mỗi đứa một nửa. Bây giờ thì ngài cũng thấy là không có cơ sở gì để nói dối nữa. – Alan nói thêm – Tôi phải nói thật với ngài: Ngài xử sự quá tồi, đã để tay thủy thủ

đó lấn sâu quá vào công việc của gia đình mình. Nhưng bây giờ đã quá muộn. Bây giờ ngài phải đổ vở thôi. Điều quan trọng nhất là Hoseason đã nhận bao nhiêu?

— Chính Ngài nói chuyện với ông ta à? – Bác tôi muốn biết rõ.

— Đó là chuyện của tôi. – Alan lạnh lùng đáp.

— Được rồi. – Ebenezer nói – Tôi không quan tâm đến chuyện ông ta đã nói gì với Ngài. Đó là điều bịa đặt. Sự thật chỉ là: Tôi đã trả ông ta hai mươi bảng, ông ta cần đưa thẳng bé đến Carolina và bán cho các đồn điền ở đó. Tiền thu được Hoseason có thể giữ lấy, đó không phải là tiền từ túi tôi.

— Tôi cảm ơn, ngài Thomson. – Người biện hộ bước ra và nói – Thế đủ rồi! – Và ông nói tiếp vô cùng lịch sự: xin chào buổi tối tốt lành, thưa Ngài Balfour.

— Chào bác Ebenezer. – Tôi nói.

— Thật là một đêm đẹp trời. – Torrance chen vào câu chuyện.

Bác tôi không nói được một lời. Ông ta ngồi trên thềm nhà nhìn chúng tôi, toàn thân bất động như hóa đá.

Alan rất nhẹ nhàng gỡ súng khỏi tay ông ta. Ngài biện hộ giúp ông ta đứng dậy và dìu vào trong bếp. Chúng tôi vào theo. Ông Rankeillor đặt Ebenezer ngồi trên ghế nệm của mình cạnh lò sưởi, người ông ta ngã xuống ghế! Lửa đã tắt, than còn chưa tàn làm sáng lên một chút.

Chúng tôi đứng xung quanh lão già và yên lặng nhìn ông ta. Kế hoạch của chúng tôi đạt quá mức mong đợi và chúng tôi tự hào về kết quả đó, nhưng đồng thời cũng ái ngại cho sự sỉ nhục của người đàn ông già cả này.

— Ngài Ebenezer, – Ngài biện hộ nói – Ngài không nên sụp đổ quá như vậy. Chúng tôi không buộc tội ngài nặng quá đâu. Hãy đưa cho tôi chìa khóa hầm nhà để Torrance xuống lấy một chai rượu vang từ hồi bố ngài còn sống để liên hoan nhân dịp này.

Sau đó ông quay sang tôi, cầm tay tôi và nói:

— Ngài David. Tôi chúc anh hạnh phúc và thành công vì tôi nghĩ anh xứng đáng như vậy.

Quay sang Alan, ông nói vui:

— Còn ngài, thưa ngài Thomson, người đồng liêu của tôi. Ngài đóng vai của mình thật tuyệt vời. Chỉ có một lần tôi nghe không rõ. Tên ngài là gì nhỉ? James, Chiles hay Geogy?

— Tại sao lại phải một trong ba tên đó? – Alan kêu lên và giận dữ đứng dậy như là anh bị xúc phạm vậy.

— Ồ, thưa ngài, ngài đã nhắc đến một tên họ hoàng đế. – Ông Rankeillor đáp – nhưng tôi biết thì chưa có bao giờ tên họ hoàng đế là Thomson cả. Thậm chí cả tiếng tăm của ông cũng chưa đến tai tôi cho nên tôi cho rằng có lẽ nó là tên của ngài.

Với Alan thì đó là một sự xúc phạm tể nhị và tôi thấy anh ta không chấp nhận. Anh không trả lời ông biện hộ lời nào mà lùi về góc nhà bếp và hút thuốc. Chỉ khi tôi đi tới, chìa tay và cảm ơn anh – người tham gia chính vào thắng lợi của chúng tôi – anh mới mỉm cười và chịu quay lại chỗ chúng tôi.

Trong lúc đó, lửa trong lò sưởi đã được thổi lên, nút chai vang đã được mở, từ các kho trong chiếc làn Torrance xách theo, một bữa ăn tối ngon lành được dọn ra. Người thư ký, Alan và tôi ngồi xuống ăn uống, trong lúc ngài Rankeillor và bác tôi sang phòng bên để đàm phán. Họ ở đó suốt cả giờ, cuối cùng đã đạt được sự nhất trí vừa lòng và bác tôi cùng tôi ký vào hiệp ước hai bên.

Ông bác Ebenezer có trách nhiệm chuyển cho tôi hai phần ba lợi tức hàng năm của trang trại của chúng tôi. Đó, một kẻ ăn mày, như trong chuyện cổ tích, đã trở về vương quốc của mình như vậy. Tôi ngả người trên nóc tủ trong bếp để ngủ – một người hành phúc, giàu sang, có tước vị trên đất nước của mình.

Alan, ông Rankeillor và Torrance nằm đầu đó trên giường gỗ, ngủ rất nhanh và ngáy to.

Còn tôi, sau bao đêm ngủ ngon lành ngoài trời trên mặt đất trơ trọi hoặc đá cứng với cái dạ dày lép kẹp và nỗi lo sợ trong tim, bước ngoặt hạnh phúc này của số phận đã xâm lấn tôi mạnh hơn những kỷ niệm đau buồn nhất. Tôi nằm thõn thớt tới sáng nhìn ánh lửa nhảy múa trên trần nhà và dự tính kế hoạch tương lai.

Chương 30: **CHIA TAY VỚI ALAN**

Về phần mình, tôi đề cập đến hạnh phúc, nhưng tôi còn phải đưa Alan, người mà tôi phải chịu ơn nhiều nhất, đến nơi an toàn. Sự nghi ngờ giết người trong vụ James of Glens cũng làm tôi băn khoăn nhiều. Về những chuyện liên quan đến mình hôm sau, tôi đã trút bầu tâm sự với ngài Rankeillor.

Khoảng sáu giờ, trời còn rất sớm, chúng tôi đã đi đi lại lại trước nhà họ Shaws, ngắm những cánh đồng và những khu rừng của bố mẹ tôi và bây giờ là tài sản của tôi. Tôi nhìn phong cảnh, lòng đầy xúc động, tim đập liên hồi.

Trách nhiệm bạn bè của tôi với Alan được ông biện hộ hoàn toàn ủng hộ. Bằng mọi giá ta phải giúp anh rời đất nước an toàn, ông nói. Nhưng còn về vụ James of Glens thì ý kiến chúng tôi khác nhau.

— Ngài Thomson là một việc, còn “chạy” cho bà con của anh James of Glens, lại là chuyện khác. – Ông nói – Tôi không biết chi tiết nhưng tôi tin là một thành viên của giới quý tộc Scot, công tước Argyle có liên quan đến vụ này. Nhưng rõ ràng công tước Argyle không phải là một người quý tộc. Ngài David ạ, nếu anh dính vào chuyện này của ông ta, anh phải biết là có một cách để bác bỏ mọi lời nhân chứng của anh. Người ta sẽ đặt ngay anh vào ghế bị cáo. Lúc đó tình trạng của anh sẽ giống như của người họ hàng ngài Thomson. Phải nghĩ một điều là: một phiên tòa xử theo luật khẩn cấp của cao nguyên về một vụ giết người cao nguyên bằng một tòa án cao nguyên đối với anh là cái giá treo cổ.

Tôi đã nghĩ đến điều đó nhưng không tìm ra cách giải quyết vì vậy tôi đáp lại ông biện hộ với tất cả sự ngây thơ.

— Thế thì, thưa ngài, tôi sẽ đến giá treo cổ, không thể nào khác được.

— Cậu bé yêu mến của tôi. – Ông Rankeillor kêu lên – Hãy làm theo ý chúa điều gì anh thấy là đúng. Tôi thấy xấu hổ rằng mình là một người già đã khuyên anh chọn sự an toàn cho mình và bằng cách đó đi vào con đường sỉ nhục. Tôi rút lại lời khuyên và mong anh tha lỗi cho. Nếu phải làm như vậy, anh hãy để họ treo cổ như một người quý tộc. Không có gì đáng buồn hơn ở trên đời là bị treo cổ vô tội.

— Nhưng không nhiều đâu, thưa ngài. – Tôi đáp.

— Nhiều, nhiều chứ David, cả một bày. Thí dụ, với anh sẽ tốt hơn chục lần nếu ông ta bị treo cổ ở đâu đó như một người đứng đắn.

Sau những lời đó, vẫn còn đang xúc động mạnh, ông biện hộ đi nhanh vào trong nhà. Tôi biết ông rất hài lòng với tôi. Ông ngồi xuống và viết hai bức thư đưa cho tôi và giải thích: – Thư này gửi cho nhà băng của tôi – nhà băng British Linen Company ở Edinboresgh, tôi mở chương mục cho anh. Anh hãy bàn với Ngài Thomson về việc trốn đi của anh ấy, anh ta sẽ biết phương tiện và cách đi. Với chương mục này anh sẽ lập tức có ngay số tiền cần thiết. Tôi biết anh sẽ dùng tiền của mình một cách hợp lý, nhưng trong trường hợp với ngài Thomson thì tôi khuyên anh hãy thật rộng lượng.

Còn cái gì liên quan đến người họ hàng của anh ta, tôi không biết gì tốt hơn là khuyên anh hãy tìm lấy một người bên vực pháp luật cho anh ta, kể cho ông ấy câu chuyện của anh và nhận làm một nhân chứng, liệu ông ta có nhận lời đề nghị của anh không, tất nhiên đó là chuyện khác, có thể nó tùy thuộc vào ý muốn của công tước Argyle. Để anh có thể được tiếp chuyện chỗ luật sư hoàng gia, tôi đã viết sẵn cho anh một bức thư, thư được gửi cho người cùng họ với anh, Ngài Balfour of Pilrig, một người thông thái mà tôi đánh giá rất cao. Luật sư Pilrig cũng có uy tín lớn ở tòa án và có quan hệ tốt với luật sư hoàng gia, Ngài Grant. Nhưng ở vị trí anh, tôi sẽ không kể hết mọi chi tiết cho ông ấy, cũng không nói rõ quan hệ của anh với Ngài Thomson, đó là thừa. Hãy theo gương luật sư, đó là một tấm gương tốt và anh sẽ đạt được điều tốt đẹp nhất. Nếu được Ngài luật sư hoàng gia tiếp thì phải thật thận trọng. Thượng đế sẽ theo sát và cố vấn cho anh trong tất cả chuyện này, David ạ.

Liền đó Ngài Rankeillor chia tay tôi và cùng Torrance đi vội ra bến phà trong lúc tôi và Alan lên đường đi Edinburgh. Khi đi qua con đường dẫn ra cổng và nhà thường trực xây dở dang, chúng tôi dừng lại, quay nhìn ngôi nhà của ông cha tôi. Nó đứng đây, đồ sộ và trơ trọi, không có khói bốc lên và nhìn như không có người ở. Chỉ ở một cửa sổ có một chiếc mũ đội ban đêm đi chuyển đi đi, lại lại, nó làm tôi liên tưởng đến một con thỏ nhô ra khỏi chuồng. Lúc tôi đến nhà họ Shaws lần đầu không có ai đón tiếp tôi một cách vui vẻ cả và không được tiếp nhận suốt thời gian ở đó. Bây giờ, khi tôi lại ra đi ít nhất cũng được nhìn theo.

Alan và tôi đi rất chậm. Chúng tôi không có hứng đi nhanh cũng như nói chuyện với nhau. Chỉ có một ý nghĩ đang ngự trị trong chúng tôi: Khoảnh khắc chia tay sẽ đến. Sự hồi tưởng lại những ngày cùng chung sống với nhau làm chúng tôi buồn rầu. Tất nhiên chúng tôi đã nói về những việc xảy ra, chúng tôi thỏa thuận là Alan sẽ ở lại trong vùng, nay đây mai đó, và chờ đợi ở một chỗ mà mỗi ngày một lần, tôi hoặc người được tôi nhờ có thể bàn bạc với anh. Trong lúc đó tôi sẽ tìm ông biện hộ – một người Stuart Appin mà chúng tôi hoàn toàn có thể tin cậy; ông ấy sẽ kiếm một con tàu và tìm cách để Alan lên tàu bình yên khi bàn xong chuyện này, chúng tôi không có gì để nói với nhau nữa. Thực ra, tôi cũng tìm cách nói đùa với Alan về cái tên mới – Ngài Thomson của anh và Alan chọc lại tôi về quần áo mới và gia sản của tôi, nhưng rồi chúng tôi thấy muốn khóc hơn là muốn cười.

Chúng tôi lên đồi Corstophine và sau đó khi chúng tôi đến một địa điểm mà tiếng dân gian gọi là “Hãy nghỉ ngơi và hãy cảm ơn” và nhìn qua thành phố thấy đầm lầy Corstophine thì dừng lại.

Không nói với nhau một lời nhưng chúng tôi đều biết con đường của chúng tôi phải tách ra ở đây. Alan nhắc lại với tôi một lần nữa những gì chúng tôi đã thỏa thuận, địa chỉ ngài biện hộ, thời gian gặp nhau hàng ngày và tín hiệu đã thống nhất với nhau nếu chúng tôi phải tìm anh. Sau đó tôi đưa cho anh số tiền đang có một hoặc hai đồng bảng mượn của ngài Rankeillor để trong lúc chờ đợi anh không bị đói. Và sau đó chúng tôi đứng yên lặng một lúc bên nhau và nhìn về Edinburgh.

— Tạm biệt nhé. – Alan nói và chìa tay trái cho tôi.

— Tạm biệt. – Tôi nói và xiết chặt tay anh. Rồi tôi vội vã xuống chân đồi.

Chúng tôi không nhìn nhau và cho đến lúc còn nhận ra bóng dáng bạn tôi, tôi không quay lại lần nào. Trong lúc đi về thành phố, tôi cảm thấy cô đơn đến mức muốn ngồi xuống lề đường và khóc to lên.

Gần trưa tôi đến khu chợ, nơi bắt đầu các đường phố của thủ đô Scotland.

Chiều cao của các tòa nhà mười đến mười lăm tầng gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ. Từ cái cánh cổng, dòng người không ngớt đổ ra đường. Hàng hóa trong các tủ kính, sự ồn ào và sự hoạt động làm tôi chóng mặt, ngoài ra còn trăm thứ khác đưa tôi đến một trạng thái như là mê mẩn. Tôi để cho dòng người cuốn đi, cuốn lại và suốt thời gian đó tôi luôn nghĩ đến Alan và cuộc chia tay của chúng tôi. Mặc dù những hình ảnh mới làm tôi xúc động, trong lòng tôi có cái gì đó như là sự ân hận cay đắng phải rời bỏ Alan.

Bỗng nhiên, không chú ý, tôi đứng trước cổng nhà băng British Linen Company.

Notes

[←1]

Davie: tên gọi thân mật của David.

[← 2]

1 zoll = 2,54 cm.

[← 3]

Rượu pân: rượu mạnh pha nước nóng, đường, sữa và chanh.

[← 4]

1 foot = 0,3048 m.

[← 5]

Jakobit: hội viên của câu lạc bộ chính trị được tổ chức rất chặt chẽ ở Pháp.

[← 6]

Gaelic: tiếng của dân thiểu số vùng núi Scotland.

[← 7]

Ell: đơn vị đo chiều dài, bằng 113 cm.

Table of Contents

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Chương 1: CUỘC CHIA TAY

Chương 2: KẾT THÚC CUỘC HÀNH TRÌNH

Chương 3: TÔI LÀM QUEN VỚI BÁC TÔI

Chương 4: TÔI MẮC VÀO MỘT NGUY CƠ LỚN TRONG NGÔI NHÀ
HỌ SHAWS

Chương 5: TÔI CÙNG ÔNG BÁC ĐI RA PHÀ

Chương 6: TÔI THẤY GÌ Ở TRONG VỊNH

Chương 7: TÀU COVENANT OF DYSART RA KHƠI – TÔI Ở TRÊN
BOONG

Chương 8: TÔI CHUYỂN SANG PHÒNG NGỦ

Chương 9: NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÓ DÂY LUNG BẰNG VÀNG

Chương 10: PHÒNG TRÊN TÀU BỊ BAO VÂY

Chương 11: VIÊN THUYỀN TRƯỞNG NHƯỢNG BỘ

Chương 12: ALAN KỂ VỀ CON CÁO ĐỎ

Chương 13: CHIẾC TÀU BUỒM MẮC CẠN

Chương 14: HÒN ĐẢO TRO' TROI

Chương 15: TÔI ĐI QUA ĐẢO MULL VỚI CHIẾC KHUY BẠC CỦA
ALAN

Chương 16: TÔI LỘ BỘ QUA VÙNG MORVEN VỚI CHIẾC KHUY
BẠC CỦA ALAN

Chương 17: CÁO ĐỎ CHẾT

Chương 18: TRONG RỪNG LEHERMORE

Chương 19: NGÔI NHÀ CỦA NỖI SỢ HÃI

Chương 20: CHẠY TRỐN TRONG RỪNG GIỮA NHỮNG VÁCH ĐÁ

Chương 21: HANG ĐỘNG CORRYNAKIEGH

Chương 22: TRONG ĐẦM LẦY

Chương 23: LỒNG CỦA CLUNY

Chương 24: CHẠY TRỐN QUA RỪNG NÚI – CUỘC CÃI VÃ

Chương 25: Ở BALQUIDDER

Chương 26: CHẤM DỨT CUỘC CHẠY TRỐN – CHÚNG TÔI VƯỢT FORTH

Chương 27: TÔI TÌM ĐẾN NGÀI RANKEILLOR

Chương 28: TÔI GIÀNH QUYỀN THỪA KẾ CỦA MÌNH

Chương 29: TÔI VỀ VƯƠNG QUỐC CỦA MÌNH

Chương 30: CHIA TAY VỚI ALAN